

Casey Vale, dựa trên lời kể của một cậu bé 10 tuổi về
các kiếp trước của cậu ấy



**NGÀN
KIẾP**

**ĐÃ
QUA**

THOUSAND LIVES

NGÀN KIẾP LUÂN HỒI. VẠN NỂO NHÂN
DUYÊN. MỘT ĐÍCH ĐẾN

NGÀN KIẾP ĐÃ QUA

--- THOUSAND LIVES ---

*Ngàn Kiếp Luân Hồi. Vạn Nẻo Nhân Duyên. Một
Đích Đến*

TÁC GIẢ:

Được chấp bút bởi ký giả **Casey Vale**, dựa trên lời kể của một cậu bé 10 tuổi về các kiếp trước của cậu ấy.

Copyright © 2025 THE EPOCH MEDIA. Tất cả quyền được
bảo lưu. Không được sao chép.

GHI CHÚ CỦA BAN BIÊN TẬP

Cuốn sách này được chấp bút dựa trên những câu chuyện, sự kiện và bối cảnh có thật. Tuy nhiên, nhằm tôn trọng quyền riêng tư và tránh gây ảnh hưởng đến một số cá nhân, tên nhân vật cùng một số chi tiết nhận diện đã được thay đổi, giản lược hoặc tái cấu trúc dưới hình thức văn học.

Một số đoạn trong sách được kể lại từ góc nhìn cá nhân của người trong cuộc, phản ánh trải nghiệm và nhận thức của riêng họ tại thời điểm đó. Những quan điểm này không nhất thiết trùng khớp với lập trường của THE EPOCH MEDIA.

Về mặt hành văn, tuy Ban Biên Tập đã có những hiệu chỉnh cần thiết, nhưng để tôn trọng nhân vật gốc và giữ được tinh thần cùng sự sinh động của câu chuyện, chúng tôi đã cố gắng gìn giữ tối đa chất mộc mạc và giọng văn nguyên bản của nhân vật.

Ban biên tập



* * *

LỜI GIỚI THIỆU

Cuộc đời của một ký giả, đặc biệt là một người thường xuyên rong ruổi qua những vùng đất xa xôi, tiếp xúc với đủ loại người, thường chứa đựng nhiều bất ngờ. Nhưng cuộc gặp gỡ định mệnh với cậu bé mà từ đây tôi xin phép được gọi bằng một cái tên thân mật – River – đã vượt xa mọi hình dung của tôi về những điều kỳ diệu mà thế giới này có thể ẩn chứa.

Tôi gặp River trong một hoàn cảnh khá tình cờ, tại một thị trấn nhỏ yên bình ở miền Tây nước Mỹ, nơi tôi đang có một kỳ nghỉ ngắn sau một chuyến công tác dài ngày ở châu Á. Cậu chỉ mới mười tuổi, một cậu bé người Mỹ nói tiếng Anh, với đôi mắt sáng và một vẻ trầm tư ít thấy ở lứa tuổi của mình. Gia đình cậu, những người mà tôi có dịp làm quen, là những con người hiền hòa, tốt bụng, và tôi sớm nhận ra họ có một đời sống tinh thần sâu sắc, thực hành một pháp môn tu luyện cổ xưa bắt nguồn từ phương Đông – Pháp Luân Đại Pháp.

Ban đầu, những cuộc trò chuyện của chúng tôi chỉ xoay quanh những điều thường nhật. Nhưng rồi một ngày, khi chúng tôi cùng ngồi ngắm hoàng hôn buông xuống

sau những rừng núi xa, River đột nhiên bắt đầu kể. Những câu chuyện không phải về trường lớp, bạn bè, hay những trò chơi con trẻ. Chúng là những mảnh ký ức sống động, chi tiết đến kinh ngạc, về những kiếp sống đã qua, trải dài từ những nền văn minh tiền sử huy hoàng đến những triều đại lịch sử quen thuộc, thậm chí cả những thế giới vượt ra ngoài Trái Đất.

River kể rằng, nhờ nhân duyên đặc biệt và việc tu luyện từ nhỏ, thiên mục (con mắt thứ ba) của cậu đã được khai mở, cùng với một phần trí huệ, cho phép cậu nhìn thấy các tầng không gian khác và nhớ lại nhiều tiền kiếp của mình. Một điều kỳ lạ mà tôi nhận thấy là, kể từ khi những khả năng này biểu hiện rõ rệt, phong cách nói chuyện của River khi đề cập đến những ký ức tiền kiếp cũng có sự thay đổi. Dù khuôn mặt vẫn giữ nguyên nét trong sáng, hồn nhiên của một đứa trẻ, nhưng lời lẽ của cậu lại trở nên chững chạc, sâu sắc, như thể một người từng trải đang chia sẻ những chiêm nghiệm của cuộc đời. Cậu thường xưng "Tôi" một cách tự nhiên khi kể về những kiếp sống ấy, như thể đang sống lại chính những khoảnh khắc đó. Khi cậu kể, giọng cậu vẫn là giọng của một đứa trẻ mười tuổi, nhưng nội dung và chiều sâu của những câu chuyện lại mang một sự uyên bác và một cái nhìn thấu suốt lạ thường. Cậu có thể nói những đoạn ngôn ngữ cổ mà không ai dạy, mô tả những phong tục, những biến cố lịch sử với những chi tiết mà không một cuốn sách nào ghi lại.

Tôi, một người châu Âu, tuy có chút am hiểu về Phật Pháp và các giáo lý phương Đông, ban đầu cũng không khỏi kinh ngạc, thậm chí có chút hoài nghi. Nhưng càng lắng nghe, càng quan sát sự chân thật trong ánh mắt và thái độ của cậu, sự mạch lạc và nhất quán đến kỳ lạ trong những câu chuyện trải dài qua hàng triệu năm, tôi càng bị cuốn hút. Không có sự khoa trương, không có ý muốn gây ấn tượng. Cậu chỉ đơn giản là kể lại những gì mình "nhớ", những gì mình "thấy" khi thiền định hoặc trong những khoảnh khắc trầm tư yên tĩnh.

Điều đặc biệt là, River luôn đứng từ góc độ của nhân vật mình trong từng kiếp sống để nhìn nhận và đánh giá sự việc. Khi là một vị tướng quân, cậu suy nghĩ như một tướng quân. Khi là một nhà tu hành, cậu mang tâm thái của một nhà tu hành. Và khi là một cố vấn ngoại giao, cậu phân tích vấn đề thuần túy dưới góc độ của một chính trị gia, không hề trộn lẫn những lý giải tâm linh hay nghiệp quả vào những bối cảnh mà nhân vật đó không phải là người tu luyện. Sự rạch ròi này khiến những câu chuyện càng thêm phần đáng tin cậy và sâu sắc.

Sau những buổi trò chuyện đầu tiên đầy bất ngờ đó, và được sự đồng ý chân thành từ cha mẹ của River – những người hiểu rõ sự đặc biệt của con trai mình và cũng mong muốn những câu chuyện này có thể chạm đến những tâm hồn đồng điệu – tôi đã dành khoảng hai tuần để tập trung lắng nghe và ghi chép lại một cách cẩn thận

dòng ký ức của cậu. Ban đầu, tôi chỉ định ghi chép lại cho riêng mình, như một tư liệu quý giá về những điều kỳ diệu. Nhưng rồi, càng nghe, tôi càng nhận ra rằng những câu chuyện này không chỉ dành cho riêng tôi. Chúng chứa đựng những bài học sâu sắc về lịch sử, về nhân quả, về sự lựa chọn giữa thiện và ác, và trên hết, về hành trình vô tận của một sinh mệnh qua các kiếp luân hồi để tìm về nguồn cội.

Cuốn sách này, "Ngàn Kiếp Đã Qua – Thousand Lives", là tập hợp những câu chuyện đó, được ghi lại một cách trung thực nhất từ lời kể của River trong khoảng thời gian đó. Trong suốt quá trình cậu kể, tôi gần như không đặt câu hỏi, chỉ lắng nghe và ghi chép. Vì vậy, độc giả sẽ thấy dòng chảy của câu chuyện gần như là một lời độc thoại của nhân vật chính, người mà chúng ta sẽ cùng đồng hành qua vô số vai diễn, từ một vị tướng quân trong một cuộc chiến tiền sử, một đạo sĩ thời Tam Quốc, một tín đồ theo chân Chúa Giê-su, một Sơn Thần cai quản núi thiêng, một nghệ nhân trên Sao Hỏa cổ đại, cho đến một nhà ngoại giao Mỹ giữa thế kỷ 20, và cuối cùng, là sự hé lộ về nguồn gốc thực sự của cậu – một vị Vương Chủ từ một Thiên Quốc huy hoàng, đã lập thế ước hạ thế để chờ đợi Đại Pháp.

Chương đầu tiên có thể khiến một số độc giả cảm thấy nặng nề, bởi nó kể về những nghiệp báo thảm khốc mà nhân vật chính phải gánh chịu do những tội ác đã gây ra trong một tiền kiếp xa xưa khi chống lại Chân Pháp.

Nhưng xin hãy kiên nhẫn, bởi đó là một phần không thể thiếu của sự thật, của quy luật nhân quả nghiêm minh nhưng cũng đầy từ bi. Từ chương thứ hai trở đi, River, qua những ký ức của mình, sẽ xuất hiện nhiều hơn với vai trò người "quan sát" lịch sử, lý giải các sự kiện và nhân vật dưới góc nhìn siêu thường của một người tu luyện, tập trung vào thiên ý và những bài học ẩn sau các biến cố. Khi có những từ ngữ lạ, như "phó nguyên thần", tôi đã cố gắng thêm vào những giải thích ngắn gọn trong ngoặc đơn theo như sự hiểu biết của mình từ lời giải thích của cậu bé hoặc từ các tài liệu tham khảo.

Mong rằng, qua "**Ngàn Kiếp Đã Qua**", mỗi chúng ta sẽ có thêm một góc nhìn mới về cuộc sống, về lịch sử, và có thể, tìm thấy đâu đó một chút đồng cảm, một chút suy tư cho hành trình của riêng mình.

Casey Vale

THE EPOCH MEDIA

* * *

CHƯƠNG 1: BÓNG TRĂNG TIỀN SỬ

...

Đôi khi, lúc tôi ngồi thiền, hoặc chỉ là những khi thật yên tĩnh, nhìn ra ngoài cửa sổ, những ký ức lại hiện về. Không phải kiểu nhớ hôm qua đã làm gì, hay tuần trước mình chơi ở đâu. Những ký ức này lạ lẫm, chúng từ một nơi nào đó rất, rất xa xưa. Xa đến mức tôi không nghĩ Trái Đất này còn ghi dấu. (Sau này, khi được bố mẹ giải thích, tôi mới hiểu rằng mình đang nhìn thấy những điều đó qua thiên mục, vì lúc bắt đầu được mở thiên mục thì tôi mới khoảng năm tuổi.)

Ký ức đưa tôi về một thời đại cách đây cả trăm triệu năm, vào những thế kỷ cuối cùng của một chu kỳ văn minh vô cùng huy hoàng, nhưng cũng đang đứng trước bờ vực của sự lụi tàn.

Trong những cuộn sử cổ xưa nhất còn sót lại từ thời đó, người ta kể rằng nền văn minh ấy đã từng trải qua một Thời Đại Hoàng Kim rực rỡ. Các bạn hãy thử tưởng tượng, Trái Đất khi ấy mang một dáng vẻ hoàn toàn

khác. Những thành phố không xây bằng gạch đá xám xịt, mà lấp lánh như được dệt bằng ánh sáng, với những ngọn tháp vươn cao thanh thoát. Con người thời kỳ đỉnh cao ấy sống chan hòa với thiên nhiên, trí huệ và đạo đức đều ở một cảnh giới rất cao.

Sử sách ghi lại rằng, vào một thời điểm then chốt, khi chu kỳ văn minh ấy tưởng chừng sắp kết thúc sau khoảng năm ngàn năm tồn tại, một sự kiện vĩ đại đã xảy ra. Một Đấng Tối Cao, người đời sau tôn kính gọi là Sáng Thế Chủ, đã giáng hạ xuống thế gian. Ngài mang theo Đại Pháp – chân lý của vũ trụ – để hồng truyền, cứu độ chúng sinh. Lời giảng của Ngài đã đánh thức hàng trăm triệu người. Họ bước vào tu luyện, tâm tính đề cao, trí huệ khai mở, và nhờ đó, nền văn minh ấy không những không bị hủy diệt mà còn được kéo dài thêm cả mười ngàn năm nữa trong sự huy hoàng chưa từng có.

Trong suốt mười ngàn năm đó, những người tu luyện chân chính theo Đại Pháp đã đạt được những thành tựu phi thường. Mặt Trăng mà chúng ta ngày nay nhìn thấy, theo những gì còn truyền lại, chính là một trong những kỳ công vĩ đại do họ kiến tạo hoặc điều chỉnh. Nó không chỉ là một khối đá, mà là một trung tâm năng lượng, một nơi chốn linh thiêng, một biểu tượng cho trí huệ và năng lực siêu phàm của những người tu tâm hướng thiện. Rồi những đền đài, những công trình kiến trúc đồ sộ, nguy nga còn lưu lại dấu tích, tất cả đều là minh chứng cho

một thời kỳ mà con người và Thần gần gũi, khi Đại Pháp là ngọn hải đăng soi đường.

Nhưng, như chúng ta đều biết, thời gian là một dòng chảy không ngừng. Đến khi tôi, trong một tiền kiếp, được sinh ra, thì mười ngàn năm huy hoàng ấy cũng đã đi đến những năm tháng cuối cùng. Tên của tôi trong kiếp đó, nếu tôi cố gắng phiên âm ra ngôn ngữ của các bạn bây giờ, nó sẽ nghe gần giống như **Arion**. Ngôn ngữ và chữ viết của thời đại ấy rất khác so với những gì chúng ta biết, nên tôi sẽ tạm dùng cái tên Arion này để kể chuyện cho các bạn dễ hình dung nhé.

Khi Arion tôi chào đời, Mặt Trăng vẫn sừng sững trên bầu trời đêm, những đền đài cổ kính vẫn còn đó. Nhưng trong tâm thức của đa số dân chúng, những câu chuyện về Sáng Thế Chủ, về Đại Pháp, về những người tu luyện thần thông quảng đại kiến tạo nên Mặt Trăng, đã dần trở thành những "truyện cổ tích". Giống như bây giờ người ta kể chuyện về chị Hằng Nga, về chú Cuội trên cung trăng vậy. Đẹp để, kỳ vĩ, nhưng xa vời và ít ai còn tin đó là sự thật.

Thời đại của Arion tôi, xã hội đã có sự phân hóa sâu sắc. Một bên là những người vẫn cố gắng giữ gìn đức tin, trân trọng những giá trị tinh thần mà tổ tiên để lại. Một bên, ngày càng lớn mạnh, là những người chỉ tin vào những gì mắt thấy tai nghe, tin vào sức mạnh vật chất,

vào những gì họ có thể nắm bắt và kiểm soát được. Họ là phe duy vật.

Đối với chúng tôi khi đó, những người thuộc thế hệ lớn lên trong bầu không khí ngày càng đậm đặc chủ nghĩa thực dụng, thì những câu chuyện về "Khoa Học Siêu Nhiên" hay "Khoa Học Tâm Linh" của người xưa nghe thật mơ hồ và khó tin. Chúng tôi được dạy rằng, chỉ những gì có thể đo lường, có thể chứng minh bằng thực nghiệm, những công nghệ mà chúng tôi có thể chế tạo và điều khiển, mới là khoa học chân chính.

Dĩ nhiên, chúng tôi cũng có nghe nói, lảng máng đâu đó, rằng vẫn còn một số ít những người tự cho mình là "tu luyện" theo cái gọi là "Đại Pháp" của cổ nhân. Người ta đồn rằng họ có những "thần thông", những "công năng" kỳ lạ, thậm chí có thể tạo ra những "công nghệ siêu nhiên" gì đó mà khoa học của chúng tôi không giải thích được. Nhưng thành thật mà nói, cá nhân tôi, và đa số những người cùng thế hệ với tôi, cũng chưa từng được trực tiếp chứng kiến những điều đó một cách rõ ràng. Với chúng tôi, đó phần nhiều vẫn chỉ là những lời đồn thổi, những huyền thoại được thêu dệt từ một quá khứ xa xăm, hoặc có chăng chỉ là những mảnh khoque tinh vi nào đó mà thôi. Chúng tôi tin vào sức mạnh hữu hình, vào quân đội, vào những vũ khí tân tiến mà phe chúng tôi đang ngày đêm nghiên cứu và chế tạo.

Chính vì vậy, sự suy thoái đạo đức trong khoảng 500 năm cuối của chu kỳ văn minh ấy diễn ra gần như là một điều tất yếu. Khi người ta không còn tin vào Thần Phật, không còn kính sợ những quy luật vô hình của vũ trụ, thì những ràng buộc đạo đức cũng dần trở nên lỏng lẻo. Lòng tham, sự ích kỷ, khao khát quyền lực và hưởng thụ vật chất ngày càng trở nên mãnh liệt.

Những người không thực sự tu tâm, hoặc những người từng tu nhưng ý chí không kiên định, dễ dàng bị những cám dỗ của danh, lợi, tình lôi kéo, xa rời những giá trị truyền thống. Họ bắt đầu đặt câu hỏi, tại sao phải sống khổ hạnh, tại sao phải tin vào những điều không thấy được, trong khi khoa học vật chất có thể mang lại cho họ cuộc sống tiện nghi, sung sướng ngay trước mắt?

Và rồi, từ trong cái nền suy thoái đạo đức đó, tư tưởng duy vật ngày càng lan rộng, không chỉ trong quốc gia của tôi mà còn ở nhiều vùng đất khác. Các nhà lãnh đạo, các nhà tư tưởng của những quốc gia, những thế lực có cùng chí hướng này đã dần liên kết lại, hình thành nên một khối liên minh hùng mạnh – một liên minh của những người tin vào sức mạnh vật chất tuyệt đối. Gia đình tôi cũng là một phần của phong trào đang lên này.

Khối liên minh duy vật đó có mục tiêu rõ ràng: loại bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của những gì họ coi là "tâm linh huyền hoặc" ra khỏi đời sống xã hội, không chỉ trong phạm vi một quốc gia mà trên bình diện rộng lớn hơn.

Họ tuyên truyền rằng con người là chủ nhân của vận mệnh, rằng mọi thành tựu đều do trí tuệ và sức mạnh của con người tạo ra. Họ bài xích những người tu luyện, những người còn giữ đức tin vào Đại Pháp, coi họ là lực lượng cản trở sự "tiến bộ" của xã hội, là mối đe dọa cho trật tự mới mà họ muốn thiết lập.

Bầu không khí trong những năm tháng đó ngày càng trở nên ngột ngạt. Những lời dạy của Đại Pháp, vốn từng được coi là kim chỉ nam, giờ đây bị đem ra chế giễu, xuyên tạc ở nhiều nơi. Khối liên minh duy vật, với những lời hứa hẹn về một "thiên đường trần gian" do con người tự tạo dựng, đã lôi kéo được không ít người, đặc biệt là giới trẻ ở các quốc gia thành viên. Đường lối chung của liên minh rất kiên quyết, thậm chí độc đoán, và các nhà lãnh đạo của khối sẵn sàng dùng mọi biện pháp, kể cả vũ lực, để đạt được mục tiêu của mình.

Đó không chỉ là một cuộc chiến tư tưởng trong lòng một xã hội, mà đã dần trở thành một sự đối đầu trên quy mô lớn hơn, một cuộc chiến giành giật linh hồn của cả một nền văn minh. Và Arion tôi, đã được sinh ra và lớn lên trong một gia đình cốt cán thuộc một trong những quốc gia chủ chốt của khối liên minh duy vật đang trỗi dậy mạnh mẽ đó.

Như tôi đã nói, Arion tôi được sinh ra trong thế kỷ cuối cùng của chu kỳ văn minh mười ngàn năm ấy, một thời điểm mà ngọn lửa của chủ nghĩa duy vật đang bùng lên

manh mẽ. Gia đình tôi thuộc tầng lớp có địa vị trong xã hội, và cha mẹ tôi là những thành viên cốt cán, có ảnh hưởng lớn trong một đảng phái chủ chốt của khối liên minh duy vật.

Ngay từ khi còn rất nhỏ, tôi đã được bao bọc trong một bầu không khí sùng bái vật chất và quyền lực. Những bài học đầu tiên tôi được nghe không phải là những câu chuyện cổ tích về Thần Phật, về lòng từ bi hay đức tin, mà là những bài giảng về sức mạnh của khoa học kỹ thuật, về sự ưu việt của con người, về việc con người có thể chinh phục tự nhiên và làm chủ vận mệnh của chính mình. Tư tưởng vô thần được nhồi nhét vào đầu tôi mỗi ngày. Bất cứ điều gì liên quan đến tâm linh, đến Đại Pháp của người xưa, đều bị coi là mê tín dị đoan, là rào cản của sự tiến bộ. Cha mẹ tôi, và những người xung quanh, thường xuyên bày tỏ sự khinh miệt, thậm chí là căm ghét, đối với những người còn giữ đức tin, những người tu luyện. Họ gọi đó là những "kẻ lạc hậu", "những kẻ mơ mộng hão huyền".

Trong môi trường như vậy, không có gì ngạc nhiên khi tôi lớn lên với một niềm tin sắt đá vào những gì mình được dạy. Tôi coi thường những giá trị tinh thần, và tin rằng chỉ có sức mạnh vật chất, quyền lực quân sự mới là thứ đáng để theo đuổi. Tôi nhìn những di tích cổ xưa, những đền đài mà người ta nói là do người tu luyện xây dựng, không phải với sự kính ngưỡng, mà với một chút tò mò khoa học, cố gắng tìm hiểu xem "kỹ thuật" nào đã

được sử dụng, chứ không hề nghĩ đến khía cạnh tâm linh của chúng.

Có lẽ, bẩm sinh tôi đã có một chút năng khiếu về quân sự. Tôi thích những trò chơi chiến thuật, thích đọc những ghi chép về các trận đánh lớn trong lịch sử (dù chúng thường được diễn giải dưới góc độ duy vật). Thể chất của tôi cũng khá tốt, và tôi sớm bộc lộ khả năng chỉ huy. Cha mẹ tôi, thấy được những khuynh hướng đó, đã rất hài lòng và khuyến khích tôi đi theo con đường binh nghiệp. Với họ, quân đội chính là biểu tượng của sức mạnh, là công cụ để bảo vệ và mở rộng ảnh hưởng của khối liên minh duy vật.

Con đường thăng tiến của tôi trong quân đội của liên minh khá thuận lợi. Tôi gia nhập học viện quân sự từ khi còn trẻ, học tập chăm chỉ, rèn luyện không ngừng. Tôi nhanh chóng nắm bắt các chiến thuật hiện đại, học cách sử dụng các loại vũ khí tân tiến nhất mà phe chúng tôi chế tạo. Với tài năng sẵn có, sự quyết đoán, và cả sự hậu thuẫn từ gia đình, tôi thăng tiến khá nhanh qua các cấp bậc. Những chiến thắng trong các cuộc diễn tập quy mô lớn, hay trong những xung đột biên giới nhỏ lẻ (với những thế lực còn chống đối lại liên minh duy vật), càng làm tăng thêm uy tín của tôi.

Và rồi, khi tuổi đời còn khá trẻ, tôi đã được bổ nhiệm làm chỉ huy một quân đoàn chủ lực – một lực lượng hùng mạnh với quân số lên đến khoảng năm mươi ngàn

người. Đó là một trong những quân đoàn thiện chiến nhất của khối liên minh, và nên biết rằng, toàn bộ khối liên minh của chúng tôi còn có nhiều quân đoàn khác với quy mô tương tự, thậm chí đông hơn, sẵn sàng cho những chiến dịch lớn.

Hãy hình dung về những đạo quân với hàng ngũ chỉnh tề, những khối bộ binh dày đặc với súng hỏa mai và lưỡi lê sáng loáng, những phi đội kỵ binh hùng hậu với gươm giáo trong tay, và những khẩu đội pháo binh hạng nặng được kéo bởi những con tuấn mã cường tráng. Quân phục của chúng tôi được may đo cẩn thận, màu sắc rực rỡ và đầy uy lực, mỗi quân đoàn, mỗi binh chủng lại có những dấu hiệu riêng để phân biệt trên chiến trường rộng lớn. Đối với tôi lúc đó, đó là đỉnh cao của danh vọng, là sự khẳng định cho những nỗ lực và niềm tin của mình. Tôi tự hào về vị trí đó, tự hào về quân đoàn được tổ chức quy củ, kỷ luật nghiêm minh của mình, và hoàn toàn tin tưởng rằng mình đang phụng sự cho một lý tưởng "cao cả" – lý tưởng xây dựng một thế giới do con người làm chủ, một thế giới không còn chỗ cho những "ảo tưởng" tâm linh.

Bầu không khí căng thẳng ấy cuối cùng cũng phải nổ tung. Mệnh lệnh cuối cùng cũng được ban bố từ bộ chỉ huy tối cao của khối liên minh duy vật: một cuộc chiến tranh tổng lực sẽ được phát động. Khẩu hiệu rất rõ ràng và được loan đi khắp nơi: đây là một cuộc chiến để "giải phóng" thế giới khỏi xiềng xích của mê tín, để "khai

sáng" những vùng đất còn chìm trong bóng tối của tâm linh, và để thiết lập một trật tự thế giới mới, nơi con người và khoa học vật chất ngự trị tuyệt đối. Kế hoạch ban đầu của giới lãnh đạo liên minh là một cuộc "đánh nhanh thắng nhanh", dự kiến trong vòng tối đa khoảng sáu tháng sẽ quét sạch mọi sự chống đối và giành thắng lợi hoàn toàn.

Đối với tôi và quân đoàn năm mươi ngàn người của mình, đó là thời khắc mà chúng tôi đã chờ đợi, đã được huấn luyện. Không một chút do dự, không một chút nghi ngờ về tính chính nghĩa của cuộc chiến. Chúng tôi tin rằng mình đang mang lại tương lai, đang đập tan những gì cũ kỹ, lạc hậu.

Quân đoàn của tôi, cùng với nhiều quân đoàn hùng mạnh khác của khối liên minh, bắt đầu cuộc hành quân. Những đội hình bộ binh trùng điệp, những khối kỵ binh uy mãnh, những đoàn pháo binh rầm rộ di chuyển, khí thế ngút trời. Chúng tôi được lệnh tấn công vào một khu vực được coi là trọng yếu của phe duy tâm, một vùng đất mà họ gọi là "Thành Phố Ánh Sáng" – nơi được cho là trung tâm của những người tu luyện và lưu giữ nhiều kinh sách, di sản của Đại Pháp.

Tuy nhiên, cuộc chiến không hề diễn ra dễ dàng như kế hoạch ban đầu. Các quốc gia, các cộng đồng theo tín ngưỡng Đại Pháp, dù quân đội của họ ban đầu không được tổ chức tốt theo kiểu chuyên nghiệp như của chúng

tôi, lại thể hiện một tinh thần chiến đấu vô cùng dũng cảm. Họ không có những đạo quân thường trực đông đảo, nhưng mỗi người dân dường như đều là một người lính, sẵn sàng bảo vệ đức tin và quê hương của mình. Họ chiến đấu rất mưu trí, dựa vào địa hình quen thuộc, sử dụng các chiến thuật du kích linh hoạt, gây cho chúng tôi không ít tổn thất.

Thêm vào đó, sự giúp đỡ âm thầm của một số ít những người tu luyện có "công năng" của phe duy tâm cũng góp phần làm chậm đáng kể bước tiến của chúng tôi. Đường xá mà chúng tôi dự kiến hành quân qua đôi khi sụp đổ một cách khó hiểu. Những cây cầu huyết mạch bị phá hủy tinh vi. Sương mù dày đặc và những trận mưa rào trái mùa bất chợt xuất hiện, cản trở việc di chuyển và hậu cần. Quân đoàn của tôi cũng không ít lần gặp phải những tình huống kỳ lạ, không thể giải thích nổi. Có lần, đang hành quân giữa trưa nắng, đột nhiên gần một nửa số binh sĩ trong đội hình tiên phong lẫn ra ngất xỉu, triệu chứng y như say nắng nặng, dù thời tiết không quá khắc nghiệt. Lần khác, một bệnh dịch lạ bất ngờ bùng phát trong một bộ phận lớn của quân đoàn, lây lan rất nhanh, khiến khoảng mười phần trăm quân số tử vong chỉ trong vài tuần, trước khi các quân y của chúng tôi kịp tìm ra cách khống chế một cách khó khăn. Dù những hành động này không mang tính sát thương trực diện rõ ràng từ một kẻ thù hữu hình, chủ yếu nhằm ngăn chặn và làm

chúng tôi kiệt sức, nhưng chúng thực sự đã gây ra rất nhiều khó khăn và hoang mang ngấm ngấm.

Chính vì sự kháng cự kiên cường và những trở ngại bất ngờ đó, cuộc chiến mà chúng tôi tưởng chừng sẽ kết thúc trong vài tháng đã kéo dài dai dẳng. Phải mất gần ba năm trời, với vô số trận đánh lớn nhỏ, với những tổn thất không hề nhỏ cho cả hai bên, khối liên minh duy vật của chúng tôi mới dần dần chiếm được ưu thế trên toàn bộ các mặt trận. Cái giá của mỗi bước tiến đều được trả bằng máu và sự mệt mỏi.

Và rồi, sau gần ba năm chinh chiến, quân đoàn của Arion tôi, dù đã trải qua nhiều thử thách và hao tổn, cuối cùng cũng đã đến được ngoại vi của "Thành Phố Ánh Sáng". Nhiệm vụ của chúng tôi vẫn không thay đổi: chiếm lĩnh thành phố, tiêu diệt mọi sự chống cự còn sót lại, và phá hủy những biểu tượng của phe duy tâm. Khẩu hiệu "đánh đâu thắng đó" vẫn được hô vang, nhưng bên trong, ai cũng hiểu rằng chiến thắng này không hề dễ dàng.

Cuộc tấn công vào "Thành Phố Ánh Sáng" là trận chiến khốc liệt nhất mà quân đoàn của tôi từng trải qua. Dù phe duy tâm đã suy yếu sau gần ba năm chiến tranh, nhưng sự kháng cự của họ tại đây, tại thành trì cuối cùng này, lại vô cùng mãnh liệt. Họ chiến đấu với một sự quyết tâm đến tuyệt vọng, như thể biết rằng đây là trận chiến định mệnh. Sau nhiều ngày giao tranh đẫm máu,

quân đoàn của tôi, lúc này chỉ còn lại khoảng ba phần năm quân số so với ban đầu, cuối cùng cũng dập tắt được những ổ đề kháng cuối cùng của binh lính đối phương bên ngoài thành phố.

Con đường tiến vào trung tâm thành phố giờ đã rộng mở. Mục tiêu tiếp theo của chúng tôi là một quần thể kiến trúc tôn giáo rộng lớn, một ngôi đền hùng vĩ mà người ta nói là nơi linh thiêng nhất, nơi lưu giữ những tinh hoa của Đại Pháp. Theo tin tình báo, đó cũng là nơi ẩn náu cuối cùng của những người tu luyện và những người dân còn ngoan cố giữ tín ngưỡng.

Khi những cánh cổng khổng lồ của ngôi đền bị phá sập dưới sức mạnh của pháo binh, một cảnh tượng hiện ra trước mắt chúng tôi. Bên trong khuôn viên rộng lớn, trước một bức tượng Phật Chủ khổng lồ, uy nghiêm và từ bi, là hàng trăm người mặc pháp phục của người tu luyện, đang ngồi tĩnh tọa, miệng lầm nhảm những lời cầu nguyện. Xung quanh họ, và phía sau họ, là hàng ngàn người dân thường – già có, trẻ có, phụ nữ, trẻ em – tất cả đều chấp tay, hướng về bức tượng với một vẻ thành kính và phó thác. Không có vũ khí, không có sự chống cự. Chỉ có sự tĩnh lặng của đức tin và tiếng cầu nguyện thì thầm.

Đối với những người lính của tôi, những người đã chiến đấu ròng rã ba năm trời, đã chứng kiến đồng đội ngã xuống, đã thấm nhuần tư tưởng hận thù đối với "kẻ thù

mê tín", cảnh tượng đó không hề gợi lên sự thương cảm. Họ coi đó là sào huyệt cuối cùng của sự "u mê", là những kẻ phải bị tiêu diệt để "thanh tẩy" thế giới.

Mệnh lệnh đã được ban ra từ cấp trên: không để sót một ai. Và quân đoàn của Arion tôi đã tràn vào.

Đó là một cuộc tàn sát.

Tôi đứng trên bậc thềm cao, nhìn xuống. Tôi thấy binh lính của mình, với vũ khí trong tay, lao vào đám đông tay không. Tiếng la hét, tiếng khóc than, tiếng binh khí chạm vào xương thịt, tiếng những thân thể ngã xuống. Máu bắt đầu loang ra trên nền đá trắng của ngôi đền. Những người tu luyện, dù đối mặt với cái chết, nhiều người vẫn giữ được vẻ bình thản, vẫn tiếp tục niệm kinh cho đến hơi thở cuối cùng. Những người dân thường thì hoảng loạn, cố gắng chạy trốn trong vô vọng.

Tôi không trực tiếp ra tay giết hại một người tu luyện nào. Vai trò của tôi là chỉ huy, là đảm bảo "nhiệm vụ" được hoàn thành. Nhưng khi những hình ảnh tàn khốc đó đập vào mắt, khi nghe những tiếng kêu gào thảm thiết đó, một cảm giác lạnh lẽo chợt dâng lên trong lồng ngực tôi. Một thoáng, chỉ một thoáng thôi, một sự trắc ẩn, một ý nghĩ muốn ra lệnh dừng lại, muốn chấm dứt cuộc thảm sát vô nghĩa này, đã len lỏi vào tâm trí tôi. Lương tâm của một con người, dù đã bị che lấp bởi bao nhiêu

năm giáo điều duy vật, dường như muốn cất lên tiếng nói yếu ớt.

Nhưng rồi, cái ý chí sắt đá, cái niềm tin vào "chân lý" duy vật mà tôi đã được hun đúc, đã nhanh chóng dập tắt tia sáng mong manh đó. "Họ là kẻ thù," một giọng nói lạnh lùng vang lên trong đầu tôi. "Họ là rào cản của tiến bộ. Sự hủy diệt của họ là cần thiết cho một trật tự mới tốt đẹp hơn." Tôi nhắm mắt lại một giây, rồi lại mở ra, gương mặt trở nên lạnh lùng, vô cảm. Tôi đã để mặc cho cuộc tàn sát tiếp diễn, cho đến khi không còn một tiếng động nào nữa, ngoài tiếng thở dốc của binh lính và tiếng gió thổi qua những hành lang vắng lặng của ngôi đền giờ đã nhuộm máu.

Ngày hôm đó, quân đoàn dưới sự chỉ huy của Arion tôi đã gây ra một tội ác tày trời. Chúng tôi không chỉ giết hại những sinh mệnh vô tội, mà còn phá hủy một thánh địa, xúc phạm đến Thần Phật. Và cá nhân tôi, dù không trực tiếp vùng gươm, nhưng sự dung túng, sự làm ngo trước tội ác, sự chối bỏ tiếng nói lương tâm dù chỉ là thoáng qua, đã gieo một nghiệp lực khổng lồ mà tôi không thể nào tưởng tượng được vào lúc đó.

Đó chính là tội nghiệp lớn nhất, sâu nặng nhất mà Arion tôi đã mắc phải trong kiếp sống ấy. Một món nợ mà tôi sẽ phải trả bằng những đau khổ không thể nào tả xiết trong vô vàn những kiếp luân hồi sau này.

Sau khi "Thành Phố Ánh Sáng" bị chiếm đóng và "thanh tẩy" theo cách tàn khốc đó, cuộc chiến tranh kéo dài gần ba năm cuối cùng cũng đi đến hồi kết. Khối liên minh duy vật đã giành chiến thắng tuyệt đối trên toàn cõi. Những người còn sót lại của phe duy tâm, nếu không bị tiêu diệt, cũng phải lẩn trốn, sống trong sợ hãi, hoặc bị buộc phải từ bỏ đức tin của mình.

Arion tôi, với "công trạng" chỉ huy quân đoàn chinh phục "Thành Phố Ánh Sáng", đã được tung hô như một người hùng. Tôi được vinh danh, được thưởng hậu hĩnh, và được thăng lên một cấp bậc quân hàm rất cao, có lẽ tương đương với chức Đại tướng trong quân đội của các bạn ngày nay. Danh tiếng của tôi vang dội khắp khối liên minh. Với những thành tích đó, và sự hậu thuẫn từ gia đình cũng như nhiều phe phái quyền lực, tôi được xem là một trong những ứng cử viên sáng giá nhất cho vị trí lãnh đạo tối cao của toàn bộ lực lượng quân sự của liên minh – một chức vụ tương tự như "Bộ trưởng Quốc phòng" – trong nhiệm kỳ sắp tới. Mọi thứ dường như đang rộng mở trước mắt tôi, một tương lai quyền lực và vinh quang tột đỉnh.

Tôi đã gần như chắc chắn rằng mình sẽ nắm giữ vị trí đó. Mọi sự sắp đặt, mọi cuộc vận động hành lang dường như đều đã ngã ngũ. Nhưng, cuộc đời thật trớ trêu. Ngay trước thời điểm quyết định bổ nhiệm chính thức được công bố không lâu, một "tai nạn" bất ngờ đã xảy ra.

Hôm đó, tôi đang trên đường trở về từ một cuộc họp quan trọng ở một thành phố khác. Xe ngựa của tôi di chuyển khá nhanh. Trời đột nhiên đổ một cơn mưa lớn, sấm chớp dữ dội. Khi xe đi qua một đoạn đường núi hiểm trở, trơn trượt, không hiểu vì sao, những con ngựa bỗng nhiên hoảng loạn, lồng lên dữ dội. Chiếc xe mất kiểm soát, chao đảo rồi lao thẳng xuống một vực thẳm sâu hun hút.

Cảm giác cuối cùng của tôi trong kiếp Arion là sự kinh hoàng tột độ khi thân thể rơi tự do, rồi một cú va chạm kinh thiên động địa, và bóng tối bao trùm.

Mãi sau này, khi đã ở trong kiếp sống hiện tại này, nhờ tu luyện Đại Pháp mà thiên mục được khai mở, tôi mới nhìn lại được sự thật của "tai nạn" đó. Đó không phải là một tai nạn ngẫu nhiên. Đó là một âm mưu ám sát được sắp đặt một cách tinh vi bởi một đối thủ chính trị khác trong khối liên minh duy vật, một kẻ cũng đang nhòm ngó chiếc ghế "Bộ trưởng Quốc phòng" mà tôi sắp có được. Hắn ta đã mua chuộc người đánh xe, và có lẽ cả những người có trách nhiệm kiểm tra an toàn cho lộ trình của tôi.

Thật nực cười phải không? Tôi, người đã gây ra bao nhiêu tội ác nhân danh "lý tưởng" duy vật, cuối cùng lại chết dưới tay của chính những kẻ đồng chí hướng, cũng vì tranh giành quyền lực và lợi ích vật chất. Cái chết đó,

dù đau đớn và tức tưởi, có lẽ cũng chỉ là sự khởi đầu cho chuỗi ngày trả nghiệp bất tận của tôi.

Cái chết bất ngờ của tôi dưới vực thẳm đã đặt dấu chấm hết cho một kiếp sống đầy tham vọng và tội lỗi của Arion. Nhưng trước khi "tai nạn" đó xảy ra khoảng một tuần, những tin tức cuối cùng từ các mặt trận xa xôi cũng đã được báo về. Khối liên minh duy vật đã hoàn toàn chiến thắng. Tất cả các quốc gia, các vùng lãnh thổ còn sót lại của phe duy tâm đều đã bị bình định. Những người tu luyện, những người còn giữ vững đức tin vào Đại Pháp, gần như đã bị tiêu diệt hoặc bị bắt bớ, giam cầm, buộc phải từ bỏ con đường của mình. Cuộc chiến kéo dài gần ba năm cuối cùng đã kết thúc bằng sự thống trị tuyệt đối của phe duy vật. Chúng tôi đã "thành công" trong việc xóa sổ một thế giới quan, một đức tin đã tồn tại hàng ngàn năm.

Trong những ngày cuối cùng đó, ngay khi chiến sự vừa lắng dịu, một sự kiện kỳ lạ, một cảnh tượng mà đến giờ nghĩ lại tôi vẫn còn cảm thấy rùng mình, đã xảy ra. Một đêm nọ, bầu trời quang đãng, Mặt Trăng tròn và sáng vàng vạc. Đột nhiên, tôi và rất nhiều người khác ở thủ đô đã chứng kiến một điều không thể tin nổi. Mặt Trăng, cái khối cầu khổng lồ mà cha ông chúng tôi truyền lại là do người tu luyện kiến tạo, bắt đầu từ từ di chuyển, lệch ra khỏi quỹ đạo quen thuộc của nó. Ban đầu chỉ là một sự xô dịch nhỏ, nhưng rồi nó càng lúc càng nhanh hơn, rõ ràng hơn. Nó không rơi xuống, cũng không va chạm vào

bất cứ thứ gì. Nó chỉ đơn giản là đang rời đi, bay ra xa khỏi Trái Đất. Chúng tôi đứng đó, sững sờ, kinh hãi, nhìn quả cầu bạc ấy nhỏ dần, nhỏ dần, cho đến khi nó chỉ còn là một chấm sáng le lói rồi biến mất hoàn toàn vào sâu thẳm của vũ trụ.

Không ai trong chúng tôi, những người theo chủ nghĩa duy vật, có thể giải thích được hiện tượng đó. Các nhà khoa học của chúng tôi cố gắng đưa ra những giả thuyết về lực hấp dẫn, về quỹ đạo, nhưng tất cả đều vô nghĩa trước sự thật hiển nhiên: Mặt Trăng đã bỏ đi. Mãi sau này, khi thiên mục được khai mở, tôi mới biết rằng đó không phải là một hiện tượng tự nhiên. Đó là một cuộc di tản vĩ đại. Một nhóm những người tu luyện Đại Pháp có đạo hạnh cực cao, những người đã nhìn thấy trước sự suy vong không thể tránh khỏi của nền văn minh và sự bại hoại của nhân tâm, đã dùng thần thông đưa một bộ phận những người tu luyện chân chính còn sót lại – ước chừng vài vạn người – cùng với những tinh hoa văn hóa và hạt giống của sự sống lên Mặt Trăng.

Sau này, bằng thiên mục, tôi nhìn thấy rõ hơn những gì đã xảy ra. Mặt Trăng đó, từ bên ngoài trông như một khối cầu đá đặc, nhưng thực chất bên trong nó lại rỗng. Nó được kiến tạo vô cùng phức tạp, như một thế giới thu nhỏ, với nhiều tầng, nhiều khu vực khác nhau. Có những vùng đất màu mỡ để nuôi trồng các loại cây lương thực và thảo dược quý, có những khu vực dành cho việc chăn nuôi các loài vật mang theo. Thậm chí, họ

còn có một loại công nghệ đặc biệt, một hệ thống bí mật có thể tạo ra một trường lực nhân tạo, duy trì trọng lực và bầu khí quyển ổn định bên trong, giống như những gì các bạn thấy trong các bộ phim khoa học viễn tưởng ngày nay vậy. Toàn bộ cấu trúc bên trong đó được thiết kế để duy trì một hệ sinh thái hoàn chỉnh, đủ để cho hàng vạn người có thể sinh sống và tồn tại trong một hành trình dài giữa các vì sao.

Và những người tu luyện đó đã dùng thần thông quảng đại của mình, điều khiển Mặt Trăng, biến nó thành một con tàu vũ trụ khổng lồ, một chiếc "arche" của cả một nền văn minh, rời khỏi hệ Mặt Trời, tìm đến một nơi an toàn khác để bảo tồn dòng dõi và hy vọng.

Sau khi Arion tôi chết do "tai nạn" xe ngựa không lâu, có lẽ chỉ vài ngày, một thảm họa còn kinh hoàng hơn đã giáng xuống. Vì tôi đã chết, nên những gì xảy ra tiếp theo là do sau này tôi quan sát lại được bằng thiên mục. Khi Mặt Trăng, với những người tị nạn trên đó, đã rời xa khỏi hệ Mặt Trời, dường như không còn gì để níu giữ sự cân bằng của hành tinh nữa. Nghiệp lực khổng lồ do toàn bộ chúng sinh trong nền văn minh đó tạo ra, đặc biệt là tội ác tày trời của phe duy vật khi chống lại Đại Pháp, đàn áp người tu luyện, đã đến lúc phải thanh toán.

Tôi thấy các vị Thần, những Đấng Bảo Hộ của vũ trụ này, những người mà phe duy vật chúng tôi từng cười nhạo và phủ nhận sự tồn tại của họ, đã ra tay... Không phải để

cứu vớt, vì mọi thứ đã không còn có thể cứu vãn. Họ dùng thần thông vĩ đại của mình, gây ra những biến động địa chất kinh hoàng, những trận đại hồng thủy, những vụ nổ núi lửa khủng khiếp. Và cuối cùng, để thanh tẩy hoàn toàn, họ đã cho nổ tung chính Trái Đất của chu kỳ văn minh trước đó. Toàn bộ nền văn minh, với tất cả những thành tựu khoa học vật chất, những tội ác và những tham vọng, đã bị xóa sổ hoàn toàn, không còn một dấu vết.

Điều kỳ diệu là, Mặt Trăng, con tàu cứu thế bất đắc dĩ đó, sau nhiều năm, có lẽ là mấy chục năm theo cách tính của chúng ta, trôi dạt và chu du qua nhiều vùng không gian xa xôi với một tốc độ không thể tưởng tượng, cuối cùng, khi một Trái Đất mới đã được các vị Thần tái tạo lại từ những gì còn sót lại của vũ trụ cũ, khi một chu kỳ văn minh mới chuẩn bị bắt đầu, nó lại được dẫn dắt quay trở về, trở thành vệ tinh của hành tinh này, tiếp tục sứ mệnh âm thầm của mình.

...

Còn linh hồn của Arion tôi, sau cái chết thảm khốc đó, đã mang theo một khối nghiệp lực đen ngòm, nặng trĩu. Tôi bắt đầu hành trình đền tội của mình, một hành trình kéo dài qua luân hồi qua vô số kiếp sống, trong những cảnh giới tối tăm và đau khổ nhất.

Đó là lúc tôi bắt đầu những kiếp làm lợn, làm chó.

...

Sau cái chết của Arion, linh hồn tôi chìm vào một bóng tối vô tận, mang theo khối nghiệp lực khổng lồ từ những tội ác đã gây ra. Tôi không biết mình đã trôi dạt trong trạng thái đó bao lâu, chỉ cảm thấy sự lạnh lẽo, cô độc và một nỗi sợ hãi mơ hồ. Rồi, một lực hút mạnh mẽ kéo tôi đi, và khi ý thức dần trở lại, tôi thấy mình đã ở trong một hình hài hoàn toàn khác.

Đó là kiếp làm lợn. Không phải một lần, mà là bảy lần liên tiếp.

Ký ức về những kiếp sống đó, ngay cả bây giờ nghĩ lại, vẫn khiến tôi rùng mình. Hãy tưởng tượng, từ một vị Đại tướng chỉ huy hàng vạn quân, một người sắp nắm giữ quyền lực tối cao, giờ đây tôi chỉ là một con vật bốn chân, sống trong một cái chuồng bẩn thỉu, hôi hám. Mọi suy nghĩ, mọi tham vọng của Arion dường như đã bị xóa sạch, chỉ còn lại những bản năng cơ bản nhất: đói, khát, và một sự sợ hãi mơ hồ luôn thường trực.

Tôi nhớ cảm giác bị nhốt trong những cái chuồng chật chội, ẩm ướt, nền đất lúc nào cũng nhớp nháp phân và nước tiểu. Thức ăn của chúng tôi là những thứ cặn bã, thừa thãi mà con người vứt đi, đổ vào một cái máng gỗ cái bẩn. Chúng tôi tranh giành nhau từng miếng ăn, ủi vào nhau, kêu eng éc một cách thảm hại. Không có phẩm

giá, không có sự lựa chọn. Chỉ có sự tồn tại lay lắt qua ngày, chờ đợi một kết cục không thể tránh khỏi.

Nỗi đau đớn nhất không chỉ là sự dơ bẩn hay đói khát. Đó là sự bất lực, sự u mê. Thỉnh thoảng, trong những khoảnh khắc ngắn ngủi, một tia sáng ký ức mờ nhạt từ kiếp Arion lại lóe lên trong đầu tôi – hình ảnh những bộ quân phục lộng lẫy, những trận địa uy nghiêm, những lời tung hô. Nhưng rồi nó nhanh chóng vụt tắt, để lại một sự hoang mang, một nỗi thống khổ không thể gọi tên. Tôi là ai? Tại sao tôi lại ở đây? Không có câu trả lời. Chỉ có cái thân xác nặng nề, chậm chạp, và sự vô tri của loài vật.

Và rồi, cái ngày định mệnh ấy cũng đến. Tôi nhớ cảm giác bị lôi ra khỏi chuồng một cách thô bạo. Tiếng kêu la eng éc của đồng loại, sự hoảng sợ tột độ. Rồi lưỡi dao lạnh buốt, và một con dao xé trời. Kết thúc một kiếp. Rồi lại bắt đầu một kiếp khác, cũng trong hình hài một con lợn, cũng trong một cái chuồng bẩn, và cũng kết thúc bằng một cái chết đau đớn như vậy. Bảy lần, lặp đi lặp lại.

Nhưng có một kiếp làm lợn đặc biệt, một kiếp mà tôi không bao giờ có thể quên được, dù nó chỉ là một thoáng nhận thức ngắn ngủi trước khi chết.

Trong kiếp đó, cũng như bao kiếp lợn khác, tôi bị nuôi trong một cái chuồng tồi tàn. Rồi một ngày, người chủ

trại lôi tôi ra, trói chặt bốn chân, chuẩn bị làm thịt. Lúc đó, khi cái chết đã cận kề, khi con dao sắc lạnh của người đồ tể sắp sửa đưa xuống, một điều kỳ lạ đã xảy ra. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, không biết bằng cách nào, ký ức về kiếp làm tướng quân Arion đột nhiên hiện về rõ mồn một trong đầu tôi. Tôi nhớ lại tất cả: những cuộc chinh phạt, những mệnh lệnh tàn khốc, và cả khuôn mặt của những người tu luyện mà tôi đã ra lệnh sát hại trong ngôi đền năm xưa.

Và rồi, tôi ngược nhìn người đồ tể đang đứng trước mặt mình. Một sự kinh hoàng đến tột cùng xâm chiếm lấy tôi. Tôi nhận ra ông ta! Khuôn mặt ấy, ánh mắt ấy, dù đã nhuộm màu thời gian và khổ cực của một đời người, nhưng tôi không thể nào nhầm lẫn được. Đó chính là một trong những người tu luyện mà quân lính của tôi đã giết chết trong cuộc thảm sát ở "Thành Phố Ánh Sáng"!

Trong thân xác một con lợn, tôi không thể nói, không thể làm gì khác ngoài việc run rẩy. Một sự hối hận muộn màng, một nỗi sợ hãi không thể tả xiết trào dâng. Tôi cố gắng vùng vẫy, cố gắng làm một điều gì đó để van xin. Bằng một nỗ lực phi thường, tôi đã gượng người lên, cố gắng quỳ bằng hai chân trước, hai chi trước chấp lại như đang van lạy, miệng phát ra những tiếng kêu eng éc thảm thiết, hy vọng người đồ tể kia có thể hiểu được, có thể tha cho tôi.

Nhưng ông ấy, người đồ tể ấy, có lẽ chỉ thấy một con lợn đang hoảng sợ trước khi chết. Ông không thể nào biết được rằng, bên trong cái thân xác bẩn thỉu đó, là linh hồn của kẻ đã từng gây ra cái chết cho ông trong một tiền kiếp. Ánh mắt ông vẫn lạnh lùng. Lưỡi dao vẫn được đưa xuống.

Tôi chết trong sự tuyệt vọng cùng cực, trong nỗi kinh hoàng và sự hối hận tột độ. Khoảnh khắc nhận ra người đồ tể ấy, và sự bất lực khi không thể làm gì để thay đổi số phận, đã khắc sâu vào linh hồn tôi một vết sẹo không bao giờ phai mờ. Đó là một bài học nghiệt ngã về luật nhân quả, về sự công bằng tuyệt đối của vũ trụ. Gieo gió, ắt gặt bão. Mọi tội ác đều phải trả giá, không sớm thì muộn, không cách này thì cách khác.

Bảy kiếp làm lợn, mỗi kiếp là một sự đọa đày, một sự tẩy rửa tội lỗi trong đau khổ và tủi nhục...

...

Sau bảy kiếp làm lợn đầy đau khổ và tủi nhục, tôi tưởng chừng như đã chạm đến đáy của sự đọa đày. Nhưng hành trình trả nghiệp của Arion vẫn chưa kết thúc. Tiếp theo đó là mười lăm kiếp tôi phải mang thân chó.

Mười lăm lần, tôi lại được sinh ra trong một hình hài khác, vẫn là một con vật bốn chân, nhưng có lẽ linh hoạt hơn một chút, và có những mối quan hệ phức tạp hơn

với con người. Kiếp làm chó mang đến những nỗi khổ khác nhau, những bài học khác nhau, nhưng chung quy lại, vẫn là sự bất lực, sự phụ thuộc, và sự nếm trải những cung bậc cảm xúc đa dạng của loài vật.

Tôi nhớ có một kiếp, tôi là một con chó vô chủ, lang thang trên những con phố bẩn thỉu của một thành phố đông đúc. Mỗi ngày là một cuộc chiến để tìm kiếm thức ăn thừa, để tránh những trận đòn roi của những kẻ độc ác, để tìm một xó xỉnh nào đó qua đêm mà không bị lạnh cóng. Tôi đã nếm trải sự đói khát đến là người, sự sợ hãi khi bị xua đuổi, và sự cô độc đến cùng cực.

Lại có một kiếp khác, tôi được một gia đình nghèo khó ở một vùng quê hẻo lánh nhận nuôi. Họ cũng chẳng dư dả gì, nhưng họ chia sẻ với tôi những gì họ có. Tuy nhiên, cuộc sống cũng không hề dễ dàng. Người chủ, có lẽ do cuộc sống quá cơ cực, thường xuyên trút giận lên tôi. Tôi nhớ những trận đòn vô cớ, những ngày bị bỏ đói chỉ vì một lỗi nhỏ nhặt nào đó mà tôi không hề cố ý. Tôi nhớ những đêm đông tuyết giá, khi tôi bị bắt ngủ ngoài hiên, run rẩy trong cái lạnh cắt da cắt thịt, nhìn vào trong nhà qua khe cửa, thấy ánh đèn ấm áp và tiếng cười nói của họ, mà lòng cảm thấy một nỗi tủi thân không thể tả. Dù bị đối xử tệ bạc, nhưng bản năng của loài chó vẫn khiến tôi trung thành, vẫn quấn quýt bên họ, vẫn cố gắng làm vui lòng họ.

Nhưng không phải kiếp làm chó nào cũng toàn là đau khổ. Có những kiếp, tôi cũng được nếm trải tình yêu thương, dù đôi khi nó lại kết thúc bằng một nỗi đau còn lớn hơn.

Tôi nhớ nhất một kiếp, tôi là một con chó rất khôn, được một gia đình ở vùng nông thôn yêu thương hết mực. Họ coi tôi như một thành viên trong gia đình. Tôi chơi đùa với những đứa trẻ, canh giữ nhà cửa, và cảm nhận được sự ấm áp, sự tin cậy từ họ. Đó là những tháng ngày hạnh phúc hiếm hoi trong chuỗi dài những kiếp súc vật của tôi.

Rồi một ngày, gia đình đó quyết định chuyển lên thành phố sinh sống. Có lẽ cuộc sống ở thành phố không cho phép họ mang theo một con chó to như tôi, hoặc có lẽ họ nghĩ rằng tôi sẽ không thể thích nghi được. Tôi không biết lý do thực sự là gì. Tôi chỉ nhớ rằng, vào một buổi sáng, họ thu dọn đồ đạc, lên một chiếc xe ngựa. Họ vượt ve tôi lần cuối, ánh mắt có chút gì đó buồn bã, rồi chiếc xe lăn bánh đi xa.

Ban đầu, tôi không hiểu chuyện gì xảy ra. Tôi chỉ nghĩ rằng họ đi đâu đó một lát rồi sẽ về, như mọi lần. Tôi kiên nhẫn đợi ở cổng, ngày này qua ngày khác. Tôi đợi suốt cả một tuần lễ. Thức ăn mà họ để lại cho tôi cũng đã cạn. Nỗi nhớ họ còn cào trong lòng. Lúc đó, tôi vẫn không nghĩ rằng mình đã bị bỏ rơi. Tôi ngây thơ cho rằng, chắc hẳn họ đã gặp phải một tai nạn nào đó trên đường, nên mới không thể quay về được.

Với suy nghĩ đó, và với lòng trung thành vô hạn, tôi quyết định lên đường đi tìm họ. Tôi rời khỏi ngôi nhà quen thuộc, bắt đầu cuộc hành trình vô định. Tôi đi theo linh cảm, theo những mùi hương quen thuộc còn sót lại trong không khí. Tôi đã trải qua những ngày đói khát cùng cực, bị người lạ xua đuổi, bị những con chó khác tấn công. Nhưng ý nghĩ phải tìm lại được chủ nhân của mình đã tiếp thêm sức mạnh cho tôi.

Cuộc tìm kiếm kéo dài không biết bao lâu. Tôi đã đi qua bao nhiêu cánh đồng, bao nhiêu ngôi làng. Thân thể tôi ngày một gầy rộc, kiệt sức. Cuối cùng, khi đang lang thang trong một khu rừng rậm, tôi đã không còn một chút sức lực nào nữa. Tôi gục xuống dưới một gốc cây cổ thụ.

Và rồi, một con mãnh thú, hình như là một con hổ, đã xuất hiện. Nó nhìn tôi bằng ánh mắt lạnh lùng của kẻ săn mồi. Tôi không còn sức để chống cự, cũng không còn ý chí để chạy trốn. Ngay trước khi nó vồ lấy tôi, một nỗi đau đón chột dâng lên trong lòng. Đó không chỉ là nỗi đau về thể xác sắp phải chịu đựng, mà là nỗi đau vì không tìm thấy chủ, và một chút le lói, một sự nghi ngờ cay đắng rằng, có lẽ, có lẽ mình thực sự đã bị bỏ rơi.

Tôi chết trong khu rừng đó, với trái tim tan nát vì lòng trung thành bị phản bội, và một câu hỏi không lời đáp về tình yêu thương mà tôi đã từng có.

Mười lăm kiếp làm chó, mỗi kiếp là một trải nghiệm khác nhau về nỗi khổ, về sự bất lực, về tình cảm, về lòng trung thành và cả sự phản bội. Những ký ức đó, dù là của một con vật, vẫn hằn sâu trong tâm thức tôi, như những lời nhắc nhở không bao giờ phai về tội lỗi mà Arion đã gieo, và những hạt mầm của sự hối cải, dù là muộn màng, đã bắt đầu nảy nở ngay cả trong thân súc vật.

CHƯƠNG 2: HOÀNG TỬ BIỂN XANH

...

Sau những chuỗi ngày đặng đặng mang thân lợn, thân chó, ước chừng cũng phải kéo dài gần một trăm năm của dương gian, linh hồn tôi cuối cùng cũng được thoát khỏi cảnh giới súc sinh. Tôi lại được đầu thai làm người. Nhưng nghiệp lực từ kiếp Arion vẫn còn quá nặng nề, nên những kiếp người đầu tiên ấy, tôi vẫn phải sống trong cảnh bần hàn, cơ cực, trải qua đủ mọi thiếu thốn, tủi nhục. Kiếp này nối tiếp kiếp khác, có lẽ cũng phải hơn một trăm lần tôi được sinh ra trong nghèo khó, bệnh tật, hoặc yếu mệnh. Dần dần, theo thời gian và qua những lần trả nghiệp không ngừng nghỉ ấy, nghiệp lực của tôi cũng vơi bớt đi phần nào. Tôi bắt đầu được đầu thai vào những gia đình có điều kiện tốt hơn một chút, được ăn học, có chút tài sản và địa vị trong xã hội.

Trong vô vàn những kiếp sống đã trôi qua, có những kiếp mờ nhạt như một giấc mơ thoáng qua, nhưng cũng có những kiếp lại hằn sâu trong ký ức, với những trải

nghiệm vô cùng đặc biệt. Và dưới đây, tôi muốn kể cho các bạn nghe về một trong những kiếp sống như vậy. Chuyện này xảy ra cách đây rất, rất lâu, khoảng chừng hai triệu năm về trước. Khi ấy, tôi không phải là người sống trên cạn, mà là một sinh mệnh của biển cả. Tôi là một hoàng tử của một vương quốc người cá, sống sâu dưới đáy đại dương. Tôi nghĩ, đây cũng là một kiếp sống rất đáng nhớ, một thế giới kỳ diệu với những quy luật và những sinh vật mà ngày nay có lẽ chỉ còn tồn tại trong những câu chuyện truyền thuyết mà thôi.

Vương Quốc Coralia – Thế Giới Người Cá Dưới Đáy Biển

Vương quốc của chúng tôi khi đó có tên là Coralia, hoặc một cái tên nào đó nghe gần giống như vậy trong ngôn ngữ của người cá. Nó nằm ẩn mình trong một thung lũng abyssal rộng lớn, hoặc có thể là trên một bình nguyên san hô bao la, được bao bọc và che chở bởi những dãy núi ngầm hùng vĩ. Nơi đó không có ánh sáng mặt trời chói chang như trên mặt đất. Toàn bộ vương quốc được thắp sáng bởi một thứ ánh sáng lung linh, huyền ảo, phát ra từ vô số các loài san hô, tảo biển và những sinh vật biển kỳ lạ có khả năng phát quang sinh học. Ánh sáng đó khi thì dịu dàng như trăng rằm, khi lại rực rỡ với đủ mọi màu sắc, tạo nên một khung cảnh đẹp

đến nao lòng. Ở những vùng nước nông hơn, gần bề mặt của vương quốc, thỉnh thoảng chúng tôi cũng có thể cảm nhận được những tia nắng mặt trời yếu ớt, ấm áp xuyên qua làn nước xanh thẳm.

Chúng tôi không xây dựng những thành phố hay nhà cửa bằng đá hoặc kim loại như người trên cạn. Chỗ ở của người cá chúng tôi là những cụm san hô khổng lồ, được thiên nhiên chạm khắc qua hàng ngàn năm, hoặc đôi khi là do chính chúng tôi "nuôi cấy", uốn nắn theo ý muốn qua nhiều thế hệ, tạo thành những hình thù độc đáo. Cũng có khi, chúng tôi sống trong những hang động tự nhiên nằm sâu trong các vách đá ngầm, được trang hoàng bằng những vỏ sò lấp lánh, những viên ngọc trai quý giá và các loại đá biến đủ màu sắc. Cung điện hoàng gia của cha tôi, nơi tôi sinh ra và lớn lên, là một cụm san hô vĩ đại nhất, rực rỡ nhất, nằm ở trung tâm của Coralia, tỏa ra một thứ ánh sáng xanh ngọc bích dịu dàng, có thể nhìn thấy từ rất xa.

Thế giới người cá dưới đáy biển khi đó không chỉ có một chủng tộc duy nhất. Vương quốc Coralia của chúng tôi chỉ là một trong nhiều cộng đồng, và ngay trong vương quốc, cũng có nhiều dòng dõi người cá khác nhau, sống xen kẽ hoặc có những vùng lãnh thổ riêng biệt, nhưng tất cả đều thần phục Vua Cha của tôi. Một điều đặc biệt là, mỗi chủng người cá lớn thường có một phương ngữ riêng, những âm thanh đặc trưng trong cách họ giao tiếp. Và việc giao tiếp của chúng tôi dưới nước cũng rất khác

so với cách con người nói chuyện trên cạn. Chúng tôi không phát ra những lời nói rõ ràng thành từng từ như các bạn. Ngôn ngữ của người cá là một chuỗi những âm thanh du dương, những tiếng huýt, những tiếng luyến láy cao thấp, có lẽ phần nào đó giống với cách mà cá heo hay cá voi xanh giao tiếp mà các nhà khoa học của các bạn nghiên cứu ngày nay. Những âm thanh đó có thể truyền đi rất xa trong làn nước, mang theo những thông điệp, những cảm xúc. Bên cạnh đó, ngôn ngữ cơ thể và biểu cảm trên khuôn mặt cũng là một phần vô cùng quan trọng trong giao tiếp của chúng tôi. Một cái vẫy đuôi nhẹ nhàng, một sự thay đổi nhỏ trong ánh mắt, hay cách chúng tôi nghiêng đầu, tất cả đều có thể truyền tải những ý nghĩa rất rõ ràng. Con người cá chúng tôi thời đó sống rất thuần phác, hòa mình với tự nhiên, nên cũng không có nhu cầu giao tiếp bằng lời nói quá nhiều như con người trên cạn sau này. Phần lớn sự hiểu biết giữa chúng tôi đến từ sự cảm nhận trực tiếp, từ sự đồng điệu của tâm hồn, và từ những biểu hiện tinh tế đó.

Chúng tộc của tôi, dòng dõi hoàng gia Coralian, được coi là dòng dõi cao quý nhất. Chúng tôi có vảy màu xanh ngọc bích, óng ánh như những viên đá quý đẹp nhất dưới đáy biển. Khi chúng tôi bơi lội, những chiếc vảy đó phản chiếu ánh sáng lung linh, tạo thành những vệt sáng kỳ ảo. Mái tóc của chúng tôi dài, mềm mại như những sợi tơ biển, thường có màu lam sẫm hoặc xanh rêu. Một đặc điểm nổi bật của dòng dõi Coralian là chúng tôi có

khả năng phát ra một luồng năng lượng sinh học nhẹ nhàng từ cơ thể. Luồng năng lượng này không đủ mạnh để tấn công kẻ thù lớn, nhưng nó có thể giúp chúng tôi tự vệ trước những sinh vật nhỏ hơn, hoặc quan trọng hơn, là để chữa lành những vết thương nhỏ cho bản thân và cho những người khác.

Ngoài dòng dõi Coralian, còn có những chủng người cá khác với những đặc điểm và vai trò riêng. Ví dụ, có người cá Hắc Lân. Đúng như tên gọi, vảy của họ có màu đen tuyền, bóng loáng. Họ thường sống ở những vùng nước sâu hơn, nơi ánh sáng khó có thể chiếu tới. Đôi mắt của người cá Hắc Lân có khả năng nhìn trong bóng tối cực tốt, và họ rất giỏi ngụy trang trong những khe đá ngầm hay những đám rong biển dày đặc. Vì vậy, họ thường đảm nhận những nhiệm vụ quan trọng như trinh sát, do thám tình hình ở những vùng biển xa xôi, hoặc canh gác những khu vực biên giới của vương quốc. Họ ít nói, trầm lặng, nhưng rất can đảm và trung thành.

Rồi còn có người cá San Hô. Họ có lẽ là chủng người cá có màu sắc rực rỡ nhất. Vảy của họ mang đủ mọi màu sắc sặc sỡ, giống hệt như những rặng san hô nơi họ thường sinh sống và ẩn náu. Người cá San Hô có vóc dáng nhỏ bé hơn chúng tôi, nhưng lại vô cùng nhanh nhẹn và khéo léo. Họ là những bậc thầy về ngụy trang, có thể hòa mình vào những rặng san hô một cách hoàn hảo đến mức khó ai có thể phát hiện ra. Họ cũng rất giỏi

trong việc thu hoạch các loại thực vật biển, các loại tảo quý hiếm dùng làm thức ăn hoặc thuốc chữa bệnh.

Ngoài ra, còn có một nhánh người cá được gọi là Chiến Binh. Họ có thể là một nhánh đặc biệt của dòng Coralian chúng tôi, hoặc là sự kết hợp giữa Coralian và Hắc Lân, tôi không còn nhớ rõ nữa. Nhưng đặc điểm của họ là cơ thể cường tráng hơn hẳn các chủng khác, vảy của họ cũng cứng hơn, giống như một lớp áo giáp tự nhiên. Họ dành phần lớn thời gian để luyện tập các kỹ năng chiến đấu, sử dụng các loại vũ khí làm từ răng cá mập, vỏ sò sắc nhọn, hoặc những cây giáo dài làm từ xương của các loài cá lớn. Họ là lực lượng chủ chốt bảo vệ vương quốc khỏi những mối đe dọa từ bên ngoài.

Về quy mô, vương quốc Coralia của chúng tôi khi đó có dân số ước chừng trên dưới một triệu người cá. Xung quanh lãnh thổ của Coralia, cũng có một vài tiểu quốc người cá khác, nhỏ hơn. Có những lúc chúng tôi giao hảo hòa bình, trao đổi sản vật, nhưng cũng có những lúc xảy ra những xung đột nhỏ về lãnh thổ hoặc nguồn lợi.

Xã hội của người cá chúng tôi khi đó, nếu so sánh với những gì tôi biết về lịch sử loài người trên cạn sau này, có lẽ gần giống với một xã hội phong kiến sơ khai, nhưng có những điểm rất khác biệt. Đứng đầu là Vua Cha và Hoàng Hậu, những người cùng nhau cai quản vương quốc, được coi là hiện thân của sự anh minh và phúc lành của Đại Dương. Điều đáng chú ý là, xã hội

người cá chúng tôi không có sự kỳ thị giới tính nặng nề như nhiều xã hội phong kiến trên cạn, ví dụ như ở Trung Quốc cổ đại. Nam nữ khá bình đẳng trong nhiều khía cạnh của đời sống, và việc kế thừa ngôi vị cũng không hoàn toàn dựa trên giới tính. Người có đủ tài năng, đức độ và Pháp lực mạnh mẽ, dù là nam hay nữ, đều có thể được xem xét để kế vị. Thực tế, người chị gái lớn của tôi, với Pháp lực và trí tuệ vượt trội, đã được Vua Cha và các trưởng lão trong hoàng tộc nhắm đến là người sẽ kế thừa ngai vàng trong tương lai. Kế đến là các hoàng tử, công chúa khác như tôi, mỗi người đều có vai trò và trách nhiệm riêng. Dưới nữa là các gia tộc lớn, những người có công lao với vương quốc, được Vua Cha ban cho những vùng đất và những đặc quyền nhất định. Cuối cùng là đông đảo dân thường, những người cá Hắc Lân, San Hô, và cả những người Coralian không thuộc dòng dõi quý tộc.

Chúng tôi không có một hệ thống quan lại phức tạp hay các trường học, thư viện lớn như trên cạn. Tri thức, luật lệ, và những câu chuyện lịch sử của dân tộc chủ yếu được truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác, qua những bài hát, những giai điệu mang âm hưởng của biển cả. Một số ít những điều quan trọng nhất có thể được ghi lại một cách đơn giản trên những phiến đá san hô lớn, bằng một loại chữ viết cổ xưa, uốn lượn như những con sóng của người cá.

Chúng tôi không có những triết gia hay những tôn giáo rõ rệt theo cách mà các bạn hiểu. Người cá chúng tôi tôn thờ Đại Dương Mẹ, tin rằng đó là nguồn cội của mọi sự sống, là Đấng chở che và nuôi dưỡng tất cả. Chúng tôi tin vào sự cân bằng của tự nhiên, vào luật nhân quả đơn giản: làm điều tốt sẽ được Đại Dương ban phước, làm điều ác sẽ bị trừng phạt. Trong đức tin của người cá chúng tôi, các thành viên hoàng gia, đặc biệt là dòng dõi Coralian, được coi là những người được chính Thần linh, được Đại Dương Mẹ lựa chọn để dẫn dắt và bảo hộ vương quốc. Người ta tin rằng, chúng tôi được ban cho những ân huệ đặc biệt, thể hiện qua cái gọi là "Pháp lực" – một dạng năng lượng sinh học tinh thuần. Nhờ ân huệ này, chúng tôi không chỉ có những khả năng đặc biệt mà trí tuệ, sức khỏe và tuổi thọ cũng đều vượt trội hơn hẳn người thường. Tuổi thọ trung bình của người cá nói chung khi đó cũng khá cao, khoảng chừng hai trăm năm. Riêng các thành viên hoàng gia như cha tôi, hoặc những người có Pháp lực mạnh mẽ, có thể sống được lâu hơn nữa, có người vượt qua cả ba trăm tuổi.

Một phần quan trọng trong vai trò của hoàng gia, và cũng là một biểu hiện của sự ưu ái từ Đại Dương Mẹ, là khả năng kết nối, giao tiếp với các đấng Thần linh của biển cả. Không phải lúc nào cũng rõ ràng, nhưng thi thoảng, đặc biệt là Vua Cha, các vị trưởng lão trong hoàng tộc, hoặc một số ít những người cá có căn duyên đặc biệt trong dân thường, có thể nhận được những

thông điệp, những lời chỉ dẫn từ Thần linh. Điều này có thể xảy ra trong những giấc mơ mang tính tiên tri, hoặc trong những khoảnh khắc tĩnh lặng sâu thẳm khi thực hiện các nghi lễ thiêng liêng dâng lên Đại Dương Mẹ. Những thông điệp đó thường liên quan đến những vấn đề trọng đại của vương quốc, những điềm báo về thiên tai hoặc những lời khuyên về cách duy trì sự hài hòa.

Tuy nhiên, một điều đặc biệt là, dù tuổi thọ cao, khả năng sinh sản của người cá chúng tôi, một cách tự nhiên, lại không nhiều như nhiều loài trên cạn. Trong suốt cuộc đời dài của mình, một người phụ nữ người cá thường chỉ mang thai và sinh nở tối đa là hai lần. Đó dường như là một quy luật của tự nhiên đối với chúng tộc chúng tôi, giúp duy trì sự cân bằng dân số một cách hài hòa trong vương quốc, tránh việc khai thác quá mức nguồn tài nguyên của Đại Dương Mẹ.

Pháp lực của các thành viên hoàng gia, món quà từ Thần linh, không chỉ là một đặc ân, mà còn là một trách nhiệm lớn lao: phải dùng nó để bảo vệ thần dân, duy trì sự thịnh vượng và bình yên cho vương quốc. Pháp lực này biểu hiện không hoàn toàn giống nhau ở mỗi người, nó giống như một dấu ấn riêng biệt vậy. Ví dụ, Vua Cha của tôi có khả năng tạo ra một trường lực bảo vệ yếu ớt nhưng hữu hiệu xung quanh mình mỗi khi ngài cần sự tập trung cao độ hoặc đối mặt với nguy hiểm. Người chị gái lớn của tôi, người được xem là sẽ kế vị ngai vàng, thì có đôi mắt rất đặc biệt; khi chị ấy muốn, đôi mắt đó có

thể phát ra một thứ ánh sáng rực rỡ trong bóng tối, giúp nhìn thấu những ảo ảnh hoặc tìm kiếm những vật thể nhỏ bé bị che giấu. Còn có một người chú của tôi, Pháp lực của ông ấy lại cho phép ông tích tụ và phóng ra một luồng điện từ cơ thể, tương tự như loài lươn điện mà chúng ta biết sau này. Luồng điện đó đủ mạnh để làm tê liệt những sinh vật biển nhỏ hoặc gây choáng váng những kẻ thù lớn hơn trong giây lát.

Còn tôi, trong kiếp sống đó, tên là Lyra - tôi làm phiên âm thành tên như vậy. Tôi là Hoàng tử, con trai thứ của Vua Cha trị vì vương quốc Coralia.

Hoàng Tử Lyra – Tài Năng và Đức Độ

Ngay từ khi còn nhỏ, tôi đã bộc lộ những phẩm chất của một người thuộc dòng dõi hoàng gia. Pháp lực mà Đại Dương Mẹ ban cho tôi biểu hiện rõ rệt ở sức mạnh thể chất phi thường. Tôi có thể bơi nhanh hơn bất kỳ người cá trẻ tuổi nào cùng trang lứa, và sức bền của tôi cũng rất đáng nể. Những vết thương nhỏ, những va chạm trong lúc nô đùa hay luyện tập, thường lành lại rất nhanh chóng trên cơ thể tôi. Mái tóc tôi có màu lam sẫm, giống như màu của biển cả vào những đêm không trăng, và đôi mắt tôi, người ta thường nói, sáng như những viên ngọc trai quý giá nhất được tìm thấy dưới đáy đại dương.

Vua Cha và Hoàng Hậu, dù không thể "dạy" chúng tôi cách sử dụng Pháp lực – bởi đó là ân huệ riêng mà Thần linh ban cho mỗi người, và cách nó biểu hiện cũng rất cá nhân – nhưng các ngài đã không ngừng dạy dỗ, căn dặn chúng tôi về tầm quan trọng của việc giữ gìn tâm tính thiện lương, đức hạnh trong sáng. Các ngài nhấn mạnh rằng, Pháp lực chỉ thực sự có ý nghĩa và phát huy tác dụng tốt đẹp khi người sở hữu nó có một trái tim nhân hậu, biết nghĩ cho người khác. Chính những lời dạy đó đã định hướng cho tôi cách nhìn nhận và sử dụng sức mạnh của mình. Quan trọng hơn, các ngài đã gieo vào lòng tôi những hạt giống của lòng nhân ái, sự công bằng và ý thức trách nhiệm sâu sắc đối với thần dân, đối với vương quốc. Tôi được học rằng, sức mạnh thực sự không nằm ở khả năng chiến đấu hơn người, mà nằm ở trái tim biết yêu thương và che chở cho kẻ yếu. Pháp lực mà chúng tôi có được không phải để tự hào hay phô trương, mà là để phục vụ, để mang lại sự bình yên và hạnh phúc cho tất cả các sinh mệnh sống dưới sự bảo hộ của Coralìa.

Đời sống hôn nhân của người cá chúng tôi cũng có những nét rất đặc biệt. Dù là hoàng gia hay dân thường, chúng tôi đều đề cao sự chung thủy, một vợ một chồng. Điều thú vị là, các thành viên hoàng gia hoàn toàn có thể tự do tìm hiểu và kết hôn với người mà mình yêu thương, dù người đó có xuất thân từ dân thường. Tình yêu chân thành được coi trọng hơn tất cả. Và có một điều

kỳ diệu, được coi là phúc lành từ Đại Dương Mẹ: nếu một người dân thường kết hôn với một thành viên hoàng gia và sau vài năm chung sống, người đó vẫn giữ được tâm tính thiện lương, đức hạnh, thì dần dần, người đó cũng có thể được Thần linh ban cho một phần Pháp lực, dù có thể không mạnh mẽ bằng người bạn đời hoàng tộc của mình. Điều này càng khuyến khích sự hòa hợp và tình yêu thương giữa các tầng lớp trong xã hội.

Bản thân tôi, Hoàng tử Lyra, khi đó cũng đang mang trong lòng một mối tình sâu đậm. Nàng là một cô gái người cá San Hô, sống ở một ngôi làng nhỏ ven rặng san hô phía Nam vương quốc. Nàng không có Pháp lực, cũng không thuộc dòng dõi quý tộc, nhưng vẻ đẹp thuần khiết, sự dịu dàng và tâm hồn nhân hậu của nàng đã chiếm trọn trái tim tôi. Chúng tôi thường bí mật gặp gỡ, cùng nhau khám phá những hang động kỳ bí, hay chỉ đơn giản là im lặng bơi lội giữa những đàn cá đủ màu sắc. Tình yêu của chúng tôi rất trong sáng và mãnh liệt. Tôi đã dự định sẽ sớm thưa chuyện với Vua Cha và Hoàng Hậu, xin phép được chính thức kết hôn với nàng, nhưng những biến cố lớn sắp xảy ra đã khiến mọi dự định phải tạm gác lại.

Khi lớn hơn một chút, tôi không chỉ quanh quẩn trong cung điện hoàng gia. Tôi thường dành nhiều thời gian bơi lặn khắp các vùng lãnh thổ của vương quốc, từ những rặng san hô rực rỡ nơi người cá San Hô sinh sống, đến những khe núi ngầm tối tăm, nơi trú ngụ của người

cá Hắc Lân. Tôi thích được trò chuyện (theo cách của người cá chúng tôi) với những người dân thường, lắng nghe những tâm tư, những mong muốn, và cả những khó khăn của họ. Nếu có thể giúp đỡ được điều gì trong khả năng của mình, dù là việc nhỏ nhất, tôi cũng không bao giờ từ chối. Có lẽ vì vậy, dù chỉ là một hoàng tử thứ, không phải là người sẽ kế vị ngai vàng như chị gái tôi, nhưng tôi vẫn nhận được sự yêu mến và kính trọng của đông đảo thần dân. Họ nhìn thấy ở tôi không chỉ sức mạnh của một chiến binh tiềm năng, mà còn cả sự gần gũi, đức độ của một người sẽ luôn đứng về phía họ.

Mối Hiểm Họa Từ Biên Giới:

Cuộc sống yên bình ở Coralia, với những ngày tháng tôi miệt mài rèn luyện Pháp lực và thâm vụn đắp cho mối tình với cô gái người cá San Hô, cứ thế trôi qua. Cho đến một ngày, những tin tức dữ dội từ vùng biên giới phía Bắc của vương quốc bắt đầu truyền về, mang theo nỗi kinh hoàng và sự hỗn loạn. Người ta báo rằng, một đàn Hải Xà Vương lớn chưa từng thấy, đông đến hàng chục con, đang xuất hiện ở vùng biển đó. Dẫn đầu đàn rắn là một con Hải Xà Vương chúa, kích thước của nó vượt trội hơn hẳn những con khác, vảy của nó không phải màu xám đá thông thường mà là một màu huyết dụ đáng sợ, ánh lên những tia nhìn lạnh lẽo.

Đàn Hải Xà Vương này vô cùng hung tợn và có tổ chức. Chúng không chỉ đơn độc đi săn mồi như trước đây, mà phối hợp với nhau tấn công các làng chài nhỏ của người cá San Hô và Hắc Lân ở vùng biên. Chúng tàn phá nhà cửa – những cụm san hô nơi người dân sinh sống, giết hại nhiều người cá không kịp trốn thoát, và gieo rắc nỗi kinh hoàng khắp một vùng rộng lớn. Tiếng kêu khóc, những lời cầu cứu tuyệt vọng bắt đầu vọng về đến tận cung điện hoàng gia, xé tan sự tĩnh lặng thường ngày.

Vua Cha của tôi vô cùng lo lắng. Ngài triệu tập ngay các vị trưởng lão trong hoàng tộc và những chỉ huy của đội quân Chiến Binh để bàn bạc đối sách. Quân đội người cá của Coralia, chủ yếu là các chiến binh thuộc dòng dõi Chiến Binh, tuy dũng mãnh và thiện chiến, nhưng họ chủ yếu quen với việc phòng thủ lãnh thổ hoặc những cuộc giao tranh nhỏ lẻ với các tiểu quốc người cá khác hay những con Hải Xà Vương đơn độc. Việc phải đối đầu với cả một đàn Hải Xà Vương lớn, lại có một con rắn chúa gian xảo dẫn đầu, là một thử thách chưa từng có trong lịch sử của vương quốc. Các trưởng lão, những người từng trải qua nhiều biến cố, cũng tỏ ra vô cùng quan ngại. Cả vương quốc Coralia chìm trong một bầu không khí căng thẳng và lo sợ. Mọi hoạt động vui chơi, ca hát thường ngày dường như đều ngưng bật.

Hoàng Tử Xung Phong:

Nhìn thấy nỗi thống khổ của thần dân qua những lời kể của những người may mắn chạy thoát, nhìn thấy sự ưu tư hằn sâu trên gương mặt của Vua Cha, lòng tôi như lửa đốt. Tôi không thể ngồi yên trong cung điện xa hoa, trong khi đồng bào của mình đang phải đối mặt với hiểm nguy và cái chết. Pháp lực mà Đại Dương Mẹ ban cho tôi, sức mạnh mà tôi đã rèn luyện bấy lâu nay, không phải là để hưởng thụ, mà là để bảo vệ những người yếu thế.

Trong một buổi họp triều đình khẩn cấp, sau khi nghe các vị tướng lĩnh trình bày về tình hình nguy cấp và những khó khăn trong việc đối phó, tôi đã không ngần ngại bước ra, quỳ xuống trước Vua Cha.

"Thưa Phụ hoàng," tôi cất tiếng, giọng quả quyết, "con xin được lĩnh ấn tiên phong, dẫn một đội quân tinh nhuệ nhất của vương quốc ra biên giới phía Bắc, tiêu diệt lũ Hải Xà Vương, mang lại bình yên cho thần dân!"

Cả triều đình im phăng phắc. Vua Cha nhìn tôi, ánh mắt ngài có sự ngạc nhiên, lo lắng, nhưng cũng có một chút tự hào. Ngài biết tính cách của tôi, biết sự quả cảm và tấm lòng của tôi. Nhưng ngài cũng biết sự nguy hiểm của nhiệm vụ này.

"Lyra, con của ta," Vua Cha ôn tồn nói, "lòng dũng cảm của con thật đáng khen. Nhưng đàn Hải Xà Vương lần này rất khác thường, chúng vô cùng hung hãn và có con

rắn chúa cầm đầu. Đây không phải là một cuộc đi săn thông thường."

"Con hiếu thừa Phụ hoàng," tôi đáp, "nhưng chính vì vậy mà con càng không thể đứng nhìn. Nếu chúng ta không tiêu diệt chúng, chúng sẽ tiếp tục tàn phá, và nỗi sợ hãi sẽ lan rộng khắp vương quốc. Con đã được Đại Dương Mẹ ban cho sức mạnh, con nguyện dùng sức mạnh đó để bảo vệ Coralia. Xin Phụ hoàng hãy tin tưởng ở con!"

Chị gái tôi, người sẽ kế vị ngai vàng, cũng lên tiếng ủng hộ. Nhiều vị tướng lĩnh, những người từng chứng kiến khả năng của tôi trong các buổi luyện tập, cũng bày tỏ sự tin tưởng. Cuối cùng, sau một hồi cân nhắc, thấy được ý chí kiên định trong mắt tôi và sự ủng hộ của triều thần, Vua Cha đã gật đầu đồng ý.

Ngài đứng dậy, uy nghiêm bước đến, tự tay trao cho tôi thanh hải kiếm gia truyền của hoàng tộc. Lưỡi kiếm được làm từ chiếc răng khổng lồ của một loài cá mập cổ đại đã tuyệt chủng từ lâu, sắc bén và vô cùng cứng rắn. Ngài cũng ban cho tôi một bộ giáp nhẹ nhưng bền chắc, được chế tác từ mai của một loài rùa biển khổng lồ đã hóa thạch hàng ngàn năm dưới đáy biển. Điều đặc biệt là, trước khi trao nó cho tôi, Vua Cha đã dùng chính Pháp lực mạnh mẽ của ngài để gia trì, truyền năng lượng vào từng thớ mai của bộ giáp, khiến nó không chỉ giữ được sự nhẹ nhàng mà còn trở nên bền chắc hơn gấp nhiều lần, có thể chống đỡ được những đòn tấn công uy lực.

"Hãy đi, con trai của ta," Vua Cha đặt tay lên vai tôi, giọng trầm hùng. "Hãy mang theo sức mạnh của Coralía, và sự chúc phúc của Đại Dương Mẹ. Hãy cẩn trọng, và hãy trở về an toàn."

Tôi cúi đầu nhận lấy trọng trách, lòng trào dâng một niềm tự hào và một quyết tâm sắt đá. Ngày hôm đó, tôi, Hoàng tử Lyra, đã chính thức bước vào cuộc chiến sinh tử để bảo vệ vương quốc của mình.

Những Trận Đánh Khốc Liệt:

Sau khi nhận lệnh từ Vua Cha, tôi không một chút trì hoãn, lập tức tập hợp một đội quân tinh nhuệ nhất của vương quốc. Đó là những chiến binh người cá dũng mãnh nhất, phần lớn thuộc dòng dõi Chiến Binh, cùng với một số người cá Hắc Lân nhanh nhẹn, giỏi trình sát. Tất cả đều là những người đã trải qua nhiều thử thách, có kinh nghiệm chiến đấu và một lòng trung thành với Coralía. Số lượng không quá đông, chỉ khoảng vài ngàn người, nhưng đó thực sự là những hạt nhân ưu tú nhất.

Chúng tôi nhanh chóng lên đường, hướng về vùng biên giới phía Bắc, nơi đàn Hải Xà Vương đang gieo rắc kinh hoàng. Cuộc hành quân diễn ra khẩn trương nhưng vẫn giữ được kỷ luật. Khi đến gần vùng biển bị tàn phá, cảnh tượng hiện ra trước mắt thật thê lương. Những cụm san

hồ, vốn là nhà cửa của người dân, nhiều nơi bị quật nát tan hoang. Dấu vết của những cuộc tấn công tàn bạo vẫn còn đó. Không khí nặng trĩu mùi tử khí và sự sợ hãi. Điều này càng làm tăng thêm quyết tâm chiến đấu của tôi và các binh sĩ.

Cuộc chiến với đàn Hải Xà Vương kéo dài hơn tôi dự tính ban đầu, có lẽ phải đến vài tuần trăng. Đó là một chuỗi những trận đánh vô cùng khốc liệt, đầy cam go và thử thách. Chúng tôi đã phải đối mặt với chúng trong khoảng sáu, bảy trận đánh lớn, chưa kể vô số những cuộc chạm trán nhỏ lẻ khác.

Những con Hải Xà Vương này thực sự rất đáng sợ. Chúng không chỉ đông về số lượng, mà còn rất gian xảo dưới sự chỉ huy của con rắn chúa vảy huyết dụ. Chúng biết cách lợi dụng địa hình phức tạp của đáy biển, những khe núi ngầm sâu thẳm hay những khu rừng tảo khổng lồ, rậm rạp để phục kích, hoặc để rút lui khi gặp bất lợi. Da của chúng thì dày và cứng, những ngọn giáo thông thường của chúng tôi khó lòng xuyên thủng được lớp vảy đó, trừ khi đánh trúng vào những điểm yếu như mắt hoặc phần bụng mềm hơn.

Có những trận đánh, nhờ sự dũng mãnh của các chiến binh, sự nhanh nhẹn của những người trinh sát Hắc Lân, và đặc biệt là Pháp lực của tôi, chúng tôi đã giành được những thắng lợi quan trọng. Tôi nhớ có lần, tôi đã dùng tốc độ phi thường của mình lao thẳng vào giữa đội hình

của chúng, thanh hải kiếm trong tay liên tục chém xuống, làm bị thương nặng vài con rắn lớn, buộc chúng phải tạm thời rút lui. Những lúc như vậy, tiếng hoan hô của các binh sĩ vang dậy cả một vùng biển, niềm tin và sĩ khí của họ được củng cố mạnh mẽ. Chúng tôi cũng đã tiêu diệt được một số con Hải Xà Vương trong những trận đó, làm giảm bớt phần nào sức mạnh của đàn rắn.

Nhưng cũng có những trận đánh chúng tôi gặp phải rất nhiều bất lợi, chịu tổn thất không ít binh sĩ. Lũ rắn quá đông, chúng tấn công từ nhiều hướng, những chiếc đuôi khổng lồ của chúng quật mạnh trong nước tạo thành những dòng xoáy nguy hiểm, và nọc độc từ những cú đớp của chúng thực sự là một mối đe dọa chết người. Nhiều chiến binh dũng cảm của tôi đã hy sinh, hoặc bị thương nặng, không thể tiếp tục chiến đấu. Nhìn thấy đồng đội ngã xuống, lòng tôi đau như cắt, nhưng tôi phải nén lại nỗi đau đó để tiếp tục chỉ huy, tiếp tục chiến đấu.

Tôi nhận ra rằng, dù mình là một chiến binh giỏi, có sức mạnh và lòng dũng cảm, nhưng về mặt mưu lược, về những kế sách phức tạp để đối phó với một kẻ thù gian xảo và đông đảo như vậy, tôi thực sự còn nhiều thiếu sót. Tôi thường có xu hướng dựa vào sức mạnh và sự quả cảm để đối đầu trực diện, lao vào những chỗ nguy hiểm nhất. Điều đó có thể truyền cảm hứng cho binh sĩ, nhưng đôi khi lại khiến chúng tôi rơi vào những tình huống bất lợi, hoặc bỏ lỡ những cơ hội tốt hơn để tiêu diệt kẻ thù

với ít tổn thất hơn. Chị gái tôi, nếu là chị ấy ở đây, có lẽ sẽ có những phương án tác chiến thông minh và hiệu quả hơn nhiều.

Dù vậy, chúng tôi vẫn không lùi bước. Mỗi lần đẩy lùi được đàn rắn, chúng tôi lại tiến thêm một chút, giành lại từng tấc biển cho vương quốc. Cuộc chiến giằng co, ác liệt, và ngày càng trở nên cam go hơn.

Sa Bẫy và Cái Chết Bì Tráng:

Sau khi nhận lệnh từ Vua Cha, tôi không một chút trì hoãn. Dựa trên thông tin tình báo ban đầu mà các trinh sát Hắc Lân thu thập được, đàn Hải Xà Vương xuất hiện ở biên giới phía Bắc chỉ có khoảng gần hai mươi con, dù trong đó có một con cầm đầu trông to lớn và tinh quái hơn hẳn. Với thông tin này, tôi tự tin rằng chỉ cần một lực lượng tinh nhuệ là có thể tiêu diệt gọn chúng, ngay cả khi chúng có nọc độc. Vì vậy, tôi đã quyết định chỉ dẫn theo hơn năm trăm chiến binh dũng mãnh và thiện chiến nhất của vương quốc, tin rằng với số quân này, chúng tôi hoàn toàn có thể dễ dàng chiến thắng.

Chúng tôi nhanh chóng lên đường, khí thế hùng hục. Tuy nhiên, chúng tôi không hề hay biết rằng, đó là một thông tin tình báo sai lệch nghiêm trọng. Thực tế, đàn Hải Xà Vương đó có quân số lên đến hơn hai trăm con.

Con rắn chúa vảy huyết dụ vô cùng gian xảo, nó đã ra lệnh cho đàn của mình chia thành nhiều toán nhỏ, mỗi toán chưa đến hai mươi con, để hoạt động và săn mồi riêng lẻ. Chính điều này đã đánh lừa các trinh sát của chúng tôi, khiến họ đưa ra một báo cáo không chính xác về quy mô thực sự của mối đe dọa.

Khi đoàn quân của tôi tiếp cận khu vực biên giới, chúng tôi quả thực chỉ phát hiện ra một toán Hải Xà Vương với số lượng gần hai mươi con, đúng như tin báo. Chúng dường như tỏ ra khá "e dè" khi thấy lực lượng của chúng tôi. Tôi ra lệnh cho khoảng một trăm binh sĩ tiến lên giao chiến. Trận đánh diễn ra khá nhanh chóng và chúng tôi chiếm ưu thế rõ rệt. Đàn rắn đó, sau một vài đòn tấn công yếu ớt, bắt đầu vừa đánh vừa tháo chạy rất nhanh về phía những dãy núi ngầm hiểm trở.

Vấn đề là, tốc độ của loài Hải Xà Vương khi chúng thực sự muốn trốn chạy là rất đáng gờm. Phần lớn binh sĩ của tôi, dù dũng mãnh, cũng khó lòng đuổi kịp chúng trong địa hình phức tạp dưới đáy biển. Chỉ có một số ít, bao gồm tôi và khoảng hơn ba mươi chiến binh tinh nhuệ nhất, những người có Pháp lực mạnh mẽ hoặc kỹ năng bơi lội vượt trội, mới có tốc độ tương đương hoặc nhanh hơn chúng một chút.

Nhìn đàn rắn đang cố gắng tẩu thoát, và không muốn bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt chúng, một sự nóng vội đã nảy sinh trong tôi. Dù biết rằng việc tách một nhóm nhỏ ra truy

đuổi có thể nguy hiểm, nhưng tôi cũng chưa nghĩ ra được kế sách nào khác khả dĩ hơn để ngăn chúng trốn thoát và tập hợp lại. Tôi quyết định: tự mình sẽ dẫn đầu nhóm ba mươi người có tốc độ cao nhất này, truy kích toán rắn kia, trong khi phần còn lại của quân đoàn sẽ theo sau yểm trợ.

Đó là một quyết định sai lầm chết người.

Toán Hải Xà Vương gần hai mươi con đó thực chất chỉ là mồi nhử. Chúng đã thành công dụ được nhóm nhỏ của chúng tôi, bao gồm cả tôi, đuổi theo ngày càng sâu vào một hẻm vực tăm tối, chật hẹp giữa những dãy núi ngầm. Địa hình ở đây vô cùng hiểm trở, với vô số hang động và ngóc ngách, một nơi lý tưởng cho việc mai phục.

Khi chúng tôi vừa lọt vào giữa hẻm vực, tiếng động bất ngờ vang lên từ khắp mọi phía. Từ trong các hang động, từ những bóng tối của vách đá, hàng trăm con Hải Xà Vương khác đồng loạt lao ra, chặn kín mọi lối thoát. Số lượng của chúng đông gấp nhiều lần so với những gì chúng tôi tưởng tượng – phải đến hơn hai trăm con. Chúng tôi đã hoàn toàn sập bẫy.

Trong giây phút đó, con rắn chúa vảy huyết dụ, kẻ mà chúng tôi chỉ thấy thoáng qua từ xa, lúc này mới thực sự lộ diện. Nó to lớn hơn bất kỳ con Hải Xà Vương nào tôi từng thấy, đôi mắt đỏ ngầu của nó nhìn chăm chăm vào

tôi, mang theo một sự khát máu và hung tợn đến rợn người.

Ba mươi chiến binh quả cảm của tôi, dù biết đã rơi vào tử địa, vẫn không hề nao núng. Họ lập tức siết chặt đội hình quanh tôi, chuẩn bị cho trận chiến cuối cùng. Nhưng tương quan lực lượng quá chênh lệch.

Con rắn chúa dường như chỉ nhắm vào tôi. Nó gầm lên một tiếng kinh thiên động địa dưới làn nước, rồi lao thẳng về phía tôi như một mũi tên. Tôi đã chiến đấu với tất cả sức mạnh và Pháp lực của mình. Thanh hải kiếm trong tay tôi vung lên, chém vào lớp vảy cứng như đá của nó, tạo ra những tia lửa tóe lên trong làn nước mờ ảo. Bộ giáp do Vua Cha ban tặng, được gia trì Pháp lực, đã giúp tôi chống đỡ được nhiều cú quật đuôi và những cú tát đầy nọc độc của nó. Tôi đã làm nó bị thương ở nhiều chỗ, máu đen của nó bắt đầu loang ra.

Nhưng nó quá mạnh, quá dai sức, và sự hỗ trợ từ bầy đàn của nó quá đông đảo. Trong một khoảnh khắc tôi sơ hở, khi đang cố gắng đỡ một đòn tấn công cho một chiến binh trung thành bị một con rắn khác tấn công từ phía sau, con rắn chúa đã chớp lấy thời cơ. Nó tung một cú quật đuôi cực mạnh, hất văng tôi, khiến tôi va đập dữ dội vào vách đá sắc nhọn. Bộ giáp tuy không vỡ nhưng lực chấn động khiến tôi choáng váng. Và trước khi tôi kịp định thần lại, bộ hàm khổng lồ của nó, với những chiếc răng nanh dài nhọn hoắt, đã ngoạm lấy tôi.

Cảm giác cuối cùng của tôi trong kiếp Hoàng tử Lyra là một cơn đau xé nát toàn thân, và bóng tối bao trùm lấy ý thức. Linh hồn tôi dường như thoát ra, nhìn thấy thân xác mình bị con quái vật nuốt chửng... Không, không hẳn là như vậy ngay lập tức.

Trước khi ý thức của tôi hoàn toàn lịm đi, tôi vẫn còn cảm nhận được sự hỗn loạn xung quanh. Dù bị thương rất nặng sau cú quật của con rắn chúa và bị nó ngoạm lấy, tôi vẫn chưa chết hẳn. Một vài trong số hơn ba mươi chiến binh quả cảm của tôi, có lẽ chỉ còn lại chưa đến mười người, cũng đang chiến đấu trong tuyệt vọng, cố gắng tạo thành một vòng tròn nhỏ bé cuối cùng quanh tôi, dù chính họ cũng mang đầy thương tích. Tiếng gầm rú của bầy Hải Xà Vương, tiếng vũ khí va chạm yếu ớt, tiếng kêu đau đớn của những người còn lại... tất cả hòa vào một âm thanh hỗn mang, chói tai.

Chính vào thời khắc nguy cấp đó, khi chúng tôi gần như đã kiệt sức hoàn toàn, thì phần còn lại của quân đoàn, hơn bốn trăm binh sĩ, cuối cùng cũng đã đến được cửa hẻm vực. Có lẽ họ đã nghe thấy tiếng giao tranh dữ dội, hoặc cảm nhận được điều gì đó bất thường. Nhìn thấy tình cảnh của chúng tôi, thấy tôi, vị hoàng tử của họ, dù bị thương nặng nhưng vẫn còn chút hơi tàn, đang bị bao vây bởi hàng trăm con quái vật, họ đã không ngần ngại mà xông vào ứng cứu, với hy vọng mong manh có thể giải thoát cho chúng tôi.

Nhưng đó thực sự là một nỗ lực trong tuyệt vọng. Họ không những không thể phá vỡ được vòng vây dày đặc của đàn Hải Xà Vương đang trong cơn cuồng sát, mà còn bị cuốn vào một trận chiến không cân sức. Tôi chỉ còn kịp nhìn thấy những người lính trung thành của mình chiến đấu và ngã xuống, trước khi con rắn chúa, với một cú siết cuối cùng, đã kết liễu hoàn toàn sinh mạng của tôi.

Cuối cùng, chỉ còn lại hơn năm mươi người trong toàn bộ đội quân cứu viện, những chiến binh kiệt sức và mang đầy thương tích, may mắn thoát khỏi vòng vây chết chóc đó, mang theo tin tức bi thảm về sự hy sinh của tôi và gần như toàn bộ đội quân tinh nhuệ trở về báo cho vương quốc.

Mãi sau này, khi thiên mục được khai mở ở kiếp hiện tại, tôi mới biết thêm một chi tiết bi thương nữa. Cô gái người cá San Hô mà tôi yêu thương, sau khi hay tin tôi đã hy sinh trong trận chiến đó, nàng đã khóc không ngừng suốt ba ngày ba đêm. Và rồi, trong nỗi tuyệt vọng cùng cực, nàng đã tự kết liễu đời mình, với một nguyện ước tha thiết rằng sẽ được cùng tôi nên duyên ở một kiếp sau...

CHƯƠNG 3: SƠN THẦN NÚI TRƯỜNG BẠCH

...

Sau kiếp sống làm Hoàng tử Lyra dưới đáy biển sâu thẳm, với những trận chiến bi hùng và một mối tình dang dở, linh hồn tôi lại tiếp tục hành trình luân hồi. Trải qua thêm nhiều kiếp làm người với đủ thăng trầm, vui buồn, có lúc làm quan, có lúc làm dân, có khi lại là một nhà buôn rong ruổi khắp nơi... Ký ức về những kiếp đó có phần mờ nhạt hơn. Nhưng có một kiếp, tôi nhớ rất rõ, bởi vì khi đó, tôi không phải là người.

Kiếp sống đó tôi là một vị Thần núi, được giao phó cai quản vùng núi Trường Bạch hùng vĩ và linh thiêng. (núi Trường Bạch là ngọn núi nằm giữa biên giới Trung Quốc với Bắc Triều Tiên ngày nay)

Chuyện này xảy ra cũng đã rất, rất lâu rồi, có lẽ phải khoảng bảy mươi ngàn năm về trước, theo cách tính thời gian của chúng ta ngày nay. Thời kỳ đó thuộc về một nền văn minh tồn tại trước cả những nền văn minh cổ đại mà chúng ta biết đến. Ngôn ngữ và chữ viết của họ, dù khác biệt, nhưng lại có những nét tương đồng, gần gũi với tiếng Trung cổ mà sau này chúng ta biết đến. Có lẽ vì vậy mà một số khái niệm và tên gọi từ thời đó, như "Trường Bạch", vẫn còn lưu lại được dấu ấn, dù ý nghĩa có thể đã ít nhiều thay đổi. Nhiệm kỳ của tôi ở đó, với tư cách là một vị Thần cai quản núi, kéo dài hơn một trăm năm của dương gian.

Núi Trường Bạch thời đó, không giống như những ngọn núi thông thường đâu. Đó thực sự là một nơi mà người xưa gọi là "linh khí hội tụ, thông Thiên thông Địa". Nó giống như một cột trụ năng lượng khổng lồ, kết nối giữa Trời và Đất, một vùng đất thánh đối với những người tu luyện và cả các sinh linh khác sống trong đó.

Núi Trường Bạch – Cõi Giới Linh Thiêng:

Vẻ đẹp và sự linh thiêng của núi Trường Bạch bảy mươi ngàn năm trước thật khó có từ ngữ nào của chúng ta ngày nay có thể diễn tả trọn vẹn. Hãy tưởng tượng những cánh rừng nguyên sinh bạt ngàn với những cây cổ thụ hàng ngàn năm tuổi, thân cây to lớn đến mấy

người ôm không xuể, tán lá xum xuê che kín cả bầu trời. Không khí ở đó luôn trong lành, mát rượi, và phảng phất một thứ khí thiêng đặc biệt, hít vào cảm thấy toàn thân nhẹ nhõm, tâm trí sáng khoái.

Đỉnh núi Trường Bạch thời đó còn cao hơn rất nhiều so với ngày nay, tôi nhớ nó phải vượt qua bốn ngàn năm trăm mét so với mực nước biển. Đỉnh núi quanh năm được bao phủ bởi một lớp tuyết trắng xóa, dày đặc, lấp lánh dưới ánh mặt trời hoặc mờ ảo trong sương mù. Chưa hề có một hồ nước lớn nào trên đỉnh như hồ Thiên Trì mà người đời sau này biết đến. Thay vào đó, đỉnh núi là một khối đá granit hùng vĩ, nơi gió tuyết thổi lồng lộng, tạo nên một khung cảnh vừa uy nghiêm, khắc nghiệt, lại vừa vô cùng thanh khiết và linh thiêng. Người ta tin rằng, đó là nơi gần nhất để chạm tới Trời, nơi các vị Thần thường hạ xuống để quan sát thế gian.

Núi Trường Bạch khi đó cũng là nơi trú ngụ của vô số linh thú quý hiếm, những loài chim muông có bộ lông rực rỡ, và cả những loài kỳ hoa dị thảo mà ở những nơi khác không thể nào tìm thấy. Đặc biệt nhất phải kể đến những cây nhân sâm ngàn năm tuổi. Chúng không chỉ đơn thuần là một loại dược liệu quý, mà thực sự đã có linh tính rất cao, có khả năng cảm ứng và thậm chí là di chuyển, ẩn mình khỏi những người có tâm không thiện.

Chính vì sự linh thiêng và nguồn năng lượng dồi dào đó, núi Trường Bạch đã thu hút rất nhiều người tu Đạo từ

khắp nơi tìm đến. Họ chọn những hang động kín đáo, những am tranh đơn sơ nép mình giữa rừng sâu để ẩn tu, tìm kiếm sự tĩnh lặng cho tâm hồn, hấp thụ linh khí của trời đất để trợ giúp cho việc tu luyện. Họ cũng thường tìm hái những loại thảo dược quý hiếm trên núi để luyện đan, hoặc để bào chế những phương thuốc chữa bệnh cứu người.

Vai Trò và Quyền Năng của Tôi (Sơn Thần):

Với tư cách là vị Thần được Thiên Thượng giao phó cai quản chung toàn bộ vùng núi Trường Bạch, trách nhiệm của tôi rất lớn lao. Tôi phải trông coi sự vận hành hài hòa của tự nhiên trong phạm vi lãnh địa của mình, từ ngọn cỏ, cành cây, muông thú, cho đến dòng chảy của năng lượng địa linh. Sứ mệnh của tôi là duy trì sự cân bằng tổng thể, bảo vệ những sinh linh hiền lành, giúp đỡ những người tu luyện chân chính có duyên với núi thiêng, và đôi khi, cũng phải trừng phạt những kẻ làm điều ác hoặc có hành vi phá hoại sự linh thiêng của núi. Tất nhiên, mọi hành động của tôi đều phải dựa trên Thiên ý, không thể tùy tiện làm theo ý riêng.

Quyền năng của một Sơn Thần như tôi cũng có những giới hạn nhất định, không phải là vô biên như nhiều

người làm tượng. Trong phạm vi núi Trường Bạch, tôi có thể tạo ra những cơn gió nhẹ để xua đi cái nóng oi bức, hoặc những làn sương mù thoang thoảng để che chở cho các sinh linh yếu đuối, hay đôi khi là để thử thách tâm chí của những người mới đặt chân lên núi. Tôi cũng có thể gọi những trận mưa nhỏ tưới mát cho cây cỏ khi cần thiết, hoặc khiến những tảng đá nhỏ di chuyển, thay đổi cảnh quan ở một mức độ không gây ra những xáo trộn quá lớn cho tự nhiên. Tôi có thể hiện hình dưới nhiều dạng khác nhau khi cần, hoặc ẩn mình đi, không để ai nhìn thấy. Một trong những khả năng quan trọng của tôi là nhìn thấu được tâm can thiện ác của những người bước vào lãnh địa của mình, để biết ai là người đáng được giúp đỡ, ai là kẻ cần phải cảnh giác.

Tuy nhiên, những hiện tượng thời tiết lớn như bão tố từ biển khơi tràn vào, hay những đợt hạn hán kéo dài trên một vùng rộng lớn, thường là do sự an bài của các vị Thần ở tầng thứ cao hơn, những vị cai quản các vùng địa lý hoặc các yếu tố tự nhiên có quy mô lớn hơn nhiều. Trong những trường hợp đó, tôi không có quyền năng can thiệp để thay đổi, mà chỉ có thể cố gắng giảm thiểu thiệt hại trong phạm vi ngọn núi của mình, nếu điều đó được Thiên Thượng cho phép.

Dưới sự cai quản chung của tôi, mỗi loài sinh vật, mỗi khu vực cụ thể trong núi Trường Bạch lại có các vị Thần khác nhỏ hơn, chuyên trách hơn, giống như một hệ thống phân cấp vậy. Ví dụ, có Thần Hồ cai quản tất cả

loài hổ trong núi, đảm bảo chúng săn mồi theo quy luật tự nhiên, không gây hại vô cớ cho các sinh linh khác. Có Thần Viên (thần khí) trông coi bầy đàn của mình. Rồi có các Mộc Thần chăm lo cho sự sinh trưởng của các loài cây quý, các Thạch Thần trông coi sự ổn định của những tảng đá lớn, những vách núi hiểm trở, và còn rất nhiều vị Thần khác nữa, mỗi vị đều có trách nhiệm riêng.

Hệ thống này hoạt động theo những quy tắc rất nghiêm ngặt, dựa trên luật nhân quả và Thiên ý. Chẳng hạn, nếu một vị Thần Hổ, do lơ là quản giáo, để cho hổ của mình tấn công và ăn thịt người một cách vô cớ – không phải do con người xâm phạm hoặc gây hấn trước, hoặc không có nhân quả từ kiếp trước – thì vị Thần Hổ đó cũng sẽ bị Thiên Đình khiển trách, thậm chí là trừng phạt, vì đã không làm tròn trách nhiệm của mình. Mọi việc trong vũ trụ này đều có sự công bằng và trật tự của nó, ngay cả trong thế giới của các vị Thần. Nhiệm kỳ hơn một trăm năm của tôi ở núi Trường Bạch là một chuỗi ngày dài thực thi những trách nhiệm đó, giữ cho ngọn núi thiêng luôn được bình yên và hài hòa.

Chứng Kiến Dòng Người Tu Đạo và Sự Kỳ Diệu Của Nhân Sâm:

Trong suốt hơn một trăm năm cai quản núi Trường Bạch, một trong những điều tôi thường làm nhất là lặng lẽ quan sát dòng người tu Đạo tìm đến đây. Họ đến từ nhiều phương, mang theo những duyên phận và mục đích khác nhau. Có người tìm kiếm sự tĩnh lặng để thiền định, có người mong cầu khai ngộ, lại có người chỉ đơn giản là muốn sống một cuộc đời ẩn dật, xa lánh hồng trần. Họ nói một thứ ngôn ngữ cổ xưa, mà tôi, với tư cách là một vị Thần của vùng đất này, có thể hiểu được những lời cầu nguyện, những tâm tư thầm kín của họ.

Qua thần nhãn của mình, tôi thấy được tâm thành kính của nhiều người, thấy được sự kiên trì, bền bỉ của họ trên con đường tu luyện đầy gian khó. Tôi cũng thấy được những thử thách, những ma nạn mà họ phải đối mặt, cả từ bên ngoài lẫn từ chính nội tâm của họ. Đa phần những người tu luyện này, dù có thể có những cảm ứng nhất định với thế giới siêu nhiên, cũng không thể nhận biết được sự hiện diện của tôi một cách rõ ràng. Họ có thể cảm nhận được sự linh thiêng của ngọn núi, nhưng không biết rằng có một vị Sơn Thần đang âm thầm dõi theo và đôi khi là che chở cho họ.

Tuy nhiên, trong suốt nhiệm kỳ dài của mình, tôi cũng đã có vài lần gặp gỡ và giao cảm với những vị đạo sĩ có đạo hạnh rất cao thâm. Đó là những người đã tu luyện nhiều năm, đã khai mở được thiên mục và sở hữu những thần thông nhất định. Với những vị này, chúng tôi không cần dùng đến ngôn ngữ thông thường của con

người để trò chuyện. Chúng tôi giao tiếp với nhau qua thiên mục, qua sự truyền cảm tư duy, một dạng năng lực mà người đời sau này có thể gọi là "tha tâm thông". Đó thực sự là những cuộc đàm đạo đặc biệt, vượt lên trên những giới hạn của lời nói. Chúng tôi có thể trao đổi về Đạo – một khái niệm đã tồn tại từ rất sớm trong nền văn hóa của họ, về sự vận hành vi diệu của trời đất, về những bí ẩn của vũ trụ. Đôi khi, nếu Thiên ý cho phép, tôi cũng đưa ra những lời khuyên nhỏ, những cảnh báo tế nhị cho họ trên con đường tu hành, giúp họ tránh được những cạm bẫy hoặc nhận ra những điểm cần phải đột phá. Những cuộc gặp gỡ như vậy không nhiều, nhưng mỗi lần đều để lại trong tôi những ấn tượng sâu sắc về trí huệ và sự kiên định của những người chân tu.

Một điều nữa mà tôi thường xuyên chứng kiến, đó là sự sẵn lòng những cây nhân sâm ngàn năm tuổi trên núi Trường Bạch. Như tôi đã nói, những cây sâm này không chỉ là dược liệu thông thường. Chúng đã hấp thụ linh khí của trời đất qua hàng trăm, hàng ngàn năm, nên đã có linh tính rất cao, thậm chí có thể coi là những sinh mệnh có trí tuệ ở một mức độ nhất định. Hình dáng của chúng thường rất đặc biệt, có củ giống như hình người, tỏa ra một thứ linh khí ấm áp có thể cảm nhận được. Chúng cũng có khả năng di chuyển, ẩn mình rất tài tình. Và tất nhiên, những cây sâm quý giá như vậy cũng có các vị Mộc Thần cấp thấp hơn, hoặc các tinh linh của núi rừng, trông coi và bảo vệ.

Tôi thường dùng thần lực của mình, hoặc ra hiệu cho các vị Mộc Thần, để che chở cho những cây sâm quý này. Khi những người có tâm không thiện, những kẻ tham lam, hoặc những người mà duyên phận chưa tới, cố gắng tìm kiếm chúng, tôi sẽ khiến cho những cây sâm ấy như thể "biến mất" ngay trước mắt họ, hoặc dẫn dắt họ đi lạc sang những hướng khác. Chỉ những người tu luyện có đạo hạnh cao, như những vị đạo sĩ mà tôi từng có duyên giao tiếp, hoặc những người thường có tâm địa thật sự thuần khiết, có một mối duyên phận lớn lao với núi rừng, mới có cơ duyên "thấy" và "được" nhân sâm. Việc "tìm thấy" một cây sâm ngàn năm không chỉ đơn thuần là sự may mắn, mà đó là cả một sự cho phép của tôi, sự đồng thuận của các vị Thần trông coi, và đôi khi là cả sự "chấp nhận" của chính linh sâm đó nữa. Tôi nhớ có những vị đạo sĩ đức cao vọng trọng, khi họ tìm thấy một cây sâm quý, họ cũng không vội vàng lấy đi ngay. Có thể họ cảm nhận được rằng cây sâm đó chưa đến thời điểm "chín muồi" nhất, hoặc họ muốn để nó lại cho một người hữu duyên hơn. Khi đó, họ thường dùng một chút phép thuật của mình để che giấu cây sâm đó kỹ hơn, đợi đến một thời điểm thích hợp sau này.

Đó là những nét chấm phá trong cuộc sống của một vị Sơn Thần, những điều mà tôi đã chứng kiến và trải qua trên ngọn núi Trường Bạch linh thiêng.

Cuộc Gặp Gỡ Định Mệnh:

Trong những năm tháng dài cai quản núi Trường Bạch, tôi luôn cố gắng giữ mình trong khuôn khổ của Thiên ý, không can thiệp quá sâu vào số phận của con người hay các sinh linh khác. Tôi hiểu rằng mọi việc trên đời đều có nhân duyên và nghiệp báo của nó. Nhưng có một lần, chỉ một lần duy nhất, lòng trắc ẩn trong tôi đã trỗi dậy quá mạnh mẽ, khiến tôi đi chệch khỏi nguyên tắc đó. Và chính lần đó đã tạo ra một bước ngoặt lớn trong kiếp sống Sơn Thần của tôi.

Một ngày nọ, khi tôi đang du ngoạn trong cõi giới của mình, quan sát khắp núi rừng, tôi chú ý đến một cô gái trẻ tuổi đang khó nhọc leo lên những sườn núi dốc đứng. Trông cô có vẻ là một người có chút căn tu, đạo tâm ban đầu có vẻ khá chân thành, nhưng tôi cảm nhận được căn cơ của cô còn nông, công phu tu luyện cũng chưa được bao nhiêu. Tên của cô gái ấy, nếu dịch ra ngôn ngữ hiện đại của chúng ta, có ý nghĩa gần giống như Minh Tâm.

Minh Tâm đến núi Trường Bạch không phải để ẩn tu hay tìm kiếm sự khai ngộ cho bản thân. Cô đến đây với một mục đích rất cụ thể: tìm nhân sâm ngàn năm để cứu mẹ già đang lâm bệnh nặng ở quê nhà. Tôi nhìn thấy hình ảnh người mẹ của cô đang nằm trên giường bệnh, hơi thở yếu ớt, sự sống như ngọn đèn trước gió. Tôi cũng thấy được sự hiếu thảo, sự lo lắng và tình yêu thương vô bờ bến mà Minh Tâm dành cho mẹ mình.

Cô đã ở trên núi này nhiều ngày rồi. Ngày nào cũng vậy, từ sáng sớm tinh mơ cho đến khi mặt trời lặn, Minh Tâm lặn lội khắp các cánh rừng, trèo qua không biết bao nhiêu con dốc, tìm kiếm trong từng hốc đá, bụi cây. Thân thể cô đã mệt lả, y phục mong manh có chỗ đã sờn rách, đôi chân nhỏ bé có lẽ đã rớm máu vì va chạm vào đá sắc. Nhưng trong ánh mắt cô vẫn ánh lên một sự kiên định, một niềm hy vọng mong manh. Cô tin rằng, chỉ cần tìm được linh sâm, mẹ cô sẽ được cứu sống.

Tôi đã quan sát Minh Tâm suốt mấy ngày liền. Tôi thấy được sự chân thành trong tấm lòng hiếu thảo của cô. Nhưng đồng thời, tôi cũng nhìn thấy được Thiên cơ. Theo số mệnh đã định, mẹ của Minh Tâm dương thọ đã gần tận, đó là nghiệp báo mà bà phải trả từ những kiếp trước. Và bản thân Minh Tâm, với căn cơ và đức hạnh hiện tại của mình, cũng chưa đủ duyên phận để có thể sở hữu được một cây nhân sâm ngàn năm tuổi, một linh vật của trời đất. Việc cô tìm được sâm vào lúc này, dù có thể giúp mẹ cô kéo dài chút hơi tàn, nhưng sẽ làm rối loạn nhân quả đã được an bài. Hơn nữa, phúc phận đó quá lớn so với những gì Minh Tâm có thể gánh chịu vào thời điểm đó, có khi lại hóa thành tai họa cho cô sau này.

Tôi biết điều đó. Nhưng khi nhìn thấy Minh Tâm, sau nhiều ngày tìm kiếm vô vọng, đã hoàn toàn kiệt sức, ngồi bệt xuống một gốc cây cổ thụ, bật khóc nức nỏ, tiếng khóc của một người con gái yếu đuối giữa núi rừng hoang vu sao mà xé lòng. Cô ngửa mặt lên trời, nước

mắt hòa cùng mờ hôi, cầu xin Thần linh, cầu xin Sơn Thần núi Trường Bạch hãy rửa lòng từ bi, chỉ cho cô một con đường. "Xin hãy cứu lấy mẹ con! Con xin nguyện làm trâu làm ngựa để báo đáp!" Những lời cầu xin thống thiết đó, hòa cùng những giọt nước mắt tuyệt vọng, đã chạm đến sâu thẳm trái tim tôi.

Lòng Từ Bi Vượt Giới Hạn:

Chúng kiến cảnh tượng đó, nỗi đau đớn và sự tuyệt vọng của Minh Tâm, lòng tôi thực sự rung động. Một sự thương xót vô hạn dâng lên, lấn át cả những cân nhắc về Thiên cơ, về giới luật mà một vị Thần như tôi phải tuân giữ. Tôi tự nhủ rằng, mình là Sơn Thần của ngọn núi này, có chút quyền năng, chẳng lẽ lại không thể giúp đỡ một người con gái hiếu thảo, đang trong cảnh cùng quẫn như vậy sao? Chỉ một chút giúp đỡ nhỏ nhoi thôi, có lẽ sẽ không gây ra xáo trộn gì lớn lao. Một sinh mệnh sắp phải lìa đời, nếu có thể kéo dài thêm chút thời gian để được ở bên người thân yêu, đó chẳng phải là một điều tốt đẹp hay sao?

Lúc đó, lòng từ bi trong tôi đã che mờ đi lý trí. Tôi quên mất rằng, từ bi của Thần phải thuận theo Thiên lý, phải đặt trong sự hài hòa của vũ trụ, chứ không thể xuất phát từ cảm tính nhất thời, càng không thể đi ngược lại những an bài đã định sẵn của nhân quả. Tôi chỉ nghĩ đơn giản

rằng, mình muốn giúp Minh Tâm, muốn làm vui đi nỗi đau khổ của cô ấy.

Và thế là, tôi đã quyết định can thiệp.

Tôi dùng thần lực của mình, khẽ tác động đến những dòng năng lượng vi tế trong không gian, tạo ra một sự dẫn dắt vô hình. Tôi không trực tiếp hiện ra trước mặt Minh Tâm, nhưng tôi đã khéo léo hướng những bước chân mệt mỏi của cô đến một khu vực hẻo lánh, nơi tôi biết có một cây nhân sâm quý, khoảng vài trăm năm tuổi – không phải là loại ngàn năm hiếm có, nhưng cũng đủ linh khí để có thể tạo nên kỳ tích. Đồng thời, tôi cũng dùng ý niệm của mình, truyền một thông điệp nhẹ nhàng đến vị Mộc Thần đang trông coi cây sâm đó, và cả đến linh thức của chính cây sâm, làm cho chúng bớt đi sự phòng bị, để Minh Tâm có thể dễ dàng tìm thấy hơn. Tôi nghĩ rằng, một cây sâm vài trăm năm tuổi, có lẽ sẽ không tạo ra nghiệp quả quá lớn như loại ngàn năm.

Hậu Quả Tức Thì và Lời Cảnh Báo Từ Thiên Thượng:

Quả nhiên, chỉ một lát sau, Minh Tâm, trong lúc gần như đã tuyệt vọng, bỗng nhiên nhìn thấy một ánh hào quang nhẹ phát ra từ một bụi cây rậm rạp gần đó. Cô gạt nước mắt, cố gắng gượng dậy, tiến lại gần. Và rồi, cô reo lên

một tiếng vui mừng khôn xiết. Trước mắt cô, ẩn hiện dưới những tán lá, là một củ nhân sâm có hình dáng rất đẹp, tỏa ra một mùi hương thanh khiết. Dù không phải là loại ngàn năm như cô hằng mong ước, nhưng cô cảm nhận được linh khí dồi dào từ nó. Cô cẩn thận đào lấy củ sâm, nâng niu nó trên tay như một báu vật, rồi không ngừng cúi đầu tạ ơn trời đất, tạ ơn núi rừng. Sau đó, cô vội vã xuống núi, lòng tràn ngập hy vọng.

Ngay khi Minh Tâm vừa khuất bóng sau những rặng cây, mang theo củ nhân sâm mà tôi đã "giúp" cô tìm thấy, tôi đột nhiên cảm thấy một sự chấn động mạnh mẽ trong không gian xung quanh mình. Bầu trời trên đỉnh Trường Bạch đang trong xanh bỗng nhiên tối sầm lại. Một luồng ánh sáng vàng kim, uy nghiêm và có phần nghiêm khắc, từ trên chín tầng mây chiếu thẳng xuống nơi tôi đang đứng. Không khí trở nên ngưng đọng, mọi âm thanh của núi rừng đều im bặt.

Trong tâm thức của tôi, một giọng nói vang vọng, không phải là âm thanh phát ra từ cổ họng, mà là một sự truyền cảm trực tiếp, đầy uy lực:

"Hỡi Sơn Thần Trường Bạch! Ngươi đã vì tư tình mà làm loạn Thiên lý, can nhiễu nhân quả! Ngươi có biết rằng, hành động vừa rồi của ngươi, dù xuất phát từ lòng thương cảm, nhưng đã đi ngược lại sự vận hành tự nhiên của số mệnh? Từ bi của Thần phải thuận theo Thiên lý, phải dựa trên trí huệ, không thể vượt ra ngoài

giới luật của vũ trụ. Người đã tự ý thay đổi những gì đã được định sẵn, và người sẽ phải gánh chịu hậu quả cho hành động này!"

Tôi bàng hoàng, toàn thân như đông cứng lại. Đến lúc này, tôi mới thực sự tỉnh ngộ, mới nhận ra sai lầm nghiêm trọng của mình. Lòng từ bi nếu không đi đôi với trí huệ và sự tuân thủ tuyệt đối Thiên ý, thì không những không mang lại điều tốt đẹp, mà còn có thể gây ra những xáo trộn không lường trước được, và bản thân mình cũng phải chịu trách nhiệm. Một nỗi hối hận và sợ hãi dâng lên trong lòng tôi, nhưng đã quá muộn. Lời cảnh báo từ Thiên Thượng đã rất rõ ràng.

Sự Phán Xét và Quyết Định Từ Bi:

Sau lời cảnh báo nghiêm khắc từ Thiên Thượng, tôi biết rằng mình không thể tránh khỏi sự phán xét. Không lâu sau đó, tôi cảm nhận được một lực hút vô hình, đưa linh thể của tôi rời khỏi núi Trường Bạch, đến một cõi giới trang nghiêm, nơi các vị Thần cấp cao hơn hội tụ.

Đứng trước Thiên Đình, tôi không hề chối tội hay biện minh cho hành động của mình. Tôi thành thật nhận lỗi, thừa nhận rằng mình đã vì lòng trắc ẩn nhất thời mà làm loạn Thiên cơ, can thiệp vào nhân quả của người khác. Tôi chấp nhận mọi hình phạt.

Các vị Thần trên Thiên Đình, sau khi xem xét kỹ lưỡng sự việc, đã nhìn thấy rõ rằng hành động của tôi tuy có sai sót, vi phạm giới luật, nhưng xuất phát điểm là từ một cái tâm từ bi, muốn giúp đỡ chúng sinh đang trong cơn khốn khó, chứ không phải vì tư lợi hay ác ý. Hơn nữa, việc tôi can thiệp cũng ở một mức độ có chừng mực, chỉ là một cây sâm vài trăm năm tuổi, chưa đến mức gây ra những đảo lộn quá lớn cho vận mệnh.

Vì vậy, hình phạt mà Thiên Thượng dành cho tôi, tuy có sự nghiêm minh, nhưng cũng ẩn chứa một sự từ bi và một sự an bài đầy nhân duyên. Tôi sẽ bị tước đi một phần thần lực đáng kể, và quan trọng hơn, nhiệm kỳ làm Sơn Thần cai quản núi Trường Bạch của tôi sẽ phải kết thúc sớm hơn dự định. Tôi sẽ phải giáng hạ xuống cõi hồng trần, đầu thai làm người.

Mục đích của việc giáng trần này, như tôi hiểu, không chỉ đơn thuần là để chịu phạt. Thiên Thượng muốn tôi, thông qua việc trực tiếp trở thành một phần trong dòng chảy nhân quả mà tôi đã can thiệp, đặc biệt là mối duyên nợ với người con gái hiếu thảo Minh Tâm, để tự mình trải nghiệm và thấu hiểu sâu sắc hơn về hậu quả của hành động đó. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để tôi hoàn thiện hơn nữa sự tu dưỡng của mình, để lòng từ bi sau này sẽ luôn đi kèm với trí huệ và sự tôn trọng tuyệt đối dành cho Thiên ý, chứ không còn bị chi phối bởi cảm xúc nhất thời nữa.

Lời Từ Biệt Núi Rừng và Một Khởi Đầu Mới:

Trước khi linh hồn tôi chính thức rời khỏi cõi Thần để chuẩn bị cho việc đầu thai, tôi được phép quay trở lại nhìn núi Trường Bạch lần cuối. Đứng từ trên cao, bao quát cả một vùng núi non hùng vĩ, nơi tôi đã gắn bó và bảo hộ suốt hơn một trăm năm, lòng tôi trào dâng một cảm xúc lưu luyến khó tả. Tôi cảm nhận được sự bịn rịn từ cây cỏ, từ muông thú, từ những dòng suối róc rách, và cả từ những linh sâm mà tôi từng che chở. Đường như chúng cũng biết rằng vị Sơn Thần của chúng sắp phải rời đi. Tôi thầm gửi lời từ biệt đến tất cả, hứa rằng nếu có duyên, một ngày nào đó tôi sẽ quay trở lại.

Rồi, linh hồn tôi được một vị Thần dẫn dắt, đi qua những tầng không gian khác nhau, tiến vào vòng luân hồi của cõi người. Và một sự an bài thật bất ngờ, một mối nhân duyên kỳ diệu đã được sắp đặt. Tôi đã được đầu thai, không phải vào một gia đình xa lạ nào đó, mà chính là trở thành con của Minh Tâm – người con gái hiếu thảo mà tôi đã từng động lòng trắc ẩn và ra tay giúp đỡ năm xưa trên núi Trường Bạch.

Kiếp Sống Làm Con Của Minh Tâm – Trải Nghiệm và Trưởng Thành:

Minh Tâm, người mẹ của tôi trong kiếp đó, là một người phụ nữ vô cùng nhân hậu, hiền đức và hết mực yêu thương con cái. Có lẽ nhờ chút phúc đức từ tấm lòng hiếu thảo với mẹ già của bà (mẹ của Minh Tâm trong kiếp trước), cùng với linh khí của củ nhân sâm mà tôi đã 'giúp' bà tìm được năm nào, mà mẹ của bà đã qua khỏi cơn bạo bệnh và sống thêm được nhiều năm nữa, đủ để chứng kiến cháu ngoại của mình ra đời và lớn lên.

Cha tôi trong kiếp đó (chồng của Minh Tâm) cũng là một người đàn ông chất phác, hiền lành, rất mực yêu thương vợ con. Gia đình chúng tôi sống ở một vùng quê nhỏ, cuộc sống tuy có phần vất vả, nhưng luôn tràn ngập tiếng cười và sự quan tâm lẫn nhau.

Từ khi còn rất nhỏ, tôi đã có những cảm nhận mơ hồ, những giấc mơ kỳ lạ về núi rừng bao la, về những điều gì đó rất thiêng liêng, hùng vĩ. Tôi có một sự gắn kết đặc biệt với thiên nhiên, thích được lang thang trên những ngọn đồi, lắng nghe tiếng chim hót, ngắm nhìn mây bay. Nhưng tôi hoàn toàn không thể nhớ rõ được tiền kiếp của mình từng là một vị Sơn Thần oai nghiêm. Chỉ có điều, trong tâm thức tôi luôn có một sự kính trọng đặc biệt đối với những người tu hành, đối với những ngọn

núi cao, và một niềm tin mơ hồ vào sự tồn tại của Thần Phật.

Tôi được cha mẹ hết lòng thương yêu, chăm sóc, cho ăn học tử tế. Lớn lên, tôi cũng tỏ ra là một người con ngoan, hiếu thảo, chăm chỉ học hành. Sau này, tôi cũng thi đỗ, ra làm một vị quan nhỏ ở địa phương, có lẽ chỉ tương đương với cấp huyện trưởng ngày nay. Trong suốt những năm tháng làm quan, tôi luôn cố gắng sống một cuộc đời ngay thẳng, thanh liêm, hết lòng giúp đỡ dân chúng trong khả năng của mình, cố gắng mang lại sự công bằng và ấm no cho người dân trong vùng tôi cai quản. Có lẽ, một phần nào đó trong tiềm thức, tôi vẫn muốn làm những điều tốt đẹp, như một cách để bù đắp lại những gì mà sự can thiệp thiếu suy nghĩ của tôi khi còn là Sơn Thần đã có thể gây ra, dù tôi không hề ý thức được điều đó một cách rõ ràng.

Trong kiếp sống đó, làm con của Minh Tâm, tôi đã thực sự nếm trải đủ đầy những thăng trầm của một đời người: niềm vui của sự sum họp gia đình, nỗi buồn của những cuộc chia ly, những lo toan về cơm áo gạo tiền, trách nhiệm với công việc, với xã hội. Tôi hiểu được rằng mỗi sinh mệnh, dù là ai, cũng đều có số phận và những gánh nặng riêng của mình. Tôi cũng thấu hiểu sâu sắc hơn về tình yêu thương của cha mẹ, sự hy sinh thầm lặng của họ. Và tôi nhận ra rằng, sự can thiệp từ bên ngoài vào cuộc đời của một ai đó, dù với ý định tốt đẹp đến đâu, cũng cần phải vô cùng cẩn trọng, bởi vì chúng ta không thể

nào lường hết được những hệ lụy và những xáo trộn mà nó có thể gây ra cho vòng quay nhân quả vốn đã rất phức tạp.

Kiếp sống làm con của Minh Tâm, tuy bình dị, nhưng đã dạy cho tôi những bài học vô cùng quý giá về cuộc đời, về tình người, và về sự vận hành của Thiên lý. Đó thực sự là một sự chuẩn bị cần thiết cho những hành trình tiếp theo của linh hồn tôi.

CHƯƠNG 4: THIÊN CƠ TAM QUỐC

...

Có lẽ ngày nay, nhiều người đã nghe nói về thời Tam Quốc của Trung Quốc, một thời đại của những trận chiến hào hùng, những mưu lược kinh người và những mối nghĩa tình huynh đệ được ca tụng qua nhiều thế hệ. Nhưng đó chỉ là một phần của vở kịch. Ẩn sau những lá cờ bay rợp trời và tiếng binh khí va vào nhau, còn có một thế giới khác, một thế giới của những đạo sĩ ẩn tu, của thuật số, của những người có thể nhìn thấy trước số mệnh. Đó là một thời đại mà Thiên ý và nhân quả hiển hiện rõ nét một cách lạ thường.

Và trong một kiếp sống, tôi đã ở đó, không phải với tư cách một vị tướng lừng lẫy, mà là một người quan sát thầm lặng.

Linh hồn tôi khi ấy mang một cái tên rất Đạo gia: Thanh Hư Tử.

Tôi tu Đạo từ khi còn là một đứa trẻ trên núi Võ Đang, một ngọn núi linh thiêng mà sương mù bao phủ quanh năm. Sư phụ của tôi là một vị chân tu, Người không chỉ dạy tôi y lý, thuật số, mà quan trọng hơn, Người đã khai mở cho tôi con đường để cảm nhận được sự vận hành của trời đất, thứ mà người đời gọi là Thiên ý. Nhờ căn cơ tốt và sự chỉ dạy của Người, thiên mục của tôi sớm được khai mở, giúp tôi nhìn thấy những điều mà mắt thường không thể thấy.

Khi sư phụ tôi đắc Đạo viên mãn và thăng thiên, tôi rời núi, bắt đầu hành trình vân du trong cõi hồng trần. Đó là lúc thiên hạ đang hồi đại loạn. Triều đình nhà Hán chỉ còn là cái bóng mờ, các chư hầu nổi lên khắp nơi, ai cũng mang trong mình một giấc mộng bá vương. Tôi khi đó đã ngoài bốn mươi, đi qua nhiều vùng đất, thấy nhiều cảnh tang thương. Trong những năm tháng phiêu bạt đó, tôi đã gặp rất nhiều những người tu Đạo ẩn mình trong nhân gian, có những vị tu luyện trong các danh sơn, có người lại ẩn mình giữa chốn chợ búa ồn ào. Chúng tôi thường chỉ cần một ánh mắt là nhận ra nhau, cùng nhau đàm đạo một đôi câu về thế sự, về Đạo, rồi lại mỗi người một ngả.

Nhưng trong số đó, có một vài cuộc gặp gỡ đặc biệt, những cuộc gặp với những người không chỉ có đạo hạnh

cao thâm, mà còn có một mối liên hệ mật thiết với vận mệnh của cả thời đại. Và chính qua những cuộc kỳ ngộ này, tôi dần dần nhìn ra được tấm lưới vô hình đang bao trùm cả thiên hạ. Cuộc gặp đầu tiên là với Thủy Kính tiên sinh Tư Mã Huy...

Và rồi, nhân duyên đưa tôi tìm đến Thủy Kính trang.

Gặp gỡ Thủy Kính tiên sinh:

Trang viên của Tư Mã Huy không nằm ở một nơi quá hẻo lánh, nhưng lại toát ra một khí vị biệt lập lạ thường. Một hàng rào tre thưa bao quanh, vài gốc tùng cổ thụ vươn mình che bóng, tiếng nước chảy róc rách từ một con suối nhỏ. Không có cổng cao tường lớn, không có gia nhân tấp nập. Tôi bước vào, chỉ thấy một đồng tử đang quét lá khô dưới gốc mai. Thấy có khách, đồng tử không hỏi tên, chỉ cúi đầu chào rồi dẫn tôi đi vào sâu bên trong.

Dưới một mái hiên gỗ đơn sơ nhìn ra hồ nước, một lão nhân râu tóc bạc phơ, mặc áo vải thô, đang ngồi một mình bên bàn cờ. Những quân cờ đen trắng đang ở một thế giằng co phức tạp. Lão nhân không ngừng đầu, nhưng giọng nói của ông lại vang lên, trầm ấm và thanh thoát.

"Đạo hữu mang theo cả khí sương của núi Võ Đang đến đây, trên bàn cờ của bàn đạo có một thế khó, mời đạo hữu cùng xem."

Tôi biết ông là Thủy Kính tiên sinh, và ông cũng biết tôi là ai. Giữa những người tu Đạo, sự giao cảm tâm linh đôi khi còn nhanh hơn cả lời nói. Tôi mỉm cười, ngồi xuống phía đối diện.

"Tiên sinh," tôi nói, "ván cò này, bên trắng tuy đang yếu thế, bị vây hãm, nhưng vẫn còn một đường sinh khí ở góc. Chỉ là đường sinh khí ấy quá nhỏ, cần một nước đi thần kỳ mới có thể phá vây. E rằng, người thường khó thấy, mà dù có thấy, cũng không đủ can đảm để đi."

Thủy Kính tiên sinh lúc này mới ngẩng lên, đôi mắt ông trong vắt như mặt hồ thu, nhìn tôi rồi khẽ gật đầu. Ông phất tay áo, gạt những quân cò trên bàn đi.

"Xem ra, đạo hữu và bàn đạo không cần bàn chuyện cò nữa rồi. Mời dùng trà."

Đồng tử mang ra một ấm trà bốc khói nghi ngút. Hương trà thoang thoang, thanh khiết. Chúng tôi ngồi trong im lặng một lúc lâu, chỉ có tiếng gió xào xạc và tiếng nước chảy.

"Đạo hữu đi khắp nơi," Thủy Kính tiên sinh lên tiếng trước, "đã thấy gì trong ván cò lớn của thiên hạ này?"

"Tôi thấy rồng rắn lẫn lộn, hươu nai tranh giành," tôi đáp. "Nhưng tôi không thấy chân long. Con rồng của nhà

Hán, khí lực đã suy kiệt, long mạch đã đứt đoạn, chỉ còn cái bóng vật vờ mà thôi."

Thủy Kính tiên sinh thở dài một tiếng, một tiếng thở dài dường như chứa đựng cả nỗi buồn của bốn trăm năm. "Đúng vậy. Long mạch đã đứt. Thứ mà các chư hầu đang tranh giành, thực chất chỉ là một cái xác rỗng không hồn. Viên Thiệu ở Hà Bắc, gia thế bốn đời tam công, trông thì như một con mãnh hổ, nhưng khí vận của ông ta hỗn tạp, bên ngoài mạnh mẽ, bên trong yếu đuối. Đó là hổ giấy, chỉ một cơn mưa lớn là rã."

"Tào Tháo ở Hứa Đô thì sao?" tôi hỏi. "Tôi thấy khí của người này thâm sâu khó lường, vừa có khí của bậc vương giả, lại vừa xen lẫn khí của kẻ gian hùng. Rất phức tạp."

"Đạo hữu nhìn không sai," Thủy Kính tiên sinh nhấp một ngụm trà. "Tào Tháo là một con giao long. Giao long thì có thể tung hoành sông biển, khuấy đảo mây mưa, nhưng nó không phải là chân long. Nó có thể thay trời hành sự trong một giai đoạn, nhưng không thể trở thành trời. Mệnh của ông ta là để kết thúc một thời đại cũ, chứ không phải để mở ra một triều đại mới có thể trường tồn. Ông ta là ngọn roi của Thiên Thượng, dùng để quất vào cái xác rỗng đã chết, để dọn dẹp sân khấu cho những vai diễn khác."

Lời của ông khiến tôi bừng tỉnh. "Ngọn roi của Thiên Thượng". Cách nói này thật quá chính xác.

"VẬY còn con cháu nhà họ Tôn ở Giang Đông?" tôi tiếp tục. "Nơi đó lấy sông lớn làm phòng tuyến, đất đai trù phú, lòng người quy thuận, tựa như một cõi riêng biệt."

"Giang Đông có khí của bậc đế vương, nhưng đó là khí của một vị vua an phận," Thủy Kính tiên sinh đáp. "Họ có thể giữ vững cơ nghiệp của mình, nhưng không có mệnh để thống nhất thiên hạ. Họ giống như một con hổ chiếm cứ một ngọn núi, có thể làm bá chủ một phương, nhưng sẽ không bao giờ xuống đồng bằng để tranh giành với bầy sư tử."

Chúng tôi lại im lặng. Những điều chúng tôi nói, nếu người thường nghe được, có lẽ sẽ cho là lời bàn luận suông. Nhưng tôi biết, đó là những gì chúng tôi thực sự "thấy" được, là sự vận hành của khí số, của Thiên mệnh.

Tôi nhìn vào mặt hồ phẳng lặng. Tôi nghĩ đến Lưu Bị, người mang dòng dõi hoàng tộc, đang phiêu bạt khắp nơi, chí lớn chưa thành.

Như đọc được suy nghĩ của tôi, Thủy Kính tiên sinh khẽ nói: "Còn có một người nữa, mang trong mình một chút chân khí của nhà Hán, nhưng lại quá yếu ớt. Người này nhân nghĩa có thừa, nhưng thời vận lại thiếu. Ông ta

giống như một hạt giống tốt, nhưng lại rơi vào mùa đông giá rét, rất khó để nảy mầm thành cây cổ thụ."

"Tiên sinh," tôi hỏi, "vậy thì thiên hạ này, chẳng lẽ cứ chìm trong hỗn loạn mãi sao?"

Thủy Kính tiên sinh không trả lời ngay. Ông đứng dậy, chấp tay sau lưng, đi ra mép hiên, nhìn những ngọn sóng lăn tăn trên mặt hồ.

"Sẽ không. Sân khấu nào rồi cũng phải hạ màn. Sau cơn đại loạn sẽ là lúc bụi mù lắng xuống. Sẽ có những nhân tài xuất thế, giúp cho vạn cơ tạm thời có một kết cục. Nhưng đó chỉ là một kết cục tạm thời mà thôi. Đạo hữu có biết ở Long Trung có một người trẻ tuổi không?"

"Ngọa Long tiên sinh?" tôi đáp.

"Phải," Thủy Kính tiên sinh quay lại, trong mắt ông có một tia sáng phức tạp, vừa có sự tán thưởng, lại vừa có sự tiếc nuối. "Tài của người này, có thể so với Khương Tử Nha, Trương Tử Phòng. Nhưng tiếc thay, sinh không gặp thời. Khương Tử Nha gặp được Văn Vương khi nhà Thương đã đến hồi mạt vận, nên có thể giúp nhà Chu dựng nên cơ nghiệp tám trăm năm. Trương Tử Phòng gặp được Hán Cao Tổ khi nhà Tần đã tàn bạo đến cực điểm, nên có thể giúp nhà Hán thái bình bốn trăm năm."

Ông dừng lại, rồi nói một câu mà sau này tôi vẫn nhớ mãi.

"Còn Ngọa Long, cậu ấy gặp được chủ, nhưng lại gặp phải lúc Thiên mệnh của triều đại đã tận. Cậu ấy giống như một người thầy thuốc giỏi nhất thiên hạ, nhưng lại được mời đến chữa cho một bệnh nhân mà lục phủ ngũ tạng đã hỏng hết cả rồi. Có thể kéo dài hơi tàn, có thể làm cho những ngày cuối đời trở nên ít đau đớn hơn, nhưng không thể nào cải tử hoàn sinh được. Đó là bi kịch của cậu ấy, cũng là bi kịch của thời đại này."

Lời nói của ông như một nhát búa gõ vào tâm trí tôi, làm cho những suy nghĩ mơ hồ của tôi trở nên rõ ràng. Tôi đứng dậy, vái một vái thật sâu.

"Đa tạ tiên sinh đã chỉ giáo. Thanh Hư Tử đã hiểu rồi."

Khi tôi rời đi, tôi vẫn nghe văng vẳng bên tai tiếng thở dài của ông. Tôi biết rằng, chẳng bao lâu nữa, Lưu Bị sẽ tìm đến đây, và Thủy Kính tiên sinh sẽ nói cho ông ta biết về Ngọa Long và Phượng Sồ. Nhưng cái cốt lõi của Thiên cơ, cái sự "không gặp thời", có lẽ ông sẽ chỉ giữ lại trong một tiếng thở dài mà thôi.

Gặp gỡ Gia Cát Lượng:

Rời Thủy Kính trang, những đám mây mù trong tâm trí tôi về thế cục dường như đã tan đi ít nhiều. Lời của tiên sinh về "người thầy thuốc giỏi" và "bệnh nhân đã hỏng hết lực phủ ngũ tạng" cứ vang vọng trong đầu, thôi thúc tôi tìm đến Long Trung. Tôi muốn được tận mắt thấy vị "Ngọa Long" này, không phải để xem tài năng của anh ta đến đâu, mà là để cảm nhận linh hồn của một người đang đứng trước một lựa chọn định mệnh.

Am cỏ của Gia Cát Lượng nằm trên một ngọn đồi ở Long Trung, nơi có thể nhìn bao quát cả một vùng đất rộng lớn. Không giống như Thủy Kính trang thanh tao, biệt lập, nơi này toát ra một khí vị khác. Vẫn là sự giản dị của một người ẩn tu, nhưng trong cái tĩnh lại ẩn chứa cái động. Tôi thấy những thửa ruộng được cày xới ngay ngắn, những luống rau xanh mướt, một vài mô hình sa bàn quân sự bằng đất và sỏi được sắp đặt tỉ mỉ trong sân. Nơi này không phải của một người muốn hoàn toàn thoát ly thế sự, mà là của một người đang chờ thời.

Tôi đến đó cùng với Thôi Châu Bình, một người bạn chung của cả tôi và Gia Cát Lượng. Khi chúng tôi bước vào, tôi thấy một chàng trai trẻ, tuổi chỉ ngoài hai mươi, đang ngồi bên cửa sổ, tay cầm một cuốn sách cổ, nhưng ánh mắt lại không nhìn vào sách mà đang dõi theo những đám mây trôi trên bầu trời. Chàng trai đó có vóc người cao, dáng vẻ thư sinh, nhưng đôi mắt lại sáng một

cách lạ thường, như thế có thể nhìn thấu tâm can người khác. Đó chính là Gia Cát Khổng Minh.

Anh ta đặt cuốn sách xuống, đứng dậy chấp tay chào chúng tôi, phong thái ung dung, nho nhã. Thôi Châu Bình giới thiệu tôi là một đạo sĩ từ núi Võ Đang. Gia Cát Lượng nhìn tôi, ánh mắt anh ta khẽ nheo lại, một cái nhìn dò xét nhưng không hề khiếm nhã. Tôi biết, anh ta cũng đang "nhìn" tôi, không chỉ bằng mắt thường.

Chúng tôi ngồi xuống, ban đầu chỉ bàn chuyện thời tiết, chuyện trồng trọt, những câu chuyện phiếm của những người bạn lâu ngày gặp lại. Nhưng dần dần, cuộc nói chuyện chuyển sang thế cục thiên hạ.

Thôi Châu Bình là người thẳng thắn, anh ta hỏi Gia Cát Lượng: "Khổng Minh, cậu tài trí hơn người, có sao cứ mãi cày cuốc ở chốn núi rừng này? Sao không ra giúp đời, lập nên công danh sự nghiệp?"

Gia Cát Lượng chỉ mỉm cười, phe phẩy chiếc quạt lông trong tay. "Châu Bình huynh, thời thế chưa đến, vội vàng làm chi? Chim khôn lựa cành mà đậu, tôi thần giới lựa chủ mà thờ. Chủ chưa hiện, thời chưa tới, ra ngoài chẳng qua cũng chỉ như con thiêu thân lao vào lửa, uống phí một đời mà thôi."

Nghe câu trả lời đó, tôi biết anh ta không phải là người ham công danh thông thường. Anh ta đang đợi một

"chủ" xứng đáng với tài năng của mình. Tôi bèn lên tiếng: "Tiên sinh nói 'thời chưa tới', nhưng liệu tiên sinh có chờ được đến lúc 'thời tới' hay không? Hay là, tiên sinh định tự mình tạo ra 'thời'?"

Câu hỏi của tôi dường như đã chạm đúng vào tâm tư của anh ta. Ánh mắt Gia Cát Lượng nhìn tôi sâu hơn.

"Đạo trưởng nói chí phải," anh ta đáp, giọng không còn vẻ phiếm luận nữa. "Thời là do trời định, thế là do người tạo. Con người có thể tạo ra 'thế', nhưng không thể nghịch lại 'thời'. Triều Hán bốn trăm năm, khí số đã tận, đó là 'thời'. Các chư hầu tranh giành, dân chúng lâm than, đó là 'thế'. Người tài giỏi trong thời buổi này, cùng lắm cũng chỉ có thể nương theo cái 'thế' mà tạo ra một cục diện mới, chứ làm sao có thể níu kéo một cái 'thời' đã qua?"

Cuộc đàm đạo của chúng tôi ngày càng đi sâu vào những đạo lý của Kinh Dịch, của thuật xem sao. Anh ta nói về sự vận hành của các vì sao, về sự tương ứng giữa thiên tượng và thế sự một cách rành rọt, chính xác, không giống như một thư sinh học trong sách vở, mà như một người đã tự mình quan sát và chứng nghiệm. Tôi biết, chàng trai trẻ này cũng là một người tu Đạo, một người đã khai mở trí huệ ở một tầng thứ rất cao.

Khi cuộc nói chuyện đến hồi tâm đắc nhất, tôi đã tập trung nhìn vào anh ta. Và đó là lúc một cảnh tượng kỳ lạ hiện ra trước thiên mục của tôi.

Hình ảnh của chàng thư sinh nho nhã dần dần phai mờ, chồng lên đó là một hình ảnh khác, từ một quá khứ xa xăm hơn. Tôi thấy một sa trường khói lửa mịt mù. Trên một chiếc đài cao, một vị tướng quân đang ngồi trên một chiếc xe lăn, gương mặt đầy những vết sẹo và cả những hình xăm của tội nhân. Đôi chân của ông ta trông vẫn còn đó, nhưng đã bị khoét mất xương bánh chè, mềm oặt và bất lực, khiến ông vĩnh viễn không thể đứng dậy. Ánh mắt ông ta sắc lạnh, tay liên tục ra hiệu lệnh, điều khiển ba quân như một cỗ máy hoàn hảo. Hàng vạn quân lính rầm rập tuân theo, tạo thành những trận đồ biến ảo khôn lường, vây hãm quân địch vào chỗ chết. Tôi nhận ra ông ta. Đó là Tôn Tần, vị quân sư thiên tài nhưng số phận bi thảm của nước Tề thời Chiến Quốc. Hình ảnh ấy chỉ thoáng qua, rồi biến mất, trả lại cho tôi hình ảnh Gia Cát Lượng đang ngồi đối diện, khỏe mạnh, toàn vẹn.

Trong một khoảnh khắc, tôi đã hiểu ra tất cả.

Linh hồn bất hạnh của Tôn Tần, sau khi chịu đựng sự phản bội tàn khốc của Bàng Quyên, nay đã quay trở lại, trong một thân xác lạnh lẽo, với một trí tuệ còn sắc bén hơn xưa. Và cái thói quen ngồi xe bốn bánh sau này của ông khi ra trận, đó không phải là sự phô trương, mà là

một dấu ấn không thể xóa nhòa của tiền kiếp, một sự gợi nhớ về những năm tháng phải ngồi trên chiếc xe lăn để điều binh khiển tướng.

Tôi nhìn Gia Cát Lượng, ánh mắt có lẽ đã để lộ ra điều gì đó. Anh ta cũng nhìn tôi, rồi dường như cũng cảm nhận được tôi đã thấy những gì. Anh ta không nói gì, chỉ lặng lẽ đưa tay rót thêm trà cho tôi.

"Đạo trưởng từ núi Võ Đang đến, hẳn đã nhìn thấy nhiều điều," anh ta nói khẽ, như một lời tự sự. "Gia Cát Lượng này chỉ là một kẻ nông phu, mong được yên ổn qua ngày. Chi e rằng, cây muốn lặng mà gió chẳng dừng."

Tôi biết anh ta đang khiêm tốn. "Tiên sinh không phải là cây," tôi đáp. "Tiên sinh là một cơn gió lớn. Chỉ là cơn gió này đang chờ đợi, không biết nên thổi về hướng Đông hay hướng Tây mà thôi. Nhưng tôi thấy, chẳng bao lâu nữa, sẽ có một ngọn gió khác, một ngọn gió mang theo chân khí của nhà Hán, dù yếu ớt, cũng sẽ tìm đến đây để hòa cùng với ngọn gió của tiên sinh."

Tôi đã tiên đoán về sự xuất hiện của Lưu Bị.

Gia Cát Lượng nghe xong, không tỏ ra vui mừng hay ngạc nhiên. Anh ta đặt chén trà xuống, nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi những đám mây vẫn đang lững lờ trôi. Anh ta không nói gì, nhưng tôi nghe được tiếng thở dài của anh

ta. Một tiếng thở dài rất khẽ, gần như không thể nghe thấy, nhưng lại chứa đựng cả một sự chấp nhận mệnh mang.

Đó không phải là tiếng thở dài của sự do dự. Đó là tiếng thở dài của một người đã biết trước con đường mình sắp đi đầy chông gai, biết trước kết cục sẽ là bi kịch, nhưng vẫn chấp nhận nó, như một phần của sứ mệnh, một phần của định mệnh mà linh hồn mình phải hoàn thành. Trong khoảnh khắc ấy, tôi không còn thấy một Khổng Minh mưu lược nữa, mà chỉ thấy một linh hồn vĩ đại, đang lặng lẽ đối diện với bi kịch của chính mình.

Gặp gỡ thần y Hoa Đà:

Sau cuộc gặp gỡ với Ngọa Long, tôi không nán lại Tương Dương lâu. Tôi tiếp tục hành trình vân du của mình, đi về phía đông, nơi có những ngọn núi nổi tiếng với nhiều thảo dược quý. Tôi muốn tìm một nơi thật tĩnh lặng để chiêm nghiệm lại những gì mình đã thấy. Và chính trên con đường đó, tôi đã có một cuộc kỳ ngộ khác.

Trên một sườn núi hoang vắng, khi sương sớm còn chưa tan, tôi thấy một lão nhân râu tóc bạc phơ, lưng đeo giỏ thuốc, đang cẩn trọng men theo vách đá cheo leo để hái

một nhánh cây lạ. Dáng vẻ của ông nhanh nhẹn, vững chãi, không giống một người đã ở tuổi thất tuần. Tôi nhận ra ông, không phải vì danh tiếng, mà vì luồng khí thuần chính và an hòa toát ra từ ông. Đó là thần y Hoa Đà.

Tôi không tiến lại gần làm phiền, chỉ ngồi xuống một tảng đá gần đó, lặng lẽ quan sát. Một lúc sau, khi đã hái xong thứ mình cần, ông quay lại và nhìn thấy tôi. Ông không ngạc nhiên, chỉ mỉm cười hiền hậu rồi bước đến.

"Lão hủ tham lam, muốn lấy của trời đất một chút linh khí, không ngờ lại gặp được đạo hữu ở đây," ông nói, giọng sang sảng.

"Tiên sinh lấy linh khí của trời đất để cứu giúp sinh linh, đó là thuận theo Đạo, đâu có gì là tham lam," tôi đáp.

Chúng tôi ngồi xuống cùng nhau trên tảng đá. Không cần nhiều lời, tôi có thể cảm nhận được rằng chúng tôi là những người đồng đạo, chỉ là con đường thể hiện ra thế gian có khác nhau. Tôi tu Đạo để tìm cầu sự minh triết cho bản thân, còn ông dùng Đạo để chữa lành cho người khác.

Tôi nhìn vào giỏ thuốc của ông, thấy những loại thảo dược cực kỳ quý hiếm, chỉ mọc ở những nơi địa khí hội tụ. Tôi hiểu rằng y thuật của ông không chỉ đến từ sách

vở hay kinh nghiệm tích lũy. Y thuật của ông, về bản chất, là một loại Thần thông.

Khi tôi tập trung nhìn ông, thiên mục của tôi thấy được điều đó. Tôi thấy mỗi khi ông chẩn bệnh, một luồng sáng nhẹ từ ấn đường của ông chiếu ra, xuyên qua da thịt của bệnh nhân, giúp ông nhìn rõ từng bộ phận bên trong, thấy được kinh mạch đang vận hành, thấy được nơi khí huyết tắc nghẽn, và cả những mầm bệnh, những khối u đang ẩn náu. Đó là lý do ông có thể thực hiện những cuộc phẫu thuật mà người đời xem là thần tích. Và tôi biết, đó cũng là lý do ông có thể nhìn thấy khối u trong não của Tào Tháo, một điều mà không một y thuật thông thường nào có thể làm được.

"Y thuật của tiên sinh đã đạt đến cảnh giới xuất thần nhập hóa," tôi nói. "Chỉ tiếc rằng, có những căn bệnh không thể chữa bằng thuốc thang hay dao kéo."

Hoa Đà khẽ gật đầu, ánh mắt ông nhìn về phương bắc xa xôi, nơi Tào Tháo đang hùng cứ. "Đúng vậy, đạo hữu. Bệnh của thân xác, có thể trị. Nhưng bệnh của tâm, bệnh của số mệnh, thì y thuật của lão hủ cũng đành bất lực. Có những người, cái tâm đa nghi của họ đã trở thành một khối u còn lớn hơn cả khối u trong não. Muốn chữa cho họ, trước hết phải mổ được cái tâm ấy ra. Nhưng đó là việc không thể."

Trong một khoảnh khắc im lặng, tôi và ông dường như cùng nhìn thấy một cảnh tượng. Tôi thấy cảnh ông bị Tào Tháo, trong cơn thịnh nộ và đa nghi, ra lệnh bắt giam. Tôi thấy ông ngồi trong ngục tù tăm tối, ung dung chỉnh lại những trang sách y học cuối cùng của mình trước khi đón nhận cái chết. Hoa Đà, với khả năng của mình, hiển nhiên cũng thấy được vận hạn đó của chính ông. Nhưng gương mặt ông không hề có một chút sợ hãi hay oán hận, chỉ có một sự bình thản chấp nhận.

"Mỗi người đến thế gian này đều mang theo những món nợ của riêng mình, đạo hữu ạ," ông nói khẽ. "Lão hủ cả đời chữa bệnh cứu người, nhưng cũng có những món nợ phải dùng chính sinh mệnh này để hoàn trả. Đó là lẽ công bằng của trời đất."

Tôi chấp tay vái ông một vái. Tôi kính trọng y thuật của ông, nhưng còn kính trọng hơn cái tâm thuận theo Thiên mệnh của ông. Chúng tôi từ biệt nhau trong im lặng, mỗi người lại đi về một hướng, nhưng tôi biết, linh hồn chúng tôi sẽ còn gặp lại nhau ở những nơi cao hơn.

Cuộc gặp gỡ với Hoa Đà, cùng những gì tôi đã thấy ở Thủy Kính tiên sinh và Gia Cát Lượng, đã thôi thúc tôi tìm đến một câu trả lời cuối cùng, một câu trả lời cho toàn bộ tấn bi kịch của thời đại này. Tôi tìm một hang động yên tĩnh trên núi, bắt đầu nhập định, quyết tâm nhìn cho thấu ngọn nguồn.

Khi tâm tôi lắng lại, khi mọi tạp niệm của thế gian tan biến, thiên mục của tôi mở ra một không gian sâu thẳm hơn. Tâm thức của tôi như vượt qua khỏi thời gian, bay ngược về quá khứ. Bốn trăm năm, một quãng thời gian dài đối với một đời người, nhưng chỉ là một cái chớp mắt trong dòng chảy của vũ trụ.

Và tôi đã thấy.

Tôi thấy một Hán Cao Tổ Lưu Bang uy phong lẫm liệt, nhưng trong mắt lại ánh lên sự ngò vức, đổ kỵ với những công thần đã cùng mình vào sinh ra tử. Tôi thấy hình ảnh Hàn Tín, vị đại tướng quân bách chiến bách thắng, bị lừa vào cung và xử trảm, trước khi chết ngửa mặt lên trời than một câu đầy oán hận: "Ta hối hận không nghe lời Khoái Triệt, để đến nỗi bị một người đàn bà lừa gạt. Đây há chẳng phải là ý trời sao?"

Luồng oán khí của ông không tan đi, mà ngưng tụ lại, xuyên qua bốn trăm năm lịch sử, nhập vào thân xác của một đứa trẻ sau này sẽ mang tên Tào Tháo.

Tôi lại thấy Bành Việt, một vị vương trung thành, bị vu oan tội mưu phản và xử cực hình, cả gia tộc bị chu di. Nỗi uất hận của ông và gia tộc cũng hóa thành một luồng khí đen, bay đi, tìm đến một linh hồn sau này sẽ đầu thai làm Lưu Bị.

Rồi tôi thấy Anh Bố, một mãnh tướng khác, bị dồn đến đường cùng và phải tự vẫn. Oán khí của ông cũng không tan, mà tìm về vùng đất Giang Đông, chờ đợi ngày đầu thai thành Tôn Quyền.

Cảnh tượng kinh hoàng nhất hiện ra cuối cùng. Tôi thấy linh hồn của Hán Cao Tổ Lưu Bang, sau khi chết đi, đã phải trải qua nhiều kiếp luân hồi để trả nghiệp. Và đến kiếp này, ông ta đã đầu thai chính vào hoàng tộc của mình, trở thành Hán Hiến Đế, vị vua cuối cùng của nhà Hán.

Đến lúc này, mọi thứ bỗng trở nên sáng tỏ đến rợn người.

Tất cả không phải là ngẫu nhiên. Đây là một sự thanh toán nghiệp quả được sắp đặt một cách hoàn hảo. Món nợ năm xưa quá lớn, nay phải dùng cả một giang sơn để hoàn trả. Ba vị công thần bị giết oan nay trở lại, hóa thành ba thế lực mạnh nhất, chia cắt, xâu xé chính cơ nghiệp mà tổ tiên của kẻ hại mình đã gây dựng. Hán Hiến Đế, hiện thân của Lưu Bang, phải trả giá bằng việc chứng kiến cơ đồ sụp đổ trong bất lực, trở thành con rối trong tay hậu duệ của chính những người mình đã sát hại.

Đây chính là "số trời", là một tấm lưới nhân quả khổng lồ, vô hình nhưng không một ai có thể thoát ra. Hiểu được điều này, tôi không còn nhìn Tam Quốc như một cuộc tranh hùng nữa, mà như một cuộc trả nợ đẫm máu và bi

tráng. Và tất cả những nhân vật trong đó, từ Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền, cho đến cả Gia Cát Lượng, Chu Du, Tư Mã Ý, tất cả đều chỉ là những con cờ, đang diễn hết vai của mình trên một bàn cờ nhân quả đã được bày sẵn từ bốn trăm năm trước.

Thế sự như một vở kịch:

Hiểu được rằng toàn bộ thời đại này là một vở kịch lớn để thanh toán nghiệp nợ, tôi bắt đầu nhìn các sự kiện diễn ra sau đó bằng một con mắt khác. Tôi không còn chỉ thấy mưu kế của con người, những trận thắng hay bại trên chiến trường, mà thấy cả bàn tay vô hình của Thiên Thượng đang sắp đặt mọi thứ. Những điều người đời sau cho là kỳ bí, là may mắn, hay là thần tích, dưới con mắt của người tu Đạo, lại trở nên vô cùng rõ ràng.

Tôi nhớ mãi câu chuyện về con ngựa Địch Lô của Lưu Bị. Người đời đồn rằng đó là ngựa sát chủ, ai cưỡi nó ắt sẽ gặp họa. Khi Lưu Bị ở Kinh Châu, Sái Mạo muốn hãm hại ông, ông đã phải một mình một ngựa tháo chạy. Trước mặt là dòng suối Đàn Khê rộng mấy trượng, nước chảy xiết, sau lưng thì quân truy đuổi đã gần kề. Trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc, con ngựa Địch Lô bỗng nhiên nhảy một cú phi thường, bay qua bờ bên kia, cứu

Lưu Bị thoát chết. Người ta cho đó là một sự may mắn hi hữu, hoặc cho rằng Lưu Bị có phúc lớn nên tai qua nạn khỏi.

Nhưng khi tôi quan sát sự việc đó trong định, tôi thấy một cảnh tượng hoàn toàn khác.

Tôi thấy Lưu Bị đang trong cơn tuyệt vọng, thúc ngựa đến bờ suối. Ông ta biết mình không còn đường lui. Trong khoảnh khắc sinh tử đó, khi ý chí cầu sinh của ông ta bùng lên mạnh mẽ nhất, một luồng ánh sáng vàng kim từ trên trời cao chiếu thẳng xuống, bao trùm lấy cả người và ngựa. Luồng sáng đó ấm áp và đầy uy lực. Tôi biết, đó là thần lực gia trì từ các vị Thiên Thần đang hộ mệnh cho ông. Lưu Bị là một nhân vật quan trọng trong vở kịch nhân quả này, vai diễn của ông ta còn rất dài, làm sao có thể kết thúc ở đây được?

Dưới sự gia trì của thần lực, con ngựa Địch Lô đang hoảng sợ bỗng trở nên vô cùng bình tĩnh. Đôi mắt nó sáng rực lên. Nỗi sợ hãi tan biến, thay vào đó là một sự dũng mãnh lạ thường. Toàn bộ cơ bắp của nó được rút đầy một nguồn năng lượng siêu nhiên. Cú nhảy của nó không đơn thuần là sức mạnh của một con vật, mà là sự thể hiện của Thiên ý. Nó bay qua dòng suối, nhẹ nhàng như một chiếc lá, đáp xuống bờ bên kia một cách an toàn. Đó không phải là may mắn, đó là sự bảo hộ tất yếu dành cho một người mang chân mệnh, một người mà vai diễn chưa đến lúc hạ màn.

Và rồi đến chuyện của Gia Cát Lượng. Như tôi đã nói, ông ấy biết rõ vận nhà Hán đã tận, biết rõ mình không thể nghịch lại Thiên mệnh. Vậy tại sao ông vẫn quyết định rời lầu tranh, xuống núi phò tá Lưu Bị, dấn thân vào một con đường mà ông biết trước là không có kết quả cuối cùng?

Người đời sau ca tụng ông vì lòng trung nghĩa, vì cái tinh thần "biết việc không thể làm mà vẫn làm". Họ xem đó là biểu hiện cao cả nhất của một bậc đại thần tận trung với vua, tận tụy với đất nước. Điều đó đúng, nhưng chỉ là bề mặt của câu chuyện, là lớp vỏ mà người thường có thể cảm nhận và tán dương.

Ở một tầng sâu hơn, tôi hiểu rằng Gia Cát Lượng, với tư cách một người đã có sự tu luyện, đã chấp nhận vai diễn của mình trong tấn kịch này. Ông không xuống núi để thay đổi kết cục. Ông xuống núi là để hoàn thành sứ mệnh của mình. Sứ mệnh đó là gì? Là làm cho chữ "Nghĩa" của thời Tam Quốc trở nên rực rỡ và phong phú hơn. Là để lại cho hậu thế một tấm gương bất diệt về lòng trung thành, về tình quân thần tri kỷ, về sự tận tụy đến hơi thở cuối cùng. Ông biết mình sẽ thất bại trong việc khôi phục nhà Hán, nhưng ông sẽ thành công trong việc tạo nên một câu chuyện để đời, một bài học mà hàng ngàn năm sau người ta vẫn phải nghiền ngẫm.

Cuộc đời của ông, từ lúc Lưu Bị ba lần đến lầu tranh cho đến khi ông chết ở gò Ngũ Trượng, chính là một bài học

sống động nhất. Nếu không có ông, câu chuyện của Lưu Bị sẽ chỉ là câu chuyện của một vị hoàng thúc có lòng nhân nhưng bất tài. Nếu không có ông, chữ "Nghĩa" giữa Lưu - Quan - Trương sẽ không có đất để tỏa sáng. Thiên Thượng cần một nhân vật như ông để làm cho vở kịch trở nên hoàn hảo, để những giá trị tinh thần cốt lõi được đẩy lên đến đỉnh điểm.

Gia Cát Lượng đã chấp nhận vai diễn bi kịch đó. Ông không phải đang cố gắng chống lại số mệnh, mà là đang thuận theo số mệnh để diễn cho trọn vai của mình, một vai diễn vĩ đại và cô độc.

Những giai thoại về Gia Cát Lượng:

Những giai thoại huyền bí về Gia Cát Lượng cũng vậy, chúng không huyền bí chút nào đối với những người trong cuộc. Người đời sau đọc truyện, xem kịch, thường kinh ngạc và thán phục, cho rằng ông là một vị thần tiên có phép thuật thông thiên. Nhưng thực ra, đó chỉ là sự vận dụng những khả năng mà người tu luyện có thể đạt được khi tâm tính và trí huệ đã khai mở đến một tầng nhất định.

Ví dụ như chuyện "Thuyền cỏ mượn tên".

Người ta chỉ thấy kết quả là trong một đêm sương mù, Gia Cát Lượng đã ung dung ngồi trên thuyền, khảy đàn uống rượu mà lấy được hơn mười vạn mũi tên của Tào Tháo, giải quyết được cái khó mà Chu Du đưa ra để hãm hại ông. Họ cho rằng đó là một mưu kế tuyệt đỉnh, một sự liêu lĩnh phi thường. Nhưng họ không biết rằng, đối với Gia Cát Lượng, đó không phải là sự liêu lĩnh, mà là một sự tính toán chắc chắn.

Trước đó mấy ngày, tôi đã quan sát ông. Tôi thấy ông không chỉ xem xét địa hình sông nước, không chỉ phân tích tâm lý đa nghi của Tào Tháo. Tôi thấy ông mỗi đêm đều lặng lẽ ra ngoài trời, ngửa mặt nhìn lên các vì sao, hai tay bấm đốt, miệng lẩm nhẩm những câu mà người thường không thể hiểu. Ông không chỉ đang quan sát thiên văn theo cách thông thường. Ông đang dùng thuật số, kết hợp với khả năng cảm ứng của mình, để tính toán chính xác sự vận hành của khí trời.

Ông biết chắc rằng, vào đêm thứ ba, canh năm, trên sông Trường Giang sẽ có một trận sương mù dày đặc chưa từng thấy. Dày đến mức đứng cách nhau vài bước chân cũng không nhìn rõ mặt. Đó là "Thiên thời". Ông cũng biết Tào Tháo là người đa nghi, trong hoàn cảnh sương mù như vậy sẽ không dám cho thủy quân ra nghênh chiến, mà chỉ dám cho quân cung nỏ bắn tên ra để tự vệ. Đó là "Nhân hòa" – hay đúng hơn là sự thấu hiểu tâm lý đối phương. Và ông biết địa thế khúc sông đó thuận lợi cho việc dàn thuyền và rút lui. Đó là "Địa lợi".

Khi đã nắm chắc cả ba yếu tố Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa trong tay, việc mượn tên chỉ còn là vấn đề thực hiện. Nó không phải là một phép màu, mà là kết quả của sự thấu hiểu và vận dụng các quy luật của tự nhiên, một khả năng mà người tu luyện có thể đạt được. Đối với người thường, đó là thần cơ diệu toán. Đối với ông, đó chỉ là thuận theo tự nhiên mà hành sự.

Câu chuyện về trận Xích Bích lại càng kịch tính hơn. Người đời kinh hãi nhất trước việc ông lập đàn thất tinh, cầu gió Đông trong ba ngày ba đêm. Họ thực sự tin rằng ông có thể hô phong hoán vũ, thay đổi cả đất trời.

Nhưng sự thật thì tinh vi hơn thế.

Gia Cát Lượng, qua việc quan sát thiên tượng và tính toán bằng các phương pháp bí truyền, đã sớm biết rằng vào ngày đông chí năm đó, khí dương sẽ bắt đầu sinh ra. Sự giao thoa giữa các dòng khí trên một vùng sông nước rộng lớn như Trường Giang, kết hợp với địa hình đặc thù, sẽ tạo ra một hiện tượng thời tiết bất thường: một ngọn gió Đông Nam sẽ nổi lên trong vài ngày, ngay giữa mùa đông vốn chỉ có gió thổi từ phương Bắc.

Ông không "tạo ra" ngọn gió. Ông chỉ "biết trước" ngọn gió sẽ đến.

Việc lập đàn cầu gió, về bản chất, là một màn kịch được dàn dựng công phu. Nó có nhiều mục đích. Thứ nhất, để

đề cao thân thế của mình, khiến cho phe Đông Ngô, đặc biệt là Chu Du, phải kính nể và không dám coi thường. Thứ hai, để che mắt mọi người, tạo ra một lý do chính đáng để ông có thể ở lại trên đàn thất tinh, tách biệt khỏi sự giám sát của Chu Du, người luôn có ý định sát hại ông ngay sau khi trận hỏa công thành công. Thứ ba, và cũng là quan trọng nhất, đó là để kéo dài thời gian. Ông đã bí mật hẹn trước với Triệu Vân, dặn dò kỹ lưỡng rằng đúng vào ngày gió nổi, hãy cho thuyền đến đón ông ở bờ nam.

Vào ngày trận chiến sắp diễn ra, tôi không phải là người tu Đạo duy nhất có mặt ở đó. Rất nhiều đạo sĩ ẩn tu khác cũng đã tìm đến khu vực quanh Xích Bích. Chúng tôi không ai hẹn ai, nhưng đều cảm nhận được rằng một màn kịch vĩ đại của Thiên ý sắp được trình diễn. Chúng tôi ẩn mình trên những ngọn đồi, những bờ sông hẻo lánh, không phải để tham gia, mà để lặng lẽ quan sát. Chúng tôi thấy lá cờ trên đàn thất tinh của Gia Cát Lượng bắt đầu phần phật bay về hướng Tây Bắc. Chúng tôi thấy ánh mắt tị mãn của Chu Du. Và chúng tôi cũng thấy được sự lo lắng của Tào Tháo khi nhìn những chiến thuyền được nối lại bằng xích sắt, một sai lầm chết người mà Bàng Thống đã gieo vào đầu ông ta.

Rồi khi ngọn gió Đông bắt đầu nổi lên, nhẹ nhàng lúc ban đầu rồi mạnh dần, chúng tôi thấy tất cả. Thấy những con thuyền lửa của Hoàng Cái lao vun vút về phía thủy trại quân Tào. Thấy biển lửa bùng lên ngút trời, tiếng

kêu la thảm thiết. Và thấy một chiếc thuyền nhỏ, dưới sự hộ tống của Triệu Vân, lặng lẽ rời khỏi bờ sông, đưa Gia Cát Lượng đi mất trước khi Chu Du kịp nhận ra.

Toàn bộ trận Xích Bích là một sự phối hợp hoàn hảo giữa mưu kế của con người và sự an bài của Thiên Thượng. Con người chỉ có thể thành công khi hành động của họ thuận theo cái "thời" và cái "thế" mà trời đất đã định sẵn. Gia Cát Lượng, Chu Du, Bàng Thống, Hoàng Cái... họ đều là những diễn viên xuất sắc, nhưng người viết kịch bản và đạo diễn thực sự cho vở kịch này, chính là Thiên ý.

Trận chiến cuối cùng:

Nhưng Gia Cát Lượng cũng là con người. Con người thì khi nhập vai quá sâu, đôi khi cũng không tránh khỏi sai lầm, không tránh khỏi việc để cho cái tâm tranh đấu của thế gian lấn át đi sự thanh tĩnh của người tu Đạo.

Trong suốt sự nghiệp của mình, tôi đã chứng kiến nhiều lần ông ấy vận dụng trí tuệ siêu thường để điều binh khiển tướng, để xoay chuyển càn khôn. Nhưng chưa có lần nào, cái tâm "tranh đấu" của ông lại lộ rõ và mạnh mẽ như trong trận đánh cuối cùng ở Thượng Phương Cốc.

Từ trong cánh giới của mình, tôi quan sát toàn bộ thung lũng ấy như một bàn cờ. Tôi thấy rõ từng nước đi của Gia Cát Lượng. Ông đã chuẩn bị cái bẫy này một cách hoàn hảo đến mức đáng sợ. Thượng Phương Cốc là một cái túi tử thần, hai bên vách núi dựng đứng, lối vào hẹp, lối ra gần như không có. Ông đã cho quân lính cải trang thành dân phu, ngày ngày vận chuyển lương thảo giả qua lại, cố tình để cho quân do thám của Tư Mã Ý nhìn thấy. Ông biết Tư Mã Ý là một con cáo già, đa nghi, sẽ không dễ dàng mắc bẫy. Vì vậy, ông đã kiên nhẫn diễn vở kịch đó suốt nhiều ngày.

Rồi ông sai Ngụy Diên ra trận, giao chiến vài hiệp rồi giả thua, vứt bỏ cả cờ quạt, quân trang, chạy thẳng vào Thượng Phương Cốc. Tư Mã Ý, sau nhiều ngày quan sát và thấy Ngụy Diên thua trận thảm hại, cuối cùng sự thận trọng cũng bị lòng tham che mờ. Hắn ta nghĩ rằng đây là cơ hội ngàn vàng để bắt sống Ngụy Diên, lập đại công. Hắn không hề biết rằng, cái mà hắn đang đuổi theo chính là lưỡi hái của tử thần.

Tôi thấy cha con Tư Mã Ý cùng đại quân Ngụy hồ hởi lao vào trong thung lũng. Khi toàn bộ quân địch đã lọt vào trong túi, Gia Cát Lượng ra hiệu. Lập tức, những tảng đá lớn và cây gỗ khổng lồ từ trên hai vách núi lăn xuống, bịt kín lối ra. Cùng lúc đó, những xe chứa đầy củi khô, lưu hoàng, diêm tiêu được đẩy xuống, chặn đứng đường vào. Cái thung lũng trong chốc lát đã biến thành một cái hòm gỗ khổng lồ, sẵn sàng châm lửa.

Tư Mã Ý, khi nhận ra mình đã trúng kế, mặt mày tái mét. Hắn ta ngược nhìn lên vách núi, thấy Gia Cát Lượng đang ung dung ngồi trên chiếc xe bốn bánh, tay phe phẩy chiếc quạt lông, ánh mắt lạnh lùng nhìn xuống. Trong khoảnh khắc đó, tôi cảm nhận được sự tuyệt vọng tột cùng của Tư Mã Ý. Con cáo già cả đời đi săn, nay lại sa vào một cái bẫy không lối thoát.

Và rồi, lửa bùng lên.

Những ngọn đuốc được ném xuống, bén vào củi khô và diêm tiêu, tạo thành một biển lửa kinh hoàng. Tiếng la hét thảm thiết của quân Ngụy vang động cả núi rừng. Ngọn lửa đỏ rực liếm lên những bộ áo giáp, biến những chiến binh dũng mãnh thành những ngọn đuốc sống. Tôi thấy cha con Tư Mã Ý ôm nhau, tuyệt vọng nhìn trời mà khóc: "Hôm nay, cha con ta chết ở đây rồi!"

Trên đỉnh núi, Gia Cát Lượng vẫn ngồi đó, lặng lẽ quan sát. Gương mặt ông không hề có một chút vui mừng của người chiến thắng. Nó căng thẳng, và có một sự gì đó rất cố chấp. Tôi cảm nhận được rằng, vào lúc này, ông đã "diễn" quá nhập tâm vai diễn Thừa tướng "cúc cung tận tụy" của mình. Ông không chỉ muốn thắng, ông thực sự muốn giết Tư Mã Ý, muốn dùng một trận hỏa công kinh thiên động địa này để cố gắng nghịch lại Thiên ý, để vót vát lại một chút hy vọng cho nhà Thục Hán. Một sát niệm mạnh mẽ, lạnh lẽo toát ra từ ông, một sát niệm mà

tôi chưa từng thấy trong suốt những năm tháng tôi quan sát ông.

Đó là lúc Thiên Thượng ra tay.

Mệnh trời đã định Tư Mã Ý không thể chết ở đó. Cơ nghiệp nhà Tấn phải từ dòng họ này mà ra. Mệnh trời cũng định, nhà Thục Hán phải kết thúc vai diễn của mình.

Khi ngọn lửa đang bùng lên dữ dội nhất, bầu trời đang quang đãng bỗng tối sầm lại. Mây đen từ đâu kéo đến, quần tụ ngay trên thung lũng Thượng Phương Cốc. Gió bắt đầu gào thét. Và rồi, một cơn mưa rào bất chợt trút xuống như thác đổ.

Hạt mưa to và nặng, quất thẳng vào biển lửa, tạo nên những tiếng "xèo xèo" ghê rợn và những cột khói trắng xóa bốc lên. Cơn mưa chỉ kéo dài trong khoảng thời gian một nén nhang, nhưng nó như một gáo nước khổng lồ của Thần linh, dội thẳng vào tham vọng của Gia Cát Lượng. Lửa tắt, củi ướt, vũ khí của quân Thục cũng trở nên vô dụng. Cha con Tư Mã Ý, từ cõi chết trở về, vội vàng dẫn tàn quân mở đường máu tháo chạy.

Tôi nhìn lên Gia Cát Lượng. Ông ngồi trên xe, sững sờ. Chiếc quạt lông đã rơi xuống đất từ lúc nào. Ông ngửa mặt lên trời, đôi mắt vốn tinh anh giờ đây đầy vẻ thất thần và bất lực. Rồi một tiếng thở dài náo nùng, chua xót

thoát ra từ lồng ngực ông, một tiếng thở dài còn đau đớn hơn cả ngàn vạn mũi tên đâm vào da thịt.

"Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên," ông lầm bầm.
"Không thể cưỡng lại được!"

Nói rồi, một ngụm máu tươi từ miệng ông phun ra, nhuộm đỏ cả vạt áo.

Tôi biết, ông đã hiểu. Con mưa đó không phải là ngẫu nhiên. Đó chính là ý trời, là lời cảnh cáo nghiêm khắc nhất. Hành động cố gắng nghịch Thiên này, dù chỉ là trong vai diễn, cùng với việc sát hại quá nhiều sinh linh trong suốt cuộc đời binh nghiệp của mình, đặc biệt là trận hỏa thiêu bảy lần bắt Mạnh Hoạch đã thiêu chết rất nhiều quân Đàng Giáp, khiến âm đức của ông bị tổn hại nặng nề. Về bản chất, ông là người tu Đạo, nhưng lại dùng trí huệ và sở học của mình để can dự quá sâu vào việc tranh đấu của người thường, tạo ra quá nhiều sát nghiệp. Con mưa này không chỉ dập tắt ngọn lửa trong thung lũng, mà còn dập tắt cả ngọn lửa sinh mệnh đang leo lét của ông.

Hậu quả là ông đã bị tổn thọ mất mười hai năm, và không thể đắc Đạo thành Tiên ngay trong kiếp đó được. Đây cũng là một bài học mà Thiên Thượng muốn để lại cho hậu thế: Dù tài giỏi đến đâu, cũng không thể thắng được ý trời. Sát nghiệp là một thứ vô cùng đáng sợ, ngay cả đối với người tu luyện.

Nhưng cũng chính vì thất bại đó, Gia Cát Lượng mới có thể thăng hoa.

Sau trận Thượng Phương Cốc, sức khỏe suy kiệt, ông hoàn toàn buông bỏ mọi tranh đấu, chấp nhận Thiên mệnh. Tâm cảnh của ông trong những ngày tháng cuối đời đã đạt đến một sự đột phá lớn lao. Khi cái "tôi" tranh đấu mất đi, khi ông không còn cố gánh vác cái gánh nặng khôi phục nhà Hán nữa, thiên mục của ông lại càng trở nên sáng tỏ hơn bao giờ hết. Ông đã có thể nhìn thấu được tương lai của thế gian trong gần hai ngàn năm sau đó.

Trong những ngày cuối cùng của ông ở gò Ngũ Trượng, khi thân xác ông đang dần lụi tàn, tôi đã đến thăm ông lần cuối. Không phải bằng xương bằng thịt, mà là một cuộc gặp gỡ trong tâm thức.

Tôi thấy ông không còn là vị Thừa tướng ưu tư, mà là một linh hồn đang chuẩn bị cho một hành trình mới, tâm trí thông tỏ, tĩnh lặng. Trong không gian của ý thức, chúng tôi không cần dùng lời nói.

"Đạo hữu đã thấy rồi phải không?" Ý niệm của ông truyền đến tôi, thanh thản và không một chút gợn sóng.

Và tôi biết ông đang nói về điều gì. Trong khoảnh khắc giao cảm đó, tôi không chỉ thấy lại tiền kiếp Tôn Tần của ông, mà tôi còn thấy được một dòng chảy vĩ đại hơn. Tôi

thấy linh hồn ông từ thời Khương Tử Nha bên bờ sông Vị, đến Tôn Tần trên sa trường Chiến Quốc, và rồi đến chính ông, Gia Cát Lượng của nhà Thục Hán. Tôi thấy được sự an bài của Thiên Thượng, rằng đây là một linh hồn mang sứ mệnh, cứ đến thời khắc bản lề của lịch sử lại hạ thế để làm người phụ tá, giúp xoay chuyển càn khôn.

"Ta đã thấy," tôi đáp lại bằng ý nghĩ. "Và ta còn thấy, sứ mệnh của ngài vẫn chưa kết thúc. Hơn một ngàn năm nữa, khi một triều đại khác của người ngoại tộc sắp suy vong, ngài sẽ lại một lần nữa hạ thế, mang tên Lưu Bá Ôn, để phò tá một vị Minh Chủ áo vải dựng nên một cơ đồ mới."

Gia Cát Lượng khẽ "mỉm cười" trong tâm thức. Đó là một nụ cười của sự thấu suốt và chấp nhận. Ông không hề ngạc nhiên. Ông đã tự mình nhìn thấy tất cả.

Chính trong trạng thái thông tuệ đó, khi đã hoàn toàn buông bỏ mọi chấp trước của kiếp này và thấu tỏ cả quá khứ lẫn tương lai, ông đã viết ra cuốn "Mã Tiên Khóa", một trong những cuốn sách tiên tri chuẩn xác nhất trong lịch sử Trung Hoa. Đó không phải là sản phẩm của mưu lược, mà là di huấn của một người đã thấy rõ Thiên cơ, hoàn thành nốt sứ mệnh của vai diễn Gia Cát Lượng, trước khi chuẩn bị cho một vai diễn khác.

Thời Tam Quốc, xét cho cùng, là một sân khấu lớn để diễn cho hậu thế xem về chữ "Nghĩa", về sự phức tạp của nhân quả, và về một chân lý không bao giờ thay đổi: Con người rất nhỏ bé, khó lòng đi ngược lại Thiên ý. Chỉ có tu luyện, hiểu mệnh, thuận theo Đạo, mới là con đường sáng suốt nhất.

CHƯƠNG 5: THEO CHÂN CHÚA Ở JERUSALEM

Ký ức lần này đưa tôi về một vùng đất của cát bụi và mặt trời, một nơi mà đức tin và sự hoài nghi luôn tồn tại song song, mãnh liệt như nhau. Đó là vùng đất Do Thái cổ xưa, vào đúng thời điểm Chúa Giê-su xuất hiện và truyền giảng Phúc Âm.

Tên tôi trong kiếp đó là Simon. Tôi không phải là một học giả, cũng không phải một người quyền thế. Tôi chỉ là một người thợ mộc bình thường ở Jerusalem, có một gia đình, và cuộc sống của tôi xoay quanh việc đục đẽo những thanh gỗ, tiếng búa, tiếng cưa. Gỗ ở Jerusalem

không sẵn, chúng tôi thường phải dùng những loại gỗ nhập về từ vùng Galilee hoặc những thanh gỗ tuyết tùng quý giá được đưa đến từ Lebanon. Mùi thơm của những thớ gỗ đó đã gắn liền với tôi suốt cả cuộc đời. Khi đó, tôi đã ngoài bốn mươi lăm tuổi, lớn hơn Giê-su khoảng mười lăm tuổi. Ở tuổi đó, con người ta đã trải qua đủ thăng trầm, và niềm tin của tôi khi đó đặt vào những điều mắt thấy tai nghe, vào những thớ gỗ trong tay mình, vào những đồng tiền kiếm được bằng mồ hôi để nuôi sống vợ con.

Rồi một ngày, bạn bè và những người hàng xóm của tôi bắt đầu xôn xao về một người tên là Giê-su đến từ Nazareth. Họ kể về những lời giảng dạy kỳ lạ của Người, về những phép lạ Người đã làm. Ban đầu, tôi không để tâm lắm. Tôi đã nghe quá nhiều câu chuyện về những người tự xưng là nhà tiên tri, những người đến rồi lại đi như những cơn gió thoảng qua sa mạc. Với một người đàn ông đã sống gần hết nửa đời người, tôi có một sự hoài nghi nhất định với những gì mình chưa tận mắt kiểm chứng.

Nhưng sự tò mò, và cả sự nể nang trước lời rủ rê của một người bạn thân, cuối cùng cũng kéo tôi đến một nơi mà Giê-su đang giảng đạo. Đó là một buổi chiều nắng gắt, đám đông tụ tập trên một sườn đồi, bụi bay mù mịt. Tôi đứng ở phía xa, khoanh tay trước ngực, với tâm thế của một người quan sát.

Người đó không có vẻ gì là một vị vua hay một vị tướng. Trang phục của Người cũng giản dị như bao người dân khác. Nhưng khi Người cất tiếng, cả đám đông bỗng nhiên im phăng phắc. Giọng nói của Người không vang dội, nhưng lại có một sức mạnh kỳ lạ, len lỏi vào tận tâm can của mỗi người.

Người nói về những điều rất lạ, những điều đi ngược lại với tất cả những gì tôi từng biết về mưu sinh và lẽ đời. Người nói rằng những người có tâm hồn khiêm nhường, nghèo khó mới là người có phúc, vì Thiên Quốc là của họ. Người nói rằng hãy yêu thương cả kẻ thù của mình, hãy cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi mình.

Những lời đó, ban đầu nghe thật ngược đời, nhưng nó lại chạm vào một nơi nào đó sâu thẳm trong tôi, giải đáp những câu hỏi mà tôi chưa bao giờ biết cách gọi tên. Tôi thấy những người giàu có quanh mình, họ có tất cả nhưng tâm trí lúc nào cũng bất an. Tôi thấy những người quyền lực, họ có thể ra lệnh cho người khác nhưng lại không thể ra lệnh cho chính sự bình yên trong lòng mình. Lời của Giê-su như một dòng nước mát, từ từ gột rửa những lớp bụi trần đã bám chặt trong tâm trí tôi suốt bao năm.

Nhưng điều thực sự khiến tôi quy phục không phải chỉ là lời giảng. Đó là những gì tôi đã tận mắt chứng kiến khi đi theo Người trên con đường rời khỏi thành Jericho.

Có một người ăn xin mà cả vùng đều biết, tên ông ta là Bartimaeus. Ông ta bị mù, ngày ngày chỉ ngồi bên vệ đường, sống bằng lòng thương hại của khách qua lại. Khi đoàn người chúng tôi đi qua, nghe thấy tiếng xôn xao, Bartimaeus hỏi xem có chuyện gì. Khi biết đó là Giê-su người Nazareth, ông ta bắt đầu gào lên, một tiếng gào xé lòng: "Lạy ông Giê-su, Con Vua Đa-vít, xin đủ lòng thương tôi!"

Nhiều người trong đám đông chúng tôi đã quay lại quát mắng, bảo ông ta im đi, đừng làm phiền Thầy. Nhưng họ càng quát, ông ta lại càng la to hơn. Tiếng gào của ông chứa đựng tất cả sự tuyệt vọng của một đời chìm trong bóng tối.

Và rồi, Giê-su đã dừng lại. Người quay lại và nói một câu đơn giản: "Hãy gọi anh ta lại đây."

Người ta gọi Bartimaeus. Ông ta mừng rỡ, vứt cả áo choàng lại, đứng dậy và lần bước đến trước mặt Giê-su. Tôi đứng đó, trong đám đông, nín thở quan sát.

"Anh muốn tôi làm gì cho anh?" Giê-su hỏi, giọng Người thật bình thản.

"Lạy Thầy, xin cho tôi được thấy!" Bartimaeus nức nở.

Giê-su nhìn ông, ánh mắt đầy từ bi. Người nói: "Anh hãy đi, lòng tin của anh đã cứu chữa anh!"

Ngay khoảnh khắc Người dứt lời, một điều không thể tưởng tượng đã xảy ra. Đôi mắt vốn mờ dần, vô hồn của Bartimaeus bỗng nhiên long lanh trở lại. Ông chớp mắt, rồi chớp mắt lần nữa, như không thể tin vào những gì đang diễn ra. Rồi ông nhìn lên, nhìn vào Giê-su, nhìn vào đám đông chúng tôi, nhìn lên bầu trời xanh. Lần đầu tiên trong đời, ông ta nhìn thấy ánh sáng.

Tôi sẽ không bao giờ quên được gương mặt ông ta lúc đó. Nó biến đổi từ tuyệt vọng sang kinh ngạc tột độ, rồi vỡ òa trong một niềm hạnh phúc không thể diễn tả bằng lời. Ông ta không gào khóc nữa, mà cười, một nụ cười rạng rỡ, nước mắt cứ thế tuôn trào. Ông ta quỳ xuống, nhưng không phải để van xin, mà là để tạ ơn. Và rồi, ông đứng dậy, không quay về chỗ ăn xin của mình nữa, mà lặng lẽ nhập vào đoàn người, đi theo Giê-su.

Tim tôi lúc đó đập như trống trận. Đó là khoảnh khắc mà mọi sự hoài nghi trong tôi sụp đổ hoàn toàn. Một người thợ mộc như tôi chỉ có thể làm cho một thanh gổ trở nên hữu dụng. Còn Người, Người có thể mang lại ánh sáng cho một cuộc đời.

Bây giờ, khi đã là một người tu luyện trong thời đại này, tôi hiểu rằng đó không phải là phép thuật theo cách người ta thường nghĩ. Mỗi sinh mệnh đều có số phận và những món nợ nghiệp lực của riêng mình, được các vị Thần ở các tầng khác nhau an bài một cách công bằng. Việc Bartimaeus bị mù cũng không phải là ngẫu nhiên,

đó là một phần trong kế hoạch hoàn trả nghiệp chương của ông ấy.

Khi Chúa Giê-su ra tay chữa lành, Ngài không phải là đang phá vỡ an bài của các vị Thần khác. Ngài biết rằng mình không thể đơn phương xóa đi món nợ đó. Thay vào đó, Ngài đã làm một việc vĩ đại và bi tráng hơn rất nhiều: Ngài đã chọn cách gánh lấy món nợ nghiệp lực đó về mình.

Mỗi một người được chữa lành, mỗi một linh hồn được cứu rỗi, nghiệp lực của họ đều được chuyển sang cho Ngài. Giống như một người cha nhân từ, thấy con mình nợ nần chồng chất, đã đứng ra nói với các chủ nợ rằng: 'Mọi món nợ của nó, hãy để tôi gánh hết.'

Và cái giá phải trả cho việc gánh chịu một khối nghiệp lực khổng lồ như vậy chính là cuộc Khổ nạn sau này. Sự đau đớn tột cùng mà Ngài phải chịu đựng trên cây Thập tự, từ thể xác đến tinh thần, chính là lúc Ngài dùng chính sinh mệnh và sự chịu đựng của mình để thanh toán toàn bộ những món nợ mà Ngài đã gánh thay cho các tín đồ. Những phép lạ chữa bệnh mà tôi (Simon) được chứng kiến chỉ là sự 'ứng trước' lòng từ bi của Ngài. Còn cái chết trên cây Thập tự mới là lúc Ngài trả giá cho lòng từ bi ấy.

Đó là con đường cứu độ mà Ngài đã chọn, một con đường của sự hy sinh tột cùng.

Từ ngày đó, tôi không còn là Simon, người thợ mộc chỉ tin vào những gì mình sờ thấy được nữa. Tôi đã trở thành Simon, một người đệ tử bình thường trong đám đông, lặng lẽ đi theo ánh sáng của Người, lắng nghe từng lời giảng, và khắc ghi vào tim sự từ bi và uy nghiêm mà tôi đã được chứng kiến. Tôi không phải là một trong mười hai tông đồ cốt cán, tôi chỉ là một giọt nước nhỏ trong đại dương của những người tin theo. Nhưng giọt nước đó đã được chứng kiến sự vĩ đại của biển cả, và sẽ không bao giờ còn có thể quay trở lại làm một giọt nước tù đọng như xưa.

Cuộc sống của tôi từ đó đã thay đổi hoàn toàn. Xưởng mộc vẫn còn đó, tiếng búa tiếng cưa vẫn vang lên mỗi ngày, nhưng tâm trí tôi không còn chỉ quẩn quanh với những thớ gỗ và những đơn hàng nữa. Mỗi khi có cơ hội, tôi lại tìm đến những nơi Giê-su giảng đạo, lặng lẽ đứng trong đám đông, lắng nghe và chiêm nghiệm.

Dần dần, một cộng đồng nhỏ bé nhưng đầy gắn kết được hình thành xung quanh Người. Chúng tôi, những người tin theo, đến từ đủ mọi tầng lớp: có những người đánh cá chất phác từ vùng Galilee, có người thu thuế bị xã hội khinh rẻ, có những người phụ nữ hiền đức, và cũng có những người thợ thủ công bình thường như tôi. Chúng tôi không có nhà thờ hay đền đài nguy nga. "Nhà thờ" của chúng tôi là bất cứ nơi nào Thầy dừng chân giảng

dạy: trên một sườn đồi, bên bờ biển hồ, hay trong sân nhà của một người nào đó có lòng mộ đạo.

Chúng tôi học cách yêu thương và chia sẻ với nhau. Người có nhiều thì giúp người có ít. Khi ai đó trong chúng tôi gặp khó khăn, những người còn lại sẽ cùng nhau cầu nguyện và giúp đỡ. Có một sự ấm áp, một tình huynh đệ chân thành mà tôi chưa từng cảm nhận được ở bất cứ đâu trước đây. Chúng tôi cùng nhau sống, cùng nhau hy vọng, và cùng nhau tin vào một Thiên Quốc mà Thầy đã hứa.

Nhưng con đường đi theo ánh sáng không bao giờ là một con đường bằng phẳng.

Chúng tôi nhanh chóng phải đối mặt với sự chống đối. Những thầy tư tế và các luật sĩ trong các hội đường lớn bắt đầu xem Giê-su như một mối đe dọa. Lời giảng của Người về sự khiêm nhường trong tâm hồn, về việc Thần không chỉ ở trong những đền đài bằng đá mà ở ngay trong tâm của mỗi người, đã thách thức trực tiếp quyền uy và địa vị của họ. Họ cho rằng Người là kẻ lộng ngôn, phạm thượng, dám tự xưng là Con của Thiên Chúa.

Chúng tôi, những người đi theo Người, cũng bị vạ lây. Hàng xóm láng giềng từng thân thiết bắt đầu nhìn chúng tôi bằng ánh mắt khác. Họ xì xào, bàn tán, cho rằng chúng tôi đã bị mê hoặc, đi theo một tà đạo. Có người không còn muốn mua đồ gỗ của tôi nữa. Có người từ

mặt những người bạn đã cùng lớn lên. Chúng tôi bị chế nhạo, bị tẩy chay, và đôi khi còn bị đe dọa.

Chính quyền La Mã, dù không quan tâm đến những tranh cãi tôn giáo của người Do Thái, cũng bắt đầu để mắt đến chúng tôi. Họ lo sợ đám đông đi theo Giê-su có thể biến thành một cuộc nổi dậy chính trị. Mọi hoạt động của chúng tôi đều bị giám sát.

Bây giờ tôi hiểu, tất cả những khó khăn đó không phải là ngẫu nhiên. Đó là sự khảo nghiệm mà Thiên Thượng dành cho những ai muốn đi trên con đường tu luyện. Khi một Chính Pháp được truyền ra, ma quỷ cũng sẽ đến để can nhiễu, để khảo nghiệm xem đức tin của con người có thực sự kiên định hay không. Những thử thách đó giống như một cái sàng, để sàng lọc ra những hạt giống đức tin tốt nhất, những người thực sự có thể kiên trì đến cùng.

Và rồi, cuộc khảo nghiệm lớn nhất, đau đớn nhất đã đến.

Tôi vẫn nhớ như in cái tuần lễ định mệnh đó ở Jerusalem. Không khí căng thẳng bao trùm khắp thành phố. Tôi nghe tin Thầy bị một trong những đệ tử thân tín nhất của mình, Judas, phản bội. Rồi tin Người bị bắt trong đêm ở vườn Gethsemane. Tim tôi như thắt lại.

Ngày hôm sau, tôi đã đứng trong đám đông, bất lực nhìn họ giải Người đi qua các con phố. Người mà tôi đã

thấy chữa lành cho người mù, hóa bánh cho hàng ngàn người ăn no, giờ đây lại bị họ đội cho một cái mũ gai, bị đánh đập, bị sỉ nhục. Tôi thấy những người mà chỉ vài ngày trước còn tung hô Người, giờ lại gào lên đòi đóng đinh Người vào thập tự giá.

Và tôi đã ở đó, trên ngọn đồi Golgotha, từ một khoảng cách xa, chứng kiến tất cả.

Tôi thấy họ đóng những chiếc đinh sắt thô kệch xuyên qua tay và chân Người. Tôi thấy họ dựng cây Thập tự lên. Tôi thấy Người treo lơ lửng giữa trời và đất, máu và mồ hôi chảy dài trên thân thể. Nỗi đau đớn và xót xa trong tôi lúc đó không thể nào tả xiết. Đức tin của tôi bị thử thách đến tận cùng. Tại sao, tại sao một vị Thần đầy quyền năng lại phải chịu một kết cục bi thảm và nhục nhã đến như vậy? Trong một khoảnh khắc, sự hoài nghi đã quay trở lại, gặm nhấm tâm can tôi.

Nhưng rồi, tôi nghe được lời cuối cùng của Người trước khi trút hơi thở: "Lạy Cha, con xin phó thác linh hồn con trong tay Cha."

Trong câu nói đó, không có một chút oán hận, chỉ có sự chấp nhận và thanh thản tuyệt đối. Và khoảnh khắc đó, tôi chợt hiểu ra. Đây không phải là sự thất bại. Đây là sự hoàn tất. Đây chính là sự hy sinh tốt cùng mà tôi đã được nghe giảng, nhưng chưa bao giờ thực sự hiểu hết. Ngài đang hoàn thành sứ mệnh của mình.

Sau khi Thầy qua đời, nỗi sợ hãi bao trùm lấy cộng đồng nhỏ bé của chúng tôi. Chúng tôi không dám tụ tập công khai nữa, chỉ lén lút gặp nhau trong những căn nhà kín cổng cao tường, thì thầm cầu nguyện và an ủi lẫn nhau.

Rồi một tin tức lan truyền trong chúng tôi, như một tia sét giữa đêm đen: Thầy đã sống lại! Mary Magdalene và một vài người phụ nữ khác đã ra thăm mộ và thấy ngôi mộ trống không. Rồi các tông đồ cũng đã gặp lại Người.

Ban đầu, tôi không dám tin. Tôi sợ đó chỉ là một câu chuyện bịa ra để an ủi những tâm hồn tan nát. Nhưng rồi, niềm tin ấy ngày một lớn dần, lan truyền từ người này sang người khác, không phải bằng bằng chứng, mà bằng một sức mạnh nội tâm kỳ lạ. Một niềm vui và một sức mạnh chưa từng có trào dâng trong lòng mỗi chúng tôi. Chúng tôi hiểu rằng, Thầy đã chiến thắng cả sự chết.

Chính niềm tin vào sự Phục Sinh đó đã biến đổi chúng tôi. Nỗi sợ hãi được thay thế bằng lòng can đảm. Chúng tôi bắt đầu nhóm họp trở lại, mạnh dạn hơn, để cùng nhau chia sẻ về những gì đã xảy ra.

Và đó là lúc lưỡi hái của sự đàn áp thực sự giáng xuống.

Một buổi tối, khi tôi và khoảng hơn mười người khác đang nhóm họp trong nhà của một người bạn, lính La Mã đã ập vào. Họ bắt tất cả chúng tôi. Không cần hỏi

nhieu, không cần xét xử dài dòng. Chúng tôi bị buộc tội đi theo "tà đạo" của Giê-su và gây rối trật tự công cộng.

Khi họ còng tay tôi, tôi không còn cảm thấy sợ hãi nữa. Lòng tôi thanh thản một cách lạ thường. Hình ảnh Thầy bị đóng đinh và cả tin tức về sự Phục Sinh của Người cứ hiện lên trong tâm trí tôi. Tôi biết mình đã chọn đúng con đường.

Tôi bị tống vào một nhà ngục tối tăm, ẩm thấp cùng với những người anh em của mình. Không khí đặc quánh mùi hôi hám và tuyệt vọng. Nhưng lạ thay, không ai trong chúng tôi than khóc hay oán trách. Chúng tôi ngồi bên nhau, im lặng, thỉnh thoảng lại khe khẽ đọc lại những lời dạy của Thầy mà chúng tôi còn nhớ. Trong bóng tối của ngục tù, một sự bình yên kỳ lạ bao bọc lấy chúng tôi.

Họ không tra tấn hay dụ dỗ chúng tôi. Việc bắt bớ này dường như chỉ là một hành động dần mặt, để dập tắt phong trào của chúng tôi ngay từ trong trứng nước. Họ muốn một sự trừng phạt nhanh chóng và dứt khoát.

Ngày hôm sau, một viên cai ngục đến mở cửa phòng giam của tôi. Hắn không nói gì, chỉ ra hiệu cho tôi đi theo. Tôi biết giờ của mình đã đến. Tôi nhìn những người anh em của mình lần cuối. Họ nhìn tôi, trong ánh

mắt không có sự thương hại, chỉ có sự cảm thông và một lời động viên thầm lặng. Tôi gật đầu với họ, rồi vững bước đi theo tên lính.

Hắn dẫn tôi đến một khoảng sân nhỏ phía sau nhà ngục. Ở đó chỉ có hắn và một tên đao phủ mặt lạnh như tiền, tay cầm một thanh gươm to bản. Tôi hiểu mình sẽ bị xử chém.

Tên cai ngục hỏi tôi một câu cuối cùng: "Người có từ bỏ đức tin vào Giê-su người Nazareth không? Nếu có, người sẽ được tự do."

Tôi nhìn thẳng vào mắt hắn. Hình ảnh Thầy trên cây Thập tự, gương mặt của Bartimaeus lần đầu nhìn thấy ánh sáng, những miếng bánh được hóa ra cho hàng ngàn người... tất cả lướt qua tâm trí tôi như một thước phim. Tôi đã thấy, đã tin, và đã cảm nhận được sự thật. Làm sao tôi có thể từ bỏ được?

Tôi lắc đầu, và một nụ cười nhẹ nhàng nở trên môi tôi.

Nụ cười đó không phải là sự thách thức hay khinh miệt. Đó là sự thanh thản. Đó là sự chấp nhận. Đó là niềm vui của một người biết mình sắp được trở về nhà, được gặp lại Thầy của mình ở một nơi không còn đau khổ hay nước mắt. Đó là sự viên mãn của một người đệ tử bình thường, người đã giữ trọn vẹn được đức tin cho đến giây phút cuối cùng.

Tên cai ngục thấy nụ cười của tôi, hắc khê cau mày, có vẻ khó hiểu. Hắn phất tay cho tên đao phủ.

Cảm giác cuối cùng của tôi trong kiếp sống đó là một vết sáng lạnh lẽo lóe lên trước mắt, và một cơn đau nhói ở cổ.

Rồi tất cả chìm vào bóng tối.

Nhưng đó không phải là bóng tối của sự kết thúc. Ngay sau đó, linh hồn tôi thoát ra, nhẹ bẫng. Tôi thấy thân xác mình ngã xuống, và tôi thấy một con đường ánh sáng rực rỡ mở ra trước mắt. Tôi biết mình đã chọn đúng.

Kiếp sống làm Simon, người thợ mộc ở Jerusalem, đã dạy cho tôi một bài học vô giá về đức tin. Đức tin không phải là thứ chỉ dành cho những bậc thánh nhân hay những người phi thường. Nó có thể nảy mầm trong trái tim của một người bình thường nhất, và khi đã bén rễ, nó có thể trao cho người đó sức mạnh để đối mặt với cả cái chết bằng một nụ cười.

Và tôi cũng hiểu rằng, con đường tu luyện nào cũng vậy, luôn đi kèm với những thử thách và sự khảo nghiệm. Sự lựa chọn giữa việc sống trong giả dối và việc chết cho Chân lý là một bài kiểm tra mà rất nhiều người tu luyện trong các thời kỳ lịch sử đã phải đối mặt. Sự lựa chọn đó, cuối cùng, sẽ quyết định nơi mà linh hồn của họ sẽ đi về.

CHƯƠNG 6: TIẾNG VỌNG KIM TỰ THÁP

(Cậu bé River ngồi đối diện tôi, đôi mắt trong veo nhìn xa xăm, như thể đang nhìn vào một cuốn phim cũ kỹ mà chỉ mình cậu thấy được. Giọng cậu bé trầm xuống, mang một sự trang nghiêm không hợp với lứa tuổi.)

...

Lần này, ký ức đưa tôi về một thời đại còn xa xưa hơn nữa, có lẽ khoảng tám mươi triệu năm về trước, theo cách tính thời gian của các vị. Đó là một thế giới mà Trái Đất còn rất khác, một thế giới của những người khổng lồ...

Kiếp sống đó, tôi là một vị tướng quân, tên là Solon. Những cái tên như Solon, hay Trung Thiên Quốc, Mona, Canla... mà tôi kể sau đây, chúng chỉ là những phiên âm gần đúng nhất mà tôi có thể tìm thấy trong ngôn ngữ

hiện tại. Ngôn ngữ của chúng tôi thời đó hoàn toàn khác, nó đơn giản và trực tiếp hơn, mang năng lượng của âm thanh nhiều hơn là ký tự.

Thế Giới và Con Người:

Thế giới của chúng tôi khi ấy là một bức tranh hùng vĩ. Con người chúng tôi, những người khổng lồ, thường có chiều cao trung bình trên năm mét. Thân thể chúng tôi cường tráng, nhưng tâm hồn lại rất thuần khiết và đơn giản. Chúng tôi sống hòa hợp với thiên nhiên, một thiên nhiên mà các vị ngày nay khó lòng tưởng tượng nổi. Khủng long không phải là quái vật, mà là những người bạn đồng hành. Những loài khủng long bay to lớn, hiền hòa được chúng tôi thuần hóa để làm phương tiện di chuyển giữa các thành phố. Những loài ăn cỏ khổng lồ khác, với sức mạnh vô song, thì giúp chúng tôi kéo những vật liệu nặng trong các công trình xây dựng.

Xã hội chúng tôi rất hài hòa, yên bình, tất cả đều có lòng tín ngưỡng sâu sắc vào Thần Phật. Vương quốc của tôi được gọi là Trung Thiên Quốc, do một vị vua trẻ anh minh và nhân từ tên là Mala trị vì.

Vai Trò Của Solon:

Trong thời kỳ hòa bình đó, tôi là Đội trưởng Cảnh vệ Hoàng gia. Công việc của tôi trong nước khá nhàn hạ, vì người dân rất thuần phác, hiếm khi có tranh chấp lớn. Tuy nhiên, quân đội của Trung Thiên Quốc vẫn luôn được huấn luyện tinh nhuệ. Chúng tôi không dùng sự tinh nhuệ đó để xâm lược, mà để thể hiện uy đức.

Tôi nhớ có lần, một vương quốc lân bang có ý định gây hấn. Ai cũng biết Vua Mala và Công chúa Mona đều là những người tu luyện Phật Pháp từ nhỏ, sở hữu một khí chất và uy đức phi phàm. Theo một quyết định có phần bất ngờ, cả hai anh em đã cùng nhau đích thân dẫn một đội quân đến vùng biên giới.

Khi đạo quân của chúng tôi xuất hiện, sự hùng mạnh và kỷ luật của binh sĩ đã khiến đối phương phải khiếp sợ. Nhưng điều thực sự làm tan rã ý chí chiến đấu của họ chính là uy phong của Đức Vua Mala. Ngai ngời trên chiến xa, chưa cần nói một lời, nhưng khí thế uy nghiêm, chính đại của một bậc chân tu và một vị đế vương tỏa ra ngút trời, khiến cho kẻ địch cảm thấy nhỏ bé và không dám có ý nghĩ đối đầu. Sự hiện diện của Công chúa Mona, với vẻ đẹp thoát tục và khí chất bình thản, lại càng làm tăng thêm sự thánh thiện và chính nghĩa cho đoàn quân của chúng tôi.

Vị vua kia, khi đối diện với uy phong ngút trời đó, đã hoàn toàn bị khuất phục. Ông ta tự mình ra lệnh rút quân và vội vàng sai sứ giả đến cầu hòa. Đó là cách

chúng tôi gìn giữ hòa bình, không phải bằng gươm đao, mà bằng chính uy đức của những người lãnh đạo.

Kiến Tạo Thiêng Liêng:

Trong kiếp sống đó, tôi đã chứng kiến việc kiến tạo một Kim Tự Tháp vĩ đại. Đó không phải là một lăng mộ. Tuyệt đối không. Trong nhận thức của chúng tôi khi đó, công trình này có một sứ mệnh thiêng liêng: nó là để tôn thờ một vị Đại Phật. Nó cũng là một cánh cổng để kết nối với Thần Phật, và là một Nhân chứng lịch sử cho tương lai.

Bản thiết kế của công trình vĩ đại này không phải do trí tuệ con người nghĩ ra. Tôi biết rằng những "kiến trúc sư" tài hoa nhất của vương quốc đã nhận được những gợi ý và chỉ dẫn trực tiếp từ Thần Phật trong những giấc mơ hoặc những trạng thái thiền định sâu. Những con số, tỷ lệ, cách sắp đặt bên trong... đều ẩn chứa thiên cơ. Cụ thể những chỉ dẫn đó ra sao thì ngay cả một người ở vị trí của tôi cũng không được biết. Nhiệm vụ của tôi và đội cảnh vệ chỉ đơn giản là đảm bảo sự an toàn tuyệt đối cho quá trình thiêng liêng ấy được diễn ra.

Từ vị trí Đội trưởng Cảnh vệ Hoàng gia, tôi đã được chứng kiến và bảo vệ cho toàn bộ quá trình đó.

Việc tuyển chọn công nhân cho công trình không dựa trên sức vóc đơn thuần. Một chiếu chỉ được ban ra khắp Trung Thiên Quốc, chỉ tuyển những thanh niên trai tráng chưa lập gia đình, và quan trọng hơn cả là phải có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng thành kính với Thần Phật. Hàng vạn người như vậy đã nô nức tìm về kinh thành, xem việc được góp sức xây tháp là một vinh dự to lớn nhất trong đời. Nhưng những người được chọn để trực tiếp xây dựng thì chỉ giới hạn gần 1000 người, những người còn lại chủ yếu lo việc khai thác các khối đá theo yêu cầu và vận chuyển chúng đến công trường.

Trong suốt thời gian xây dựng Kim Tự Tháp đầu tiên đó, cả vương quốc dường như chỉ cùng chung một nhịp đập. Đức Vua Mala dốc toàn bộ tâm sức vào việc chỉ đạo công trình. Còn Vương hậu, bà không ở cạnh nhà vua. Mỗi ngày, bà đều thành tâm lễ Phật, cầu nguyện cho công trình được suôn sẻ, cho quốc thái dân an. Các vương công đại thần và toàn thể dân chúng đều noi theo tấm gương đó. Bầu không khí của Trung Thiên Quốc khi ấy thuần tịnh vô cùng. Người dân chúng tôi rất thuần phác, nam giới thì nho nhã, lễ độ; nữ giới thì đức độ, đoan trang. Không có sự tranh giành, chỉ có sự đồng lòng hướng về một mục tiêu cao cả.

Và điều đáng kinh ngạc nhất chính là cách chúng tôi xây dựng. Việc xây tháp hoàn toàn sử dụng sức người. Những khối đá lớn, có khối nặng đến hai, ba tấn theo cách tính ngày nay, lại không phải là gánh nặng. Tôi nhớ

rất rõ hình ảnh bốn hay sáu người lực lưỡng, vai kề vai, cùng nhau nâng một tảng đá như vậy một cách nhịp nhàng mà không hề tỏ ra quá sức. Họ không dùng đòn bẩy phức tạp, mà dùng chính sự hợp lực và một loại sức mạnh tinh thần nào đó.

Dưới chân họ là những đôi giày đặc biệt, được bện rất khéo và chặt từ một loại cỏ chỉ có ở vùng núi gần đó. Loại giày cỏ này có một khả năng bám dính kỳ lạ. Khi họ vận chuyển những khối đá nặng lên các bậc thang dốc của Kim Tự Tháp, tôi thấy bước chân của họ vô cùng vững chãi. Nhiều người trong số họ kể lại rằng, mỗi bước đi, họ đều có cảm giác như có một lực vô hình nào đó đang nhẹ nhàng nâng đỡ bàn chân, khiến bước chân trở nên thanh thoát lạ thường. Họ gọi hiện tượng này là "chân đạp mây", và tất cả đều tin rằng đó là do Thần linh đang trợ giúp cho những người có tấm lòng thành kính.

Không khí tại công trường không hề nặng nề, mệt nhọc. Các nhạc sĩ, ca sĩ tài hoa nhất từ khắp mọi miền đều hội tụ về đây. Họ xem đây là nguồn cảm hứng vô tận để sáng tác nên những bản nhạc, những bài ca hay nhất. Và chủ đề quan trọng nhất, thiêng liêng nhất trong những tác phẩm của họ chính là để ca ngợi sự vĩ đại và từ bi của Thần Phật, sau đó mới là ca ngợi lòng thành của đức vua và dân chúng đã thuận theo Thiên ý để kiến tạo nên công trình này.

Họ không chỉ hát, mà còn biểu diễn những vũ điệu tuyệt đẹp. Những điệu múa ấy vừa uyển chuyển, thanh cao, vừa ẩn chứa sức mạnh và sự tráng lệ. Âm nhạc thì kết hợp hài hòa giữa sự hùng tráng của dàn nhạc lớn và nét du dương, tinh tế của các nhạc cụ riêng lẻ.

(Cậu bé chột mỉm cười, một nụ cười vừa xa xôi vừa thân thuộc.)

Khi nhớ lại những cảnh tượng đó, một hình ảnh trong kiếp này của tôi chợt hiện lên một cách rõ ràng. Vào năm trước, cha mẹ có đưa tôi đi xem một buổi biểu diễn của đoàn nghệ thuật Thần Vận (Shen Yun). Tôi biết đoàn nghệ thuật này có trụ sở ở New York, nhưng họ đi lưu diễn khắp nơi trên thế giới, và hôm đó, chúng tôi đã đến Los Angeles để xem chương trình của họ. Ngay từ lúc màn sân khấu được kéo lên, tôi đã có một cảm giác thân thuộc đến khó tả. Từ trang phục, vũ đạo, cho đến âm hưởng của âm nhạc, tất cả đều gọi cho tôi một ký ức sâu thẳm mà lúc đó tôi chưa thể gọi tên. Bây giờ, tôi đã hiểu. Những điệu múa và ca khúc mà tôi từng thấy ở Trung Thiên Quốc thời người khổng lồ, chúng mang cùng một phong thái, một tinh thần với những gì mà đoàn nghệ thuật Thần Vận đang trình diễn ngày nay. Dường như, những gì được gọi là văn hóa Thần truyền chân chính đều có chung một nguồn cội, một linh hồn, dù trải qua bao nhiêu triệu năm đi nữa.

(Giọng cậu bé trở lại với dòng hồi tưởng.)

Mỗi khi đến giờ nghỉ giữa chừng, những người phục vụ lại ân cần mang đến những giỏ quả ngọt mọng và nước suối mát lạnh lấy từ đỉnh núi. Và rồi, những lời ca trong trẻo lại được cất lên. Tiếng hát hòa vào tiếng gió, xua tan đi mọi mệt mỏi, khiến tâm tình ai nấy đều trở nên vui vẻ, phấn chấn.

Buổi tối, sau một ngày lao động, không có những cuộc vui ồn ào. Hàng vạn công nhân lại cùng nhau ngồi xuống, xếp bằng đả tọa trong tĩnh lặng. Họ tĩnh tâm trong khoảng một tiếng đồng hồ, thâm niệm Phật hiệu, gột rửa những suy nghĩ tạp loạn, giữ cho thân tâm luôn được thanh tịnh.

Tôi sẽ không bao giờ quên được khoảnh khắc khi khối đá cuối cùng được đưa lên. Đó là một khối đá chóp nhọn, được mài giũa hoàn mỹ. Đích thân Đức Vua Mala, khi ấy vẫn còn rất trẻ, đã cởi bỏ vương bào, cùng với bốn tráng sĩ khỏe mạnh nhất, tự tay đưa khối đá ấy lên vị trí cao nhất của Kim Tự Tháp. Dưới chân tháp, hàng vạn người nín thở dõi theo. Khi khối đá được đặt xuống một cách hoàn hảo, cả biển người cùng cúi mình bái lạy trong im lặng. Không một tiếng hoan hô, chỉ có lòng thành kính tuyệt đối dâng lên Thân Phật.

(Cậu bé River dừng lại một chút, ánh mắt nhìn xa xăm, rồi nói tiếp với tư cách là người kể chuyện ở hiện tại.)

Hiện tại, khi sử dụng thiên mục để nhìn, tôi nhận ra công trình mà khi đó tôi chứng kiến xây dựng chính là Kim Tự Tháp lớn thứ hai, nằm ở vị trí trung tâm trong ba công trình vĩ đại tại Giza ngày nay. Dù nó là Kim Tự Tháp lớn thứ hai về kích thước, nhưng nó lại là công trình đầu tiên được xây dựng trong kế hoạch tổng thể đó.

Tôi cũng thấy rằng những Kim Tự Tháp còn lại được xây dựng sau này, khi tôi, Solon, đã không còn tại thế. Mỗi công trình được khởi công cách nhau khoảng mười năm. Có lẽ vì là Kim Tự Tháp được xây dựng đầu tiên, với một tấm lòng thuần tịnh và sự đồng lòng cao độ nhất, nên cho đến tận bây giờ, phần chóp đỉnh của nó vẫn còn giữ được tương đối nguyên vẹn, như một chứng nhân câm lặng cho một thời đại hoàng kim đã bị lãng quên.

Giờ nhìn lại, tôi nhận thấy toàn bộ quần thể đó đã được quy hoạch bởi Thần từ trước, với một mục đích vô cùng to lớn. Kim Tự Tháp lớn nhất, được xây dựng sau này, là để tôn thờ một vị Đại Phật khác, tượng trưng cho lòng Từ Bi vô hạn. Còn Kim Tự Tháp nhỏ nhất thì dành để thờ một vị Phật tượng trưng cho sự Uy Nghiêm.

Và canh giữ phía trước quần thể linh thiêng đó chính là bức tượng Nhân Sư. Đó không phải là hình tượng của một vị vua, mà là hình tượng của một vị Võ Thần trên thiên giới, có nhiệm vụ canh gác, bảo vệ cho các Kim Tự Tháp và vùng đất thánh này, chống lại hết thảy tà ma.

Duyên Trời Định và Sứ Mệnh Hộ Vệ

Thời gian xây dựng Kim Tự Tháp kết thúc cũng là lúc cuộc đời tôi, Solon, bước vào một ngã rẽ định mệnh.

Vua Mala có một người em gái, Công chúa Mona. Cha mẹ của họ đã qua đời từ khi họ còn nhỏ, nên Vua Mala vừa là anh trai, vừa giống như một người cha, hết mực yêu thương và bảo bọc cho nàng. Nay, Công chúa Mona đã đến tuổi cập kê. Nàng không chỉ sở hữu một vẻ đẹp thanh khiết khiến hoa cỏ phải nghiêng mình, mà quan trọng hơn, nàng có một tấm lòng nhân hậu và đức độ bẩm sinh. Danh tiếng của nàng không chỉ vang xa trong Trung Thiên Quốc mà còn lan đến các vương quốc lân cận.

Ở phía tây, có một vương quốc hùng mạnh tên là Tây Cực Quốc, được trị vì bởi một vị vua trẻ tên là Dalac. Vua Dalac cũng là một người nhân từ và có tài, luôn mong muốn xây dựng một đất nước hòa bình, thịnh vượng. Các sứ giả qua lại đã mang theo những bức họa được vẽ bởi những họa sĩ tài hoa nhất. Khi Vua Dalac được chiêm ngưỡng bức họa của Công chúa Mona, và khi Công chúa Mona nhìn thấy hình ảnh của Vua Dalac, cả hai đều ngay lập tức cảm nhận được một sự kết nối sâu sắc. Họ không chỉ cảm mến vẻ ngoài của nhau, mà

đường như qua nét vẽ, họ đã nhìn thấy được cả tâm hồn và đức độ của đối phương.

Mối lương duyên của họ không chỉ là sự sắp đặt chính trị, mà còn là sự hòa điệu của hai trái tim nhân hậu, nảy sinh từ lòng cảm mến chân thành.

Cuộc hôn nhân giữa Công chúa Mona và Vua Dalac nhanh chóng được cử hành. Đó là một sự kiện trọng đại, mang lại niềm vui và hy vọng về một nền hòa bình bền vững cho cả hai vương quốc. Cả Trung Thiên Quốc và Tây Cực Quốc đều chìm trong lễ hội. Tôi vẫn nhớ hình ảnh Công chúa Mona trong bộ vương bào lộng lẫy, gương mặt vừa ánh lên niềm hạnh phúc, vừa thoáng một nỗi buồn khi sắp phải rời xa người anh trai và quê hương yêu dấu.

Trước ngày công chúa lên đường, Đức Vua Mala đã cho gọi riêng tôi vào cung. Ngài nhìn tôi, ánh mắt vừa tin tưởng vừa nghiêm nghị, chất chứa cả tình thương của một người anh trai. Ngài nói: "Solon, trong các tướng quân, ngươi là người ta tin tưởng nhất về lòng trung thành và sự quả cảm. Mona là người em gái duy nhất của ta, là viên ngọc quý nhất của Trung Thiên Quốc. Nay, nó sẽ đến tỏa sáng ở một vùng đất xa xôi. Ta giao cho ngươi một sứ mệnh quan trọng hơn cả việc bảo vệ hoàng cung này. Ngươi hãy dẫn một đội tinh binh, hộ tống công chúa đến Tây Cực Quốc, và ở lại đó làm chỉ huy đội

hộ vệ cho Vương hậu. Hãy bảo vệ nàng bằng cả sinh mạng của người."

Tôi quỳ xuống, dập đầu nhận lệnh. Tôi hiểu rằng, đây không chỉ là một mệnh lệnh, mà còn là một sự phó thác thiêng liêng, là sự tin tưởng của một người anh trai dành cho người bảo vệ em gái mình.

Chiến Trang, Hy Sinh và Cảm Hoá

Cuộc sống của tôi ở Tây Cực Quốc trôi đi trong yên bình khoảng vài năm. Vua Dalac và Vương hậu Mona vô cùng yêu thương nhau, cùng nhau cai quản đất nước. Nhưng rồi, binh đao đã nổi lên từ phương Bắc.

Vương quốc Địa Bắc Quốc, do một vị vua hiếu chiến và tàn bạo tên là Canla lãnh đạo, đã bất ngờ khởi binh xâm lược. Chúng như một cơn lũ quét, tràn xuống tàn phá các thành trì, cướp bóc và giết chóc. Mục tiêu cuối cùng của Canla là kinh đô của Tây Cực Quốc.

Vua Dalac, với lòng dũng cảm của một bậc quân vương, đã đích thân dẫn quân ra trận để bảo vệ đất nước. Trong những trận chiến đầu tiên, lực lượng hai bên khá cân sức. Quân đội Tây Cực Quốc, dưới sự chỉ huy của Vua Dalac, đã chiến đấu kiên cường và đẩy lùi được nhiều đợt tấn công của kẻ địch.

Nhưng Vua Canla là một kẻ không chỉ hung bạo mà còn rất gian hùng, xảo quyệt. Thấy không thể thắng nhanh bằng sức mạnh, hắn đã bày ra một kế độc. Hắn cho quân giả vờ thua trận, vứt bỏ lại quân lương và rút lui vào một hẻm núi hiểm trở. Vua Dalac, vì quá nóng lòng muốn tiêu diệt quân xâm lược và có phần chủ quan sau vài chiến thắng, đã không nhận ra đó là một cái bẫy. Ngài dẫn quân truy kích, và khi toàn bộ quân đội đã tiến sâu vào trong hẻm núi, quân của Canla đã phục kích từ hai bên sườn núi.

Trong trận chiến tuyệt vọng đó, Vua Dalac đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng và hy sinh anh dũng giữa vòng vây của quân thù.

Tin tức bay về kinh đô như một tiếng sét giữa trời quang. Khi nghe tin dữ, Vương hậu Mona đã sập đổ. Nàng nhốt mình trong phòng, khóc thương cho người chồng yêu quý suốt hai ngày đêm. Tiếng khóc ai oán, não nề của nàng khiến cho cả hoàng cung vốn đã tang thương càng thêm ảm đạm.

Nhưng sau hai ngày đó, Vương hậu đã ngừng khóc. Nàng bước ra khỏi phòng, gương mặt vẫn còn nét buồn bã sâu sắc, nhưng đã ẩn chứa một sự bình tĩnh đến lạ thường. Dường như, nàng đã chấp nhận và chuyển hóa nỗi đau của mình thành một sức mạnh nội tâm nào đó.

Trong lúc đó, kinh đô đã bắt đầu tan rã. Khi tin tức quân của Canla đang áp sát kinh thành lan ra, sự hỗn loạn lên đến đỉnh điểm. Nhiều quan văn, võ tướng, những kẻ ngày thường vẫn lớn tiếng tung hô lòng trung thành, nay lại là những người đầu tiên thu gom của cải, bỏ lại tất cả để tháo chạy trong đêm.

Một vài vị đại thần còn chút liêm sỉ đã chạy vào cung, quỳ xuống trước Vương hậu Mona, lúc này đã hoàn toàn bình tâm, và khẩn khoản: "Tâu Vương hậu, đại cục đã mất! Xin người hãy theo con đường bí mật rời khỏi đây, bảo toàn long thể! Giặc đến nơi rồi, ở lại chỉ có chết thôi ạ!"

Vương hậu Mona nhìn họ, ánh mắt tĩnh lặng nhưng đầy uy lực. Bà chỉ đáp lại bằng một cái lắc đầu kiên quyết. Bà sẽ không đi đâu cả.

Trong khi những kẻ hèn nhát tháo chạy, tôi nhìn thấy ở quảng trường lớn trước hoàng cung, một cảnh tượng bi tráng khác đang diễn ra. Các vị tướng quân trung thành của Tây Cực Quốc, những người không chịu bỏ chạy, đang tập hợp lại những binh sĩ còn lại. Lực lượng của họ còn lại hơn một ngàn người, và gương mặt ai cũng hằn lên vẻ quyết tử. Họ sẽ chiến đấu để bảo vệ kinh thành đến hơi thở cuối cùng.

Tôi quay lại, nhìn về phía những bậc thềm dẫn vào cung điện chính nơi Vương hậu đang ở. Đội hộ vệ của tôi,

những người anh em đã theo tôi từ Trung Thiên Quốc, chỉ còn lại chưa đến mười người. Chúng tôi không cần nói với nhau một lời, chỉ nhìn vào mắt nhau là đủ hiểu. Nhiệm vụ của chúng tôi không phải là bảo vệ cả kinh thành. Sứ mệnh của chúng tôi là ở đây, tại bậc thềm này, làm tấm lá chắn cuối cùng cho Vương hậu.

Lời hứa năm xưa với Đức Vua Mala vang vọng trong tâm trí tôi. Nơi Vương hậu ở, đó chính là trận địa của chúng tôi.

Và rồi, khi nàng bước ra để đối diện với trận chiến cuối cùng, tôi, Solon, một võ tướng cả đời chỉ biết đến gươm đao, lại một lần nữa sững sờ trước sự thay đổi của nàng.

Toàn bộ khí chất của Vương hậu dường như đã được thăng hoa. Sự bình tĩnh những ngày qua giờ đây đã chuyển thành một sự uy nghiêm và tử bi vô lượng. Đôi mắt nàng trong veo và sáng một cách kỳ lạ, ánh lên một sự bác ái sâu thẳm mà tôi chưa từng thấy ở bất kỳ ai. Vẻ đẹp của nàng bỗng trở nên rực rỡ hơn bao giờ hết, nhưng không phải là vẻ đẹp của trần thế, mà là một vẻ đẹp siêu thoát, thánh thiện, trong suốt như ngọc. Dường như có một vầng hào quang vô hình tỏa ra từ người nàng, khiến bất kỳ ai nhìn vào cũng phải bất giác nảy sinh lòng kính ngưỡng.

Khi nàng cất bước, dáng đi vững chãi và thanh thoát. Nàng không còn là một Vương hậu mất nước đang đối

mặt với hiểm nguy, mà giống như một vị Thần, một vị Tiên đang bước đi giữa cõi trần. Tôi và tất cả những người có mặt trong đại điện đều sững sờ, nín thở. Chúng tôi biết rằng, một điều gì đó vô cùng thiêng liêng đã xảy ra.

Trước mắt tôi không còn là Vương hậu Mona đau khổ, mà là một hình ảnh thiêng liêng, vừa từ bi, vừa uy nghiêm, một vị Bồ Tát hiển lộ giữa nhân gian.

Tiếng gầm thét của quân địch đã đến rất gần. Đã đến lúc. Trận chiến lớn nổ ra ở khắp các ngã đường dẫn vào hoàng cung. Tôi và đội hộ vệ nhỏ bé của mình đứng vững như bàn thạch ngay trước cổng chính của đại điện. Chúng tôi không phải đối mặt với toàn bộ đội quân của Canla, nhưng những toán quân tiên phong tinh nhuệ nhất của hắn đang cố gắng xông vào đây để bắt sống Vương hậu.

Chúng tôi đã chiến đấu như những con sư tử, dùng thân mình tạo thành một bức tường thép nhỏ bé nhưng không thể xuyên thủng. Một người ngã xuống, người khác lại lấp vào. Máu nhuộm đỏ cả bậc thềm. Nhưng chúng quá đông. Tôi cảm nhận một cơn đau nhói ở ngực khi một ngọn giáo đâm xuyên qua lớp áo giáp. Tôi ngã xuống, ngay trên ngưỡng cửa hoàng cung. Mọi thứ trước mắt mờ đi.

Nhưng rồi, tôi cảm thấy mình nhẹ bẫng. Linh hồn tôi thoát ra khỏi thân xác, lơ lửng ngay gần đó. Tôi không còn cảm thấy đau đớn, chỉ có một sự thanh thản lạ lùng. Tôi thấy Vua Canla, kẻ chinh phạt hung bạo, bước qua thân xác vô tri của tôi mà không thèm liếc nhìn. Ngay lập tức, như một thôi thúc bản năng, linh hồn tôi bay theo hắn, xuyên qua cánh cửa lớn vào sâu bên trong cung điện.

Và ở đó, tôi đã thấy cảnh tượng cuối cùng. Vua Canla, với thanh gươm còn vương máu, đang hùng hổ xông vào đại điện, nơi Vương hậu Mona đang đứng đợi.

Hắn là một kẻ chinh phạt, quen với việc nhìn thấy sự sợ hãi, khóc lóc, van xin. Nhưng khi đối diện với Vương hậu Mona, hắn sững sờ, khựng lại. Toàn bộ sự hung bạo trên gương mặt hắn tan biến, thay vào đó là một vẻ choáng ngợp, một chút bối rối và cả sự kính sợ. Hắn chưa từng thấy một vẻ đẹp nào như vậy, một khí chất nào như vậy. Hắn đứng bất động, dường như quên cả mục đích mình đến đây.

Giữa sự im lặng căng thẳng, giọng nói của Vương hậu Mona vang lên. Giọng nàng không hề run rẩy, không oán hận, mà trong trẻo, bình thản như tiếng chuông chùa giữa núi non tĩnh mịch:

“Quốc vương một mạch đi xuống phía Nam, ta đã nghe qua quân của các ngài đã làm gì, ta muốn biết, ngài còn cần làm gì nữa?”

Câu hỏi đơn giản đó, cùng với thần thái uy nghiêm và từ bi của Mona, đã đánh thẳng vào phần lương tri ít ỏi còn sót lại trong tâm hồn Canla. Hắn bỗng cảm thấy thanh gươm trong tay mình thật nặng nề, những tội ác mình đã gây ra bỗng hiện về rõ mồn một. Hắn lúng túng, lắp bắp trả lời, giọng không còn vẻ ngạo mạn:

“Ta đảm bảo rằng quân của ta không mạo phạm bá tánh nữa, ta muốn đảm bảo sự an toàn của vương đô.”

Nói rồi, như để chứng minh lời nói của mình, Vua Canla quay người và dong dặc ra lệnh cho toàn quân rút lui khỏi kinh thành.

Đoàn quân xâm lược ngo ngác không hiểu được tại sao vua Canla của họ lại quyết định như vậy, nhưng họ vẫn phục tùng mệnh lệnh, cứ thế lặng lẽ rút đi. Sự tàn sát đã chấm dứt, không phải bởi một đội quân hùng mạnh hơn, mà bởi sức mạnh của lòng từ bi vô lượng hòa quyện với sự uy nghiêm thánh thiện của một người phụ nữ.

Linh hồn tôi, Solon, chứng kiến tất cả. Một cảm giác viên mãn và thanh thản trọn vẹn bao trùm lấy tôi. Tôi đã hoàn thành lời hứa với Đức Vua Mala. Tôi đã bảo vệ Vương hậu, không chỉ bằng mạng sống của mình, mà

còn được chứng kiến một sức mạnh vĩ đại hơn bất kỳ thanh guom nào. Với nụ cười mãn nguyện, linh hồn tôi từ từ tan biến, kết thúc kiếp sống của một vị tướng quân.

(Cậu bé River im lặng một lúc lâu sau khi kết thúc câu chuyện. Dường như cậu vẫn còn đang chìm trong sự viên mãn và bi tráng của khoảnh khắc đó. Rồi cậu thở ra một hơi nhẹ, ánh mắt quay trở lại với thực tại, nhìn tôi và nói tiếp.)

LỜI VỌNG TỪ QUÁ KHỨ

Kiếp sống của Solon tuy ngắn ngủi nhưng đã dạy cho tôi một bài học sâu sắc về lòng trung thành và sự hy sinh. Ông ấy đã sống và chết để hoàn thành lời hứa của mình. Nhưng điều thực sự khắc sâu vào tâm khảm tôi, điều mà đến tận bây giờ tôi vẫn còn cảm thấy chấn động, chính là sức mạnh của Vương hậu Mona. Sức mạnh đó không đến từ quyền lực hay quân đội, mà đến từ lòng từ bi đã được thăng hoa trong nghịch cảnh. Nó có thể cảm hóa cả bạo lực và hận thù.

Nhưng câu chuyện không dừng lại ở đó.

Bằng thiên mục, tôi thấy rằng nền văn minh của người khổng lồ sau đó cũng không thể thoát khỏi quy luật Thành – Trụ – Hoại – Diệt của vũ trụ. Khoảng mười lăm đời vua sau thời của vua Mala tại Trung Thiên Quốc, một vị vua cuối cùng đã trở nên sa đọa, không còn tin vào Thần Phật, thậm chí còn có những hành động báng bổ Thần linh. Và như một sự trừng phạt, hay đúng hơn là một dấu hiệu báo trước sự kết thúc, vào một đêm nọ, một Tượng Đại Phật vô cùng vĩ đại, được kiến tạo cùng thời với các Kim Tự Tháp, đã biến mất không một dấu vết.. Thần Phật đã không còn bảo hộ cho một dân tộc đã tự mình đánh mất đức tin. Không lâu sau đó, cả một thời đại hoàng kim đã bị xóa sổ khỏi lịch sử bởi những biến động địa chất kinh hoàng.

Những Kim Tự Tháp và tượng Nhân Sư vĩ đại vẫn đứng đó, tro gan cùng tuế nguyệt. Nhưng những nền văn minh sau này, vì không còn hiểu được mục đích thiêng liêng ban đầu của chúng, đã tùy tiện sử dụng theo ý riêng của mình. Đặc biệt là các Pharaoh của Ai Cập cổ đại. Họ đã có di nguyện được đưa xác ướp của mình vào trong đó, biến một nơi vốn là điện thờ, là cánh cổng kết nối với Thần Phật, thành một ngôi mộ cho người phạm.

Hành động này đã làm dơ bẩn sự linh thiêng của Kim Tự Tháp. Và tôi thấy rằng, những linh hồn Pharaoh đó, vì tội báng bổ này, đã phải chịu sự trừng phạt vô cùng nghiêm khắc, bị đánh xuống những tầng địa ngục sâu thẳm sau khi chết.

Vì vậy, những gì chúng ta thấy ngày nay chỉ là những công trình câm lặng. Chúng mang trong mình ký ức huy hoàng về một thời đại mà con người và Thần còn giao cảm, mang nỗi buồn của một nền văn minh đã suy tàn, và mang cả những lớp bụi dày của sự hiểu lầm và bóng bở qua nhiều thời đại. Chúng vẫn đứng đó, như những tiếng vọng từ một quá khứ xa xăm, chờ đợi một ngày con người có thể hiểu lại ý nghĩa thực sự của chúng.

CHƯƠNG 7: HOÀNG HÔN ATLANTIS

(River ngồi yên lặng trong một lúc lâu, dường như đang cố gắng sắp xếp lại một ký ức phức tạp và nặng trĩu. Cuối cùng, cậu bé cất tiếng, giọng nói có một sự xa xăm, nhuộm màu hoài niệm và cả một nỗi buồn man mác.)

Kiếp sống lần này đưa tôi về một vùng đất mà tên của nó vẫn còn vang vọng trong những truyền thuyết của các vị thần tận ngày nay – Atlantis. Nhưng Atlantis ở thời tôi sống không còn là một đế chế đang huy hoàng ở đỉnh cao nữa. Đó là một thế giới tươi đẹp đang bắt đầu xuất hiện những vết rạn, báo hiệu một buổi hoàng hôn dài và đau đớn đang đến gần.

Atlantis mà tôi từng sống, trong kiếp làm một Đại Tư Tế tên Lygus, không phải lúc nào cũng là một khối thống nhất. Trong những cuộn sử cổ xưa còn lưu lại, người ta kể rằng đã có những thời kỳ lục địa này chia thành nhiều

vương quốc, mỗi nơi một vẻ, có lúc hòa bình giao hảo, có lúc lại xung đột. Cũng như thể chế chính trị, có thời Vua là tối cao, lại có lúc Hội Đồng Tôn Giáo mới là nơi quyền lực nhất. Phải trải qua nhiều biến cố, nhiều nỗ lực của các bậc tiền nhân, Atlantis mới dần quy về một mối như thời đại của chúng tôi, dưới sự điều hành của một Hội Đồng Tối Cao. Nhưng ngay cả trong sự thống nhất đó, những dấu ấn của một thời chia cắt dường như vẫn còn phảng phất đâu đó.

Sự suy tàn của Atlantis không phải là một sự kiện đột ngột. Nó là một quá trình, một liều thuốc độc ngấm từ từ qua nhiều thế hệ. Và tôi, Lygus, đã ở vào giai đoạn then chốt của quá trình đó.

Thật khó để diễn tả cho các vị hiểu về sự ưu ái mà vùng đất của chúng tôi đã nhận được. Atlantis không chỉ là một lục địa, mà là một trung tâm năng lượng của hành tinh, một nơi được Thần Phật đặc biệt chúc phúc, được Thần lực gia trì một cách dồi dào. Nhờ nguồn năng lượng thiêng liêng này, mọi sinh mệnh tại đây đều phát triển vượt trội. Con người Atlantis chúng tôi vốn đã có trí tuệ cao, nay lại càng thêm minh mẫn, khỏe mạnh và có tuổi thọ cao hơn hẳn các dân tộc khác. Cây cối thì tươi tốt lạ thường, hoa quả sum suê, mang trong mình nguồn năng lượng tinh khiết. Ngay cả các loài động vật cũng to lớn và tráng kiện hơn hẳn. Cùng một giống ngựa, nhưng những con ngựa sinh trưởng trên đất Atlantis có thể cao

lớn hơn gấp mười, bờm lông óng ả, sức mạnh và trí khôn cũng vượt xa đồng loại ở các lục địa khác.

Chính vì sự ưu ái này, tổ tiên của chúng tôi có một đức tin sâu sắc và một lòng tôn kính đối với Thần Phật, xem đó là nguồn gốc của mọi sự thịnh vượng. Nền khoa học của chúng tôi cũng bắt nguồn từ đó. Chúng tôi không đi theo con đường cơ khí, đốt cháy nhiên liệu. Thay vào đó, chúng tôi học cách thấu hiểu và vận dụng chính nguồn năng lượng vũ trụ sẵn có. Chúng tôi làm chủ công nghệ tinh thể ở mức độ cao, sử dụng chúng để cung cấp năng lượng sạch cho toàn bộ thành phố, vận hành các phương tiện di chuyển lướt nhẹ trong không trung, chữa bệnh, liên lạc tầm xa... Mọi thứ đều hài hòa và thể hiện sự kết nối giữa con người và Thần. Xã hội Atlantis khi ấy phân tầng rõ rệt, từ Hội Đồng Tối Cao và giới quý tộc tinh anh, các Đại Tư Tế như tôi nắm giữ vai trò tinh thần, đến tầng lớp "Bậc Thầy Tinh Thể" và thương nhân giàu có, rồi đến thợ thủ công và người dân lao động. Tất cả đều được hưởng lợi từ một môi trường trong lành và thịnh vượng.

Nhưng rồi, sự phai nhạt bắt đầu. Khi các thế hệ sau sinh ra đã có sẵn mọi thứ, sự thịnh vượng và tiện nghi từ công nghệ trở thành điều hiển nhiên. Lòng biết ơn và sự tôn kính ban đầu đối với Thần Phật dần nguội lạnh. Một bộ phận dân chúng và giới tinh hoa bắt đầu xem sự ưu việt của mình là do trí tuệ của bản thân người Atlantis, chứ không còn là ân điển từ các cõi giới cao hơn. Đó

chính là mầm mống của sự kiêu ngạo, thứ đã gặm nhấm nền văn minh của chúng tôi từ bên trong.

Họ bắt đầu lạm dụng kiến thức và công nghệ. Thay vì sử dụng năng lượng tinh thể để phục vụ đời sống một cách hài hòa, họ tìm cách khai thác nó để tạo ra các tiện nghi phục vụ hưởng thụ ngày càng tinh vi, các công cụ kiểm soát, và cả những loại vũ khí quyền năng. Ngay trong Hội Đồng Tối Cao, sự chia rẽ bắt đầu ngấm ngấm xuất hiện. Một bên là phe của chúng tôi, những người vẫn cố gắng duy trì lòng kính Thần và đạo đức truyền thống. Bên còn lại là phe ngày càng có xu hướng "duy vật," thực dụng, do một bậc thầy về công nghệ năng lượng tên là Magnus dẫn đầu. Họ tin rằng con người Atlantis là chúa tể của vận mệnh mình.

Với tư cách là một Đại Tư Tế, tôi nhận ra mối nguy hiểm chết người từ sự thay đổi trong tư tưởng này. Tôi hiểu rằng một khi Atlantis đánh mất lòng kính ngưỡng và sự kết nối với Thần Phật, họ sẽ đánh mất chính nguồn gốc sức mạnh và sự bảo hộ của mình. Ân điển có thể được ban cho, thì cũng có thể bị thu hồi. Tôi đã thường xuyên lên tiếng trong Hội Đồng, cảnh báo rằng việc xa rời các nguyên tắc tâm linh, chìm đắm trong kiêu ngạo và hưởng thụ vật chất sẽ xúc phạm đến Thần, và cuối cùng sẽ dẫn đến việc vùng đất này không còn được chúc phúc nữa. Tôi chủ trì các nghi lễ nhằm thanh lọc năng lượng của các tinh thể chủ, cố gắng kết nối lại với những nguồn

lực tinh thần cao hơn, và truyền dạy cho thế hệ trẻ về lòng biết ơn.

Nhưng những lời cảnh báo của tôi đã bị phe của Magnus bác bỏ. Họ cho rằng "Thần Phật" chỉ là những khái niệm trừu tượng, không quan trọng bằng năng lực của con người. Sức mạnh thực sự nằm trong tay các nhà khoa học, trong những tinh thể năng lượng, trong những công nghệ mà họ có thể chế tạo. Họ muốn phát triển các vũ khí năng lượng tối tân để khẳng định vị thế và quyền lực, ngấm ngầm tuyên truyền rằng con người Atlantis có thể làm chủ hoàn toàn vận mệnh. Đó là sự ngạo mạn tột cùng, là sự phủ nhận chính cội nguồn của mình.

Và tôi, với uy tín và ảnh hưởng tinh thần của mình, đã trở thành chướng ngại vật lớn nhất trên con đường của họ.

Họ không dám đối đầu trực diện với tôi, nên đã chọn một cách làm tinh vi và tàn nhẫn hơn. Họ bắt đầu một chiến dịch ngấm ngầm hạ bệ tôi, không phải bằng bạo lực, mà bằng cách làm tôi suy yếu từ bên trong.

Tôi bắt đầu cảm thấy sức khỏe mình suy giảm một cách kỳ lạ. Thần trí không còn minh mẫn như trước, cơ thể thường xuyên mệt mỏi, khả năng tập trung cũng kém đi. Khi chủ trì các nghi lễ, tôi cảm thấy sự kết nối tâm linh của mình yếu đi rõ rệt, những lời cầu nguyện dường như không còn sức mạnh như xưa. Ban đầu, tôi chỉ nghĩ đó là

do tuổi tác, hoặc do "nghịệp chung" của cả Atlantis đang đi xuống làm ảnh hưởng đến tôi. Tôi không hề nghi ngờ rằng có một âm mưu đang nhắm vào mình.

Mãi về sau này, trong những khoảnh khắc cuối đời, tôi mới lờ mờ nhận ra. Phe của Magnus, với kiến thức về năng lượng và các hợp chất đặc biệt, đã âm thầm "đầu độc" tôi. Có thể là thông qua việc thay đổi môi trường năng lượng trong phòng làm việc của tôi bằng các thiết bị phát tần số gây nhiễu loạn. Cũng có thể là qua những thứ tôi ăn, tôi uống hàng ngày. Chúng không phải là độc được gây chết người, mà là những hợp chất làm suy giảm thần trí và thể chất một cách từ từ.

Khi những biểu hiện suy yếu của tôi ngày một rõ rệt – đôi khi tôi nói năng kém mạch lạc, có lúc lại quên mất những việc quan trọng – phe của Magnus bắt đầu hành động. Họ lan truyền những tin đồn trong giới tinh hoa, rỉ tai nhau rằng Đại Tư Tế Lygus "không còn được Thượng Thiên ưu ái," rằng tôi "đã mất linh ứng," và "không còn đủ minh mẫn để dẫn dắt tinh thần cho Atlantis." Họ khéo léo tạo ra các tình huống khiến tôi trông có vẻ bất lực hoặc đưa ra quyết định sai lầm trong các cuộc họp Hội Đồng.

Uy tín của tôi dần bị xói mòn. Những người từng kính trọng tôi cũng bắt đầu nhìn tôi bằng ánh mắt nghi ngại. Các đề xuất của tôi trong Hội Đồng không còn đủ sức nặng, chúng dễ dàng bị bỏ qua hoặc bác bỏ. Sức khỏe

của tôi thì ngày càng sa sút. Thỉnh thoảng, tôi có những triệu chứng giống như người bị tai biến nhẹ, nói năng có chút khó khăn, cử động chậm chạp hơn.

Cuối cùng, khi thấy thời cơ đã chín muồi, phe thực dụng chính thức đề xuất trong Hội Đồng rằng tôi nên "nghỉ ngơi" vì lý do sức khỏe, để "bảo toàn danh dự" cho một vị Đại Tư Tế đã có nhiều cống hiến. Quyết định được thông qua một cách dễ dàng, giữa những lời tiếc nuối giả tạo và sự thờ ơ của số đông đã bị lung lạc. Tôi bị buộc phải rời khỏi vị trí của mình, thực chất là bị quản thúc trong chính dinh thự của mình, không còn bất kỳ quyền lực nào.

Nhưng đó vẫn chưa phải là đòn đánh đau đớn nhất.

Đòn đánh chí mạng, thứ đã thực sự hủy hoại tôi từ bên trong, lại đến từ chính người mà tôi yêu thương và tin tưởng nhất.

Tôi có một người con trai duy nhất, tên là Elara. Nó là niềm hy vọng của tôi, là người mà tôi đã đặt hết tình yêu và tâm huyết vào việc dạy dỗ, mong một ngày nó sẽ kế tục con đường tinh thần của mình. Nhưng nó còn quá trẻ, và có lẽ thế giới bên ngoài quá nhiều cám dỗ.

Ngay từ khi tôi còn tại vị nhưng đã có dấu hiệu suy yếu, phe của Magnus đã bắt đầu tiếp cận Elara. Chúng mời nó đến những buổi họp mặt của giới tinh hoa, những

bữa tiệc xa hoa với những món ăn và thức uống kỳ lạ, những hình thức giải trí bằng ánh sáng và âm thanh có thể kích thích mọi giác quan. Chúng cho nó thấy một thế giới quyền lực và hưởng thụ mà nó chưa từng biết đến. Dưới danh nghĩa "tự do", các tụ điểm ăn chơi trác táng bắt đầu mọc lên ở những khu phố giàu có. Ở đó, người ta dùng những công nghệ năng lượng để tạo ra ảo ảnh, âm thanh kích thích, và cả những chất gây nghiện khiến người ta quên hết thực tại. Qua những người hầu còn trung thành, tôi đau đớn biết được rằng Elara, con trai của tôi, đã đến những nơi đó không chỉ một, hai lần. Nó đang trượt dài trên con đường mà tôi sợ hãi nhất.

Và rồi, chúng đưa đến cho nó một người mỹ nữ tên là Lyra. Nàng đẹp một cách sắc sảo, thông minh và luôn biết cách nói những điều Elara muốn nghe. Nàng ngưỡng mộ tài năng của Elara, đồng cảm với sự "bức bối" của nó, và vẽ ra một tương lai nơi nó có thể trở thành một nhân vật quan trọng trong trật tự mới. Elara, một chàng trai trẻ chưa từng trải, đã nhanh chóng chìm đắm trong men say của tình yêu và danh vọng.

Khi tôi chính thức bị hạ bệ, Elara, với sự "hậu thuẫn" của Lyra và phe Magnus, đã được trao cho một chức vụ trong Hội Đồng Khoa học Kỹ thuật. Đó là một vị trí hữu danh vô thực, không có quyền quyết định những việc lớn, nhưng lại cho phép nó được xuất hiện ở những nơi sang trọng, được mọi người tung hô. Elara đã công khai ủng hộ phe Magnus, thậm chí còn bóng gió chỉ trích

những quan điểm "lạc hậu" của cha mình. Tôi nghe những lời đó qua người hầu kẻ hạ kể lại mà trái tim như có ai đó bóp nghẹt.

Chính Lyra là người thường xuyên mang đến cho tôi những thứ "thuốc bổ" từ các bậc thầy năng lượng. Nàng nói với Elara rằng chúng sẽ giúp tôi an thần, bồi bổ sức khỏe. Và Elara, trong sự ngây thơ và mong muốn chúng tỏ mình là người con hiếu thảo theo một cách khác, đã tự tay mang chúng đến cho tôi. Nó đâu biết rằng, những thứ đó, những loại trà thảo dược và tinh thể năng lượng nhỏ bé kia, chính là thứ đang từ từ phá hủy thần trí và sức khỏe của tôi. Mỗi lần nhìn thấy nó mang "thuốc" đến, lòng tôi lại quặn đau. Tôi không nỡ vạch trần sự thật vì tôi biết điều đó sẽ làm nó suy sụp, nhưng im lặng thì chẳng khác nào tự mình uống thuốc độc.

Giai đoạn Elara được "trọng dụng" kéo dài khoảng vài năm. Đó là những năm tháng nó sống trong ảo tưởng quyền lực. Nhưng tôi vẫn có thể cảm nhận được sự bất an và trống rỗng trong tâm hồn nó mỗi khi nó đến thăm tôi. Nó tránh nhìn thẳng vào mắt tôi, nói những câu chuyện sáo rỗng về "sự phát triển" của Atlantis, và vội vã rời đi.

Và rồi, điều phải đến đã đến. Khi uy tín của tôi đã hoàn toàn tan biến, khi tôi chỉ còn là một ông già bệnh tật sống lay lắt, Elara cũng đã hết giá trị lợi dụng. Phe của Magnus bắt đầu gạt nó ra khỏi các cuộc họp quan trọng.

Họ cho rằng "kinh nghiệm của cậu ấy còn non nớt", rằng "vị trí này cần một người có tầm nhìn chiến lược hơn". Lyra cũng dần lạnh nhạt và cuối cùng rời bỏ nó để đi theo một nhân vật quyền lực khác.

Elara bị đẩy ra khỏi vị trí mà nó từng tự hào, một cách bẽ bàng và phủ phàng. Nó mất cả danh vọng lẫn tình yêu. Trong một đêm mưa, nó đã tìm đến tôi, quỳ xuống và khóc nức nở. Lúc này nó mới tỉnh ngộ, mới nhận ra mình chỉ là một con tốt trong ván cờ của kẻ khác. Tôi nhìn đứa con trai đang suy sụp trước mặt, lòng tôi vừa giận, vừa thương, vừa xót xa cho sự ngây thơ đã phải trả một cái giá quá đắt. Tôi không nói gì, chỉ đưa bàn tay run rẩy lên xoa đầu nó. Bi kịch của nó cũng chính là bi kịch của tôi, và cũng là bi kịch của cả một thế hệ Atlantis đã bị lừa dối bởi những lời hứa hẹn hào nhoáng.

Trong khi đó, tôi và những vị Đại Tư Tế còn lại, những người vẫn giữ vững đức tin, không hoàn toàn ngồi yên chờ chết. Chúng tôi nhận ra rằng những lời cảnh báo của mình đã không còn tác dụng. "Con tàu" Atlantis đã đổi hướng và đang lao vào vùng biển đầy bão tố. Trong những buổi họp mặt bí mật, được ngụy trang dưới danh nghĩa các buổi cầu nguyện, chúng tôi đã bàn về một kế hoạch cuối cùng. Chúng tôi không còn hy vọng cứu vãn được cả một xã hội đã quay lưng lại với Thần, mà chỉ mong có thể bảo tồn được những hạt giống tốt đẹp nhất cho tương lai.

Chúng tôi bắt đầu bí mật lên kế hoạch chuẩn bị cho một cuộc di tản. Kế hoạch đó bao gồm việc đóng những con tàu khổng lồ, sử dụng những công nghệ tiên tiến nhất mà chúng tôi còn nắm giữ, để chúng có khả năng vượt qua những đại dương dữ dội và chống chọi với những thảm họa mà chúng tôi linh cảm là sắp xảy ra. Đó là một công việc vô cùng to lớn và phải tiến hành trong bí mật tuyệt đối, vì nếu phe của Magnus phát hiện, họ chắc chắn sẽ phá hoại. Còn tôi, vì đã bị quản thúc và sức khỏe suy yếu, chỉ có thể đóng góp bằng những lời khuyên và sự cầu nguyện.

Sau sự sụp đổ của Elara, tôi càng thu mình lại trong dinh thự, nhưng không thể không biết đến những thay đổi kinh hoàng đang diễn ra bên ngoài. Quá trình xói mòn đạo đức mà phe Magnus khởi xướng đã lan ra như một dịch bệnh, gặm nhấm linh hồn của Atlantis từ tận gốc rễ. Tôi nhìn thấy điều đó qua sự biến chất của nghệ thuật.

(Cậu bé River dừng lại, nhìn thẳng vào tôi - Casey, ánh mắt cậu chợt trở nên sắc sảo một cách kỳ lạ.)

Cô biết không, điều này làm tôi nghĩ đến thời đại của chúng ta bây giờ. Khi tôi nhìn lại những bức tranh trừu tượng kỳ quái của Atlantis, tôi lại nhớ đến những tác phẩm của Picasso hay Van Gogh mà người đời nay ca tụng, trả giá hàng trăm triệu đô-la cho những hình thù méo mó, hỗn loạn. Thậm chí, tôi còn đọc được trên báo về một "tác phẩm nghệ thuật" chỉ là một quả chuối thật

được dán lên tường bằng băng dính, mà cũng được bán với giá cả triệu đô-la. Người Atlantis thời đó cũng vậy. Họ ca tụng những thứ lỗi lằng, phi lý, và coi đó là "sáng tạo". Một số họa sĩ còn đi xa hơn, họ vẽ cả những hình tượng ma quỷ, những cảnh tượng ghê rợn. Họ gọi đó là nghệ thuật của "cái tôi tự do", nhưng tôi chỉ thấy trong đó một năng lượng vô cùng tiêu cực, một sự chế giễu đối với những gì thiêng liêng.

(Cậu bé nhìn tôi một cách nghiêm túc, như thể muốn chia sẻ một điều bí mật quan trọng.)

Cô có biết không, những thứ đó không chỉ là những bức tranh. Chúng mang theo năng lượng của kẻ đã tạo ra chúng. Nếu một người bước vào một phòng triển lãm nghệ thuật 'hiện đại' hay 'trừu tượng' ngày nay, và khi nhìn những bức tranh đó, họ cảm thấy chúng thật sự rất đẹp, rất cuốn hút, thậm chí cảm nhận được giá trị hàng trăm triệu đô-la của chúng, thì điều đó rất nguy hiểm. Nó có nghĩa là tần số tâm hồn của người đó đang đồng điệu với những bức tranh ấy, tức là đang đồng điệu với năng lượng hỗn loạn, biến dị, thậm chí là ma tính ở phía sau chúng. Và khi một người đã đồng cảm với ma quỷ, thì trong cuộc phán xét cuối cùng của vũ trụ, họ cũng sẽ bị coi là một phần của chúng, và sẽ phải đối mặt với việc bị Thần đào thải.

Ngược lại, nếu cũng một người đó bước vào, nhưng khi nhìn những bức tranh, họ cảm thấy không hiểu gì cả,

thậm chí cảm thấy khó chịu, chóng mặt, nhức đầu, hoặc có một nhận thức rõ ràng rằng 'những thứ này thật quái dị', thì đó lại là một dấu hiệu tốt. Điều đó cho thấy tâm hồn của họ vẫn còn giữ được sự thuần khiết, vẫn còn kết nối với những chuẩn mực thiện-ác nguyên sơ mà Thần đã đặt định cho con người. Và chính sự thuần khiết đó sẽ là tấm vé để họ có hy vọng nhận được sự bảo hộ của Thần Phật khi tai họa ập đến.

(Giọng cậu bé lại trở về với dòng hồi tưởng về Atlantis.)

Âm nhạc cũng không thoát khỏi vòng xoáy đó. Điều đó cũng rất giống bây giờ, phải không cô? Khi mà rất nhiều người trẻ tuổi hâm mộ cuồng nhiệt những nhóm ca sĩ ăn mặc quái dị, gào thét những câu từ nhảm nhí trên sân khấu. Người Atlantis khi đó cũng thế. Những giai điệu du dương, thanh cao, những vũ điệu truyền thống trang nhã ngày càng bị đẩy lùi. Thay vào đó, các tụ điểm ăn chơi tràn ngập một thứ âm nhạc có tiết tấu mạnh, dồn dập, đỉnh tai nhức óc. Họ không còn nhảy những vũ điệu đẹp đẽ, mà là những điệu nhảy có động tác kỳ quái, gợi dục. Họ nói rằng đó là cách để "giải phóng năng lượng", nhưng tôi thấy nó chỉ đang khuấy động những dục vọng thấp hèn nhất trong con người mà thôi.

Cả hai thời đại, thời của Lygus và thời của chúng ta, đều đang đi trên một con đường rất giống nhau. Đó là con đường mà văn hóa Thần truyền chân chính bị vứt bỏ, nhường chỗ cho những thứ biến dị, xấu xí do ma quỷ

đứng sau lưng khổng chế, điều khiển. Mục đích của chúng chỉ có một: làm cho con người ngày càng xa rời khỏi chuẩn mực đạo đức mà Thần đã đặt ra, khiến con người không còn phân biệt được thật-giả, thiện-ác, tốt-xấu nữa. Và khi con người đã hoàn toàn đánh mất kết nối với Thần, thì tai họa sẽ đến rất nhanh.

(River thở dài, dường như gánh trên vai nỗi buồn của cả hai thời đại, rồi tiếp tục câu chuyện đang dở.)

Và rồi, trên nền tảng của một xã hội đã mục ruỗng về văn hóa và đạo đức như vậy, những người phái duy vật ở Atlantis đó, họ đã hiện thực hóa tham vọng đen tối nhất của mình.

Họ tạo ra một loại vũ khí cầm tay, với cái tên mỹ miều là "Thần Trượng Ánh Sáng", nhưng chúng tôi, những tư tế còn lại, gọi nó bằng cái tên thật của nó: "Thần Trượng Hủy Diệt". Nó có hình dạng như một cây trượng ngắn, được gắn một tinh thể đặc biệt. Khi chĩa vào mục tiêu và kích hoạt, nó sẽ phát ra một luồng năng lượng có khả năng phá vỡ liên kết phân tử, khiến mục tiêu bị phân rã thành cát bụi gần như tức khắc, không để lại một dấu vết.

Việc sản xuất thứ vũ khí này cực kỳ tốn kém, đòi hỏi những tinh thể quý hiếm nhất. Do đó, nó không phải là thứ vũ khí phổ thông, mà là một món hàng siêu xa xỉ. Giá của nó tương đương với việc sở hữu cả một hòn đảo riêng của giới siêu giàu ngày nay. Dù vậy, phe duy vật

vẫn sản xuất và bán chúng vì lợi nhuận kếch xù, biến nó thành biểu tượng của quyền lực tuyệt đối và sự giàu có. Ai có đủ tiền – thường là giới tinh hoa tha hóa hoặc các tổ chức tội phạm lớn – là có thể sở hữu khả năng xóa sổ người khác. Điều này gieo rắc một nỗi kinh hoàng thầm lặng. Luật pháp trở nên vô nghĩa, và giá trị sinh mạng bị coi thường tột độ.

Tôi và những vị tư tế chân chính còn lại nhìn những "Thần Trượng Hủy Diệt" đó với nỗi kinh hoàng và xót xa. Với chúng tôi, đó không phải là biểu tượng của sức mạnh, mà là dấu hiệu của sự suy đồi tột cùng. Bàn tay của người tu hành là để nâng đỡ, chứ không phải để hủy diệt.

(Giọng cậu bé River như nghẹn lại, cậu đang sống lại cảm xúc của Lygus lúc đó.)

Linh hồn tôi trong kiếp Lygus cảm nhận rõ sự bất lực và nỗi đau đớn khi chứng kiến những giá trị mình cả đời bảo vệ bị chà đạp, và càng tan nát hơn khi biết chính người con trai mình yêu quý lại vô tình tiếp tay cho kẻ xấu. Thân xác ngày một yếu đi, tâm trí cũng không còn sáng suốt, tôi chỉ có thể nhìn Atlantis trượt dài vào con đường mà tôi đã cố cảnh báo. Họ tạo ra những thứ vũ khí khủng khiếp, có thể biến một người thành cát bụi chỉ trong nháy mắt. Nhưng thứ vũ khí đó không phải ai cũng có được, nó quý hiếm và đắt đỏ như thể cả một gia tài. Vậy nên, khi một ai đó đột nhiên biến mất không dấu

vết, mọi người đều ngầm hiểu rằng, kẻ đứng sau phải là một thế lực không thể động đến. Đó là một nỗi sợ hãi bao trùm, một sự bất lực khi biết rằng có những kẻ có thể xóa sổ bạn bất cứ lúc nào chỉ vì họ có đủ tiền để mua lấy quyền năng đó.

Đó không phải là cái chết trên chiến trường, mà là một sự lụi tàn từ từ của cả một nền văn minh, bắt đầu từ sự mục ruỗng đạo đức, sự phản bội từ những người thân yêu nhất. Và điều đáng sợ là, nhiều người lại tung hô đó là "sự phát triển", "sự tự do".

Dù Lygus thất bại trong việc ngăn chặn sự suy yếu của Atlantis trong thời đại của mình, nhưng những nỗ lực và sự kiên định của ông không phải là vô nghĩa. Nó gieo một hạt giống, một lời cảnh tỉnh cho những ai có thể lắng nghe, dù là ở những kiếp sau này. Và linh hồn tôi đã học được rằng, sự sụp đổ của một nền văn minh không phải lúc nào cũng âm ỉ với gươm đao khói lửa. Đôi khi, nó bắt đầu bằng việc người ta từ bỏ những chuẩn mực đạo đức, chạy theo dục vọng và tự do vô độ, tự cho mình là trung tâm, phủ nhận Thần Phật.

Qua hai, ba thế hệ sau thời Lygus, xã hội Atlantis đã ngày càng tha hóa, các tệ nạn từng là cá biệt nay trở nên phổ biến. Con người mất đi sự kết nối với Thần, chỉ tin vào khoa học kỹ thuật vị kỷ và những vũ khí hủy diệt do chính họ tạo ra. Chính sự mục ruỗng từ bên trong này, sự tích tụ của nghiệp lực khổng lồ qua nhiều thế hệ khi

con người xúc phạm đến Thần và tự đánh mất ân điển, mới là nguyên nhân sâu xa dẫn đến đại thảm họa nhấn chìm toàn bộ lục địa sau này. Những chính sách vị kỷ, việc phát triển các vũ khí năng lượng ngày càng khủng khiếp và lạm dụng các công nghệ điều khiển tự nhiên của phe thực dụng và con cháu của họ, dựa trên một nền tảng đạo đức đã hoàn toàn sụp đổ, cuối cùng đã đưa Atlantis đến bờ vực thẳm. Đó là cái giá phải trả cho sự ngạo mạn và quay lưng lại với Thần.

CHƯƠNG 8: PHÓ NGUYÊN THẦN CỦA NAPOLEON

(Lần này, River không nhìn ra xa xăm như những lần trước. Cậu bé nhìn thẳng vào tôi, Casey, ánh mắt có một sự phức tạp lạ thường, như thể đang kể về một điều gì đó rất gần gũi, rất cá nhân, nhưng cũng vô cùng xa lạ. Giọng cậu trầm và chậm hơn.)

Có những kiếp sống, linh hồn của tôi tồn tại như một sinh mệnh độc lập. Nhưng có một kiếp, sự tồn tại của tôi lại gắn liền với một định mệnh khác, một định mệnh đã làm rung chuyển cả thế giới. Tôi không phải là một người, mà là một phần của một người. Tôi là một phó nguyên thần đồng hành cùng Napoleon Bonaparte.

(Ghi chú của người ghi chép – Casey Vale: Về khái niệm “phó nguyên thần” mà River nói đến này, nó là nói đến

tình huống một sinh mệnh con người không chỉ có một linh hồn duy nhất, mà là có nhiều linh hồn cùng trú ngụ trong một thể xác, trong đó một linh hồn làm chủ thì được gọi là “chủ nguyên thần”, còn các linh hồn khác thì gọi là “phó nguyên thần”. Chúng là những ý thức độc lập, những phần hồn riêng biệt. Phó nguyên thần có thể quan sát, cảm nhận, thậm chí cố gắng đưa ra những gợi ý, nhưng không có quyền quyết định cuối cùng. Quyền đó thuộc về chủ nguyên thần. Trong nhiều trường hợp, chủ nguyên thần thậm chí không nhận thức được sự tồn tại của các phó nguyên thần này. River nói rằng, trong kiếp đó, cậu chính là một trong những ý thức đồng hành như vậy.)

Đó không phải là tôi là Napoleon, cô hiểu chứ? Mà là một phần ý thức của tôi đã được an bài để đi cùng ông ấy, như một chiếc bóng của tâm hồn, để chứng kiến, để chiêm nghiệm, và có lẽ, để cố gắng cân bằng những nghiệp lực và lựa chọn của một linh hồn đầy tham vọng nhưng cũng đầy bi kịch.

Kiếp sống này của tôi lại càng đặc biệt hơn. Tôi không phải là phó nguyên thần duy nhất. Trong cõi giới vi tế của linh hồn ông ấy, ngoài chủ nguyên thần đầy uy lực, còn có tôi và vài phó nguyên thần khác nữa. Chúng tôi như những người quan sát thăm lặng, và chúng tôi có dòng ý thức riêng biệt nhưng cùng gắn kết với một định mệnh lớn. Mỗi người chúng tôi có những cảm nhận, những nỗ lực tác động theo cách riêng, nhưng rất cuộc,

tất cả đều bất lực trước dòng chảy cuồn cuộn của tham vọng, và như tôi đã nhận ra sau này, cả những thao túng ngoại lai.

Ngay từ khi Napoleon còn trẻ, tôi đã cảm nhận được nguồn năng lượng mạnh mẽ, ý chí phi thường và một "sứ mệnh" nào đó đang thôi thúc ông. Nhưng rồi, một sự kiện kinh hoàng đã xảy ra, nó đã thay đổi mọi thứ.

Đó là vào khoảng tháng 7 năm 1794. Khi ấy, Napoleon khoảng 25 tuổi, đang là một sĩ quan pháo binh trẻ tuổi nhưng đã sớm thể hiện tài năng kiệt xuất. Trong một đêm, khi ông đang ở một mình trong lều trại hoặc trong một hoàn cảnh vắng vẻ nào đó, tôi đột nhiên cảm nhận được một sự "xâm nhập" mạnh mẽ từ bên ngoài. Một luồng năng lượng xa lạ, lạnh lẽo và hoàn toàn không phải của con người bao trùm lấy ý thức của Napoleon, khiến ông rơi vào trạng thái hôn mê sâu.

Trong khoảnh khắc đó, tôi cảm nhận rõ sự hiện diện của những sinh mệnh không phải con người – người ngoài hành tinh. Chúng không có hình dạng rõ ràng trong tâm thức của tôi, chỉ là một ý niệm về sự tồn tại của một dạng công nghệ cao, vô cảm. Không chỉ chủ nguyên thần của Napoleon bị áp chế, mà cả tôi và các phó nguyên thần kia cũng cảm nhận được một áp lực vô hình. Khả năng cảm ứng của tôi như bị một lớp sương mờ dày đặc che phủ, dù không hoàn toàn mê mờ như chủ nguyên thần,

nhưng cũng không thể thấy rõ và hiểu hết được mọi chi tiết của sự việc.

Dù vậy, qua những gì còn cảm nhận được một cách đứt quãng, tôi biết rằng họ đã đưa Napoleon đi, có thể là lên một phi thuyền của họ. Và chính trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, trong lúc ý thức của chúng tôi phần nào bị ức chế, họ đã thực hiện việc cấy ghép một vi mạch siêu nhỏ vào não bộ của ông ấy. Toàn bộ quá trình diễn ra nhanh chóng, chính xác và lạnh lùng như một cuộc phẫu thuật.

Khi Napoleon tỉnh lại, ông chỉ cảm thấy hơi choáng váng, đầu óc có chút mụ mị. Ông có thể đã tự giải thích đó là do mệt mỏi sau những ngày căng thẳng hoặc một cơn sốt nhẹ thoáng qua. Ký ức về sự kiện đó đã bị xáo trộn một cách có chủ đích. Nhưng tôi, với tư cách là phó nguyên thần, dù trải qua sự "choáng váng" đó, vẫn mang máng ghi nhớ được bản chất của sự kiện kinh hoàng ấy.

Ngay sau đó, tôi bắt đầu cảm nhận được sự tồn tại của một "vật thể lạ" trong não của Napoleon. Nó không trực tiếp điều khiển suy nghĩ của ông ấy, nhưng nó hoạt động như một chất xúc tác cực mạnh. Nó khuếch đại những thứ vốn đã có sẵn trong ông: tham vọng, lòng kiêu ngạo, sự đa nghi. Đồng thời, nó làm câm lặng những tiếng nói yếu ớt hơn: lòng trắc ẩn, sự do dự, lương tri. Bị kích thích sự nằm ở chỗ, chủ nguyên thần của Napoleon, một người không tu luyện và không nhận

thức được các vấn đề tâm linh, đã hoàn toàn đi theo sự khuếch đại đó. Ông ấy thích cảm giác quyết đoán lạnh lùng, sự tập trung cao độ vào mục tiêu mà con chip mang lại. Ông ấy đã lựa chọn nó.

Chính vì không phải người tu luyện, Napoleon không thể nhận ra sự giằng xé bên trong mình. Ông không biết rằng có những lúc, khi tôi và một phần hồn khác cố gắng gieo vào ông một chút thiện niệm, thì một phần hồn khác bị con chip kích động lại say sưa với những kế hoạch táo bạo. Tất cả những cuộc chiến nội tâm đó, đối với ông, có lẽ chỉ biểu hiện ra ngoài như những sự cân nhắc, tính toán chiến lược của một nhà lãnh đạo mà thôi.

Cuộc đời binh nghiệp của ông bắt đầu thăng hoa rực rỡ trong chiến dịch ở Ý. Tôi chứng kiến ông vạch ra những kế hoạch quân sự mà dường như không một vị tướng nào có thể nghĩ ra. Sự sắc bén, logic phi thường trong tư duy của ông khiến tôi phải kinh ngạc. Nhưng đi kèm với nó là một sự lạnh lùng đáng sợ. Sinh mạng của hàng ngàn binh sĩ, đối với ông, dường như chỉ là những con số trên bản đồ chiến lược, là những công cụ cần thiết để đạt được chiến thắng.

Sau đó là chiến dịch Ai Cập năm 1798. Tôi cảm nhận được một sự thôi thúc mạnh mẽ, gần như là bản năng, kéo ông đến vùng đất cổ xưa này. Không chỉ vì lý do chiến lược, mà còn có một sự tò mò, một niềm đam mê khám phá kỳ lạ với những di tích, những Kim Tự Tháp

vĩ đại. Ông đi dạo dưới chân chúng, ánh mắt đầy suy tư, như thể đang cố gắng nhớ lại một điều gì đó đã bị lãng quên từ rất lâu. Nhưng vì không phải người tu luyện, ông không thể lý giải được mối liên kết vô hình đó. Ông chỉ cho rằng đó là sự ngưỡng mộ của một người chinh phục đối với một nền văn minh vĩ đại trong quá khứ.

Trở về từ Ai Cập với danh tiếng lẫy lừng, tham vọng của ông ngày càng lớn. Trong cuộc đảo chính 18 Brumaire, tôi đã chứng kiến sự quyết đoán, táo bạo và cả sự liều lĩnh đến tột cùng khi ông giành lấy quyền lực. Tôi cảm nhận được con chip trong não ông dường như hoạt động mạnh hơn, nó khuếch đại sự tự tin của ông lên mức cực đoan, khiến ông tin rằng mình sinh ra là để cai trị.

Và rồi, đỉnh cao của sự ngạo mạn đã đến vào ngày lễ đăng quang Hoàng đế năm 1804. Trong nhà thờ Đức Bà Paris, trước sự chứng kiến của Giáo hoàng Pius VII, người đã phải rời Rome để đến đây, Napoleon đã không để Giáo hoàng đặt vương miện lên đầu mình. Ông đã tự tay giật lấy chiếc vương miện và đội lên đầu. Trong khoảnh khắc đó, tôi cảm nhận được sự thỏa mãn tột cùng của chủ nguyên thần và sự "vui mừng" của con chip. Đó không chỉ là một hành động chính trị, mà là một lời tuyên bố với cả thế giới: "Chính ta đã giành lấy quyền lực này bằng tài năng của mình. Vinh quang này thuộc về ta."

Sau lễ đăng quang, quyền lực của Napoleon dường như là tuyệt đối. Nhưng quyền lực tuyệt đối cũng đi kèm với sự đa nghi tuyệt đối. Và con chip đã không bỏ lỡ cơ hội để khuếch đại nỗi sợ hãi đó. Điều này thể hiện rõ nhất trong vụ xử tử Công tước d'Enghien ngay sau đó. Khi những tin đồn về một âm mưu của phe bảo hoàng lan đến, Napoleon lập tức nghi ngờ vị công tước này, dù không có bằng chứng rõ ràng.

Khi quyết định bắt cóc và xét xử vị công tước đang hình thành, tôi đã cố gắng làm mọi cách để can ngăn. Tôi gieo vào tâm trí ông sự hoài nghi về tính xác thực của thông tin, hình ảnh về một phiên tòa công bằng, và gọi lên nỗi lo sợ về sự phán xét của lịch sử nếu xử oan một người thuộc dòng dõi hoàng gia. Nhưng tất cả đều vô ích. Con giận, nỗi sợ bị ám sát, và trên hết, tôi cảm nhận được một sự "kích hoạt" mạnh mẽ từ vi mạch, nó thúc đẩy ông ấy phải "hành động quyết đoán tuyệt đối", phải "dập tắt mối đe dọa từ trong trứng nước" để làm gương. Quyết định được đưa ra một cách lạnh lùng. Phiên tòa diễn ra chóng vánh và vị công tước bị xử bắn. Sau khi nhận được tin, tôi cảm nhận một sự "tĩnh lặng" ghê rợn từ con chip, như thể nó hài lòng vì đã loại bỏ được một "trở ngại" và củng cố quyền lực cho vật chủ của mình bằng sự sợ hãi.

Sau khi dẹp bỏ những mối đe dọa trong nước bằng bàn tay sắt, Napoleon lại hướng ra ngoài. Những chiến thắng lòng lẫy ở Austerlitz, ở Jena... đã khiến cả châu Âu phải

khuất phục và làm cho ông tin rằng mình thực sự là bất khả chiến bại. Nhưng tôi, ở bên trong ông, lại cảm thấy một nỗi buồn và sự bất lực ngày càng lớn. Ông ngày càng say sưa với quyền lực, ngày càng coi sinh mạng con người nhẹ tựa lông hồng. Những nỗ lực can ngăn của tôi ngày càng yếu ớt, bị át đi bởi tiếng reo hò chiến thắng và sự tự mãn được con chip không ngừng khuếch đại.

Và chính sự tự tin mù quáng đó đã dẫn đến sai lầm chiến lược chết người đầu tiên: cuộc xâm lược Tây Ban Nha năm 1807. Ông lật đổ triều đại ở đó và đưa anh trai mình lên ngôi, tin rằng mọi việc sẽ diễn ra suôn sẻ như ở các quốc gia khác.

Khi kế hoạch này manh nha, tôi đã cố gắng cảnh báo ông. Tôi truyền đi những hình ảnh về một dân tộc kiêu hãnh và mộ đạo sẽ không bao giờ chấp nhận một vị vua ngoại quốc. Tôi cho ông thấy những vùng núi non hiểm trở, những người nông dân cầm vũ khí thô sơ nhưng ánh mắt đầy căm hận – một cuộc chiến tranh nhân dân mà không một đội quân chính quy nào có thể chiến thắng hoàn toàn. Nhưng Napoleon, trong đỉnh cao của sự kiêu ngạo, đã gạt đi tất cả. Ông coi những linh cảm bất an đó là sự nhút nhát. Con chip lại thúc đẩy ông, rằng gia tộc Bonaparte xứng đáng cai trị cả châu Âu. Ông đã không lường được rằng quyết định đó đã châm ngòi cho một cuộc chiến du kích đẫm máu, một "ung nhọt Tây Ban Nha" đã không ngừng làm đế chế của ông chảy máu suốt nhiều năm sau đó, tiêu tốn vô số sinh mạng và của cải.

Cái "ung nhọt Tây Ban Nha" đó đã không ngừng làm đế chế chảy máu. Nhưng thay vì rút ra bài học về giới hạn của sức mạnh quân sự, sự kiêu ngạo của Napoleon, được con chip cổ vũ, lại thôi thúc ông phải có một chiến thắng còn vĩ đại hơn nữa để khẳng định lại quyền uy tuyệt đối của mình. Và đó chính là lúc ông nhìn về phía nước Nga.

(Dòng kể của phó nguyên thần tiếp tục, mang một sắc thái nặng nề hơn.)

Bi kịch lớn nhất, sự kiện đã đánh dấu điểm khởi đầu cho sự sụp đổ của cả một đế chế, chính là quyết định xâm lược nước Nga vào năm 1812.

Khi kế hoạch đó bắt đầu manh nha trong tâm trí Napoleon, tôi đã cảm thấy một sự bất an kinh khủng. Toàn bộ chính niệm của tôi, và có lẽ cả của phần hồn trác ẩn yếu ớt kia, đều gào thét sự can ngăn. Trong những giấc ngủ chập chờn của ông, tôi đã cố gắng tạo ra những viễn cảnh chân thực nhất có thể: những cánh đồng tuyết trắng xóa trải dài vô tận, những đoàn quân đói rét, co ro trong bão tuyết, và máu đỏ thẫm trên nền tuyết trắng. Tôi cố làm ông cảm nhận được sự mênh mông đến tuyệt vọng của nước Nga, sự kiên cường đến cùng cực của người dân nơi đó, và cái lạnh có thể đóng băng cả ý chí.

Nhưng tất cả đều vô ích. Sự kiêu ngạo của ông lúc này đã lên đến đỉnh điểm. Ông tin rằng không có gì là không thể đối với Đại quân của mình. Và con chip, tôi cảm

nhận nó hoạt động mạnh mẽ hơn bao giờ hết, nó không ngừng thúc đẩy một sự "liều lĩnh vĩ đại", nó gieo vào tâm trí ông những hình ảnh về một chiến thắng huy hoàng cuối cùng sẽ đặt toàn bộ châu Âu dưới chân mình. Mọi lời can ngăn, dù là từ các vị tướng soái ngoài đời thực hay từ những tiếng nói thầm lặng bên trong như tôi, đều bị ông gạt đi, coi là sự nhút nhát, bi quan.

Và rồi, thảm họa đã xảy ra đúng như những gì tôi đã thấy trước. Đại quân hùng mạnh của ông đã bị nuốt chửng bởi mùa đông Nga và lòng dũng cảm của người dân nơi đây. Tôi đã phải chứng kiến qua đôi mắt của ông cảnh những người lính trung thành chết cồng trên đường rút lui, cảnh những con ngựa gục ngã vì kiệt sức, và nỗi tuyệt vọng cùng cực trên gương mặt của những người sống sót. Đó là một địa ngục trần gian. Và ngay cả khi đó, sự kiêu ngạo của ông vẫn không cho phép ông thừa nhận sai lầm một cách trọn vẹn.

Sự sụp đổ sau đó diễn ra như một lẽ tất yếu. Thất bại ở Nga đã làm lung lay tận gốc nền móng đế chế của ông. Các quốc gia bị trị bắt đầu nổi dậy, các kẻ thù cũ tập hợp lại. Dù ông vẫn có những trận thắng tài tình sau đó, nhưng tất cả chỉ là những nỗ lực cuối cùng để cứu vãn một con tàu đã thủng đáy.

Cuối cùng, ông thất bại và bị lưu đày đến đảo Elba. Trong giai đoạn này, khi quyền lực và vinh quang đã mất, tôi cảm nhận hoạt động của vi mạch đường như

giảm đi đáng kể. Có lẽ thế lực ngoại lai đó cho rằng "thí nghiệm Napoleon" đã đến hồi kết, không còn giá trị để can thiệp nữa.

Sự "im lặng" của con chip đã tạo ra một không gian hiếm hoi. Những suy tư của Napoleon trong những ngày tháng này trở nên "trong sáng" và chân thực hơn. Không còn sự nhiễu loạn mạnh mẽ, những tiếng nói lương tri của chúng tôi dễ dàng kết nối với ông hơn. Ông bắt đầu thực sự đối mặt với chính mình, chiêm nghiệm về những sai lầm, những quyết định đã đưa ông đến bước đường này.

Nhưng rồi, một tia hy vọng cuối cùng của tham vọng lại lóe lên. Ông trốn khỏi Elba, trở lại Pháp trong một trăm ngày huy hoàng nhưng ngắn ngủi. Tôi cảm nhận con chip lại "thức giấc", và cỗ máy chiến tranh lại một lần nữa được khởi động. Nhưng đó chỉ là ánh sáng cuối cùng của một ngọn nến sắp tàn. Trận Waterloo đã đặt dấu chấm hết cho tất cả.

Lần lưu đầy thứ hai đến St. Helena, một hòn đảo hoang vắng giữa đại dương, mới thực sự là đoạn kết của cuộc đời ông. Ở đó, trong sự cô độc tuyệt đối, không còn chiến trường, không còn quân đội, không còn những lời tung hô, con chip gần như im lặng hoàn toàn. Nó đã trở thành một vật thể vô tri.

Đây là lúc tôi thực sự có thể "trò chuyện" với chủ nguyên thần của ông. Không phải bằng lời nói, mà bằng những dòng suy tưởng sâu sắc. Tôi cùng ông nhìn lại cả một cuộc đời đầy sóng gió. Ông bắt đầu có những suy nghĩ mơ hồ về số phận, về những lực lượng vô hình dường như đã dẫn dắt cuộc đời mình, dù ông không thể gọi tên chúng. Ông tiếc nuối, ông dần vật. Ông đã có tất cả, nhưng cuối cùng lại mất tất cả.

Ngày ông qua đời, tôi đã chứng kiến linh hồn ông rời khỏi thể xác. Một mối, nặng trĩu nghiệp lực, nhưng cũng có một sự thanh thản vì cuối cùng đã được giải thoát khỏi những tham vọng, những giằng xé và cả gông cùm của một thể xác đã cạn kiệt. Cùng lúc đó, tôi cũng cảm nhận được sự tách rời của chính mình và hai các nguyên thần còn lại. Số mệnh đồng hành của chúng tôi đã kết thúc. Kiếp sống làm chiếc bóng của một vĩ nhân đầy bi kịch đã khép lại.

(River dừng lại, kết thúc câu chuyện về kiếp sống làm phó nguyên thần. Cậu bé thở ra một hơi dài, rồi ngẩng lên nhìn tôi, ánh mắt giờ đây đã trở lại vẻ trong sáng của một cậu bé mười tuổi, nhưng ẩn chứa một sự thông tuệ vượt xa lứa tuổi.)

Đó là câu chuyện mà phó nguyên thần của tôi đã trải qua. Nhưng khi tôi tu luyện và nhìn lại bằng thiên mục, tôi thấy được những điều mà ngay cả phó nguyên thần khi đó cũng không biết.

Chủ nguyên thần của Napoleon, trong một kiếp sống rất xa xưa, chính là vị Đại Tế Tư đời thứ tư của Trung Thiên Quốc – nền văn minh người khổng lồ đã xây dựng nên các Kim Tự Tháp. Có lẽ chính mối nhân duyên tiền định này đã thôi thúc ông ấy, một cách vô thức, phải thực hiện một cuộc viễn chinh đến Ai Cập.

Và chiến dịch đó có một sứ mệnh ẩn giấu. Trong một giấc mơ hiếm hoi khi ở Ai Cập, ông đã được một vị Thần điểm hóa. Vị Thần cho ông biết rằng một tế tư tà ác của một nền văn minh sau này đã yểm bùa lên ấn đường của Tượng Nhân Sư, phong tỏa năng lượng bảo vệ của vị Võ Thần. Theo sự chỉ dẫn của Thần, Napoleon đã ra lệnh cho pháo binh bắn vào đúng vị trí đó, phá giải thành công bùa yểm. Ông đã vô tình hoàn thành một sứ mệnh thiêng liêng.

Thiên ý thực sự của các cuộc chinh phạt của Napoleon, theo những gì tôi thấy, là để phá vỡ trật tự phong kiến cũ kỹ, mục nát của châu Âu, và trong quá trình đó, bảo tồn nhiều di sản văn hóa tâm linh khỏi sự hủy hoại. Ông đã thực thi đúng kế hoạch của Thần. Nhưng bi kịch của ông nằm ở chỗ, vì bị con chip khuếch đại lòng kiêu ngạo, ông đã nhận hết công lao về mình. Ông cho rằng mọi chiến công đều do tài năng của bản thân, chứ không phải là sự an bài hay ân điển của Thần. Chính cái tâm vị kỷ và ngạo mạn đó đã khiến ông tạo ra vô số nghiệp lực, và cuối cùng phải gánh chịu một kết cục bi thảm.

Và điều khiến tôi thực sự chấn động, Casey ạ, là khi tôi bắt đầu tu luyện Đại Pháp và khai mở một phần trí tuệ, tôi dần nhận ra rằng tất cả chúng tôi – chủ nguyên thần của Napoleon và các phó nguyên thần – đều đã đầu thai thành người đang sống cùng một thời đại này. Tôi ở đây, là một cậu bé người Mỹ đang kể cho cô nghe câu chuyện này. Còn ba người kia, tôi cảm nhận được rằng họ đang ở những quốc gia khác nhau trên Trái Đất.

Tôi biết chính xác họ là ai trong kiếp này, nhưng tôi không rõ họ có nhớ gì về quá khứ huy hoàng nhưng cũng đầy tội lỗi đó không. Nhưng tôi tin rằng, việc tất cả chúng tôi cùng xuất hiện trong thời kỳ Đại Pháp hồng truyền không phải là ngẫu nhiên. Có lẽ, đây là cơ hội để tất cả chúng tôi thực sự thanh tẩy những nghiệp chướng đã gieo trồng, để tìm lại bản ngã chân chính của mình, để lựa chọn một con đường hoàn toàn khác – con đường trở về với Chân-Thiện-Nhẫn.

CHƯƠNG 9: NHÂN CHỨNG CỦA CÁT BỤI

(River khẽ thở ra, ánh mắt cậu nhìn vào một điểm vô định trên bức tường đối diện. Đường như mỗi câu chuyện là một lần cậu phải khoác lên mình một lớp bụi của thời gian, và lần này, lớp bụi đó mang một màu đỏ của sự hoang tàn và một nỗi buồn trải dài hàng triệu năm.)

Hoàng Hôn Của Một Thế Giới Vàng Son

Có một kiếp, tôi không ở trên Trái Đất như các vị biết ngày nay. Đó là một chu kỳ văn minh khác, cách đây khoảng 40 triệu năm. Khi ấy, tôi là một người phụ nữ gần 30 tuổi, một nghệ nhân gốm sứ cổ truyền. Tên của

tôi khi đó, nếu phát âm theo ngôn ngữ hiện đại, nghe gần giống như Aria. Ngôn ngữ của chúng tôi thời đó cũng rất khác, nó dựa nhiều vào các tần số âm thanh và sự cộng hưởng hơn là ký tự.

Thế giới của tôi khi đó, nhìn từ bề ngoài, là một đỉnh cao của sự phát triển. Các thành phố được xây dựng bằng những loại hợp kim lấp lánh, phản chiếu ánh sáng mặt trời tạo thành những vệt cầu vồng di động. Những phi thuyền không tiếng ồn lướt nhẹ nhàng giữa các tòa nhà chọc trời. Nhân loại đã có khả năng du hành ra ngoài hệ mặt trời một cách dễ dàng. Nhưng đằng sau vẻ hào nhoáng đó là một sự mục rỗng đến đáng sợ. Không khí xã hội lạnh lẽo và vô cảm. Con người chìm đắm trong vật chất và những thú vui được tạo ra từ công nghệ, ngày càng xa rời thiên nhiên và những giá trị tâm linh.

Tôi, Aria, sống như một ốc đảo giữa thế giới đó. Xưởng gốm của tôi nằm ở một khu phố cổ, nơi những tòa nhà bằng đá vẫn còn được giữ lại. Mỗi ngày, tôi tìm thấy niềm vui và sự bình yên khi đôi bàn tay mình lấm lem đất sét. Tôi có thể cảm nhận được linh hồn trong từng thớ đất, có thể lắng nghe được câu chuyện của chúng khi nước và lửa hòa quyện. Nhưng thế giới bên ngoài đã không còn trân trọng điều đó. Họ ưa chuộng những sản phẩm "hoàn hảo" được tạo ra hàng loạt bằng máy móc, đẹp một cách công nghiệp nhưng hoàn toàn vô hồn. Doanh số của xưởng gốm ngày một sụt giảm, tôi chỉ còn có thể làm việc cho một số ít những người hoài cổ,

những người còn tìm đến tôi để đặt những món đồ mang hơi ấm của bàn tay con người. Nhiều lúc, giữa sự tĩnh lặng của xưởng gốm, tôi cảm thấy lạc lõng và hoài nghi, tự hỏi liệu con đường mình đang đi có còn ý nghĩa gì không.

Và rồi, một ngày, cả thế giới của chúng tôi bị chấn động.

Một thông báo khẩn cấp từ Hội Đồng Liên Quốc được phát đi khắp hành tinh. Đó là một tổ chức tập hợp đại diện của gần 50 quốc gia trên Trái Đất khi đó, có vai trò điều phối các vấn đề toàn cầu, tương tự như Liên Hợp Quốc ngày nay. Giọng nói lạnh lùng, vô cảm của vị Chủ tịch Hội Đồng vang lên từ mọi màn hình, thông báo về một "sự cố ngoại giao" ở một tinh hệ xa xôi.

Nhưng sự thật không thể bị che giấu lâu. Thông tin bắt đầu rò rỉ qua các kênh không chính thức, lan truyền như một cơn hoảng loạn. Đó không phải là "sự cố". Đó là một cuộc tấn công thảm bại. Một hạm đội tìm kiếm tài nguyên của Trái Đất, một dự án đầy tham vọng được chính Hội Đồng Liên Quốc thông qua, đã xâm phạm vào lãnh thổ của một chủng tộc khác và bị tiêu diệt hoàn toàn. Và điều tồi tệ nhất, chủng tộc ngoài hành tinh đó, với một nền văn minh tiên tiến hơn chúng tôi rất nhiều lần, đã tuyên bố sẽ truy đuổi đến tận cùng và hủy diệt toàn bộ sự sống trên Trái Đất để trả đũa.

Sự hỗn loạn và hoảng sợ bao trùm. Các quốc gia thành viên trong Hội Đồng bắt đầu đổ lỗi cho nhau. Những nhà lãnh đạo theo chủ nghĩa duy vật, những người vốn luôn tự hào và tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh công nghệ của mình, giờ đây lần đầu tiên đối mặt với sự bất lực hoàn toàn.

Sau nhiều phiên họp căng thẳng và đầy tranh cãi, Hội Đồng Liên Quốc công bố một kế hoạch cuối cùng, một kế hoạch đầy tuyệt vọng mang tên "Bảo Tồn Hạt Giống". Họ sẽ lựa chọn những cá nhân ưu tú thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau từ các quốc gia thành viên để lên các phi thuyền khổng lồ, di tản đến các căn cứ bí mật trên các hành tinh khác trong hệ mặt trời, với hy vọng giữ lại giống nòi trong trường hợp xấu nhất.

Tôi đã vô cùng bất ngờ khi nhận được thông báo rằng mình đã được chọn. Lý do mà quốc gia của tôi đưa ra, và được Hội Đồng chấp thuận, là vì tôi là một trong số ít những nghệ nhân cổ truyền lành nghề còn lại, một đại diện cho "di sản văn hóa" cần được bảo tồn. Thật trớ trêu, thứ nghệ thuật mà họ cho là "lỗi thời" và gần như bị lãng quên, giờ đây lại được xem là một thứ quý giá cần được mang theo trong cuộc tháo chạy.

Ngày rời đi, tôi đứng trước xưởng gốm của mình lần cuối. Lò nung vẫn còn hơi ấm, vài tác phẩm còn dang dở nằm trên bàn xoay. Tôi phải bỏ lại tất cả. Cả cuộc đời và tâm huyết của tôi nằm lại đó. Tôi chỉ được phép mang

theo một hộp dụng cụ nhỏ, những món đồ đã theo tôi từ khi học nghề. Nước mắt tôi rơi, không chỉ vì sợ hãi, mà còn vì nỗi đau phải từ bỏ thứ đã là linh hồn của mình.

Bí Mật Của Hành Tinh Đỏ

Chuyến đi đến Sao Hỏa diễn ra trong một sự im lặng căng thẳng. Trên phi thuyền khổng lồ, hàng ngàn người ngồi bất động, không ai nói với ai một lời. Tôi nhìn quanh, thấy một nhà khoa học nổi tiếng, người thường xuất hiện trên truyền thông với vẻ mặt tự tin, giờ đây đang nhìn vào khoảng không với ánh mắt thất thần. Tôi thấy một gia đình giàu có, những người luôn khoe khoang về tài sản của mình, giờ đang ôm nhau khóc nức nở. Tất cả mọi sự kiêu hãnh, danh vọng, tiền bạc đều trở nên vô nghĩa trước sự hủy diệt sắp xảy ra. Mọi người dán mắt vào khung cửa sổ, nhìn hành tinh xanh xinh đẹp của mình ngày càng nhỏ lại, mờ dần, cho đến khi chỉ còn là một chấm sáng giữa vũ trụ bao la. Đó là một cảm giác mất mát không gì có thể diễn tả được.

Phi thuyền của chúng tôi không hạ cánh xuống bề mặt một cách công khai. Nó bay vào một hẻm núi sâu, hoang vắng, và rồi một cánh cửa khổng lồ, được ngụy trang hoàn hảo như một vách đá, từ từ mở ra, để lộ một đường hầm dẫn sâu vào lòng đất.

Khi chúng tôi bước ra khỏi phi thuyền, tất cả những người dân thường như tôi đều sững sờ. Trước mắt chúng tôi là một thế giới hoàn toàn khác. Một thành phố ngăm khổng lồ, được chiếu sáng bởi một mặt trời nhân tạo trên vòm trần cao vút, tỏa ra thứ ánh sáng dịu nhẹ. Có những khu rừng thực vật xanh tốt, những dòng sông ngăm trong vắt chảy róc rách. Không khí trong lành và dễ chịu. Căn cứ này có thể nuôi sống vài triệu người một cách dễ dàng.

Trong khi chúng tôi còn đang kinh ngạc, thì tôi nhận thấy vẻ mặt của các nhà khoa học và các quan chức trong đoàn lại khá bình tĩnh. Sau này tôi mới biết, họ đã biết về sự tồn tại của căn cứ này từ nhiều năm trước qua các cuộc thăm dò không gian. Họ biết cách để tìm ra và mở cánh cửa bí mật này. Đó là lý do tại sao Sao Hỏa được chọn làm một trong những điểm di tản. Nhưng biết về sự tồn tại của nó là một chuyện, hiểu được nó lại là một chuyện hoàn toàn khác.

Họ nhanh chóng nhận ra, công trình vĩ đại này không phải do nền văn minh của chúng tôi tạo ra. Nó quá cổ xưa, phong cách kiến trúc và công nghệ vận hành hoàn toàn xa lạ. Họ chỉ là những người tìm thấy một di sản của một ai đó đã bị lãng quên, nhưng lại không thể giải mã được nó.

Các nhà khoa học trong đoàn dẫn chúng tôi đến kho lưu trữ trung tâm của căn cứ. Họ nói rằng họ đã tìm thấy nơi

này trong các chuyến thăm dò trước, nhưng hoàn toàn bất lực trong việc tiếp cận nguồn thông tin. Thông tin ở đây không được lưu trữ bằng bất kỳ hình thức văn tự hay dữ liệu số nào. Nó được phong ấn trong những khối tinh thể lớn, trong suốt. Họ đã thử mọi phương pháp công nghệ để trích xuất dữ liệu nhưng đều thất bại. Cuối cùng, họ đưa ra một giả thuyết rằng có lẽ nó đòi hỏi một sự tương tác mang tính tâm linh, một sự kết nối về ý thức.

Và đó là lý do họ tìm đến tôi và một vài người khác có tâm hồn nhạy cảm, những nghệ sĩ, những nhà thơ. Họ muốn "thử vận may". Khi tôi đặt tay lên một khối tinh thể lớn, ngay lập tức, một dòng thác thông tin, hình ảnh, âm thanh và cảm xúc ủa vào tâm trí tôi như một cơn bão. Tôi không còn là Aria nữa. Tôi đang sống lại cuộc đời của một nền văn minh khác, một nền văn minh tồn tại cách thời đại của tôi đến 90 triệu năm.

Những gì tôi thấy vượt xa mọi tưởng tượng. Công nghệ của họ tân tiến hơn nền văn minh của chúng tôi rất nhiều lần. Nếu chúng tôi chỉ mới chập chững bước ra ngoài hệ mặt trời, thì họ đã coi cả Hệ Ngân Hà này là sân sau của mình. Tôi thấy những hạm đội phi thuyền khổng lồ, sử dụng động cơ năng lượng lượng tử, có thể bẻ cong không gian để di chuyển gần như tức thời. Họ đã chinh phục, cai trị hoặc liên minh với hai phần ba các tinh hệ trong toàn bộ Ngân Hà. "Đế chế liên hành tinh" của họ

không chỉ là một cái tên, mà là một thực thể quyền lực bao trùm vũ trụ.

Nhưng rồi, những hình ảnh huy hoàng đó nhường chỗ cho những cảnh tượng khiến tôi phải rùng mình ghê tởm. Với một quyền lực không có đối thủ, họ đã trượt dài vào sự tha hóa tột cùng. Tôi thấy mình đang đứng giữa một đại sảnh xa hoa. Những người quý tộc với gen đã biến đổi đang thưởng thức những bản nhạc có thể điều khiển trực tiếp cảm xúc. Tôi thấy một người phụ nữ xinh đẹp bước qua, và mùi hương hoa hồng từ cơ thể cô ấy lan tỏa khắp không gian. Nhưng ánh mắt cô ấy trống rỗng, vô hồn. Ở một góc khác, một chiếc lồng bằng năng lượng nhốt một sinh mệnh hình thù kỳ lạ từ hành tinh khác, đang run rẩy sợ hãi trong khi đám đông chỉ trỏ, cười đùa. Trong quá trình xâm lược 2/3 Ngân Hà, họ đã gieo rắc vô số tội ác, bắt bó vô số chủng tộc làm nô lệ.

Tôi cảm thấy ghê tởm, nhưng cũng nhận ra một sự tương đồng đáng sợ trong cái lõi của sự tha hóa đó: sự kiêu ngạo tột độ, coi mình là trung tâm vũ trụ, và sự trống rỗng đến cùng cực phải tìm đến những thú vui bệnh hoạn để lấp đầy. Một đế chế hùng mạnh đến vậy, nhưng đạo đức của họ đã mục ruỗng từ bên trong.

Và rồi, tôi thấy đoạn kết của họ. Khi họ cố gắng chinh phục một phần ba còn lại của Ngân Hà, họ đã đụng đến một thế lực mà ngay cả họ cũng không thể chống lại: chủng tộc nửa người nửa thú từ chòm sao Ma Yết. Sự

sụp đổ diễn ra nhanh chóng, toàn diện. Một đế chế từng cai trị cả vũ trụ đã bị xóa sổ chỉ trong một thời gian ngắn.

Dòng ký ức kết thúc. Tôi ngã quy xuống sàn, thở hỗn hển, toàn thân ướt đầm mồ hôi. Tôi đã hiểu. Lịch sử đang lặp lại.

Lịch Sử Lặp Lại và Sự Thức Tỉnh

Tôi cố gắng kể lại những gì mình đã chứng kiến cho mọi người nghe. Khi câu chuyện kết thúc, cả căn phòng đều khiến trung tâm chìm trong im lặng. Sự im lặng còn đáng sợ hơn cả những tiếng la hét. Không ai nghi ngờ lời tôi nói. Bởi vì bi kịch của một nền văn minh cách đây 90 triệu năm, lại chính là tấm gương phản chiếu một cách hoàn hảo số phận của chính chúng tôi.

Và rồi, lịch sử đã lặp lại một cách tàn nhẫn. Hệ thống báo động của căn cứ vang lên. Một hạm đội khổng lồ đã tiến vào quỹ đạo của Trái Đất. Trên màn hình chính, chúng tôi, những người sống sót trên Sao Hỏa, đã buộc phải chứng kiến ngày phán xét của hành tinh quê hương mình. Chúng tôi thấy những vũ khí năng lượng kinh hoàng của chúng bắn về phía Trái Đất. Hành tinh xanh xinh đẹp của chúng tôi oằn mình trong những vụ nổ câm lặng. Chỉ trong vài giờ, mọi thứ đã kết thúc. Trái Đất, từ

một quả cầu xanh biếc đầy sức sống, đã biến thành một quả cầu cháy đen, âm u.

Nỗi đau và sự tuyệt vọng lúc này đã lên đến đỉnh điểm. Một vị tướng già từng chinh chiến khắp nơi gục ngã xuống sàn. Một nhà khoa học từng tự tin nhất giờ đây ôm đầu khóc như một đứa trẻ. Còn tôi, tôi không khóc. Tôi chỉ cảm thấy một sự trống rỗng lạnh lẽo, vì tôi đã "thấy" trước kết cục này qua ký ức của nền văn minh cổ.

Trong cơn hoảng loạn, lệnh được ban ra: niêm phong toàn bộ các lối vào căn cứ. Chúng tôi chui rúc sâu hơn vào lòng đất, chuẩn bị cho điều tồi tệ nhất. Không khí trong căn cứ ngột ngạt đến khó thở. Lương thực được chia theo khẩu phần nghiêm ngặt. Sự im lặng bao trùm, những đứa trẻ cũng không còn nô đùa. Chúng tôi đã chờ đợi trong sợ hãi. Một ngày trôi qua. Rồi hai ngày.

Nhưng rồi, vào ngày thứ ba, một điều không thể tin nổi đã xảy ra. Hạm đội của kẻ thù, sau khi lượn thêm vài vòng quanh Sao Hỏa, đã tập hợp lại và... rời đi. Chúng cứ thế biến mất vào khoảng không sâu thẳm, như thể chúng không hề quan tâm đến sự tồn tại của chúng tôi.

Căn cứ chìm trong một sự im lặng bàng hoàng. Không ai hiểu chuyện gì đã xảy ra. Và giữa sự im lặng đó, một nhận thức chung bắt đầu lan tỏa trong tâm trí mỗi người. Chúng tôi đã được một lực lượng cao hơn bảo hộ. Chúng

tôi đã được cứu không phải bởi công nghệ, mà bởi Thần Phật.

Sự kiện mâu nhiệm này, cùng với câu chuyện lịch sử lặp lại mà tôi đã chứng kiến, đã trở thành một cú sốc thức tỉnh cho cả cộng đồng. Một cuộc họp toàn thể được tổ chức trong đại sảnh lớn nhất của căn cứ. Lần đầu tiên, tôi, một nghệ nhân bình thường, đã đứng lên phát biểu trước hàng ngàn người. Tôi không chỉ kể lại lịch sử, mà còn nói lên sự chiêm nghiệm của mình về quy luật nhân quả, về sự nguy hiểm của lòng kiêu ngạo và con đường duy vật. Lời nói chân thành của tôi, cùng với sự thật không thể chối cãi mà mọi người vừa trải qua, đã có sức lay động mạnh mẽ. Các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo, sau khi trải qua sự bất lực tốt cùng, đã công khai thừa nhận sai lầm của con đường mà nền văn minh của chúng tôi đã chọn.

Một quyết định trọng đại được tất cả mọi người đồng thuận: từ bỏ hoàn toàn việc dựa dẫm vào công nghệ tiên tiến, quay về với những giá trị truyền thống, sống một cuộc sống giản dị, dựa vào lao động chân tay và tập trung vào việc phát triển nội tâm, tìm lại sự kết nối với Thần.

Và trong cuộc cách mạng tâm linh đó, tôi, Aria, một nghệ nhân gốm sứ gần như bị lãng quên, bỗng trở thành một nhân vật trung tâm. Nghệ thuật của tôi không còn là thứ "lỗi thời" nữa. Nó, cùng với các ngành nghề thủ công

khác, đã trở thành nền tảng để xây dựng lại một xã hội có linh hồn.

Sứ Mệnh Của Người Nghệ Nhân

Những thập kỷ trôi qua trong lòng đất Sao Hỏa không hề dễ dàng, nhưng nó tràn đầy ý nghĩa. Chúng tôi đã tắt đi phần lớn các cỗ máy tự động, những thứ đã từng khiến chúng tôi trở nên lười biếng và xa cách. Chúng tôi bắt đầu học lại từ đầu những kỹ năng cơ bản nhất: cách canh tác đất đai trong các khu vườn nhân tạo bằng chính đôi tay mình, cách dệt nên những tấm vải từ sợi của các loài thực vật, cách xây dựng và sửa chữa nhà cửa bằng những công cụ đơn giản.

Xưởng gốm của tôi trở thành trái tim của cộng đồng. Mỗi ngày, có rất nhiều người tìm đến, không chỉ để đặt hàng, mà để học. Tôi dạy họ cách cảm nhận linh hồn của đất, cách dùng sự kiên nhẫn và tình yêu thương để biến một khối đất sét vô tri thành một chiếc bát, một chiếc bình. Tôi thấy niềm vui lấp lánh trong mắt một nhà khoa học từng đoạt nhiều giải thưởng khi ông tự tay nặn thành công chiếc cốc đầu tiên, dù nó méo mó và không hoàn hảo. Niềm vui đó chân thật hơn bất kỳ thành tựu công nghệ nào họ từng đạt được.

Khoảng vài chục năm sau ngày Trái Đất bị hủy diệt, hệ thống quan sát cho thấy hành tinh của chúng tôi đã dần tự chữa lành. Bầu khí quyển dần trong lại, thảm thực vật bắt đầu hồi sinh ở một vài nơi. Một cuộc tranh luận lớn đã nổ ra trong cộng đồng: có nên trở về hay không? Một số người vẫn còn sợ hãi, cho rằng Sao Hỏa mới là ngôi nhà an toàn duy nhất. Nhưng phần lớn, trong đó có tôi, cảm thấy chúng tôi có trách nhiệm phải quay về, tái thiết lại quê hương từ tro tàn.

Cuối cùng, một quyết định được đưa ra. Một nửa cộng đồng sẽ quay trở về Trái Đất. Nửa còn lại sẽ ở lại Sao Hỏa, duy trì căn cứ này như một phương án dự phòng, một lời nhắc nhở về quá khứ. Cuộc chia tay lần này không còn nước mắt tuyệt vọng, mà là những cái ôm thật chặt, những lời hứa hẹn và một niềm hy vọng vào tương lai.

Khi trở về Trái Đất, tôi đã trở thành một trong những người được kính trọng nhất, được giao trọng trách đứng đầu ngành gốm sứ của nền văn minh mới. Nhưng trong thâm tâm, tôi biết sứ mệnh của mình giờ đây đã lớn hơn rất nhiều.

Tôi bắt đầu thực hiện một dự án vĩ đại, một công việc thầm lặng kéo dài suốt phần đời còn lại của mình. Tôi chế tác một loạt các kiệt tác gốm sứ, mỗi tác phẩm là một trang sử sống động, kể lại câu chuyện mà chỉ mình tôi và một số ít người còn nhớ. Tôi khắc lên đó hình ảnh những

phi thuyền vĩ đại của "Đế chế liên hành tinh", cảnh những buổi yến tiệc xa hoa, truy lạc của họ. Tôi khắc cả hình ảnh chủng tộc Ma Yết hung tàn và sự sụp đổ của một đế chế từng cai trị hai phần ba Ngân Hà. Và tôi cũng khắc lại câu chuyện của chính chúng tôi: sự kiêu ngạo, sự trừng phạt, cuộc di tản và sự thức tỉnh trong lòng đất Sao Hỏa.

Mỗi tác phẩm là một quá trình thiền định sâu sắc, một lần tôi phải sống lại tất cả những ký ức đau thương và những bài học xương máu. Đôi tay tôi nhào nặn đất sét, nhưng tâm trí tôi đang cố gắng nhào nặn một lời cảnh tỉnh cho tương lai.

Sau khi hoàn thành, những tác phẩm này không được trưng bày ở bất kỳ đâu. Chúng được đưa vào một nghi lễ trang trọng. Chúng tôi bọc chúng trong những lớp vải đặc biệt, đặt vào những chiếc hòm bằng đá, và đem chôn ở những địa điểm hẻo lánh khác nhau trên khắp thế giới. Trước khi lấp đất, chúng tôi cùng nhau đặt tay lên chiếc hòm và gửi vào đó một lời nguyện cầu: cầu cho những người ở các nền văn minh tương lai, nếu có duyên tìm thấy những "nhân chứng" này, sẽ có đủ trí huệ và thiện tâm để hiểu được thông điệp mà chúng tôi muốn gửi gắm, để không đi vào vết xe đổ của sự hủy diệt.

Những năm cuối đời, tôi không còn làm gốm nữa. Tôi dành trọn vẹn thời gian cho việc tu luyện Phật Pháp và truyền dạy lại toàn bộ kỹ năng, kinh nghiệm và những

chiêm nghiệm của mình cho các thế hệ học trò. Họ không chỉ học nghề, mà còn học về đạo lý làm người, về sự khiêm tốn và lòng kính ngưỡng Thần Phật.

Ngày tôi ra đi, tôi đã ngoài tám mươi tuổi. Tôi biết trước thời khắc của mình. Tôi gọi các học trò thân cận nhất lại, dặn dò họ những lời cuối cùng, hãy giữ lấy ngọn lửa của nghề và của đạo đức. Rồi tôi ngồi vào tư thế tọa thiền trong xưởng gốm cũ, nơi tôi đã bắt đầu tất cả. Giữa mùi đất sét và hương trầm thoang thoảng, tôi an nhiên rời khỏi thế gian theo cách tương tự như một số cao tăng ở Tây Tạng toạ hoá: một vầng hào quang màu vàng kim nhật đã bao bọc lấy thân thể tôi trong giây lát, và một mùi hương thơm lạ, thanh khiết lan tỏa khắp căn phòng, và toàn bộ thân thể tôi, bao gồm cả quần áo, hoá thành luồng sáng ngũ sắc bay vút lên trời.

Kiếp sống của Aria đã kết thúc như vậy. Một kiếp sống bắt đầu trong sự hoài nghi, trải qua mất mát và tuyệt vọng, nhưng cuối cùng đã tìm thấy sứ mệnh và sự viên mãn trong việc trở thành một nhân chứng thầm lặng của lịch sử, một người gieo mầm cho tương lai.

CHƯƠNG 10: CHUYỂN SINH THỜI NHÀ ĐƯỜNG

(Lần này, giọng kể của River không mang sự bi tráng hay huyền ảo của những nền văn minh đã mất. Nó trầm tĩnh, nhẹ nhàng, như tiếng chuông chùa ngân nga trong một buổi chiều tà. Cậu bé như đang kể về một người bạn cũ, một người rất đối bình thường nhưng lại có một sự kiên định phi thường.)

Có một kiếp sống, tôi trở về với một thời đại không quá xa xôi, một thời đại hoàng kim trong lịch sử Trung Hoa, nơi Phật Pháp, đặc biệt là Thiền Tông, phát triển rực rỡ – đó là thời nhà Đường.

Kiếp đó, tôi không phải là một vị vua, một tư tế, hay một nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn lao. Ban đầu, tôi là một

võ tướng tên là Trần Khang, phục vụ dưới trướng Tần Vương Lý Thế Dân, trước khi ông lên ngôi Hoàng đế. Cuộc đời tôi trong kiếp đó là một sự chuyển hướng lớn lao, từ tiếng gươm đao nơi chiến trận đến sự tĩnh lặng của chốn thiền môn.

Người Lính Giữa Cuộc Tranh Hùng

Tôi sinh ra vào những năm cuối của nhà Tùy, một thời kỳ loạn lạc, xương trắng đầy đồng, dân chúng lâm than. Ký ức tuổi thơ của tôi là những ngày đói khổ, là cảnh cướp bóc, chém giết, là sự bất lực khi thấy những người thân yêu ngã xuống mà không thể làm gì. Chính vì vậy, khi nghe tin Đường Công Lý Uyên chuẩn bị khởi binh ở Thái Nguyên để chống lại nhà Tùy, tôi, một chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết, đã không do dự mà tìm đường đến đó để đầu quân, với một mong ước giản dị là góp sức chấm dứt cảnh khổ đau mà tôi đã chứng kiến.

Người trực tiếp tuyển mộ và phỏng vấn tôi khi đó chính là con trai thứ của ngài, Tần Vương Lý Thế Dân. Ngay từ lần gặp đầu tiên, tôi đã hoàn toàn bị thuyết phục bởi khí phách phi thường, ánh mắt sáng như sao và một sự tự tin toát ra từ con người ông. Dù cuộc khởi binh về danh nghĩa là của Đường Công, nhưng trong lòng tôi khi đó, Tần Vương mới chính là hình ảnh của một vị minh chủ, một người có thể quét sạch loạn lạc, mang lại thái bình thực sự cho trăm họ. Tôi đã nguyện dùng cả tính mạng

mình để chiến đấu dưới ngọn cờ của ông, tin tưởng tuyệt đối vào người mình chủ mà mình đã chọn.

Trên chiến trường, tôi là một người lính giỏi. Tôi chiến đấu can trường, không bao giờ lùi bước trước hiểm nguy, và đã nhiều lần vào sinh ra tử. Tôi nhớ có lần, trong một trận công thành vô cùng khó khăn, đội quân chúng tôi bị hỏa tiễn của địch chặn đứng, thương vong ngày một nhiều, binh sĩ bắt đầu nao núng. Chính lúc đó, Tần Vương đã không ở trong lều chỉ huy an toàn. Ngài đã đích thân mặc giáp, cầm gươm, xông thẳng lên tuyến đầu. Ngài không hô hào những lời sáo rỗng. Ngài chỉ đứng đó, giữa làn mưa tên, dùng uy đức và sự dũng mãnh của mình để vực dậy tinh thần toàn quân. Chúng kiến cảnh đó, tôi và các binh sĩ khác như được tiếp thêm một sức mạnh vô hình, cùng nhau liều chết xông lên và cuối cùng đã chiếm được thành. Hình ảnh đó đã khắc sâu vào tâm trí tôi, củng cố một niềm tin vững chắc rằng theo ngài, nhất định thiên hạ sẽ thái bình.

Nhưng bản tính tôi lại rất chất phác, thẳng thắn. Tôi không biết dùng mưu kế, cũng không có tài ăn nói khéo léo để lấy lòng cấp trên. Tôi chỉ biết trung thành với mệnh lệnh và lý tưởng của mình. Vì vậy, dù có nhiều chiến công, tôi cũng chỉ được thăng đến chức Hiệu úy, một võ tướng cấp trung. Tôi không quá bận tâm về điều đó. Chức tước với tôi không quan trọng bằng việc mỗi ngày được thấy giang sơn của nhà Đường thêm vững chắc.

Sau khi nhà Đường được thành lập, tưởng như thái bình đã đến, nhưng một cuộc chiến khác, một cuộc chiến còn đáng sợ hơn, lại đang âm thầm diễn ra ngay tại kinh thành Trường An. Đó là cuộc chiến tranh giành quyền lực. Theo lẽ thường, người anh cả, Thái tử Lý Kiến Thành, sẽ là người kế vị. Nhưng Tần Vương Lý Thế Dân, người con trai thứ, lại là người có công lao lớn nhất trong việc bình định thiên hạ. Công lao của ngài quá lớn, uy danh quá cao, khiến cho địa vị của Thái tử bị lung lay. Mâu thuẫn giữa hai phe phái ngày càng trở nên gay gắt. Cùng với người em thứ tư là Tề Vương Lý Nguyên Cát, Thái tử Lý Kiến Thành đã nhiều lần tìm cách hãm hại, gạt bỏ Tần Vương.

Không khí chính trị ở kinh thành những ngày đó ngột ngạt đến khó thở. Các tướng lĩnh, binh sĩ trong phủ Tần Vương chúng tôi đều cảm nhận được một cơn bão sắp nổi lên. Mỗi ngày, chúng tôi đều sống trong sự lo lắng, không biết ngày mai sẽ ra sao. Tôi, với sự nhạy cảm của một người lính đã quen với hiểm nguy, cũng cảm thấy một sự bất an bao trùm. Tôi chỉ là một võ tướng cấp thấp, không hiểu hết những mưu sâu kế hiểm chốn cung đình. Tôi chỉ có một mong ước đơn giản: cầu mong các vị hoàng tử có thể vì giang sơn xã tắc mà hòa giải với nhau, tránh cảnh huynh đệ tương tàn. Nhưng tôi biết, đó chỉ là một ước vọng ngây thơ.

Và rồi, đêm định mệnh đó đã đến. Chủ tướng của tôi, một vị tướng thân cận của Tần Vương, được triệu tập

đến phủ để họp khẩn. Với vai trò hộ vệ, tôi phải thắp đèn ngoài và đứng gác bên ngoài thư phòng. Đêm đó, không khí đặc quánh lại, căng thẳng đến mức tôi có thể nghe thấy cả tiếng tim mình đập. Qua cánh cửa gỗ khép hờ, tôi nghe được những giọng nói trầm thấp, đầy tính toán bên trong. Tôi nghe thấy tên của Thái tử Lý Kiến Thành, của Tề Vương Lý Nguyên Cát. Tôi nghe thấy những từ như "phục kích", "cửa Huyền Vũ", "không còn lựa chọn nào khác". Và tôi nghe rõ giọng nói quyết đoán của Tần Vương, sự ủng hộ quyết liệt của Trương Tôn Vô Kỵ và những người khác.

Họ đang bàn về một kế hoạch táo bạo và tàn nhẫn: phục kích và giết chết chính anh em ruột của mình.

Máu trong người tôi như đông lại. Tai tôi ù đi. Thế giới của tôi như đang nghiêng ngả. Người mình chủ mà tôi tôn thờ, người mà tôi tin rằng sẽ mang lại thái bình bằng chính nghĩa, lại đang lên kế hoạch cho một cuộc thảm sát huynh đệ. Toàn bộ lý tưởng mà tôi đã liều mạng bảo vệ suốt bao năm qua bỗng chốc trở nên nực cười và giả dối. Tôi cảm thấy ghê tởm, không chỉ với kế hoạch đó, mà còn với chính bản thân mình vì đã là một phần của guồng máy này. Tôi không muốn tham gia, không muốn tay mình phải vấy bẩn vì một việc làm thất đức như vậy.

Sau cuộc họp, trên đường trở về, tôi đã lấy hết can đảm nói với chủ tướng. Tôi viện cớ rằng mấy hôm nay cảm thấy không khỏe, xin được nhận một nhiệm vụ khác ở

ngoài thành vào ngày hôm đó. Vị chủ tướng, vốn đang căng thẳng và tâm trí đặt hết vào kế hoạch, chỉ liếc nhìn tôi một cách lạnh lùng rồi gạt đi. "Đây là thời khắc sinh tử của Tần Vương và tất cả chúng ta. Không có chỗ cho sự yếu đuối. Ngươi là lính của phủ Tần Vương, ngươi phải có mặt!" Giọng ngài không cho phép một lời thoái thác nào nữa.

Tôi nhận ra mình không có lựa chọn. Tôi bị trói buộc bởi thân phận của một người lính, bởi lòng trung thành với chủ tướng, và bởi cả guồng quay định mệnh mà tôi không thể thoát ra.

Sáng hôm sau, ngày xảy ra biến cố, không khí tại cửa Huyền Vũ nặng nề như chì. Tôi và đơn vị của mình được giao nhiệm vụ canh gác một vòng ngoài, ngăn chặn mọi khả năng có viện binh của phe Thái tử. Tôi không phải là người trực tiếp xuống tay, nhưng tôi đã nghe thấy tất cả. Tiếng ngựa hí, tiếng la hét kinh hoàng, tiếng binh khí va vào nhau một cách ngắn ngủi, tàn khốc, và rồi... là một sự im lặng chết chóc. Sự im lặng đó còn đáng sợ hơn bất kỳ âm thanh nào.

Một lúc sau, Tần Vương Lý Thế Dân bước ra từ cửa Huyền Vũ. Tôi nhìn ngài, cố gắng tìm lại hình ảnh vị minh chủ anh dũng trên chiến trường năm xưa. Nhưng không. Người đứng trước mặt tôi lúc này có một ánh mắt hoàn toàn khác. Một ánh mắt lạnh lùng, trống rỗng, không một chút hơi ấm, không một gợn sóng cảm xúc.

Đó là ánh mắt của một người đã vứt bỏ hết tình thân để đổi lấy quyền lực. Cái nhìn đó đã hoàn toàn giết chết hình ảnh "minh chủ" trong lòng tôi.

Sau khi Lý Thế Dân lên ngôi, lấy hiệu là Đường Thái Tông, cả thiên hạ tung hô một trang sử mới. Nhưng đối với tôi, lý tưởng đã chết. Vinh quang của triều đại mới được xây trên máu của anh em, đối với tôi chỉ là một sự ô nhục. Tôi cảm thấy bộ quân phục trên người mình nặng trĩu. Thanh gươm đeo bên hông cũng trở nên xa lạ. Tôi, Trần Khang, lúc này đã gần 40 tuổi, cảm thấy mệt mỏi và trống rỗng. Tôi xin giải ngũ, lấy có sức khỏe suy yếu vì nhiều năm chinh chiến. Tôi từ bỏ bộ quân phục, thanh gươm đã theo mình suốt tuổi trẻ, rời xa chốn phồn hoa đô hội, bắt đầu một cuộc hành trình lang thang vô định, tìm kiếm một điều gì đó có thể vá lại tâm hồn đã tan vỡ của mình.

Ba Mươi Năm Thầm Lặng Dưới Chân Ngũ Tổ

Chuyến đi lang thang đưa tôi đến núi Hoàng Mai, nơi có chùa Đông Thiền. Khi tôi quỳ xuống trước mặt Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, một vị thiền sư có ánh mắt từ bi nhưng thấu suốt, tôi không xin Ngài ban cho sự an lạc. Tôi chỉ

xin Ngài cho tôi một nơi để nương tựa, một con đường để đi. Ngài nhìn tôi, một gã đàn ông gần 40 tuổi, thân hình vạm vỡ vẫn còn hằn dấu ấn của chiến trường, rồi gặt đầu. Tôi cạo bỏ mái tóc, khoác lên mình tấm áo nâu sòng, và được Sư phụ ban cho pháp danh là Huyền Mặc.

Những ngày đầu ở chốn thiền môn là một cuộc chiến còn cam go hơn bất kỳ trận đánh nào tôi từng trải qua. Đó là cuộc chiến với chính thân xác và tâm trí của mình.

Thân xác của một võ tướng quen vận động giờ đây gào thét phản đối khi bị buộc phải ngồi bất động hàng giờ. Mỗi buổi tọa thiền là một cực hình. Đôi chân quen đi ủng da, đạp bàn đạp sắt, giờ phải xếp lại. Ban đầu, tôi chỉ có thể ngồi bán già. Chỉ được một lúc, cơn đau nhức như có ngàn cây kim châm vào xương tủy, một ngọn lửa như chạy dọc sống lưng. Lưng tôi, vốn quen thẳng tắp trên yên ngựa, giờ mỏi rũ rượi. Tôi nhìn các sư huynh đệ khác ngồi trong thế kiết già, vững chãi như những pho tượng đá, trong khi tôi thì không ngừng cựa quậy, trán đầm mồ hôi.

Học theo lời khuyên của một số đồng môn, tôi đã dùng những phương pháp khắc nghiệt để ép mình vào khuôn khổ. Có lúc, tôi dùng những tảng đá nhỏ, phẳng dẹt lên hai đầu gối, mong rằng sức nặng sẽ giúp chân tôi hạ thấp xuống. Có lúc khác, tôi lại dùng dây thừng để buộc chặt hai chân mình lại trong thế kiết già, nghĩ rằng chịu đựng cơn đau thấu xương.

Và tâm tôi lại càng là một con ngựa hoang. Mỗi khi tôi cố gắng tĩnh lại, những hình ảnh máu lửa của chiến trường lại hiện về. Tôi thấy lại những gương mặt, nghe lại những tiếng thét. Có những đêm, tôi mơ thấy mình đang ở Huyền Vũ Môn, nhưng người tôi phải chém lại chính là một người đồng đội cũ đã cùng tôi vào sinh ra tử. Tôi giật mình tỉnh giấc với một tiếng hét câm lặng nghẹn trong cổ họng, hai tay vẫn nắm chặt như đang cầm chuôi gươm.

Một vài vị sư trẻ, thấy tôi chật vật như vậy, đã không giấu được những tiếng cười khúc khích. Tôi nghe họ xì xầm sau lưng: "Xem kìa, mang cả thân xác của chiến trường vào cửa Phật", hay "Người như vậy làm sao có thể tu hành được". Tôi nghe thấy hết. Lòng tự trọng của một võ tướng khiến tôi tức giận, nhưng tôi nhanh chóng nén nó xuống, thay vào đó là nỗi hổ thẹn và bất lực.

Một hôm, Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn đi ngang qua, thấy tôi đang ngồi thiền, mặt nhăn lại vì đau, hai tảng đá đè nặng trên chân. Ngài dừng lại, không nói gì, chỉ khẽ lắc đầu rồi bước đi. Hôm sau, Ngài gọi riêng tôi đến và nghiêm khắc nói:

"Ta nghe nói con đang dùng đá đè chân, dùng dây buộc thân để mong ngồi được kiết già. Con đang cố khuất phục thân xác này như khuất phục một con ngựa hoang sao? Thân xác này của con đã tạo ra bao nhiêu nghiệp sát trên chiến trường, giờ nó

đau một chút thì có đáng gì? Con chịu được vạn
tiền xuyên tâm, lại không chịu nổi một chút đau
mỏi của đôi chân sao? Cái đau này chính là đang
tiêu nghiệp cho con đó. Con đang dùng đá để đè
cái chân, nhưng cái tâm của con vẫn đang giao
chiến với cơn đau. Tu là tu cái tâm, không phải tu
cái chân. Khi nào tâm con không còn giao chiến với
nó nữa, thì đá hay không đá, có còn quan trọng
không?"

Lời nói nghiêm khắc nhưng đầy trí huệ của Sư phụ như
một gáo nước lạnh dội vào tôi. Tôi bừng tỉnh. Tôi đã hiểu.
Vấn đề không nằm ở tảng đá, mà nằm ở cái tâm chấp
trước của tôi vào việc "phải ngồi được". Từ hôm đó, tôi
tự mình bỏ những tảng đá đi. Tôi không còn coi cái đau
là kẻ thù nữa, mà bắt đầu học cách chấp nhận và quan
sát nó một cách bình thản. Cũng từ đó, tôi không còn ép
mình ngồi thiền một cách máy móc nữa. Tôi xin làm
những công việc nặng nhọc nhất trong chùa: bồng củi,
gánh nước, giã gạo. Mỗi nhát búa bồng xuống, mỗi bước
chân gánh nước lên dốc, tôi đều tập trung toàn bộ tâm trí
vào đó. Dần dần, những hình ảnh quá khứ không còn
gào thét nữa, chúng lắng lại. Phải mất gần mười năm, tôi
mới thực sự chế ngự được thân tâm của mình, có thể
ngồi kiết già vững chắc.

Mười năm tiếp theo, khi tâm đã an, tôi bắt đầu chú tâm
hơn vào việc học hỏi kinh điển. Và trong chùa Đông
Thiền khi đó, không ai có thể sánh được với Đại sư

huynh Thần Tú về sự uyên bác. Ông là giáo thọ sư, người đứng đầu tăng chúng. Tôi thường đến nghe đại sư huynh giảng Pháp, và vô cùng ngưỡng mộ kiến thức sâu rộng, khả năng trích dẫn kinh điển vanh vách và tài hùng biện lưu loát của ông. Trong lòng tôi, tôi coi ông như một ngọn hải đăng, một tấm gương sáng để mình noi theo. Tôi cũng cố gắng đọc thật nhiều kinh sách, cố gắng ghi nhớ và lý giải chúng như cách Thần Tú đã làm.

Nhưng một lần nữa, Sư phụ lại điểm hóa cho tôi. Một buổi chiều, khi tôi đang ngồi sao chép kinh sách trong thư phòng, Ngũ Tổ đi đến. Ngài không hỏi tôi về nội dung kinh điển, mà chỉ hỏi một câu đơn giản: "Con sao chép những lời này, tâm con có thấy an không?" Tôi thành thật đáp: "Thưa Sư phụ, con cảm thấy mình hiểu biết hơn, nhưng tâm đôi lúc vẫn còn dao động ạ."

Ngũ Tổ nhìn sâu vào mắt tôi, rồi nói một cách chậm rãi:

"Huyền Mặc, căn cơ của con không nằm ở văn tự. Thần Tú có con đường của Thần Tú, con có con đường của con. Con không nên học theo cái bóng của người khác. Kinh sách như ngón tay chỉ trăng, con cứ mãi nhìn ngón tay thì làm sao thấy được mặt trăng? Thứ con cần không phải là thêm kiến thức, mà là làm cho cái tâm đã được tôi luyện qua lửa đỏ của con lắng lại, để trí huệ tự nó hiển lộ ra. Từ nay, hãy bớt đọc sách lại. Hãy cứ đi bổ củi, gánh nước, và tọa thiền. Hãy chuyên nhất vào

pháp môn mà ta đã truyền cho con, tự mình tham ngộ lấy."

Lời điểm hóa đó đã giúp tôi xác định lại con đường của mình. Tôi không còn chạy theo hình thức bên ngoài nữa, mà quay về với sự chuyên nhất tu sửa nội tâm. Tôi nhận ra sự bình yên thực sự đến từ sự tĩnh lặng trong từng hành động, chứ không phải từ sự hiểu biết trong sách vở.

Những năm tháng cuối cùng trong giai đoạn này là lúc Huệ Năng xuất hiện. Lúc đó, Sư phụ Hoàng Nhẫn đã lớn tuổi. Một câu hỏi lớn bắt đầu lan truyền trong toàn bộ tăng chúng hơn năm trăm người: Ai sẽ là người xứng đáng để kế thừa y bát, trở thành Lục Tổ của Thiền Tông? Trong suy nghĩ của tất cả mọi người, câu trả lời dường như đã quá rõ ràng. Người đó không ai khác ngoài Đại sư huynh Thần Tú. Ngài là giáo thọ sư, người đứng đầu tăng chúng, thường thay mặt Sư phụ để giảng Pháp. Pháp môn "Thời thời cần lau chùi, chớ để bám bụi trần" của ngài được xem là con đường tu hành chính thống và cao thâm nhất. Hầu hết các sư trong chùa, bao gồm cả tôi, đều vô cùng kính trọng và coi ngài là một bậc thầy, là người kế vị không thể tranh cãi. Không khí trong chùa vừa trang nghiêm, vừa đầy kỳ vọng, tất cả đều chờ đợi ngày Sư phụ chính thức tuyên bố quyết định của mình.

Chúng tôi khi đó không thể ngờ rằng, định mệnh của Thiền Tông lại không nằm ở vị giáo thọ sư uyên bác đó,

mà lại nằm ở một người tiểu phu không biết chữ từ phương Nam, người sắp sửa bước qua cổng chùa.

Khi Huệ Năng đến chùa và bị phân công vào nhà bếp giã gạo, tôi, lúc này đã là một vị sư lớn tuổi, thỉnh thoảng cũng được phân công các việc lật vật ở khu vực đó. Tôi có cơ hội quan sát Lô hành giả (tên của Huệ Năng lúc đó). Tôi thấy một người gầy gò, nhỏ bé, nhưng khi giã gạo, mỗi nhát chày hạ xuống đều vững chãi, đều đặn, không một chút oán thán hay mệt mỏi. Gương mặt của cậu ta luôn toát lên một sự bình thản và an nhiên kỳ lạ. Một lần, thấy cậu ta nghỉ tay, mồ hôi nhễ nhại, tôi mang đến cho cậu ta một bát nước và hỏi:

"Công việc nặng nhọc như vậy, ngày nào cũng lặp lại, hành giả không thấy mệt sao?"

Huệ Năng chỉ mỉm cười, đáp một câu đơn giản: "Thân có mệt, nhưng tâm không mệt." Câu nói đó đã tác động mạnh đến tôi, khiến tôi càng thêm kính nể người tiểu phu không biết chữ này.

Tôi đã có nền tảng đó, nên khi sự kiện làm kệ xảy ra, tôi đã có thể lĩnh hội được.

Biết được tâm ý của mọi người, một hôm, Ngũ Tổ tập hợp tăng chúng và ra một đề bài. Ngài nói:

"Việc sinh tử là việc lớn. Các con hãy tự xem trí tuệ của mình, nếu ai đã thấy được bản tính, hãy làm một bài kệ trình lên cho ta xem. Nếu ai ngộ được đại ý, ta sẽ phó chúc y bát cho làm Tổ thứ sáu."

Cả chùa im lặng. Không ai dám trình kệ. Tôi biết Đại sư huynh Thần Tú đã trần trở rất nhiều. Ông đi đi lại lại trong phòng suốt mấy ngày, muốn trình kệ nhưng lại sợ cảnh giới của mình chưa xứng với tâm ấn của Thầy, mà không trình thì lại sợ phụ lòng Sư phụ.

Cuối cùng, vào một đêm, ông đã lén viết bài kệ của mình lên bức vách ở hành lang chính. Sáng hôm sau, cả chùa xôn xao. Mọi người tụ tập trước bức vách, trầm trồ thán phục. Ngay cả Sư phụ khi xem xong cũng khen ngợi và bảo mọi người hãy thắp hương, lễ bái bài kệ này và tụng đọc nó thì sẽ không bị đọa vào đường ác. Bài kệ đó như sau:

*"Thân là cây Bồ đề,
Tâm như đài gương sáng.
Luôn siêng năng lau chùi,
Chớ để bụi trần bám."*

「身是菩提樹，

心如明鏡臺。

時時勤拂拭，

勿使惹塵埃。」

Khi đọc những câu kệ này, tôi đã vô cùng tâm đắc. Nó thể hiện một cách hoàn hảo con đường tu hành mà chính tôi và hầu hết các huynh đệ khác đang nỗ lực đi theo. Suốt bao nhiêu năm, chúng tôi chẳng phải cũng đang cố gắng giữ cho "thân" được thanh tịnh như cây bồ đề, và giữ cho "tâm" được trong sạch như đài gương sáng đó sao? Nhưng sâu trong lòng, tôi vẫn cảm thấy có điều gì đó chưa trọn vẹn, một sự mệt mỏi trong chính sự "siêng năng" đó.

Chúng tôi khi đó không biết rằng, ở nhà bếp, người hành giả già gạo khi nghe được bài kệ này đã chỉ mỉm cười và lắc đầu. Vốn là người không biết chữ, Huệ Năng nhờ một vị sư khác viết lên vách một bài kệ của mình, ngay cạnh bài kệ của Thần Tú. Đó là bài kệ đã làm thay đổi cả cuộc đời tôi:

*"Bồ đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài.
Xưa nay không một vật,
Nơi nào bám bụi trần?"*

「菩提本無樹，

明鏡亦非臺。

本來無一物，

何處惹塵埃？」

Khi nghe bốn câu kệ đó, toàn thân tôi như có một luồng điện chạy qua. Một sự chấn động mạnh mẽ từ sâu thẳm tâm hồn. Nó như một nhát búa sấm sét đánh tan cái "đài gương" mà tôi đã cố công lau chùi suốt bao nhiêu năm. "Xưa nay không một vật"! Đúng vậy, nếu bản tính vốn là không, thì lấy đâu ra bụi mà lau? Mọi nỗ lực của tôi trước đây đều là chấp vào "có". Bài kệ của Huệ Năng đã chỉ thẳng ra con đường giải thoát thực sự. Khúc mắc lớn nhất trong lòng tôi bấy lâu nay bỗng chốc được khai thông. Tôi không đắc đạo, nhưng tôi đã "thấy" con đường.

Từ giây phút đó, tôi biết chắc chắn rằng, người hành giả già gạo kia chính là người đã thực sự "kiến tánh". Vì vậy, khi sau này tôi biết Ngũ Tổ đã bí mật truyền y bát cho Huệ Năng và tiền ngài đi ngay trong đêm, tôi không hề có một chút ngạc nhiên hay đổ kỵ nào. Khi cả chùa xôn xao, khi một bộ phận tăng chúng, vì không chấp nhận được sự thật, đã nổi lòng ghen ghét và đuổi theo để cướp lại y bát, tôi chỉ lặng lẽ quay về phòng mình, ngồi xuống tọa thiền. Tâm tôi lúc này an tĩnh một cách lạ thường.

Viên Mãn Trong Tĩnh Lặng

Sau cơn bão truyền y bát, chùa Đông Thiên không còn được như trước. Có sự chia rẽ, có những lời bàn tán, có sự tiếc nuối cho Đại sư huynh Thần Tú và cả sự hoài nghi về người kế vị phương Nam. Nhưng tất cả những điều đó không còn tác động đến tôi nữa. Tâm tôi như một mặt hồ đã phẳng lặng sau mưa. Tôi không rời chùa, mà tiếp tục con đường tu hành của mình thêm nhiều năm nữa, nhưng giờ đây với một sự thấu hiểu hoàn toàn khác. Tôi không còn gắng gượng "lau chùi", mà chỉ lặng lẽ sống trong sự "vốn không một vật" đó. Tôi không cầu thần thông, không trải qua các trải nghiệm siêu thường, chỉ ngày ngày thâm nhập sâu hơn vào sự tĩnh lặng của nội tâm.

Khi đã hơn 70 tuổi, tôi cảm thấy duyên của mình với đại chúng đã mãn. Những ồn ào, dù là ồn ào của chốn thiền môn, cũng không còn cần thiết cho tôi nữa. Tôi xin phép vị Sư phụ trụ trì lúc đó, rời chùa tìm đến một ngọn núi hẻo lánh gần đây để chuyên tu những năm tháng cuối đời.

Tôi tự mình dựng một am tranh đơn sơ bên một dòng suối, dưới một gốc tùng cổ thụ. Cuộc sống của tôi từ đó

trở nên vô cùng giản dị. Bầu bạn của tôi là mây ngàn, gió núi. Tiếng suối reo là lời giảng Pháp, tiếng thông hát là câu kinh. Mỗi ngày, tôi chỉ làm hai việc: lao động chân tay vừa đủ để duy trì sự sống và tọa thiền.

Hai mươi năm ẩn tu đơn độc trôi qua như một cái chớp mắt, nhưng cũng dài như cả một kiếp người. Trong sự tĩnh lặng tuyệt đối đó, tôi đã hoàn toàn buông bỏ được những chấp trước cuối cùng. Hình ảnh của võ tướng Trần Khang, của Tần Vương Lý Thế Dân, của biến cố Huyền Vũ Môn, tất cả đã tan đi như sương khói. Ngay cả hình ảnh của thiền sư Huyền Mặc với ba mươi năm khổ tu cũng không còn nữa. Mọi thứ trở nên nhẹ bẫng, rỗng không.

Ngày tôi ra đi, tôi đã hơn 90 tuổi. Tôi biết trước thời khắc của mình. Buổi sáng hôm đó, tôi cảm thấy thân thể nhẹ bẫng, tâm trí trong suốt như pha lê. Tôi không ăn uống, chỉ ra suối rửa mặt cho thật sạch sẽ, rồi mặc bộ tăng y lành lặn nhất. Tôi quay về am tranh, dọn dẹp mọi thứ ngăn nắp, rồi ngồi vào tư thế tọa thiền, hướng mặt về phía núi Hoàng Mai, như một lời tạ ơn cuối cùng gửi đến Sư phụ Hoàng Nhẫn.

Tôi hồi tưởng lại cả cuộc đời, từ một võ tướng đầy lý tưởng, đến một thiền sư tìm kiếm sự an tĩnh. Và rồi tôi mỉm cười thanh thản. Giữa tiếng suối reo và tiếng thông hát, tôi an nhiên rời khỏi thế gian. Không có hào quang rực rỡ, không có xá lợi nhiều màu sắc, chỉ có sự ra đi

thanh thân của một người lính già đã tìm thấy sự bình yên đích thực, một thiền sư vô danh đã hoàn thành con đường của riêng mình.

(Cậu bé River kết thúc câu chuyện, trong mắt cậu ánh lên một sự kính trọng sâu sắc. Cậu im lặng một chút, rồi nói tiếp, như thể vừa khám phá ra một điều kỳ diệu.)

Khi Huyền Mặc nghe bài kệ của Huệ Năng, ông ấy đã có một sự bừng sáng lớn. Nhưng bây giờ, trong kiếp sống này, khi tu luyện Đại Pháp, tôi phát hiện ra một điều còn thú vị hơn nữa về hai bài kệ của Thần Tú và Huệ Năng.

Chúng không hề mâu thuẫn, và cũng không thể nói bài nào là "đúng" hay "sai" một cách tuyệt đối. Chúng giống như những pháp lý cho các tầng cảnh giới khác nhau.

Ở tầng cảnh giới đầu tiên, đối với một người mới bắt đầu tu hành, tâm trí họ đầy rẫy những suy nghĩ, dục vọng, nghiệp lực, giống như một tấm gương dính đầy bụi. Lúc này, bài kệ của Thần Tú là hoàn toàn đúng. Họ phải "siêng năng lau chùi", phải nỗ lực một cách hữu vi để loại bỏ những thứ xấu, để giữ cho tâm mình thanh tịnh. Đó là con đường tất yếu phải đi qua.

Nhưng khi tu luyện đến một tầng nhất định, họ đột nhiên nhận ra bản tính của mình vốn là trong sạch, không hề nhiễm bẩn. "Bụi" vốn chỉ là giả tướng, không phải là bản chất. Lúc này, họ đột phá lên cảnh giới thứ

hai, và bài kệ của Huệ Năng ("Xưa nay không một vật") trở thành chân lý đối với họ. Đây chính là sự đốn ngộ.

Nhưng điều kỳ diệu không dừng lại ở đó. Khi lên một cảnh giới cao hơn nữa, tôi thấy bài kệ của Thần Tú lại trở nên đúng đắn trở lại, nhưng ở một tầng nghĩa hoàn toàn khác... Và rồi ở một tầng cao hơn nữa, khi mọi thứ đã hoàn toàn đồng hóa với Pháp của tầng đó, thì bài kệ của Huệ Năng lại biểu hiện ý đúng. Quá trình đó cứ lặp đi lặp lại như vậy, ở mỗi Đại cảnh giới khác nhau.

Nó giống như những nấc thang trong một chiếc thang tu luyện. Không có nấc nào sai, chỉ có nấc nào phù hợp với vị trí mà người đó đang đứng.

(Cậu bé mỉm cười, dường như rất tâm đắc với sự phát hiện của mình.)

Hiểu ra điều này giúp tôi càng thêm trân trọng hành trình của Huyền Mặc. Ông ấy đã kiên trì bước đi trên nấc thang của mình, và cuối cùng đã tìm thấy sự bình yên. Có lẽ, không phải ai tu hành cũng cần phải làm những điều kinh thiên động địa. Sự giác ngộ có thể đến từ những người bình dị nhất, như Lục Tổ Huệ Năng mà Huyền Mặc đã chứng kiến. Và ngay cả khi không đạt được đại trí đại huệ như các bậc Tổ Sư, một đời kiên trì tu sửa tâm tính, tìm cầu sự giải thoát chân chính, cũng đã là một hành trình rất đáng giá.

Nó giúp tôi hiểu hơn về sự nhẫn nại, và việc tu sửa nội tâm quan trọng đến nhường nào, cũng như khi tôi đọc sách và luyện công Pháp Luân Đại Pháp bây giờ vậy. Đôi khi, sự tiến bộ lớn nhất lại nằm trong những thay đổi thầm lặng từ bên trong.

CHƯƠNG 11: QUÂN SƯ ẮN DANH

(Lần này, giọng kể của River mang một sức nặng khác lạ, như thể đang lần giở lại một cuộn tranh cổ. Nửa đầu của cuộn tranh là khói lửa, là nỗi đau và sự căm hận của một lời thề khắc bằng máu. Nửa sau lại là mây khói thiên môn, là sự tĩnh tại và trí huệ của một bậc chân tu. Cậu bé sắp kể một câu chuyện về cách một mối ác duyên được thiện giải theo một cách kỳ diệu nhất.)

Ký ức lần này đưa tôi về một mối duyên nợ. Một mối nợ được viết bằng máu và nước mắt, khởi nguồn từ một kiếp sống trước cả khi linh hồn tôi đến với mảnh đất Việt Nam của thế kỷ 13, khi quốc gia này còn mang tên Đại Việt. Để hiểu được câu chuyện của vị thiền sư ắt tu, có lẽ chúng ta phải bắt đầu từ nỗi đau của một người đàn ông

bình thường, một người chồng, một người cha tên là Lý Cương.

Chuyện xảy ra vào cuối thời Nam Tống, một triều đại đang trong những ngày tháng hấp hối. Bầu không khí bất an bao trùm khắp nơi. Nhưng ở một ngôi làng nhỏ nơi biên thùy phía Bắc, giáp với nước Kim, cuộc sống của Lý Cương vẫn trôi đi trong sự bình yên tương đối. Ông không phải quan lại, cũng chẳng phải tướng lĩnh. Ông chỉ là một người thợ mộc bình thường, bàn tay thô ráp chai sần vì cầm đục, cầm bào mỗi ngày. Niềm vui lớn nhất và cũng là cả thế giới của ông nằm trọn trong mái nhà tranh đơn sơ: người vợ hiền tần tảo và hai đứa con, một trai một gái, đang tuổi ăn tuổi lớn.

Tôi vẫn nhớ cảm giác của Lý Cương khi đó, một cảm giác hạnh phúc mộc mạc và vững chãi. Hạnh phúc là khi đi làm về, từ xa đã nghe thấy tiếng cười giòn tan của con trẻ. Hạnh phúc là được nhìn thấy bóng dáng vợ mình đang cúi húi bên bếp lửa, khói lam chiều quyện vào mùi cơm mới thơm nồng. Hạnh phúc là bữa cơm tối đạm bạc nhưng ấm cúng, cả nhà quây quần bên chiếc bàn gỗ do chính tay ông đóng, kể cho nhau nghe những chuyện không đâu không cuối. Đối với Lý Cương, như vậy là đủ. Ông chẳng mong gì hơn ngoài việc những ngày tháng bình dị này cứ thế kéo dài mãi.

Nhưng sự bình yên ở chốn biên thùy vốn dĩ rất mong manh. Tin đồn về vó ngựa Mông Cổ đã bắt đầu lan đến.

Người ta kể rằng đội quân đó như một con lũ quét, đi đến đâu là cỏ cây cũng không mọc nổi. Họ đã bắt đầu chiến dịch xâm chiếm nước Kim, và những ngôi làng ở vùng giáp ranh như làng của Lý Cương bắt đầu cảm nhận được hơi thở của chiến tranh. Thịnh thoảng, những toán quân nhỏ lại đi qua, cướp bóc lương thực, gây ra những vụ ẩu đả. Sự lo lắng bắt đầu len lỏi vào từng nếp nhà, nhưng người dân vẫn bám víu vào một hy vọng mỏng manh rằng tai họa rồi sẽ qua đi.

Vào một buổi sáng mùa thu, Lý Cương nhận lời sang một thôn bên cạnh, cách nhà chừng hai mươi cây số, để giúp người ta dựng lại một mái nhà. Công việc chỉ mất một ngày. Trước khi đi, ông còn xoa đầu hai đứa con, hứa sẽ về trước khi trời tối. Ông nhìn vợ, bà mỉm cười hiền hậu, đưa cho ông túi cơm nắm. Đó là lần cuối cùng ông nhìn thấy họ còn sống.

Đang giữa buổi làm việc, ông bỗng nghe tiếng la hét thất thanh từ phía con đường chính. Một đám người hoảng loạn, quần áo xộc xệch, chạy về phía thôn, vừa chạy vừa gào lên:

"Quân Mông Cổ! Quân Mông Cổ tràn qua cướp bóc! Chúng đang tàn sát các làng ở ven sông!"

Tim Lý Cương như ngừng đập. Làng của ông nằm ngay ven sông.

Không nghĩ được gì nữa, Lý Cương vút vội bộ đồ nghề, lao đến con ngựa buộc ở gốc cây, nhảy lên và thúc nó phi nước đại về nhà. Con đường quen thuộc giờ đây dài như vô tận. Gió rít bên tai, nhưng ông chỉ nghe thấy tiếng tim mình đập như muốn vỡ tung trong lồng ngực. Mỗi tiếng vó ngựa dồn dập gõ xuống mặt đất là một lời cầu nguyện tuyệt vọng của ông, cầu cho mình về kịp, cầu cho gia đình được bình an. Ông quất ngựa không thương tiếc, chỉ mong có thể bay về nhà ngay lập tức.

Khi còn cách làng vài dặm, một mùi khói khét lẹt đã xộc vào mũi ông. Tim ông chùng xuống. Ông nhìn thấy những cột khói đen kịt bốc lên từ phía làng mình. Một sự im lặng chết chóc bao trùm. Không có tiếng người, không có tiếng gia súc. Chỉ có tiếng gió thổi qua những mái nhà tranh đang cháy dở.

Lý Cương nhảy khỏi ngựa khi nó còn chưa dừng hẳn, loạng choạng chạy về phía nhà mình. Cánh cửa gỗ bị chém nát, văng ra một góc. Ông lao vào trong, gào lên tên vợ, tên con. Nhưng đáp lại ông chỉ có sự im lặng rợn người.

Và rồi ông nhìn thấy họ. Cảnh tượng trước mắt khiến trời đất quanh ông sụp đổ. Mọi thứ trong nhà bị đập phá, lật tung. Và trên nền đất lạnh lẽo, giữa những mảnh vỡ của bát đĩa, của đồ đạc, là ba thân thể quen thuộc. Vợ ông... và hai đứa con bé bỏng của ông... Chúng nằm đó, bất động, trên người còn vương những vết máu đã khô

lại. Đôi mắt họ mở to, vẫn còn hằn lên nỗi kinh hoàng tột độ.

Ông đã về quá muộn.

Lý Cương không khóc. Nước mắt đã chết khô cùng với trái tim ông. Ông quỳ sụp xuống, đôi tay run rẩy chạm vào gương mặt lạnh ngắt của vợ, rồi đến hai đứa con. Sự ấm áp mà ông từng ôm ấp giờ đây đã biến thành một sự giá băng đến rợn người. Thế giới của ông, tất cả những gì ông yêu thương, tất cả lý do để ông tồn tại, đã bị hủy diệt trong chớp mắt. Nỗi đau, sự bất lực, sự dằn vặt vì đã không thể về kịp, tất cả hòa quyện lại, biến thành một ngọn lửa căm hận bùng lên, dữ dội và đen tối.

Ông ngồi đó, giữa cảnh tan hoang, ôm lấy những thi thể lạnh lẽo cho đến khi trời tối mịt. Trong đầu ông chỉ còn lại một ý nghĩ duy nhất, một mục đích duy nhất: báo thù. Ông không còn là Lý Cương, người thợ mộc hiền lành nữa. Kể từ giây phút đó, ông đã chết. Thứ còn sống chỉ là một cỗ máy được vận hành bởi lòng căm thù.

Sau khi chôn cất vợ con, Lý Cương không còn gì để mất. Ông nghe tin một trận chiến ác liệt đang diễn ra cách đó không xa, nơi quân Kim đang cố gắng chống trả một đợt tấn công của quân Mông Cổ. Không một chút do dự, ông gói ghém vài vật dụng đơn sơ, cầm theo chiếc rìu đốn củi và lên đường. Ông không tìm đến quân đội Nam

Tống. Nỗi hận của ông không phân biệt quốc gia, nó chỉ nhắm vào một kẻ thù duy nhất.

Khi đến chiến trường, ông thấy một cảnh tượng hỗn loạn. Quân Kim đang cố gắng giữ vững phòng tuyến trước sức tấn công vũ bão của kỵ binh Mông Cổ, những người được trang bị tốt và dày dạn kinh nghiệm.

Không chờ một mệnh lệnh, không cần một chiến thuật nào cả, Lý Cương gầm lên một tiếng không thành lời, một tiếng thét chứa đựng tất cả nỗi đau và căm hận của một người đã mất hết tất cả. Ông không còn nhìn thấy quân địch hay chiến trường, ông chỉ thấy những bóng ma đã cướp đi gia đình mình. Lao vào đội hình thiện chiến của quân Mông Cổ với chiếc rìu trên tay, ông giống như một con thú bị thương đang điên cuồng tấn công kẻ săn mồi.

Nhưng cường nộ không thể thay thế cho kinh nghiệm, và lòng căm thù không thể đỡ được những lưỡi đao sắc bén. Những người lính Mông Cổ lạnh lùng xuyên qua người ông bằng những ngọn giáo dài. Ông gần như không cảm thấy đau đớn thể xác, vì nỗi đau trong tâm hồn đã quá lớn. Ông ngã xuống, máu tuôn xối xả, ngay trong trận chiến đầu tiên và cũng là cuối cùng của mình.

Trong những giây phút cuối cùng, khi hơi thở dần yếu đi, hình ảnh vợ con lại hiện về rõ mồn một. Nỗi đau và lòng căm hận không hề thuyên giảm, ngược lại, nó càng bùng

cháy dữ dội hơn. Lý Cương ngược đôi mắt mờ đi vì máu nhìn lên bầu trời xám xịt, rồi nhìn vào những gương mặt xa lạ của kẻ thù đang vây quanh. Bằng tất cả sức lực còn lại, ông thốt lên một lời thề từ tận đáy linh hồn, một lời thề vang vọng, khắc sâu vào bản thể của mình:

Nếu có kiếp sau, ta nhất định sẽ tìm các người, báo thù rửa hận cho vợ con ta!

Đó là ý niệm cuối cùng của ông trước khi chìm vào bóng tối. Lời thề đó, nặng trĩu oán hận, đã trở thành một dấu ấn không thể phai mờ, một món nợ nhân quả theo linh hồn ông đi vào vòng luân chuyển, chờ đợi một ngày được thanh toán.

Và chính món nợ đó đã được Thiên Thượng an bài để giải quyết theo một cách không ai ngờ tới, trên một mảnh đất khác, trong một thân phận khác, khi linh hồn của Lý Cương chuyển sinh vào nhà Trần của nước Đại Việt.

Chuyển Sinh Đại Việt – Nhà Sư Ẩn Chứa Binh Thư

Linh hồn của Lý Cương, mang theo lời thề oán hận nặng trĩu, đã chìm vào vòng luân chuyển. Nhưng thay vì bị đọa vào những cảnh giới tối tăm vì tâm niệm sân hận,

đường như có một sự an bài từ bi nào đó đã can thiệp. Món nợ phải được trả, nhưng không phải bằng con đường chìm đắm thêm trong nghiệp sát. Linh hồn đó đã được dẫn dắt đến một khởi đầu mới, tại một vùng đất đang trong thời kỳ hưng thịnh, nơi Phật Pháp được tôn sùng – nước Đại Việt của triều đại nhà Trần.

Tôi được sinh ra trong một gia đình thường dân, nhưng từ nhỏ đã có những biểu hiện khác lạ. Trong khi bạn bè cùng trang lứa thích nô đùa, tôi lại thường ngồi một mình hàng giờ, lặng lẽ nhìn mây bay trên trời, hay quan sát đàn kiến tha mồi về tổ. Tôi có một sự đồng cảm kỳ lạ với vạn vật và một nỗi trăn trở mơ hồ về sự khổ đau của sinh mệnh mà chính tôi cũng không giải thích được.

Một ngày nợ, khi tôi đang ngồi dưới một gốc cây, chăm chú nhìn một bông hoa sắp tàn, có một vị thiền sư lớn tuổi đi khát thực qua làng. Ánh mắt của ngài dừng lại nơi tôi. Ngài không nói gì, chỉ lặng lẽ quan sát một lúc lâu, rồi mỉm cười. Sau đó, ngài tìm đến cha mẹ tôi và nói:

"Thí chủ có một người con trai với tâm tính thật đặc biệt. Thằng bé có một sự tĩnh tại và lòng trắc ẩn hiếm có. Đây là một hạt giống thiện lành, nếu được gieo trồng đúng nơi, tương lai sẽ là một cây đại thụ che mát cho nhiều người."

Ngừng một lát, vị thiền sư lại nói tiếp:

"Bần tăng là trụ trì ngôi chùa nhỏ trên ngọn đồi phía cuối làng. Nếu hai vị thí chủ không phiền, hãy thử cho cháu lên chùa làm một chú tiểu, để cháu được gần gũi kinh kệ, nuôi dưỡng cái tâm thiện lành đó. Có lẽ, đó chính là con đường của cháu."

Cha mẹ tôi, vốn cũng là người tin vào nhân duyên, nghe lời thiền sư nói vậy thì vô cùng cảm động và kính cẩn đồng ý. Và thế là, năm lên mười tuổi, tôi từ biệt gia đình, theo chân vị thiền sư đó lên chùa. Ngài chính là Sư phụ đầu tiên của tôi, người đã ban cho tôi pháp danh Minh Tĩnh.

Những năm đầu ở chùa, tôi chủ yếu học các quy tắc của thiền môn, học thuộc kinh kệ và tập tọa thiền. Tâm trí non nớt của tôi khi đó chưa thể hiểu hết những giáo lý cao siêu, nhưng tôi có một sự tĩnh tại bẩm sinh và khả năng tập trung hơn hẳn những chú tiểu khác. Sư phụ nhận ra điều đó, ngài không vội vàng giải thích cho tôi những triết lý phức tạp. Thay vào đó, ngài kiên nhẫn dùng những công việc hàng ngày như quét lá, gánh nước để mài giũa tâm tính và gieo vào lòng tôi những hạt mầm Phật Pháp đầu tiên.

Bước sang tuổi mười ba, khi tâm trí bắt đầu trở cảnh, vươn lá, những hạt mầm đó mới thực sự phát triển. Tôi không còn chỉ thuộc kinh mà bắt đầu trăn trở về ý nghĩa của chúng. Nỗi khổ của chúng sinh, vòng luân hồi sinh

tử, những điều Sư phụ giảng bỗng trở nên sống động, thôi thúc trong tôi một sự khao khát tìm hiểu sâu xa hơn.

Chính trong giai đoạn này, từ khoảng mười ba đến mười sáu tuổi, tàng kinh các của chùa đã trở thành thế giới của tôi. Sư phụ thấy tôi đã đủ sự chín chắn, bèn cho phép tôi tự do đọc những sách khác ngoài kinh Phật. Ban đầu, tôi tìm đến các sách của Nho gia và Đạo gia để mong hiểu thêm về đạo lý vận hành của xã hội, của trời đất.

Và rồi, một cách rất tự nhiên, tôi bị thu hút bởi những ghi chép lịch sử, những câu chuyện về sự hưng vong của các triều đại. Đọc về những cuộc chiến, tôi không thấy sự hào hứng của kẻ hiếu chiến, mà lại cảm nhận một nỗi xót xa sâu sắc. Dường như có một điều gì đó trong huyết quản, một ký ức vô hình, khiến tôi đặc biệt nhạy cảm với sự tàn khốc của binh đao. Điều đó đã thôi thúc tôi tìm đọc những cuốn binh thư cổ.

Đối với tôi khi đó, binh pháp không phải là nghệ thuật giết người, mà là nghệ thuật để chấm dứt giết chóc. Tôi nhận ra, chiến tranh không chỉ là gươm đao, mà còn là cuộc đấu của trí tuệ, của lòng người. Tôi thấy được sự tương ứng kỳ diệu giữa đạo lý nhà Phật và binh pháp: một vị tướng giỏi phải có tâm từ bi để không lạm sát, phải có trí tuệ để biết địch biết ta, và phải có sự tĩnh tại để không rối loạn trước biến cố, cũng như một người tu hành vậy.

Sự kết hợp giữa trí tuệ Phật Pháp, sự uyên thâm của Nho-Đạo, và sự am tường về binh pháp một cách tự nhiên đã tạo nên trong tôi một sự thấu hiểu sự đời một cách khác biệt. Các sư huynh đệ trong chùa kính trọng tôi vì sự tinh tấn và kiến thức Phật học, nhưng cũng có phần thấy tôi hơi khó hiểu, khi một nhà sư trẻ tuổi lại có thể dành hàng giờ chỉ để bày một thế cờ vây, lăm nhăm về những nước đi như đang tính toán một trận đồ.

Năm tháng trôi qua, tôi được cử làm trụ trì của một ngôi chùa nhỏ, thanh tịnh nằm ở ngoại thành phía Tây kinh thành Thăng Long. Chùa nằm trên một ngọn đồi thấp, ẩn mình giữa những rừng tre xanh mát, là nơi lý tưởng cho những ai muốn tìm một chốn yên tĩnh để gột rửa bụi trần. Tôi khi đó đã bước vào tuổi năm mươi, tâm đã gần như tĩnh lặng như mặt hồ không gợn sóng. Tôi ngỡ rằng phần đời còn lại của mình sẽ cứ thế trôi đi trong sự an nhiên đó.

Nhưng nhân duyên là một điều không thể lường trước.

Vào một buổi chiều mùa hạ, khi tôi đang ngồi thiền dưới gốc bồ đề trong sân chùa, một vị khách trẻ tuổi ghé thăm. Vị khách vận trang phục đơn sơ như một thư sinh, nhưng dáng vẻ, khí chất lại toát lên một sự cao quý và anh minh lạ thường. Dù chàng trai đã cố che giấu, tôi vẫn cảm nhận được một luồng chân khí của bậc đế vương tiềm ẩn bên trong. Đi cùng chàng chỉ có một

người thị vệ, cũng ăn vận như thường dân và đứng đợi ở cổng chùa.

Vị khách trẻ chấp tay hành lễ một cách rất mực khiêm cung. Chàng nói rằng trên đường vi hành, thấy cảnh chùa thanh tịnh nên ghé vào thắp một nén hương và mong được thỉnh giáo Sư thầy đôi điều về Phật Pháp. Đó chính là Thái tử Trần Khâm, người sau này sẽ trở thành vị vua anh minh Trần Nhân Tông.

Tôi mời chàng trai vào thiền phòng, pha một ấm trà sen. Không khí tĩnh lặng, chỉ có tiếng gió khẽ lay động những tán lá bên ngoài. Cuộc trò chuyện của chúng tôi bắt đầu từ những câu hỏi của Thái tử về chữ "Âm", về nỗi khổ của chúng sinh, về con đường tìm đến sự giác ngộ. Chàng trai tuy còn trẻ nhưng những câu hỏi đặt ra lại vô cùng sâu sắc, cho thấy một sự trăn trở lớn lao về vận mệnh của dân tộc, của con người.

Tôi nhận ra đây không phải là một người bình thường. Đây là một vị Bồ Tát tương lai đang ở trong thân xác của một bậc đế vương. Thấy được căn cơ và tấm lòng nhân hậu của chàng, tôi đã không ngần ngại chia sẻ những gì mình lĩnh ngộ được.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi kéo dài hàng giờ, tự nhiên chuyển từ đạo giải thoát của nhà Phật sang đạo trị quốc an dân của Nho gia. Thái tử hỏi:

"Thưa Sư thầy, làm thế nào để trăm họ được ấm no, đất nước được thái bình, tránh được cảnh binh đao khói lửa?"

Tôi nhìn sâu vào mắt chàng trai và chậm rãi trả lời:

"Muốn đất nước thái bình, gốc rễ phải từ lòng dân. Lòng dân có yên thì nước mới vững. Muốn lòng dân yên, người đứng đầu phải có một trái tim từ bi, biết thương dân như con, biết đặt lợi ích của trăm họ lên trên lợi ích của bản thân. Đó là 'Nhân'. Nhưng chỉ có lòng nhân thôi thì chưa đủ. Để bảo vệ được sự bình yên đó trước ngoại xâm, người đứng đầu còn phải có cả trí tuệ và sự quyết đoán. Đó là 'Trí' và 'Dũng'."

Thái tử Trần Khâm im lặng suy ngẫm, rồi lại hỏi:

"Vậy cái 'Trí' và cái 'Dũng' trong việc cầm quân, bảo vệ xã tắc, theo Sư thầy, đâu là điều cốt lõi?"

Lúc này, tôi biết rằng nhân duyên đã đến. Tôi không nói về những chiến thuật cụ thể, mà chỉ điểm xuyết vài đạo lý lớn:

"Binh pháp có muôn vàn diệu kế, nhưng tựu trung lại không ngoài ba điều. Một là biết mình biết người. Hai là được lòng quân sĩ, trên dưới một lòng. Ba là biết lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch

nhieu, dùng thời cơ và địa lợi để bù đắp cho sức người. Nhưng trên tất cả, cảnh giới cao nhất của người dụng binh không phải là đánh đâu thắng đó, mà là chiến thắng mà không cần phải đánh, là dùng uy đức để khuất phục đối phương, hoặc nếu phải dùng đến vũ lực, thì cũng là để chấm dứt chiến tranh một cách nhanh nhất, với sự tổn thất ít nhất cho cả hai bên. Đó mới là cái 'Dũng' của bậc nhân giả."

Mỗi lời tôi nói ra, Thái tử đều lắng nghe một cách chăm chú, ánh mắt sáng lên sự thấu hiểu. Chàng không hỏi thêm về những mưu kế cụ thể, nhưng tôi biết chàng đã nắm được cái tinh thần, cái đạo lý cốt lõi của việc cầm quân. Cuộc gặp gỡ hôm đó kết thúc khi hoàng hôn buông xuống. Thái tử Trần Khâm từ biệt tôi, ánh mắt đầy sự kính trọng và biết ơn. Chàng hứa sẽ còn quay lại để thỉnh giáo.

Khi bóng của vị Thái tử trẻ tuổi khuất sau rặng tre, tôi đứng lặng một mình trong sân chùa. Tôi cảm nhận được một mối nhân duyên lớn lao vừa được kết nối. Một nhà sư ẩn tu và một vị vua tương lai. Tôi mơ hồ cảm thấy rằng những kiến thức về binh pháp mà tôi tích lũy bao năm qua, có lẽ không phải để cho riêng mình. Có lẽ, chúng đang chờ đợi đúng người, đúng thời điểm, để được dùng vào một việc lớn lao hơn, một việc có thể góp phần bảo vệ sự bình yên cho hàng triệu sinh linh trên mảnh đất này.

Mối thù hận của Lý Cương năm xưa, dường như đang được số phận an bài để hóa giải theo một cách mà chính tôi khi đó cũng chưa thể nào tường tận.

Quân Sư Vô Hình – Góp Sức Cho Giang Sơn

Đúng như lời hứa, sau lần gặp gỡ đầu tiên, Thái tử Trần Khâm, và sau này là Hoàng đế Trần Nhân Tông, vẫn thi thoảng tìm đến ngôi chùa nhỏ của tôi. Những chuyến viếng thăm của ngài luôn diễn ra trong bí mật, không kèn không trống, chỉ với một vài thị vệ thân tín. Ngài đến không phải với tư cách một bậc quân vương, mà với tâm thế của một người học đạo, tìm kiếm sự thanh tịnh và những lời chỉ dẫn.

Những buổi đàm đạo của chúng tôi thường xoay quanh Phật Pháp. Nhà vua trẻ mang những ưu tư thế sự, những gánh nặng của một người nắm trong tay vận mệnh quốc gia, đến để tìm sự giải tỏa trong những giáo lý về sự vô thường, về lòng từ bi và con đường giải thoát. Tôi có thể thấy rõ, ẩn sau long bào của một vị hoàng đế là một tâm hồn hướng về cửa Phật một cách mạnh mẽ. Mỗi lần trò chuyện, tôi không chỉ giảng giải kinh văn,

mà còn cố gắng gieo vào lòng ngài những hạt mầm của sự giác ngộ, của một con đường xuất thế cao cả hơn.

Khi nguy cơ từ đế quốc Nguyên Mông ngày càng lớn, những cuộc trò chuyện của chúng tôi bắt đầu có thêm những nội dung về quốc sách. Nhà vua không hỏi tôi về việc nên đánh trận nào, nên đặt bẫy ở đâu. Thay vào đó, ngài hỏi những câu hỏi lớn hơn.

Một lần, ngài hỏi với vẻ mặt đầy ưu tư:

"Thưa Sư thầy, giặc mạnh như hổ báo, quân ta ít hơn, làm thế nào để giữ được xã tắc?"

Tôi không đáp ngay, chỉ rót cho ngài một chén trà. Đợi cho hương trà lan tỏa, tôi mới chậm rãi nói:

"Tâu Bệ hạ, thành trì vững chắc nhất không phải được xây bằng đất đá, mà được xây bằng lòng dân. Giặc có thể phá được thành, nhưng không thể phá được ý chí của trăm họ. Xin Bệ hạ hãy khoan thư sức dân, để người dân thấy được triều đình thực sự lo cho họ, yêu thương họ. Khi trăm họ coi việc nước là việc nhà, thì mỗi người dân sẽ là một người lính, mỗi ngôi làng sẽ là một pháo đài. Bấy giờ, sức mạnh của nước ta sẽ như nước triều dâng, không kẻ thù nào ngăn nổi."

Lần khác, khi nhà vua băn khoăn về việc dùng người, giữa những phe phái và những hiềm khích trong hoàng tộc, tôi lại nói:

"Bể lớn mới chứa được thuyền to. Tấm lòng của bậc đế vương phải như biển cả, có thể dung nạp trăm sông. Người tài ở đời không thiếu, nhưng họ có chịu ra giúp nước hay không là ở tấm lòng của người đứng đầu. Xin Bệ hạ hãy gạt bỏ những hiềm khích nhỏ nhặt, chỉ nhìn vào tài năng và lòng trung nghĩa của họ mà trọng dụng. Đặc biệt, với những người nắm giữ binh quyền, Bệ hạ phải hoàn toàn tin tưởng, giao phó trọng trách, không nên nghi kỵ. Khi vị tướng soái ra trận mà không phải lo lắng chuyện hậu phương, họ mới có thể dốc toàn tâm toàn lực để chống giặc."

Tôi biết rằng trong triều có Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, một vị tướng tài kiệt xuất nhưng lại có những mối bất hòa ngầm với hoàng tộc. Những lời tôi nói ra, dù không chỉ đích danh, nhưng tôi tin rằng một vị vua anh minh như Trần Nhân Tông sẽ hiểu được. Và quả thật, sau này, việc nhà vua hoàn toàn tin tưởng, trao toàn quyền chỉ huy quân đội cho Hưng Đạo Vương chính là một trong những quyết định sáng suốt nhất, là chìa khóa dẫn đến những chiến thắng vĩ đại.

Tôi chưa bao giờ tự coi mình là một quân sư. Tôi chỉ là một nhà sư, dựa trên những gì mình đọc và chiêm

nghiệm, để đưa ra những lời khuyên về đạo lý lớn. Tôi không bàn về "thuật", mà chỉ nói về "đạo". Tôi không vạch ra một kế sách cụ thể, nhưng tôi đã cố gắng gợi mở cho nhà vua về một chiến lược tổng thể: phải chuẩn bị kháng chiến lâu dài, phải dựa vào sức mạnh toàn dân, và phải thực hiện kế sách "vườn không nhà trống" để làm kiệt quệ sinh lực của đạo quân xâm lược vốn không quen thủy thổ.

Những lần nhà vua đến rồi lại đi, tôi lại trở về với cuộc sống thanh tịnh của mình, ngày ngày tụng kinh, tọa thiền. Tôi không hỏi về tình hình chiến sự, cũng không mong cầu được ghi công. Vai trò của tôi chỉ là một người lắng nghe, một người gợi mở, một điểm tựa tinh thần thầm lặng cho vị vua trẻ trong những thời khắc khó khăn nhất của dân tộc. Đóng góp nhỏ bé của tôi, nếu có, cũng chỉ như một giọt nước hòa vào biển cả lòng yêu nước và ý chí quật cường của toàn thể quân dân nhà Trần.

Nhiều năm sau, sau khi đã lãnh đạo nhân dân hai lần đánh tan quân Nguyên Mông, xây dựng một quốc gia thái bình, thịnh trị, Vua Trần Nhân Tông một lần nữa tìm đến tôi. Lần này, ngài đến không phải để hỏi về việc nước, mà để bày tỏ một quyết tâm đã chín muồi.

Khi đó, nhà vua vẫn còn rất trẻ, mới bước vào tuổi ba mươi lăm, nhưng ánh mắt ngài không còn những ưu tư của việc đời, mà ánh lên một sự thanh thản và một khát

vọng lớn lao. Ngài nói với tôi rằng, ngài đã hoàn thành trách nhiệm với non sông, với tổ tiên, và giờ là lúc ngài muốn đi trên con đường của riêng mình – con đường xuất gia tu hành. Ngài ngỏ ý muốn tôi nhận ngài làm đệ tử, dẫn dắt trên con đường giải thoát.

Tôi vô cùng cảm phục trước đại nguyện của nhà vua. Một người đang ở trên đỉnh cao danh vọng lại có thể từ bỏ tất cả để tìm cầu chân lý, đó là một điều vô cùng hiếm có. Tuy nhiên, tôi đã khiêm cung từ chối. Tôi nói rằng đạo hạnh của mình còn nông cạn, không dám làm thầy của một bậc đế vương có căn duyên sâu dày với Phật Pháp như ngài.

Thấy chí nguyện của nhà vua đã kiên định, tôi bèn thành tâm chia sẻ một vài suy nghĩ của mình:

"Tâu Bệ hạ, Bệ hạ có đại nguyện xuất trần, thật là phúc lớn. Sang Trung Hoa để tìm về chốn tổ của Thiên Tông, hay hành hương đến đất Phật Thiên Trúc để học hỏi giáo pháp nguyên thủy, đều là những đại nguyện vô cùng cao quý."

Tôi ngừng lại một chút, rồi nói tiếp với giọng trầm ấm:

"Tuy nhiên, bần tăng thiên nghĩ, tu hành vạn pháp, cốt lõi cũng chỉ quay về một chữ 'Tâm'. Thân ở nơi đâu không quan trọng bằng tâm của mình hướng về đâu. Đất Phật không chỉ ở Thiên Trúc xa xôi, mà

còn ở ngay trong tâm của mỗi người. Cổ nhân có câu, 'trên đầu ba thước có Thần linh', chỉ cần chúng ta thành tâm tu sửa, giữ gìn giới luật, thì dù ở bất cứ đâu, chư Phật, chư Bồ Tát cũng đều thấu tỏ và gia trì."

"Đó cũng chính là con đường mà bần tăng đã tâm niệm và nương theo suốt bao năm ẩn tu tại chốn này. Bần tăng tin rằng, Bệ hạ có thể đến non thiêng Yên Tử của nước Nam, hoặc đến bất kỳ nơi nào khác trên thế gian này. Nơi nào khiến tâm Bệ hạ an định, nơi nào giúp Bệ hạ có thể tinh tấn tu hành, thì nơi đó chính là đạo trường của Bệ hạ. Con đường nào, xin Bệ hạ hãy để tùy duyên."

Vua Trần Nhân Tông im lặng một lúc lâu, ánh mắt ngài sáng lên một sự thấu hiểu sâu sắc. Ngài chấp tay cảm tạ tôi, không nói gì thêm, nhưng tôi biết ngài đã có câu trả lời cho riêng mình.

Không lâu sau đó, ngài nhường ngôi cho Thái tử, trở thành Thái Thượng Hoàng. Và vài năm sau, khi việc triều chính đã ổn định, ngài đã thực sự lên núi Yên Tử, bắt đầu một hành trình tu luyện vĩ đại, khai sáng nên Thiền phái Trúc Lâm, trở thành một trong những hình ảnh đẹp nhất, một biểu tượng vĩnh cửu của Phật giáo Việt Nam.

Đối với tôi, việc được chứng kiến và góp một phần rất nhỏ vào hành trình của một vị vua – Phật như vậy đã là một phúc duyên lớn lao. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng, những lời khuyên của một nhà sư ẩn tu lại có thể góp phần vào việc bảo vệ giang sơn, và sau đó lại đưa đường chỉ lối cho một vị vua tìm về với cõi Phật. Mọi thứ dường như đều là sự an bài của định mệnh.

Đắc Đạo và Minh Ngộ Nhân Duyên

Sau khi Vua Trần Nhân Tông lên Yên Tử, cuộc sống của tôi lại trở về với sự tĩnh lặng vốn có. Những buổi đàm đạo về quốc gia đại sự không còn nữa, thay vào đó là những ngày tháng dài chuyên tâm vào việc tu tập. Trải qua bao thăng trầm của thời cuộc, chứng kiến những biến cố lớn lao, tâm tôi càng trở nên lắng đọng. Tôi không còn bị những kiến thức về binh pháp hay thế sự làm dao động, mà dùng chính sự thấu hiểu đó để quán chiếu sâu hơn về bản chất của khổ đau, của sinh tử và của vòng luân hồi.

Tôi tiếp tục con đường tu hành của mình một cách thâm lặng. Ngày ngày, tôi vẫn tụng kinh, tọa thiền, lao tác. Tôi không cầu thần thông, không mong khai mở những khả năng đặc dị. Mục tiêu duy nhất của tôi là gột rửa hoàn toàn những bụi bặm còn sót lại trong tâm thức, để đạt đến một sự trong sáng và tĩnh tại tuyệt đối.

Thời gian trôi đi, mái tóc tôi đã bạc trắng như sương. Khi đã gần bảy mươi tuổi, tôi cảm thấy đạo hạnh của mình đã đạt đến một tầng thứ mới. Thân thể dù đã già yếu nhưng tinh thần lại vô cùng minh mẫn.

Trong một đêm khuya tĩnh mịch, khi tôi đang nhập định sâu, thiên mục đột nhiên khai mở.

Trong khoảnh khắc đó, tôi nhìn thấu suốt tiền kiếp: Lời thề báo thù của người chiến binh Lý Cương năm xưa chính là nhân duyên để Thiền sư Minh Tĩnh có cơ hội dùng trí tuệ giúp một dân tộc chống lại kẻ thù chung. Món nợ thù hận không được trả bằng gươm đao, mà đã được thiện giải bằng con đường của trí tuệ và lòng từ bi. Tất cả oan trái, nghiệp chướng từ vô lượng kiếp đều tan biến như sương khói, tâm tôi hoàn toàn rỗng lặng, an nhiên, tự tại.

Những năm tháng cuối đời, tôi sống trong sự thanh thản tuyệt đối. Một buổi sáng, sau khi tụng xong thời kinh cuối cùng, tôi gọi các đệ tử lại, dặn dò vài lời, rồi ngồi vào tư thế kiết già và an nhiên viên tịch.

Lời thề của Lý Cương đã được hoàn thành. Mỗi duyên với nhà Trần đã kết thúc. Và hành trình của Thiền sư Minh Tĩnh cũng đã đến lúc khép lại, để bắt đầu một cuộc hành trình mới trong vòng luân hồi.

CHƯƠNG 12: CỔ VẤN BỘ NGOẠI GIAO MỸ

(Lần này, ký ức của River không còn là mây khói thiên môn hay ánh sáng của những nền văn minh đã mất. Nó mang một màu sắc khác, một màu xám lạnh của những hành lang quyền lực, của những tấm bản đồ chiến lược và khói xì gà. Đây là một thế giới được vận hành bởi lý trí, bởi những toan tính địa chính trị, một thế giới dường như không có chỗ cho tâm linh, nhưng nhân duyên và nghiệp quả vẫn âm thầm vận hành theo những quy luật của riêng nó.)

Kiếp sống này lại rất gần, gần đến mức tôi có thể cảm nhận được cả sự ngột ngạt của không khí trong những căn phòng họp kín ở Washington D.C. vào giữa thế kỷ 20.

Trong kiếp đó, tôi là Freder Rein, một nhà ngoại giao, một cố vấn chính sách cho Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

Đây là một kiếp sống mà tôi không phải là người tu luyện theo một pháp môn nào cả. Tôi là một nhà phân tích chính trị, và những suy nghĩ, quyết định của tôi hoàn toàn dựa trên những gì tôi học được, những kinh nghiệm tôi tích lũy được, dưới góc độ của một người làm chính trị thời đó.

Tôi sinh ra trong một gia đình có nền tảng học vấn, sớm thể hiện sự say mê với các vấn đề quốc tế. Sau khi tốt nghiệp từ những trường đại học danh tiếng, tôi gia nhập Bộ Ngoại giao vào cuối những năm 1930. Những năm tháng đầu của sự nghiệp đã đưa tôi đi khắp châu Âu, chứng kiến sự trỗi dậy của chủ nghĩa phát xít, sự tàn khốc của Thế chiến thứ II, và cả những toan tính đầu tiên manh nha cho một cuộc đối đầu mới. Những năm tháng làm việc ở Vienna và Moscow sau chiến tranh đã dạy tôi hiểu sâu sắc về tư duy và chiến lược của khối Cộng sản.

Đến khi ngọn lửa của Chiến tranh Lạnh bùng lên ở châu Á, tôi được bổ nhiệm làm Đại sứ Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam. Đó là một nhiệm kỳ đầy thử thách. Tôi đã sống ở Sài Gòn, đã hít thở cái không khí nóng ẩm, đã chứng kiến sự phức tạp của một xã hội đang cố gắng định hình sau hàng chục năm chiến tranh. Tôi đã tiếp xúc với các chính trị gia, các tướng lĩnh, và cả những người dân bình thường. Chính những trải nghiệm trực tiếp đó đã cho tôi

một cái nhìn khác biệt, một sự thiếu hiểu mà những bản báo cáo khô khan gửi về Washington không bao giờ có thể lột tả hết được. Sau nhiệm kỳ đại sứ, tôi trở về và đảm nhận vị trí Cố vấn cấp cao tại Bộ Ngoại giao, chuyên trách về các vấn đề chính sách đối ngoại.

Lúc đó là những năm 1950, 1960, cả Washington đang bị bao trùm bởi cái bóng của "Học thuyết Domino". Nỗi sợ hãi về sự lan rộng của chủ nghĩa Cộng sản ở Đông Nam Á là một điều có thật, và nó chi phối gần như mọi quyết định chính sách.

Tôi hiểu rõ mối đe dọa đó. Tôi không phải là một người mơ mộng hay ngây thơ về chính trị. Nhưng kinh nghiệm ở châu Âu và đặc biệt là ở Việt Nam đã khiến tôi tin rằng, việc áp dụng một cách máy móc học thuyết này vào một đất nước có nền văn hóa và lịch sử phức tạp như Việt Nam sẽ là một sai lầm chết người.

Trong những cuộc họp cấp cao, giữa những tiếng nói đầy hiếu chiến của các tướng lĩnh và chính trị gia phe "diều hâu", tôi thường là một tiếng nói khác biệt. Tôi cho rằng, vũ lực không thể là giải pháp bền vững. Việc chúng ta đổ tiền của, vũ khí, và thậm chí cả sinh mạng của những người lính Mỹ vào để chống đỡ cho một chính quyền chưa có được sự ủng hộ vững chắc từ chính người dân của họ, sẽ chỉ giống như việc xây lâu đài trên cát. Cuộc chiến này, nếu nó xảy ra, sẽ không chỉ là cuộc chiến giữa hai ý thức hệ Cộng sản và Tư bản, mà còn là

một cuộc chiến của chủ nghĩa dân tộc. Và lịch sử đã cho thấy, không một cường quốc nào có thể chiến thắng được chủ nghĩa dân tộc của một dân tộc kiên cường.

Điều kỳ lạ là, mỗi khi nghĩ đến Việt Nam, trong tôi lại dấy lên một sự trăn trở đặc biệt, một sự day dứt khó tả. Khi đó, tôi chỉ cho rằng đó là sự gấn bó của một nhà ngoại giao với vùng đất mình từng công tác. Tôi không thể giải thích được tại sao mình lại có một sự xót xa lạ thường khi nghĩ đến cảnh bom đạn sẽ tàn phá thêm mảnh đất đó, nghĩ đến những người dân sẽ phải chịu thêm đau khổ. Tôi chỉ biết, bằng trực giác của một nhà phân tích, và bằng cả một cảm giác mơ hồ từ sâu trong lòng, rằng một cuộc can thiệp quân sự sâu rộng vào Việt Nam sẽ là một thảm họa cho tất cả các bên.

Và tôi đã cố gắng, bằng tất cả kiến thức và kinh nghiệm của mình, để đưa ra những lời cảnh báo đó, dù biết rằng tiếng nói của mình chỉ là thiểu số giữa một con bão hiệu chiến đang ngày một lớn dần.

Tiếng Nói Khác Biệt Giữa "Bão Điều Hâu"

Khi Hoa Kỳ bắt đầu những bước can dự ngày càng sâu hơn vào vùng lầy ở Đông Nam Á, văn phòng của tôi tại Bộ Ngoại giao trở thành nơi ra đời của những bản phân tích, những báo cáo mà tôi biết là đi ngược lại với dòng chảy chủ đạo. Tôi không công khai chống đối, đó không phải là cách làm việc trong ngành ngoại giao. Thay vào đó, tôi kiên trì đưa ra những đánh giá của mình trong các cuộc họp nội bộ và qua các văn bản chính thức, với hy vọng rằng lý trí sẽ thắng thế.

Tôi phân tích rằng, cả Việt Nam và bán đảo Triều Tiên trước đó, đang dần trở thành những "chiến trường ủy nhiệm" cho cuộc đối đầu toàn cầu giữa chúng ta và Liên Xô. Chính chúng ta và họ đang biến những quốc gia đó thành bàn cờ, và người dân bản xứ chính là những quân tốt phải chịu mọi đau thương. Tôi nhấn mạnh rằng, việc can thiệp quân sự sẽ chỉ càng đổ thêm dầu vào lửa, biến một cuộc nội chiến mang màu sắc ý thức hệ thành một cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, và điều đó sẽ chỉ làm tăng thêm sức mạnh và tính chính danh cho đối phương của chúng ta.

Trong một bản phân tích, tôi đã dành nhiều trang để nói về hai nhân vật trung tâm của cuộc xung đột: Ngô Đình Diệm ở miền Nam và Hồ Chí Minh ở miền Bắc. Gạt qua những lăng kính đối nghịch của Chiến tranh Lạnh, tôi cố gắng nhìn họ như những nhà lãnh đạo dân tộc. Tôi thấy ở cả hai một khát vọng chung về một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và có vị thế trên trường quốc tế. Sự khác

biệt chí mạng nằm ở con đường mà họ lựa chọn – một bên là chủ nghĩa quốc gia thân phương Tây, một bên là chủ nghĩa Cộng sản.

Và điều khiến tình hình này càng thêm trở trêu một cách cay đắng, đó là chúng ta không phải lúc nào cũng bị xem là kẻ thù. Tôi đã nhắc lại trong các báo cáo của mình rằng, chính các chuyên gia của OSS, tiền thân của CIA, đã từng hợp tác với ông Hồ Chí Minh và lực lượng của ông ấy để chống lại phát xít Nhật trong Thế chiến II. Đã từng có một giai đoạn mà giới lãnh đạo Việt Minh có thiện cảm với người Mỹ, nhìn chúng ta như một biểu tượng của sự tự do, chống chủ nghĩa thực dân. Thậm chí, sau năm 1945, ông Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư cho Tổng thống Truman, bày tỏ mong muốn được Hoa Kỳ công nhận nền độc lập và thiết lập quan hệ hợp tác.

Nhưng những lá thư đó đã không được hồi đáp. Vì bối cảnh Chiến tranh Lạnh và sự cần thiết phải giữ Pháp như một đồng minh chủ chốt ở châu Âu để chống lại Liên Xô, Washington đã chọn phớt lờ những lời đề nghị đó và đứng về phía người Pháp.

Trong những đêm dài ở Washington, tôi thường tự đặt vấn đề mình bằng những câu hỏi không có lời giải đáp. Tôi đã viết trong các bản ghi nhớ của mình, rằng lịch sử có lẽ đã có thể rẽ sang một hướng hoàn toàn khác. Nếu như trong giai đoạn 1945-1954, Hoa Kỳ không chọn đứng về phía Pháp, mà thay vào đó giữ một vai trò trung lập,

hoặc cao hơn là đứng ra làm trung gian hòa giải giữa Pháp và Việt Minh? Nếu chúng ta đã dùng tầm nhìn của Kế hoạch Marshall để giúp đỡ Việt Nam tái thiết và xây dựng một nền kinh tế tự do, như cách chúng ta đã làm với Nhật Bản hay Hàn Quốc, thì liệu cục diện ngày hôm nay có khác đi không?

Tất nhiên, các đồng nghiệp của tôi sẽ lập luận rằng gánh nặng chứng minh thuộc về phía Hồ Chí Minh. Nhưng tôi cũng đặt ra giả thiết ngược lại: nếu như ông ấy đã đủ khôn ngoan để công khai tuyên bố rằng con đường của ông chỉ thuần túy là giải phóng dân tộc, rằng ông sẽ không đi theo phe Cộng sản, thì liệu Washington có tin ông không? Hay sự hoang tưởng và nỗi sợ hãi về chủ nghĩa Cộng sản khi đó đã quá lớn, đến mức bất kỳ ai có liên hệ, dù chỉ là bề ngoài, với Moscow hay Bắc Kinh, đều bị xem là kẻ thù không thể dung thứ?

Tôi e rằng chúng ta đã không cho họ một lựa chọn nào khác. Chúng ta đã đóng sập cánh cửa ngoại giao, và giờ đây lại ngạc nhiên khi họ đi qua một cánh cửa khác đã mở sẵn cho họ, vòng tay của Trung Quốc và Liên Xô.

Và giờ đây, trong mắt của một người lính hay người nông dân bình thường ở miền Bắc, hình ảnh của nước Mỹ đã bị đồng hóa hoàn toàn với hình ảnh của đế quốc Pháp. Họ được tuyên truyền và họ tin rằng, chúng ta chỉ là một thế lực thực dân kiểu mới, chứ họ không thể hiểu

được những toán tính phức tạp của chúng ta về học thuyết Domino hay cán cân quyền lực toàn cầu.

Hơn nữa, chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạo ra một lòng tự hào dân tộc dâng cao đến cực điểm. Họ đã đánh bại một cường quốc quân sự châu Âu, và trong tâm trí họ, họ tin rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng, không có kẻ thù nào là không thể đánh thắng. Chính cái tâm lý tự tin đến mức có phần chủ quan đó đã khiến họ không hề run sợ trước sức mạnh của Mỹ. Họ nhìn chúng ta, không phải với con mắt của một nước nhỏ nhìn một siêu cường, mà với con mắt của một dân tộc đã từng chiến thắng "kẻ thù xâm lược" và sẵn sàng làm điều đó một lần nữa.

Khi chủ nghĩa dân tộc và ý thức hệ đã hòa quyện làm một, nó tạo ra một sức mạnh mà chúng ta không thể nào đánh giá thấp được. Việc đưa quân đội Mỹ vào sẽ chỉ càng củng cố cho luận điệu tuyên truyền của họ, và biến chúng ta thành kẻ thù trực tiếp trong mắt của cả một dân tộc mà lẽ ra, chúng ta đã có thể là bạn.

Chứng Kiến Sự Sa Lầy và Những Nỗ Lực Không Một Mỏi

Thời gian trôi đi, và những phân tích của tôi, những lời cảnh báo bị gạt đi trong các phòng họp kín, đã đau đớn biến thành hiện thực trên các bản tin thời sự mỗi tối.

Từng năm một, nước Mỹ lún sâu hơn vào cuộc chiến. Những con số mà tôi từng dự báo trên giấy giò đây đã trở thành những dòng tí lạnh lùng trên các mặt báo: số lượng binh sĩ Mỹ tại Việt Nam vượt ngưỡng một trăm ngàn, rồi ba trăm ngàn, rồi nửa triệu. Con số thương vong cũng tăng lên theo một đồ thị gần như thẳng đứng.

Những cái tên xa lạ như Khe Sanh, Mậu Thân, hay đôi Hamburger bỗng trở thành nỗi ám ảnh trong mỗi gia đình Mỹ. Phong trào phản chiến, từ những nhóm nhỏ lẻ, đã bùng lên thành những cuộc biểu tình rầm rộ với hàng chục ngàn người tham gia. Sự chia rẽ trong xã hội Mỹ ngày càng sâu sắc. Mọi thứ diễn ra đúng như, và thậm chí còn tồi tệ hơn, những gì tôi đã cảnh báo.

Nhưng đó không phải là một sự đắc thắng của lý trí. Đó là một bi kịch. Một nỗi dần vật nặng nề bao trùm lấy những năm tháng cuối cùng trong sự nghiệp của tôi. Tôi cảm thấy bất lực khi phải đứng nhìn cỗ máy chiến tranh khổng lồ, một khi đã khởi động, cứ thế nghiền nát mọi nỗ lực ngoại giao, mọi khả năng hòa giải. Tôi đọc những bản báo cáo thương vong, không phải như một nhà phân tích, mà như một con người đang nhìn thấy tên của những người con, người chồng, người cha của một ai đó.

Mỗi bản tin về một ngôi làng bị ném bom, mỗi hình ảnh một người lính trẻ mệt mỏi trên truyền hình, đều như một nhát dao xoáy vào lương tâm của tôi. Tôi cảm thấy một phần trách nhiệm, không phải vì đã gây ra cuộc

chiến, mà vì đã không đủ sức mạnh, không đủ ảnh hưởng để ngăn chặn nó. Cái cảm giác day dứt đặc biệt về mảnh đất Việt Nam trong tôi càng trở nên rõ rệt, dù tôi vẫn không thể gọi tên nó một cách chính xác.

Ngay cả khi tình hình đã trở nên vô cùng tồi tệ, tôi vẫn không từ bỏ. Trong vai trò của mình, tôi tiếp tục thúc đẩy những kênh liên lạc bí mật, tìm kiếm những tia hy vọng le lói cho một giải pháp đàm phán. Tôi lập luận rằng, dù chúng ta không thể thắng trên chiến trường, chúng ta vẫn phải tìm cách rút lui trong danh dự, và điều đó chỉ có thể đạt được thông qua con đường ngoại giao.

Đến năm 1968, khi cảm thấy đã đến giới hạn của những gì mình có thể làm trong guồng máy chính phủ, tôi chính thức xin về hưu. Nhưng nghỉ hưu không có nghĩa là ngừng quan tâm. Thói quen của hàng chục năm làm việc trong ngành ngoại giao, nổi trăn trở về cuộc chiến, đã không thể rũ bỏ.

Trong ba năm cuối đời, từ 1968 đến 1971, tôi vẫn thường dành thời gian trong thư phòng của mình, viết những lá thư, những bản phân tích cá nhân gửi cho những người đồng nghiệp cũ còn tại vị ở Bộ Ngoại giao. Tôi tiếp tục gợi ý về các giải pháp, phân tích những thay đổi trong cục diện chính trị thế giới, và không ngừng nhắc nhở họ về cái giá quá đắt của cuộc chiến. Những nỗ lực đó có lẽ chỉ như những hòn sỏi ném vào một dòng sông lớn,

chúng tạo ra vài gợn sóng rồi chìm nghỉm, không thể thay đổi được dòng chảy.

Freder Rein qua đời vào năm 1971, khi nguyện ước về một nền hòa bình cho Việt Nam và một sự rút lui trong danh dự của nước Mỹ vẫn còn là một điều xa vời, dang dở.

...

Kiếp sống đó là một kiếp sống đầy những tính toán chính trị, những căng thẳng và cả những nỗi buồn thầm lặng. Tôi, trong thân phận Freder Rein, đã cố gắng làm những gì mình tin là đúng, cố gắng ngăn chặn một cuộc chiến mà tôi thấy trước sẽ mang lại nhiều đau khổ. Nhưng sức của một người thì quá nhỏ bé trước một cỗ máy chiến tranh đã được khởi động, trước những định kiến và nỗi sợ hãi của cả một thời đại.

Khi nhớ lại, tôi vẫn cảm nhận được cái không khí ngột ngạt của Washington D.C những năm đó, và cả hình ảnh những người lính trẻ phải ra đi. Điều kỳ lạ là, tôi luôn có một sự quan tâm đặc biệt đến Việt Nam, một sự xót xa mà khi đó tôi không hiểu tại sao. Tôi chỉ biết mình không

muốn thấy thêm máu đỏ trên mảnh đất đỏ, một cảm giác còn mãnh liệt hơn cả sự phân tích chính trị đơn thuần.

Bây giờ, khi biết về những kiếp trước, như kiếp làm Thiền sư Minh Tĩnh ở Đại Việt, và cả việc "tình cò" được cử làm Đại sứ ở đó, tôi mới lò mò hiểu ra. Có lẽ, những tình cảm, những nhân duyên từ rất xa xưa đã âm thầm ảnh hưởng đến tôi. Dù không còn là người tu luyện trong kiếp làm Freder Rein, nhưng có lẽ một chút từ bi nào đó từ những kiếp trước vẫn còn sót lại, biến thành một nỗi trăn trở lương tâm, một sự thôi thúc phải lên tiếng vì hòa bình.

Và tôi cũng nhận ra, dù ở vai trò nào, dù là một thiền sư ẩn tu hay một cố vấn chính trị giữa chốn quyền lực, việc giữ được lương tâm và cố gắng làm điều thiện cũng đều quan trọng. Pháp Luân Đại Pháp dạy tôi rằng, mọi việc đều có nhân quả, và điều tốt nhất chúng ta có thể làm là hành xử theo Chân-Thiện-Nhân trong mọi hoàn cảnh.

CHƯƠNG 13: VƯƠNG CHỦ CỦA MỘT THIÊN QUỐC

(Giọng kể của River lần này hoàn toàn khác. Không còn là sự trầm mặc của một thiên sư, hay sự dằn vặt của một nhà ngoại giao. Giọng cậu bé trong trẻo, nhưng mang một sự uy nghiêm và huy hoàng, như thể không phải đang kể lại một ký ức, mà đang trở về với chính bản thể nguyên sơ của mình. Đây là câu chuyện khởi đầu, và cũng là câu trả lời cho tất cả.)

Tất cả những kiếp sống mà tôi đã kể, khi nhìn lại, chúng chỉ như những vở kịch, những chặng đường đơn lẻ. Mỗi vai diễn, mỗi trải nghiệm, dù là một vị thần, một vị tướng, một người nghệ nhân hay một con vật, tất cả đều là sự chuẩn bị, là sự tôi luyện để phục vụ cho một mục đích sâu xa hơn, cho một sứ mệnh gắn liền với nguồn cội chân chính của tôi.

Và sự thật về nguồn cội ấy, điều mà tôi đã nhìn thấy được, chính là mảnh ghép cuối cùng và quan trọng nhất, lý giải tại sao tôi lại có những trải nghiệm phi thường này và mục đích của tất cả những chuyến luân hồi.

Tôi từng là Vương Chủ của một Thiên Quốc vô cùng rộng lớn và mỹ lệ, nằm ở một tầng thứ cực kỳ cao, nơi vật chất hoàn toàn khác biệt so với cõi người. Trong cảnh giới mà tôi nhìn thấy đó, danh xưng của tôi là Thiên Cảnh Vương.

Ở đó không có mặt trời như ở đây. Toàn bộ thế giới của tôi được chiếu sáng bởi chính hào quang phát ra từ tôi – từ vị Vương Chủ. Ánh sáng đó ấm áp, thuần tịnh, nuôi dưỡng vạn vật. Kiến trúc của các cung điện, đền đài được tạo tác từ những thứ mà nếu dùng ngôn ngữ của con người để mô tả, thì có lẽ chỉ có thể tạm gọi là những loại ngọc quý hay pha lê, nhưng bản chất của chúng hoàn toàn khác. Đó là những vật chất cao tầng, mang trong mình sinh mệnh và năng lượng, chúng tự phát ra ánh sáng kỳ diệu, biến ảo với vô vàn màu sắc theo từng niệm của tôi.

Cây cối và hoa cỏ ở đó mang những màu sắc lộng lẫy mà ngôn ngữ trần thế không thể nào diễn tả hết. Chúng không chỉ đơn thuần là xanh, là đỏ, hay là vàng, mà là những dải màu sắc sống động, tự biến đổi, tự hòa quyện vào nhau. Chúng có linh trí, mỗi chiếc lá, mỗi bông hoa đều có thể cảm nhận và hát lên những bản nhạc vi diệu

theo từng làn gió. Các loài linh thú cũng vô cùng xinh đẹp, hiền hòa, chúng có thể hiểu và trò chuyện với các sinh mệnh khác. Ngay cả những tảng đá, những ngọn núi cũng không phải là vật vô tri, chúng cũng có sinh mệnh, có thể cất lên những âm thanh trầm hùng như tiếng vọng của vũ trụ. Chúng sinh trong Thiên Quốc của tôi nhiều vô lượng vô biên, bao gồm các vị Thần, Tiên, Bồ Tát, La Hán, và vô vàn những dạng sinh mệnh với hình thái mà trí tưởng tượng của con người hoàn toàn không thể nào chạm tới được. Tất cả họ đều sống trong sự hài hòa, an lạc tuyệt đối dưới sự dẫn dắt và bảo hộ của tôi, tuân theo Pháp lý của tầng vũ trụ đó.

Nhưng vũ trụ cũng có quy luật thành-trụ-hoại-diệt. Sau những năm tháng dài vô tận, tôi bắt đầu nhận thấy những dấu hiệu suy vi không chỉ trong Thiên Quốc của mình mà còn ở các thế giới lân cận. Sinh mệnh không còn thuần khiết như thuở ban đầu, vật chất bắt đầu biến dị, Pháp lý của cựu vũ trụ đã đến hồi kết. Nhìn thấy thế giới của mình đang dần đi đến chỗ hủy diệt, nhìn thấy vô vàn chúng sinh mà mình có trách nhiệm bảo hộ đang đứng trước nguy cơ bị đào thải, lòng tôi vô cùng đau xót và lo lắng.

Chính trong lúc đó, một vị Phật Chủ tối cao, Sáng Thế Chủ, đã xuất hiện giữa các tầng vũ trụ. Ngài mang theo ánh sáng của hy vọng và một giải pháp chưa từng có: Ngài sẽ đích thân hạ xuống cõi nhân gian vào thời kỳ Mạt Pháp để Chính lại Pháp của toàn vũ trụ, tái tạo lại

tất cả và cứu độ chúng sinh. Tôi, cùng rất nhiều các vị Vương Chủ của các Thiên Quốc khác, đã có cơ duyên vận cổ được diện kiến Sáng Thế Chủ.

Nhận thấy đây là hy vọng duy nhất cho thế giới và chúng sinh của mình, tôi đã không một chút do dự, thành kính lập một lời thệ ước thiêng liêng với Ngài. Lời thệ ước đó vẫn còn vang vọng trong tâm trí tôi cho đến tận bây giờ:

"Con nguyện từ bỏ ngôi vị Vương Chủ, theo Ngài hạ xuống cõi hồng trần. Con xin được chuyển sinh làm người, đợi đến khi Ngài chính thức hồng truyền Đại Pháp Chính Pháp vũ trụ, con sẽ tìm đến tu luyện, trợ Sư Chính Pháp."

Trước khi rời đi, tôi đã để lại tại trung tâm Thiên Quốc của mình một quả cầu ánh sáng kỳ diệu, được kết nối vô hình với nguyên thần của tôi. Khi tôi làm điều tốt, quả cầu đó sẽ sáng lên; khi tôi làm điều xấu, nó sẽ tối đi. Nó chính là niềm hy vọng, là ngọn hải đăng để chúng sinh trong thế giới của tôi dõi theo, chờ đợi ngày tôi hoàn thành lời thệ ước.

Lời thệ ước thiêng liêng đó đã được chư Thần chứng giám. Kể từ giây phút ấy, vận mệnh của tôi đã được định lại, gắn liền với vận mệnh của toàn vũ trụ trong kỳ Chính Pháp. Và quả cầu hy vọng kia đã bắt đầu hành

trình dài đằng đẵng của mình, dõi theo vị Vương Chủ của nó bước vào con đường hạ thế đầy gian truân.

Hành Trình Hạ Thế Đằng Đẵng

Tạm gác lại ngôi vị Vương Chủ không phải là một sự mất mát, mà là một hành trình có chủ đích, khởi phát từ lòng từ bi và trách nhiệm vô hạn với chúng sinh của mình. Nó không giống như việc cởi bỏ một chiếc vương miện, mà giống như một người chủ gia đình phải tạm rời xa quê hương huy hoàng và những người thân yêu, can đảm bước vào một cõi thế gian xa lạ, đầy mê và khổ ải, với một mục đích duy nhất: tìm về phương thuốc cứu độ cho tất cả.

Hành trình đi xuống đó dài đằng đẵng. Và khi nhìn lại bằng thiên mục của mình bây giờ, tôi mới hiểu ra được bản chất của nó: đó là một chuỗi những sự an bài đầy trí huệ, chứ không phải một hành trình ngẫu nhiên.

Và có một điều mà bây giờ tôi đã nhìn thấy rất rõ: trong mỗi chặng đường đó, tôi không ở trong trạng thái tỉnh táo để "phó thác" hay lựa chọn điều gì cả. Một khi đã hạ xuống một tầng, nguyên thần của tôi hoàn toàn bị khống chế và an bài bởi các vị Thần ở tầng cao hơn. Dựa trên

những duyên nợ thiện ác mà tôi đã kết, những quy luật ràng buộc của vũ trụ, và sứ mệnh tối hậu của lời thệ ước, chính các Ngài sẽ đặt tôi vào một "vai diễn" mới. Dĩ nhiên, khi đang trong vai diễn đó, tôi hoàn toàn không ý thức được điều này.

Và đây cũng là một quy luật bất biến của vũ trụ mà bây giờ tôi mới thấu tỏ: khi từ tầng trên hạ xuống tầng dưới, trí huệ và kỷ ức về cảnh giới cao hơn sẽ bị phong bế. Tôi không còn nhìn lên trên được nữa, mà chỉ có thể nhìn thấy các cảnh giới bằng hoặc thấp hơn mình. Ví dụ, khi tôi từ một tầng rất cao hạ xuống một cảnh giới Thần, tôi sẽ thực sự trở thành một vị Thần ở đó, với sức mạnh và nhận thức tương đương các vị Thần khác trong tầng ấy. Và trong nhận thức của tôi lúc đó, tôi sẽ cùng các vị Thần khác ở tầng ấy tin rằng thế giới của mình là vĩ đại, thậm chí lầm tưởng rằng đó đã là cảnh giới cao nhất.

Sự phong bế và suy yếu này là điều kiện tiên quyết để tôi có thể tồn tại trong quy luật của tầng đó mà không phá vỡ sự cân bằng. Cứ như vậy, tôi khoác lên mình hết lớp áo mê này đến lớp áo mê khác, quên đi nguồn cội chân chính của mình, chỉ còn giữ lại một mối liên kết vô hình và mong manh nhất với lời thệ ước năm xưa, để từng bước đi xuống gần hơn với cõi người.

Trong những kiếp sống trên hành trình hạ thế đó, tôi đã kết rất nhiều nhân duyên, cả thiện duyên lẫn ác duyên. Có những sinh mệnh tôi đã gặp gỡ và trở thành bạn bè,

người thân. Có những sinh mệnh tôi đã vô tình gây tổn hại, tạo thành những món nợ mà tôi biết mình sẽ phải hoàn trả. Tất cả những mối quan hệ đó đều được ghi lại, trở thành những sợi dây nhân quả sẽ chi phối các mối quan hệ của tôi sau này khi ở cõi người.

Trên hành trình đó, tôi cũng không đơn độc. Tôi cũng đã gặp những vị Vương Chủ, những vị Chúa của các thế giới khác, những người cũng đã lập lời thệ ước tương tự với Sáng Thế Chủ và cũng đang trên đường hạ thế. Chúng tôi có thể không nhận ra nhau một cách rõ ràng, vì trí huệ đã bị phong bế đi nhiều, nhưng nguyên thần của chúng tôi vẫn cảm nhận được nhau. Đôi khi chỉ là một ánh mắt giao nhau, một cảm giác thân thuộc khó tả, một sự đồng cảm thâm lặng của những người cùng chung một sứ mệnh vĩ đại. Chúng tôi biết rằng, chúng tôi sẽ còn gặp lại nhau ở đích đến cuối cùng.

Cuối cùng, sau khi đã đi qua không biết bao nhiêu thế giới, bao nhiêu tầng trời, nguyên thần của tôi đã hạ xuống đến tầng thứ thấp nhất trong vũ trụ – Tam Giới. Và rồi, tôi bước vào cánh cửa cuối cùng, cánh cửa đi vào cõi nhân gian. Đây là lúc sự phong bế diễn ra một cách triệt để nhất. Tất cả những gì còn lại của một vị Vương, tất cả những ký ức về Thiên Quốc, về lời thệ ước, đều bị khóa chặt lại. Tôi đã hoàn toàn trở thành một sinh mệnh trong mê, phải chịu sự chi phối của quy luật sinh-lão-bệnh-tử và luân hồi khổ ải như tất cả chúng sinh khác, để bắt đầu các “vai diễn” trong Tam Giới.

Kiếp người đầu tiên của tôi trên Trái Đất, như tôi đã kể, là vào thời kỳ văn minh tiền sử cách đây một trăm triệu năm. Tôi đã trở thành Arion, một vị tướng quân đầy quyền lực, và trong sự mê mờ của danh lợi, tôi đã gây ra một tội nghiệp tày trời khi chống lại Đại Pháp được truyền ra khi đó.

Đó là khởi đầu cho ngàn kiếp luân hồi của tôi ở cõi người.

Ngàn Kiếp Luân Hồi và Duyên Lành Đời Này

Trải qua không biết bao nhiêu ngàn lần chuyển sinh trong cõi người, tôi đã khoác lên mình vô số lớp áo, đóng vô số vai diễn. Tôi đã từng là hoàng tử biển xanh, là Sơn Thần trên đỉnh Trường Bạch, là quân sư ẩn mình sau các bậc đế vương, là nữ nghệ nhân trên một tinh cầu xa xôi, và cả một cố vấn ngoại giao trong thế giới hiện đại. Mười hai kiếp sống mà tôi đã kể lại, chúng chỉ là một vài khung hình thoáng qua trong một cuốn phim dài vô tận, là một vài dấu chân trên con đường thiên lý vạn dặm.

Có những kiếp tôi sống trong vinh hoa phú quý, nhưng tâm lại lạc lối trong dục vọng và quyền lực. Có những kiếp tôi sống trong nghèo khổ cùng cực, nhưng lại giữ được sự lương thiện và nhân nại. Tôi đã từng là nam,

từng là nữ, từng là người da trắng, người da vàng, da đen. Tôi đã trải qua niềm vui của sự tương phùng và nỗi đau của sự ly biệt, đã nếm trải sự ngọt ngào của thiện đãi và sự cay đắng của phản bội. Mỗi một kiếp sống, mỗi một vai diễn, đều là một sự an bài, một cơ hội để tôi kết duyên với chúng sinh, để tôi rèn giũa tâm tính, và quan trọng hơn hết, là để chờ đợi. Chờ đợi thời khắc mà lời thệ ước năm xưa sẽ được thực hiện.

Và rồi, sau tất cả những thăng trầm đó, trong kiếp sống này, lời thệ ước đã được ứng nghiệm.

Theo sự an bài của Sư Phụ, tôi đã được chuyển sinh tại Mỹ, trong một gia đình mà cả cha và mẹ đều là những người tu luyện Pháp Luân Đại Pháp. Tôi sinh năm 2015, và năm nay (2025) vừa tròn mười tuổi. Sự an bài này không phải là ngẫu nhiên. Bằng thiên mục, tôi nhìn thấy được những mối duyên sâu đậm đã kết nối chúng tôi từ trước. Mẹ của tôi trong kiếp này, tôi đã từng gặp và kết duyên với bà trong một kiếp sống trên hành trình hạ thế. Còn cha tôi, chúng tôi đã từng là những người huynh đệ thân thiết trong một kiếp sống chỉ cách đây khoảng ba kiếp về trước, cùng nhau trải qua hoạn nạn. Chính những sợi dây tiền duyên này đã kéo chúng tôi lại với nhau, để cùng nhau đắc được Đại Pháp trong đời này.

Ngay từ khi còn rất nhỏ, tôi đã được cha mẹ cho nghe các bài giảng Pháp và cùng họ luyện các bài công pháp. Năng lượng thuần chính của Đại Pháp đã gột rửa cơ thể

và tâm trí tôi, dần dần phá vỡ những lớp phong ấn đã khóa chặt trí huệ của tôi từ vô số kiếp. Đến năm tôi lên năm tuổi, trong một lần đang ngồi thiền định, thiên mục của tôi đột nhiên được khai mở một cách hết sức rõ ràng. Những ký ức về các kiếp sống trước, những cảnh tượng ở các không gian khác cứ thể hiện ra trước mắt tôi như một cuốn phim sống động.

Cha mẹ tôi không quá ngạc nhiên trước những điều tôi kể. Họ chỉ ôn tồn dặn dò tôi rằng, những gì nhìn thấy được là để bản thân mình tin tưởng hơn vào tu luyện, chứ không phải để khoe khoang hay hiển thị. Cha nói rằng, khả năng nhìn thấy không gian khác không đại biểu cho tầng thứ tu luyện cao hay thấp, mà điều quan trọng nhất chính là phải thực tu cái tâm của mình theo nguyên lý Chân-Thiện-Nhẫn. Lời dạy của cha đã giúp tôi hiểu ra trách nhiệm của mình, rằng tôi phải dùng những gì thấy được để tự nhắc nhở bản thân tinh tấn hơn nữa.

Tuệ Kiến Hiện Tại và Lời Nhắc Gợi

Bằng thiên mục, tôi thấy rằng quá trình Sáng Thế Chủ thực hiện Chính Pháp đang đi đến những giai đoạn cuối cùng, thời gian thật sự không còn nhiều nữa. Khi tôi bắt đầu tu luyện Pháp Luân Đại Pháp một cách chân chính,

một cảnh tượng huy hoàng đã xuất hiện trong định. Tôi nhìn thấy Thiên Quốc của mình ở xa xôi, và quả cầu ánh sáng mà tôi đã để lại ở trung tâm thế giới đó năm xưa, sau bao thăng trầm, sau những lúc tưởng chừng đã lu mờ, giờ đây đột nhiên bùng sáng một cách chói lọi chưa từng thấy! Ánh sáng đó mang theo năng lượng của Đại Pháp, rực rỡ và thuần chính, chiếu soi khắp Thiên Quốc của tôi, xua tan đi những đám mây u ám của thời kỳ hoại-diệt. Chúng sinh trong thế giới của tôi, những người đã chờ đợi trong vô vàn năm tháng, tất cả đều hân hoan, reo mừng. Họ biết rằng, vị Vương Chủ của họ đã tìm thấy con đường trở về, đã đang thực hiện lời thệ ước năm xưa.

Tôi cũng nhận ra rằng, rất nhiều những vị Vương Chủ đã cùng tôi lập thệ ước năm nào, nay cũng đã có mặt ở thế gian này. Hơn mười người như vậy, tất cả họ hiện cũng đều là đệ tử Pháp Luân Đại Pháp, đang âm thầm thực hiện sứ mệnh của mình ở khắp nơi trên thế giới. Một phần lớn trong số họ đang ở tại Trung Quốc, đối mặt với những thử thách vô cùng khắc nghiệt để bảo vệ đức tin và cứu độ chúng sinh.

Tôi còn thấy một điều đáng kinh ngạc hơn nữa. Trong nhận thức của các vị Thần, Tam Giới vốn là nơi thấp kém và ô trọc nhất trong vũ trụ. Đáng sợ hơn, nó là một "tử lộ" – một con đường chỉ có một chiều đi xuống. Từ vô số kiếp đến nay, chưa từng có một sinh mệnh nào có thể tự mình quay ngược trở lên được. Một khi đã rơi vào đây,

họ sẽ vĩnh viễn mê mờ trong vòng luân hồi khổ ải, không ngừng tạo nghiệp. Theo quy luật cũ của vũ trụ, khi nghiệp lực của một cá nhân tích tụ đến mức không thể hoàn trả, sinh mệnh đó sẽ bị hủy diệt, cuối cùng là bị hình thần toàn diệt.

Thế nhưng, trong khoảng ba mươi năm qua, một sự kiện vĩ đại đã làm chấn động toàn thể vũ trụ: tại chính nơi "tử lộ" này, Sáng Thế Chủ đã chính thức hồng truyền Đại Pháp ra công chúng, tạo ra một "con thuyền" Pháp duy nhất – con đường cứu độ để có thể đưa những sinh mệnh đủ tiêu chuẩn trở về.

Chính vì nhìn thấy hy vọng chưa từng có này ngay tại nơi tuyệt vọng nhất, vô số các sinh mệnh ở các tầng không gian rất cao đã làm một việc mà họ chưa từng dám nghĩ tới: họ tranh nhau, khẩn thiết cầu xin được hạ thế xuống cõi người. Bởi vì họ biết rằng, nếu được làm người, họ sẽ có cơ hội tự mình bước vào tu luyện và có thể được cứu độ không chỉ bản thân họ mà còn vô số chúng sinh mà họ đại diện..

Quá trình hạ thế này cũng không hề đơn giản. Thông thường, một sinh mệnh sẽ được các vị Thần ở tầng cao hơn an bài cho vai diễn của mình. Cũng có những trường hợp đặc biệt, một số vị Thần tự mình trực tiếp hạ xuống làm người, nhưng một khi đã vào trong cõi mê này, họ cũng nhanh chóng bị phong bế và mất hết pháp lực, trở thành người thường như bao người khác.

Vì thân xác con người ở thế gian là có hạn, và rủi ro bị mê lạc trong cõi người là rất lớn, nên đã có một lựa chọn khác. Rất nhiều các vị Thần, vì không có đủ cơ duyên làm người, đã nguyện ý đầu thai làm động vật hoặc cây cỏ. Họ hiểu rằng, dù động thực vật không được phép tu luyện, nhưng lòng từ bi vô biên của Đại Pháp sẽ bao trùm vạn vật, và họ cũng sẽ có cơ hội để có thể được đồng hóa và cứu độ trong trường Chính Pháp. Đó là lý do tại sao họ chấp nhận một thân phận thấp kém, miễn là được ở gần những nơi có đệ tử Đại Pháp, để được tắm mình trong Phật quang phổ chiếu.

Chúng kiến những điều này, tôi càng cảm thấy sự trân quý và cấp bách của cơ duyên được làm người, được tu luyện Đại Pháp trong thời kỳ Chính Pháp này.

Vì vậy, tôi muốn gửi một lời nhắn. Đối với các bạn đồng tu của tôi, đặc biệt là những người đang ở trong hoàn cảnh gian nan nhất, chúng ta cần phải thực sự tinh tấn hơn nữa, làm tốt ba việc mà Sư Phụ yêu cầu, không để lỡ mất cơ duyên vạn cổ này. Hãy nhớ lại lời thệ ước mà chúng ta đã lập ra từ trước khi đến đây!

Còn đối với những người thế gian vẫn còn đang trong mê, tôi mong mọi người có thể dùng tâm để lắng nghe, sớm thanh tỉnh, nhận ra sự thật, và phân biệt được đâu là thiện, đâu là ác. Hãy trân quý sự lương thiện trong tâm mình và hãy thử tìm hiểu về Pháp Luân Đại Pháp,

bởi đây chính là hy vọng duy nhất để chúng ta bước qua kiếp nạn cuối cùng này.

Giờ đây, tôi đã hiểu ra tất cả. Tất cả những kiếp sống đã qua, từ một vị tướng quân tiền sử, một hoàng tử biển xanh, một thiền sư trên đỉnh núi, cho đến một nhà ngoại giao hiện đại... tất cả đều là sự an bài, là những mảnh ghép cần thiết. Mỗi một trải nghiệm, mỗi một bài học, dù đau khổ hay vinh quang, đều là sự chuẩn bị để tôi có thể giữ vững lời thệ ước năm xưa, để tôi có đủ trí huệ, nghị lực và tâm tính để hoàn thành sứ mệnh của mình khi tìm lại được Đại Pháp.

Mọi vai diễn đều nhằm chuẩn bị cho một vai diễn duy nhất, một mục đích tối thượng: đó là được trở thành một đệ tử Pháp Luân Đại Pháp trong thời kỳ Chính Pháp, tu luyện bản thân thật tốt, và giúp những chúng sinh trong thế giới mà tôi đã từng hứa sẽ quay trở lại được cứu độ.

(Lúc này, giọng kể của River quay trở lại là một cậu bé mười tuổi bình thường, trong trẻo và chân thành. Ánh mắt uy nghiêm của một vị Vương đã tan đi, chỉ còn lại sự thuần khiết và tĩnh lặng.)

Những câu chuyện này... – cậu bé nhìn thẳng vào tôi, người đang ghi chép, rồi lại nhìn ra khoảng không trước mặt – chúng không phải để khoe khoang hay chứng tỏ điều gì cả. Chúng chỉ là những ký ức, những dấu chân trên một hành trình rất dài để tìm về nguồn cội.

Giờ đây tôi đã hiểu, bi kịch của Arion một trăm triệu năm trước không đơn thuần là một sự trừng phạt, mà chính là bài học đầu tiên trong cuộc diễn tập vĩ đại của vũ trụ, để đảm bảo rằng lần này, tôi sẽ không bước sai đường.

Và tôi biết, con đường phía trước vẫn còn, nhưng giờ đây, tôi đã tìm thấy con đường đúng đắn nhất, con đường trở về nhà.

Tôi chỉ là một cậu bé mười tuổi, một học viên Pháp Luân Đại Pháp bình thường. Nhưng tôi mang trong mình lời thề ước của một vị Vương, và tôi sẽ cố gắng hết sức mình để làm tròn trách nhiệm đó.

(Cậu bé kết thúc câu chuyện của mình bằng một nụ cười thanh thản. Đôi mắt trong veo nhìn về phía trước, không vướng bận quá khứ, không lo lắng tương lai, chỉ có sự kiên định và bình yên của hiện tại. Cuốn băng ghi âm vẫn chạy, nhưng chỉ còn lại sự im lặng. Một sự im lặng còn nói lên nhiều điều hơn cả ngàn lời nói, khép lại một hành trình ngàn kiếp đã qua.)

LỜI KẾT

Cuốn băng cuối cùng đã dừng lại. Căn phòng trở nên tĩnh lặng, chỉ còn tiếng tích tắc khe khẽ của chiếc đồng hồ treo tường và những vệt nắng vàng ấm áp nhảy múa trên sàn gỗ. River, cậu bé mười tuổi với đôi mắt trong veo, đã ngồi im lặng từ lúc nào, trở lại là một đứa trẻ bình thường sau khi vừa mang trên vai sức nặng của cả một vũ trụ. Câu chuyện ngàn kiếp của cậu đã khép lại.

Trong suốt 2 tuần, công việc của tôi chỉ đơn giản là lắng nghe và ghi chép. Tôi đã đi cùng River qua những triều đại huy hoàng, những nền văn minh đã mất, từ một vị tướng quân tiền sử, một hoàng tử biển xanh, một nữ nghệ nhân trên sao Hỏa, cho đến một nhà ngoại giao đầy dấn vật của thời hiện đại. Ban đầu, tôi chỉ nghĩ mình đang ghi lại những câu chuyện kỳ lạ, những mảnh ký ức rời rạc. Nhưng giờ đây, khi nhìn lại toàn bộ, tôi nhận ra đó không phải là những câu chuyện riêng lẻ, mà là những mảnh ghép của một bức tranh khổng lồ, được sắp đặt một cách vô cùng tinh vi.

Khi nghe River kể về kiếp sống đầu tiên của Arion từ một trăm triệu năm trước, tôi đã nghĩ đó chỉ đơn thuần là một bi kịch cá nhân. Nhưng khi nghe đến chương cuối cùng, tôi chợt nhận ra, đó còn là một bài học xương máu

trong buổi diễn tập đầu tiên của vũ trụ. Hóa ra, không có gì là ngẫu nhiên. Sai lầm của một vị tướng từ thời tiền sử xa xôi lại chính là viên gạch nền móng đầu tiên cho sự kiên định của một cậu bé mười tuổi ngày hôm nay, đảm bảo rằng trong màn diễn cuối cùng và quan trọng nhất này, cậu sẽ không bước sai đường.

Tôi nhớ lại đoạn River kể về việc các vị Thần ở những tầng trời rất cao, những sinh mệnh huy hoàng mà chúng ta không thể tưởng tượng nổi, lại đang khẩn thiết cầu xin được đầu thai xuống cõi người, thậm chí chấp nhận làm một ngọn cỏ, một con vật chỉ để được ở gần với trường năng lượng của Đại Pháp. Nghe đến đây, trong lòng tôi bất giác vang lên một câu nói cổ xưa trong kinh sách mà tôi đã từng đọc: *"Nhân thân nan đắc, Trung Thổ nan sinh, Chính Pháp nan văn, Minh sư nan ngộ."* (Khó mà đắc được thân người, khó mà được sinh ở Trung Quốc, khó mà đắc được Chính Pháp, khó mà gặp được minh Sư).

Trước đây, tôi chỉ hiểu câu nói này trên bề mặt con chữ. Nhưng qua lời kể của River, tôi mới thực sự cảm nhận được sức nặng của từng từ một. Mỗi một điều "khó" ấy, lại chính là một cơ duyên vĩ đại mà vô lượng các vị Thần trong vũ trụ đang tha thiết cầu xin mà không được. Điều đó khiến tôi không khỏi suy ngẫm, liệu chúng ta, những người đang sống trong thời đại này, đã thực sự hiểu hết sự trân quý của những gì mình đang có hay chưa?

Vai trò người ghi chép của tôi đến đây là kết thúc, những câu chuyện của River đã được lưu lại, nhưng câu chuyện về sự lựa chọn của mỗi sinh mệnh trong kỷ nguyên này thì còn tiếp tục những trang cuối cùng... Và tôi hy vọng mỗi người chúng ta đều có sự lựa chọn đúng.

Câu Chúa phù hộ các bạn!

Casey Vale



* * *

VỀ TÁC GIẢ & DỰ ÁN THE EPOCH MEDIA

VỀ TÁC GIẢ

Casey Vale là một tác giả độc lập, nhà báo điều tra và người kể chuyện tâm linh. Cô theo đuổi các chủ đề về chân lý, lương tri và vận mệnh nhân loại.

Các tác phẩm của cô thường khởi nguồn từ những cuộc phỏng vấn có thật, được ghi chép lại một cách trung thực, giàu cảm xúc và mang tính khai sáng.

VỀ DỰ ÁN

Cuốn sách này là một phần trong loạt tác phẩm được xuất bản bởi **THE EPOCH MEDIA** – một sáng kiến xuất bản độc lập mang tầm nhìn toàn cầu, với sứ mệnh lưu giữ và lan toả những **tiếng vọng vượt thời gian**.

Không chạy theo dòng tin tức hằng ngày, chúng tôi hướng đến những cuốn sách có khả năng chạm sâu vào tâm thức con người.

LIÊN HỆ

- ✧ Website: www.theepochmedia.com
- ✧ Email: editor@theepochmedia.com
- ✧ QR Code:



CÁC TÁC PHẨM KHÁC CÙNG DỰ ÁN

Bạn có thể tìm đọc thêm các ấn phẩm khác của THE EPOCH MEDIA:

- *Hồng Trần, Kim Quang* (Red Dust, Golden Light)
- *Hậu Chính Trường: Di Sản* (After Power: The Legacy)
- *Hoàng Hôn và Bình Minh của Khoa Học* (Sunset and Sunrise of Science)
- *Bức Màn Đỏ* (The Red Veil)

- *Tiếng Vọng Trước Thời Gian* (Echoes Before Time)
 - *Nhập Thế Gian* (Entering The World)
 - *Hồi Chuông Cuối Cùng* (The Last Bells)
 - *Trước Chúng Ta* (Before Us)
 - *Ngàn Kiếp Đã Qua* (Thousand Lives) → chính là cuốn sách này
-

**Xin chân thành cảm ơn bạn đã dành thời gian
đọc cuốn sách này!**

**Cầu Chúa, cầu Phật ban phước lành cho bạn trên
hành trình khám phá chân lý.**